PHẦN MỘT
LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

Chương I
CÁC CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN (GIỮA THẾ KỈ XVI- CUỐI THẾ KỈ XVIII)

Bài 1
CÁCH MẠNG HÀ LAN GIỮA THẾ KỈ XVI

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Những sự kiện nào chứng tỏ kinh tế Hà Lan phát triển?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Sản xuất trong các công trường thủ công phát triển (các ngành nấu đường, xà phòng, ngành dệt,...).

- Nhiều thành thị xuất hiện và trở thành trung tâm sản xuất, thương mại lớn như Ly-đen, U-trếch, Am-xtéc-đam...

- Nhiều ngân hàng được thành lập và đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế đất nước.

Câu 2 : Những nguyên nhân nào dẫn tới cuộc đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan chống chính quyền Tây Ban Nha?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Nhân dân Nê-đéc-lan bị bóc lột nặng nề, mức thuế rất cao chiếm đến 2/5 ngân sách chung.

- Vua Tây Ban Nha đàn áp khốc liệt những ai chống lại đạo Thiên Chúa.

- Hàng hoá nước ngoài nhập vào Nê-đéc-lan bị đóng thuế cao.

- Thương nhân Hà Lan bị hạn chế buôn bán với các thuộc địa của Tây Ban Nha.

Câu 3 : Những sự kiện thể hiện thái độ của nhân dân lao động, quý tộc, tư sản Hà Lan trong cuộc đấu tranh chống chính quyền Tây Ban Nha để giải phóng đất nước.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Thái độ của quần chúng :*

+ Tháng 8 – 1566, cuộc đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan chống Tây Ban Nha trở thành một làn sóng mạnh mẽ. Họ phá nhà thờ Thiên Chúa, lùng bắt giám mục.

+ Tháng 10 – 1566, phong trào lan rộng ra 12 tỉnh, buộc chính quyền Tây Ban Nha phải nhượng bộ.

- *Thái độ của quý tộc và tư sản :*

+ Ủng hộ phong trào đấu tranh của quần chúng để chống lại chính quyền Tây Ban Nha.

+ Gia nhập vào hàng ngũ quân khởi nghĩa của quần chúng chống lại Tây Ban Nha và giành quyền lãnh đạo phong trào đấu tranh nhưng lại dễ thoả hiệp với kẻ thù.

Câu 4 : Trình bày những nét chính về diễn biến của Cách mạng Hà Lan qua các giai đoạn.

** Hướng dẫn trả lời :*

Giai đoạn	Niên đại	Sự kiện chủ yếu
Giai đoạn I 1566-1572	Tháng 8 – 1566	- Nhân dân tấn công, đập phá nhà thờ Thiên Chúa Giáo.
	Tháng 10 – 1566	- Phong trào lan rộng ra 12 tỉnh, chính quyền Tây Ban Nha phải nhượng bộ.
	Tháng 6 – 1567	- Chính quyền Tây Ban Nha phái 18000 quân sang chiếm đóng toàn bộ lãnh thổ Nê-đéc-lan.
	Tháng 4 – 1572	- Quân khởi nghĩa giải phóng nhiều vùng rộng lớn.
	4 – 11 – 1576	- Quân đội Tây Ban Nha tấn công giết chết 8000 người, phá hủy một trung tâm thương mại.
Giai đoạn II 1572-1648	4 – 11 – 1576	- Hội nghị U-trếch gồm đại biểu các tỉnh miền Bắc họp tuyên bố thành lập "Các tỉnh Liên Hiệp"
	Năm 1648	- Tây Ban Nha chính thức công nhận nền độc lập của "các tỉnh Liên Hiệp".

Câu 5: Nêu kết quả và hạn chế của Cách mạng Hà Lan.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Kết quả :

+ Chế độ thống trị của Tây Ban Nha bị lật đổ, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

+ Chỉ thay thế sự thống trị của Tây Ban Nha bằng sự áp bức bóc lột của tư sản, quý tộc trong nước.

- Hạn chế :

+ Chưa giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức bóc lột.

+ Chưa giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Câu 6: Vì sao cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Nê-đéc-lan được xem là cuộc cách mạng tư sản ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Sau khi cách mạng thắng lợi, chủ nghĩa tư bản đã được thiết lập và phát triển ở Hà Lan; các ngành sản xuất dệt len, nhuộm, thủy tinh và chế tạo kính quang học được đẩy mạnh; thương nghiệp phát triển; thành thị sầm uất trở thành trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của đất nước (tiêu biểu là Thành phố Am-xtéc-đam) ; các công ti thương mại của Hà Lan (Công ti phương Đông, Công ti Đông Ấn,...) không chỉ mở rộng việc buôn bán với nhiều nước trên thế giới mà còn tiến hành xâm chiếm thuộc địa.

- Đây là cuộc cách mạng tư sản nổ ra sớm nhất, thúc đẩy sự bùng nổ nhiều cuộc cách mạng tư sản tiếp theo. Các cuộc cách mạng tư sản sau này diễn ra dưới ánh sáng tư tưởng của cách mạng Hà Lan.

- Sau thắng lợi của cách mạng, Nhà nước tư sản đầu tiên trên thế giới được thiết lập, mở ra thời đại mới trong lịch sử nhân loại - thời lịch sử cận đại, thời đại thắng lợi và xác lập phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trên phạm vi thế giới.

II. CÂU HỎI, BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Hãy nêu đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội Nê-đéc-lan trước cách mạng.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Đầu thế kỉ XVI, Nê-đéc-lan là một trong những vùng kinh tế phát triển nhất châu Âu :

Nhiều thành phố, hải cảng xuất hiện và trở thành trung tâm thương mại nổi tiếng như U-trếch, Am-xtéc-đam.

Nhiều ngân hàng được thành lập và đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế.

- Cùng với sự phát triển công thương nghiệp, giai cấp tư sản Nê-đéc-lan sớm hình thành, ngày càng có thế lực về kinh tế.

- Tư tưởng Tôn giáo của Can-vanh phát triển.

- Vương quốc Tây Ban Nha tăng cường kiểm soát và vơ vét của cải của nhân dân Nê-đéc-lan, đồng thời đàn áp những người theo Thiên Chúa giáo.

Câu 2 : Tại sao nói : Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Hà Lan trước cách mạng chuẩn bị điều kiện cho cách mạng bùng nổ ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Sự phát triển kinh tế ở Hà Lan đã tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa (TBCN) hình thành, phát triển : dẫn đến mâu thuẫn gay gắt giữa lực lượng sản xuất tiên tiến TBCN và quan hệ sản xuất phong kiến.

- Trong xã hội xuất hiện giai cấp mới gắn liền với lực lượng sản xuất TBCN là giai cấp tư sản, đây là giai cấp trực tiếp lãnh đạo cách mạng.

- Chính sách thống trị hà khắc, sự bóc lột vật chất và tinh thần tàn bạo của đế quốc Tây Ban Nha dẫn đến mâu thuẫn gay gắt không thể điều hòa nổi giữa toàn thể dân tộc Nê-đéc-lan với đế quốc Tây Ban Nha.

- Tất cả tình hình nêu trên đã dẫn đến cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mang tính chất tư sản ở Nê-đéc-lan chống lại ách thống trị của đế quốc Tây Ban Nha.

Câu 3 : Thái độ của quần chúng nhân dân và tư sản, quý tộc Nê-đéc-lan trong cuộc cách mạng đã nói lên điều gì ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Quần chúng nhân dân là lực lượng kiên quyết đấu tranh, họ đóng vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển của cách mạng, quần chúng nhân dân là động lực quan trọng góp phần tạo nên thắng lợi của cách mạng.

- Giai cấp tư sản, quý tộc Nê-đéc-lan là người tổ chức lãnh đạo nhân dân đấu tranh song lại lo sợ phong trào cách mạng của quần chúng, họ dao động, dễ thỏa hiệp với kẻ thù.

Câu 4 : Nêu tính chất và ý nghĩa của cách mạng tư sản Hà Lan.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Tính chất :* Cách mạng tư sản Hà Lan vừa là một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, vừa là cuộc cách mạng tư sản, bởi vì nó vừa chống bọn xâm lược Tây Ban Nha vừa mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Động lực của cách mạng là đông đảo quần chúng nhân dân (nông dân, thợ thủ công, dân nghèo thành thị). Lãnh đạo cách mạng là giai cấp tư sản. Kết quả của cách mạng : đánh đổ ách thống trị của Tây Ban Nha, giành độc lập dân tộc, lập nên Nhà nước cộng hòa.

- *Ý nghĩa :*

+ Đây là cuộc cách mạng tư sản đầu tiên trên thế giới, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

+ Mở ra một thời đại mới – thời đại của các cuộc cách mạng tư sản và bước đầu suy vong của chế độ phong kiến.

Bài 2

CÁCH MẠNG TƯ SẢN ANH GIỮA THẾ KỈ XVII

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Quan hệ tư bản chủ nghĩa xâm nhập vào nông thôn Anh như thế nào ? Và kết quả ra sao ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Quan hệ kinh tế tiền tệ đã xâm nhập vào nông thôn Anh, đã làm thay đổi cơ cấu kinh tế và phương thức kinh doanh : Lãnh chúa phong kiến và một bộ phận nông dân chuyển sang nuôi cừu, bán lông cừu. Một số địa chủ đuổi tá điền chiếm ruộng đất biến thành một vùng rộng lớn, áp dụng phương thức canh tác mới, hoặc trồng cỏ nuôi cừu.

- Nông dân bị đuổi khỏi đồng ruộng, đi làm thuê cho địa chủ quý tộc, được trả tiền công. Họ sản xuất nguyên liệu và thực phẩm để cung cấp cho thị trường Anh và các thuộc địa của Anh.

- Nhiều công trường chuyên sản xuất len xuất hiện, nhiều ngành công nghiệp khác cũng lớn mạnh.

- *Kết quả :* Mầm mống quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã thâm nhập vào nông thôn ở Anh, chuẩn bị cho cuộc cách mạng tư sản bùng nổ.

Câu 2 : Tình hình xã hội nước Anh trước cách mạng có những nét nổi bật nào?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Nông dân bị mất ruộng đất phải bán sức lao động cho tư bản.

- Một số địa chủ trở thành quý tộc mới.

- Mâu thuẫn xã hội gay gắt, dẫn tới cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến, tạo điều kiện cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.

Câu 3 : Cuộc cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII diễn ra như thế nào trong những năm 1642 – 1648 ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Năm 1640, Vua Sác-lơ I triệu tập Quốc hội, mầm mống cuộc nội chiến xuất hiện.

- Tháng 1 – 1642, Sác-lơ I chạy lên miền Bắc chuẩn bị lực lượng.

- Ngày 22 – 8 – 1642, Sác-lơ I tuyên chiến với quốc hội - nội chiến bắt đầu.

- Ngày 14 – 6 – 1645, quân đội nhà vua thất bại, Sác-lơ I bị bắt.

- Mùa xuân 1648, Sác-lơ I tiếp tục chiến tranh chống Quốc hội nhưng bị thất bại – nội chiến kết thúc.

Câu 4: Tìm hiểu vài nét về Ô-li-vơ Crôm-oen.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Ô-li-vơ Crôm-oen (1599 – 1658) là một trong những lãnh tụ xuất sắc của phái độc lập, tiêu biểu cho tầng lớp quý tộc mới loại vừa.

- Trong giai đoạn thứ nhất của cách mạng (1642 – 1648), ông được nhân dân ủng hộ đã tiến hành cải cách, tổ chức lại quân đội bao gồm chủ yếu là nông dân có tính kỷ luật và tinh thần chiến đấu cao, được gọi là "Đội quân sườn sắt", gồm 22.000 người.

- Năm 1653, quân đội mới và giai cấp tư sản đưa Ô-li-vơ Crôm-oen lên làm Bảo hộ công. Chế độ độc tài quân sự được thiết lập.

- Ngày 3 – 9 – 1658, Ô-li-vơ Crôm-oen qua đời.

Câu 5 : Trình bày diễn biến chính và kết quả của cuộc Cách mạng tư sản Anh từ năm 1649 đến những năm 1688 – 1689.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Ngày 30 – 1 – 1649, theo nguyện vọng của nhân dân, Sác-lơ I bị xử tử ; nước Anh trở thành nước cộng hòa. Cách mạng đạt đến đỉnh cao.

- Năm 1653, Crôm-oen trở thành Bảo hộ công; chế độ độc tài quân sự được thiết lập.

- Ngày 03 – 9 – 1658, Crôm-oen qua đời, nước Anh rơi vào tình trạng không ổn định về chính trị. Quý tộc mới và tư sản thoả hiệp với lực lượng phong kiến cũ, lập chế độ quân chủ.

- Năm 1660, con Sác-lơ I là Sác-lơ II lên ngôi vua. Triều đại Xtiu-ớt được phục hồi.

- Tháng 12 – 1688, Quốc hội dùng áp lực phế truất ngôi Sác-lơ II.

- Đầu năm 1689, tư sản và quý tộc mới đưa V. Ô-ran-giơ III lên ngôi vua, chế độ quân chủ lập hiến được xác lập.

Câu 6 : Hãy nêu tính chất và ý nghĩa của cuộc cách mạng tư sản Anh. Vì sao cuộc cách mạng tư sản Anh là cuộc cách mạng tư sản không triệt để ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Tính chất :*

+ Cách mạng do quý tộc mới và tư sản lãnh đạo.

+ Quần chúng nhân dân giữ vai trò quyết định thắng lợi cho cách mạng.

+ Quý tộc mới và tư sản nắm chính quyền, không đáp ứng yêu cầu của nhân dân.

+ Sự nhượng bộ của quý tộc mới và tư sản đã dẫn đến thành lập chế độ quân chủ lập hiến.

- *Ý nghĩa :*

+ Lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho chủ nghĩa tư bản ở Anh phát triển.

+ Mở ra thời kì quá độ từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản.

- *Vì sao :*

+ Cách mạng tư sản Anh là một cuộc cách mạng tư sản nhằm vào mục tiêu đấu tranh chống chế độ phong kiến. Đây là mục tiêu phù hợp với yêu cầu của cách mạng.

+ Đến năm 1949, cách mạng đã xử tử vua Sác-lơ I, thiết lập chế độ cộng hoà. Cách mạng đạt đến đỉnh cao.

+ Nhưng sau đó, quý tộc mới và tư sản lại nhượng bộ cho phong kiến để rồi thiết lập ở Anh chế độ quân chủ lập hiến (vừa có vua, vừa có tư sản), nghĩa là cách mạng chưa hoàn thành nhiệm vụ của mình, nên nó là cuộc cách mạng tư sản không triệt để.

Câu 7 : Nêu những tiền đề của cuộc Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII.

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Tiền đề kinh tế :* Từ giữa thế kỉ XVI, quan hệ tiền tệ đã thâm nhập vào nông thôn Anh làm thay đổi cơ cấu kinh tế và phương thức kinh doanh :

+ Lãnh chúa phong kiến và một bộ phận nông dân chuyển sang nuôi cừu, bán lông cừu.

+ Nhiều công trường sản xuất len dạ xuất hiện.

+ Nhiều ngành công nghiệp lớn mạnh.

+ Nhiều ngân hàng ra đời.

+ Việc buôn bán phát đạt và do thương nhân nắm giữ.

- *Tiền đề xã hội :*

+ Nông dân bị mất ruộng đất phải bán sức lao động cho tư bản.

+ Một số địa chủ trở thành quý tộc mới.

+ Mâu thuẫn xã hội gay gắt, dẫn tới cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến, tạo điều kiện cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.

- Những tiền đề về kinh tế và xã hội đã dẫn đến bùng nổ cuộc Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII.

Câu 8 : Lập niên biểu các sự kiện chính của Cách mạng tư sản Anh.

** Hướng dẫn trả lời :*

Giai đoạn	Niên đại	Sự kiện chủ yếu
Giai đoạn I 1642 – 1648	- Năm 1640	- Vua Sác-lơ I triệu tập Quốc hội, mầm mống cuộc nội chiến xuất hiện.
	- Tháng 1 – 1642	- Sác-lơ I chạy lên miền Bắc chuẩn bị lực lượng.
	- 22 – 8 – 1642	- Sác-lơ I tuyên chiến với Quốc hội – nội chiến bắt đầu.
	- 14 – 6 – 1645	- Quân đội nhà vua thất bại, Sác-lơ I bị bắt.
	- Mùa xuân 1648	- Sác-lơ I tiếp tục chiến tranh chống Quốc hội nhưng bị thất bại - nội chiến kết thúc.
Giai đoạn 1649 –1688	- 30 – 1 – 1649	- Sác-lơ I bị xử tử ; nước Anh trở thành nước cộng hòa.
	- Năm 1653	- Ô.Crôm-oen trở thành Bảo hộ công ; chế độ độc tài quân sự được thiết lập.
	- 03 – 9 – 1658	- Ô.Crôm-oen qua đời, nước Anh khủng hoảng chính trị.
	- Năm 1660	- Con Sác-lơ I là Sác-lơ II lên ngôi vua.
	- Tháng 12 – 1688	- Quốc hội dùng áp lực phế truất ngôi Sác-lơ II.
	- Đầu năm 1689	- Tư sản và quý tộc mới đưa V.Ô-ran-giơ III lên ngôi vua, chế độ quân chủ lập hiến được xác lập.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Trình bày những nét chính về nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của cách mạng tư sản Anh.

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Nguyên nhân :*

+ Đầu thế kỉ XVII, Anh là nước có nền kinh tế phát triển mạnh nhất châu Âu nhờ sự phát triển mạnh mẽ của ngoại thương, chủ yếu là bán len dạ và buôn nô lệ da đen.

+ Địa chủ quý tộc, chuyển hướng kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa ; dần dần tư sản hoá và trở thành tầng lớp quý tộc mới.

+ Sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản vào trong nông nghiệp diễn ra mạnh mẽ.

+ Mâu thuẫn giữa tư sản và quý tộc mới với các thế lực phong kiến phản động trở nên gay gắt.

+ Sác-lơ I cai trị độc đoán, đặt ra nhiều thứ thuế mới.

- Diễn biến :

+ Tháng 8 – 1642, Sác-lơ I tuyên chiến với Quốc hội, nội chiến bùng nổ.

+ Ngày 30 – 1 – 1649, Sác-lơ I bị xử tử, nền Cộng hoà Anh được thiết lập, cách mạng đạt đến đỉnh cao.

+ Năm 1653, nền độc tài được thiết lập do Crôm-oen đứng đầu.

+ Tháng 12 năm 1688, Quốc hội tiến hành chính biến, sau đó chế độ quân chủ lập hiến được xác lập.

- Kết quả, ý nghĩa :

+ Lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho chủ nghĩa tư bản ở Anh phát triển.

+ Mở ra thời kì quá độ từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản.

Câu 2 : So sánh cách mạng tư sản Hà Lan và cách mạng tư sản Anh.

** Hướng dẫn trả lời :*

	Cách mạng tư sản Hà Lan	Cách mạng tư sản Anh
Giống nhau	- Có mục tiêu tấn công là Giáo hội Ki-tô. - Chịu ảnh hưởng của tôn giáo. - Mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển. - Đều là cuộc cách mạng tư sản chưa triệt để. - Động lực chủ yếu là quần chúng nhân dân. - Chưa giải quyết được ruộng đất cho nông dân, không giải phóng hoàn toàn người lao động.	
Khác nhau	- Đấu tranh giải phóng dân tộc. - Thiết lập nền cộng hoà. - Tiêu diệt chế độ phong kiến Tây Ban Nha, mở đầu thời đại tư bản chủ nghĩa.	- Nội chiến chống phong kiến. - Thiết lập nền quân chủ lập hiến. - Chưa tiêu diệt tận gốc chế độ phong kiến.

Câu 3 : Lập bảng thống kê về nguyên nhân, vai trò lãnh đạo, động lực, mục tiêu, kết quả, tính chất và ý nghĩa của cuộc cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII.

** Hướng dẫn trả lời :*

Tiểu mục	Nội dung
Nguyên nhân	- Đầu thế kỉ XVII, Anh là nước có nền kinh tế phát triển mạnh nhất châu Âu nhờ sự phát triển mạnh mẽ của ngoại thương, chủ yếu là bán len dạ và buôn nô lệ da đen. - Địa chủ quý tộc, chuyển hướng kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa ; dần dần tư sản hoá và trở thành tầng lớp quý tộc mới. - Sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản vào trong nông nghiệp diễn ra mạnh mẽ. - Mâu thuẫn giữa tư sản và quý tộc mới với các thế lực phong kiến phản động trở nên gay gắt. - Sác-lơ I cai trị độc đoán, đặt ra nhiều thứ thuế mới.
Vai trò lãnh đạo	Quý tộc mới và tư sản.
Động lực	Chủ yếu là nông dân, thợ thủ công, tư sản nhỏ.
Mục tiêu	Lật đổ chế độ phong kiến, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
Kết quả	Xác lập chế độ quân chủ lập hiến, hạn chế vương quyền, quý tộc mới và tư sản có nhiều quyền lợi về kinh tế và chính trị. Nhân dân lao động không được hưởng quyền lợi gì.
Tính chất, ý nghĩa	Là cuộc cách mạng tư sản không triệt để nhưng có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của lịch sử loài người trong giai đoạn chuyển từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản chủ nghĩa.

Câu 4 : Hãy nêu vai trò của Crôm-oen trong tiến trình Cách mạng tư sản Anh.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Trong giai đoạn 1642 – 1649: Crôm-oen biết dựa vào nhân dân để thực hiện các nhiệm vụ cách mạng :

+ Lập quân đội có tính kỉ luật và tinh thần chiến đấu cao, được gọi là “Đội quân sườn sắt”.

+ Quân đội của Crôm-oen đóng vai trò quyết định trong việc chiến đấu và chiến thắng quân của nhà vua Sác-lơ I, dẫn đến kết thúc cuộc nội chiến, đưa nước Anh đến đỉnh cao của cách mạng, đó là thiết lập nền Cộng hoà tư sản.

- Trong giai đoạn 1649 – 1658 : Crôm-oen là người bảo vệ quyền lợi cho giai cấp tư sản, địa chủ, dùng chế độ thống trị quân sự và quyền độc tài quân sự để phục vụ cho tầng lớp trên, giàu có và dùng chiến tranh để mở đường cho việc xây dựng một đạo quân thuộc địa hùng hậu của nước Anh sau này.

Bài 3

CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP Ở BẮC MĨ NỬA SAU THẾ KỈ XVIII

I. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Hãy nêu chính sách của Anh đối với các thuộc địa ở Bắc Mĩ và kết quả của nó.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ đều đặt dưới quyền của vua Anh. Các thuộc địa này là nguồn cung cấp nguyên liệu và là thị trường tiêu thụ hàng hóa của chính quốc ; đồng thời phải tuân thủ các đạo luật khắt khe do Anh đề ra như: Luật Hàng hải (1561), Luật Đường (1764), Luật Tem (1764), Luật Chè (1770).

- Kết quả của cuộc khai thác thuộc địa của Anh là một cản trở lớn đối với sự phát triển xã hội Bắc Mĩ, tuy nhiên nền kinh tế ở hai miền Bắc, Nam vẫn phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa (miền Bắc xây dựng các công trường thủ công, miền Nam phát triển kinh tế đồn điền). Nhiều trung tâm kinh tế hình thành.

- Sự thống trị hà khắc của thực dân Anh, mâu thuẫn giữa chế độ thuộc địa và sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Bắc Mĩ dẫn tới mâu thuẫn giữa nhân dân thuộc địa Bắc Mĩ với thực dân Anh, làm bùng nổ nhiều cuộc đấu tranh.

Câu 2 : Từ sau sự kiện "chè Bô-xtơn", cuộc chiến tranh giành độc lập đã diễn ra như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cuối năm 1773, nhân dân cảng Bô-xtơn tấn công ba tàu chở chè của Anh và ném các thùng chè xuống biển để phản đối chế độ thuế của Anh đối với các thuộc địa Bắc Mĩ. Thực dân Anh ra lệnh đóng cảng Bô-xtơn, làm ngưng trệ các hoạt động thương mại, nạn thất nghiệp lan tràn. Tháng 4 – 1774, Anh ban bố 5 đạo luật đàn áp, gây nên phong trào đấu tranh chống Anh mạnh mẽ.

- Từ 5 – 9 đến 26 – 10 – 1774, tại Phi-la-đen-phi-a đã diễn ra Đại hội lục địa lần thứ nhất, các đại biểu nhất trí yêu cầu vua Anh bãi bỏ chính sách hạn chế công thương nghiệp ở Bắc Mĩ. Vua Anh không chấp nhận mà còn chuẩn bị trừng phạt.

- Tháng 4 – 1775, chiến tranh giữa thuộc địa và chính quốc đã nổ ra, lúc đầu quân khởi nghĩa chịu nhiều thất bại vì lực lượng non yếu, thiếu sự tổ chức chặt chẽ.

- Tháng 5 – 1775, Đại hội lục địa lần thứ hai họp tuyên bố cắt đứt quan hệ với Anh, củng cố lực lượng vũ trang, thành lập "Quân đội thuộc địa", đặt dưới sự chỉ huy của Oa-sinh-tơn. Đến đầu năm 1776, quân khởi nghĩa chiếm được Bô-xtơn.

Câu 3 : Trình bày ý nghĩa lịch sử và hạn chế của Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Mĩ.

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Ý nghĩa :*
  - + Quyền con người và quyền công dân được chính thức công bố trước toàn thể nhân loại.
  - + Nguyên tắc về chủ quyền của nhân dân được đề cao.
- *Hạn chế :*
  - + Không xóa bỏ chế độ nô lệ.
  - + Công nhân và nhân dân lao động vẫn bị bóc lột.

Câu 4 : Nêu nội dung cơ bản của Hiến pháp 1787.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Hiến pháp nêu rõ nước Mĩ là nước Cộng hòa liên bang.

- Thực hiện nguyên tắc phân quyền : Tổng thống nắm quyền hành pháp, Quốc hội nắm quyền lập pháp, Tòa án tối cao nắm quyền tư pháp.

- Tổng thống có nhiệm kì 4 năm, chỉ được tái cử 1 nhiệm kì : Tổng thống là Tổng Tư lệnh quân đội.

- Những người có tài sản, có học vấn mới được bầu cử, phụ nữ không có quyền bầu cử, nô lệ và người In-đi-an không có quyền công dân.

- Chế độ nô lệ vẫn được duy trì.

Câu 5 : Hãy nêu kết quả và ý nghĩa cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ.

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Kết quả :*
  - + Tháng 9 – 1783, hòa ước được kí kết tại Véc-xai (Pháp). Anh công nhận nền độc lập của 13 thuộc địa ở Bắc Mĩ.
  - + Năm 1787, Hiến pháp nước Mĩ được thông qua, củng cố vị trí của Nhà nước mới.
  - + Năm 1789, Oa-sinh-tơn được bầu làm Tổng thống đầu tiên của nước Mĩ.
- *Ý nghĩa :*
  - + Giải phóng Bắc Mĩ khỏi sự thống trị của thực dân Anh.
  - + Mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Mĩ phát triển
  - + Góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng chống phong kiến ở châu Âu và phong trào đấu tranh giành độc lập ở Mĩ La-tinh cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX.

Câu 6 : Những nguyên nhân nào dẫn đến thắng lợi cuộc Chiến tranh giành độc lập của nhân dân các nước thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nhờ có sự chỉ huy tài tình của Oa-sinh-tơn.

- Nhờ có sự ủng hộ của nhân dân

- Nhờ biết dựa vào địa thế hiểm trở ở Bắc Mĩ để phát huy lối đánh du kích.

- Nhờ cuộc chiến đấu chính nghĩa được các tầng lớp nhân dân tiến bộ Pháp và nhân dân các nước châu Âu ủng hộ.

Câu 7 : Lập niên biểu về Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ.

** Hướng dẫn trả lời :*

Niên đại	Sự kiện chủ yếu
- Tháng 10 – 1773	- Nhân dân Cảng Bô-xtơn tấn công ba tàu chở chè của Anh.
- Từ 5 – 9 đến 16 – 10 – 1774	- Đại hội lục địa lần 1 tại Phi-la-đen-phi-a.
- Tháng 4 – 1775	- Chiến tranh giữa các thuộc địa và chính quốc nổ ra.
- 10 – 5 – 1775	- Đại hội lục địa lần thứ 2, tuyên bố cắt đứt quan hệ với Anh.
- Đầu năm 1776	- Quân khởi nghĩa chiếm Bô-xtơn
- 4 – 7 – 1776	- Hội nghị lục địa tại Phi-la-đen-phi-a đã thông qua bản Tuyên ngôn Độc lập.

- 17 – 10 – 1777	- Quân khởi nghĩa thắng lớn ở Xa-ra-tô-ga.
- Năm 1781	- Chiến thắng I-oóc-tao, chấm dứt chiến tranh giành độc lập.
- Năm 1783	- Anh ký hiệp ước Véc-xai (Pháp) công nhận nền độc lập của 13 thuộc địa Bắc Mĩ.
- Năm 1787	- Hiến pháp Mĩ thông qua, xác lập thể chế dân chủ của giai cấp tư sản và chủ nô.

Câu 8 : Vì sao nói: "Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ thực chất là một cuộc cách mạng tư sản" ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Mục tiêu của cuộc cách mạng ở xã hội Bắc Mĩ là giải quyết mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất phong kiến với lực lượng sản xuất mới TBCN, mở đường cho nền kinh tế TBCN phát triển.

- Nhưng muốn hoàn thành mục tiêu trên thì việc đầu tiên là đấu tranh xóa bỏ nền thống trị phi lí của Anh, giành độc lập dân tộc ở Bắc Mĩ.

- Lực lượng lãnh đạo là giai cấp tư sản.

- Động lực của cách mạng : Nhân dân lao động (nô lệ, công nhân, nông dân,...).

- Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Bắc Mĩ mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển tại đây.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Nước Mĩ được thành lập trong hoàn cảnh nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Tháng 5 – 1775, Đại hội lục địa lần thứ hai được triệu tập, quyết định thành lập "Quân đội thuộc địa" và bổ nhiệm Oa-Sinh-tơn là Tổng chỉ huy, đồng thời kêu gọi nhân dân tự nguyện đóng góp xây dựng quân đội. Cuộc đấu tranh giành độc lập không ngừng phát triển. Các thuộc địa lần lượt tuyên bố tách khỏi nước Anh.

- Ngày 4 – 7 – 1776, Đại hội thông qua bản Tuyên ngôn Độc lập chính thức tuyên bố 13 thuộc địa thoát ly khỏi chính quốc, thành lập một quốc gia độc lập - Hợp chúng quốc Hoa Kì.

Câu 2 : Hậu quả của chính sách thống trị của Anh ở Bắc Mĩ ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Sự thống trị về chính trị của Anh ở Bắc Mĩ (Tổ chức cai trị, pháp luật hà khắc) đã cản trở sự phát triển sản xuất tư bản chủ nghĩa.

- Sự mất cân đối trong quá trình phát triển kinh tế giữa miền Bắc và miền Nam. Bắc Mĩ (miền Bắc hoàn thành và phát triển nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ; miền Nam lập kinh tế đồn điền và sử dụng lao động nô lệ làm thuê).

- Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa với quan hệ sản xuất phong kiến lạc hậu.

- Mâu thuẫn giữa chế độ thuộc địa và sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa, mâu thuẫn giữa nhân dân thuộc địa Bắc Mĩ với chủ nghĩa thực dân Anh.

Câu 3 : Vai trò của G.Oa-sinh-tơn trong Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- G. Oa-sinh-tơn (1722 – 1799) là chủ đồn điền ở Viếc-gi-ni-a; ông là đại biểu của giai cấp tư sản và địa chủ có quyền lợi mâu thuẫn với thực dân Anh.

- Trước chiến tranh, ông từng là sĩ quan quân đội, thành viên Hội đồng dân biểu Viếc-gi-ni-a, là người tích cực chống chính sách của thực dân Anh.

- Ngày 16 – 5 – 1777, Đại hội lục địa lần thứ hai, G. Oa-sinh-tơn được bầu làm tổng chỉ huy các lực lượng vũ trang của nghĩa quân.

- Ông là người trực tiếp chỉ huy những trận đánh lớn (đặc biệt giai đoạn thứ 2 của chiến tranh) đánh bại quân đội thực dân Anh.

- Năm 1789, G. Oa-sinh-tơn được bầu làm Tổng thống đầu tiên của Hợp chúng quốc Hoa Kì.

Câu 4 : Trình bày nội dung Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Mĩ.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Tố cáo chế độ áp bức thuộc địa của thực dân Anh, tuyên bố các thuộc địa liên hiệp với nhau, tách khỏi nước Anh để thành lập một quốc gia độc lập.

- Khẳng định mọi người có quyền sống, quyền bình đẳng, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.

- Xác định quyền công dân trong việc thiết lập bộ máy nhà nước.

- Khẳng định quyền lực của giai cấp tư sản và của người da trắng, không xoá bỏ chế độ nô lệ, duy trì việc bóc lột công nhân làm thuê.

Câu 5 : Hãy phân tích những điểm giống và khác nhau giữa cách mạng tư sản Anh và Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ.

- Giống nhau :

+ Đều là cuộc cách mạng tư sản chưa triệt để.

+ Động lực chủ yếu của cách mạng là quần chúng.

+ Thắng lợi của cách mạng đã mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Âu – Mĩ.

+ Có ảnh hưởng sâu rộng và có ý nghĩa quốc tế lớn lao.

+ Chưa giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

- Khác nhau :

	CMTS Anh	CTGĐL ở Bắc Mĩ
Giai cấp lãnh đạo	Tư sản và quý tộc mới.	Tư sản và chủ nô.
Hình thức	Nội chiến.	Chiến tranh giải phóng dân tộc.
Nhiệm vụ	Lật đổ chế độ phong kiến.	Lật đổ nền thống trị của chính quyền thực dân Anh.
Kết quả	Thiết lập nền quân chủ lập hiến.	Thành lập nước Hoa Kì với nền cộng hoà tư sản.

Bài 4

CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP CUỐI THẾ KỈ XVIII

I. CÂU HỎI CÓ SẴN TRONG SÁCH GIÁO KHOA

Câu 1 : Nông nghiệp, công – thương nghiệp Pháp trước cách mạng có những nét nổi bật gì ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nông nghiệp :

+ Trước cách mạng, Pháp vẫn là một nước nông nghiệp kém phát triển. Công cụ và phương pháp canh tác thô sơ, lạc hậu, năng suất thu hoạch rất thấp.

+ Đời sống nông dân ngày càng khốn quẫn bởi sự bóc lột đến cùng cực của lãnh chúa phong kiến và Giáo hội. Nạn đói thường xuyên xảy ra.

- Công – thương nghiệp :

+ Công nghiệp Pháp thời kì này đã phát triển. Nhiều thành thị như Boóc-đô, Năng-tơ, Ha-vrơ... lớn mạnh nhanh chóng do sản xuất và xuất khẩu tơ lụa, vải, hàng thêu, len... Công nghiệp phát triển mạnh nhất là các nghề dệt vải, tơ lụa, luyện kim, khai mỏ, chế tạo vũ khí.

+ Ngoại thương cũng có những bước tiến mới, các công ti thương mại Pháp buôn bán với nhiều nước ở châu Âu và phương Đông. Song việc giao lưu hàng hoá trong nước cũng như với nước ngoài bị cản trở bởi chế độ phong kiến.

Câu 2 : Lập sơ đồ trình bày về chế độ ba đẳng cấp trong xã hội phong kiến Pháp. Qua sơ đồ giải thích từng đẳng cấp trong xã hội Pháp trước cách mạng.

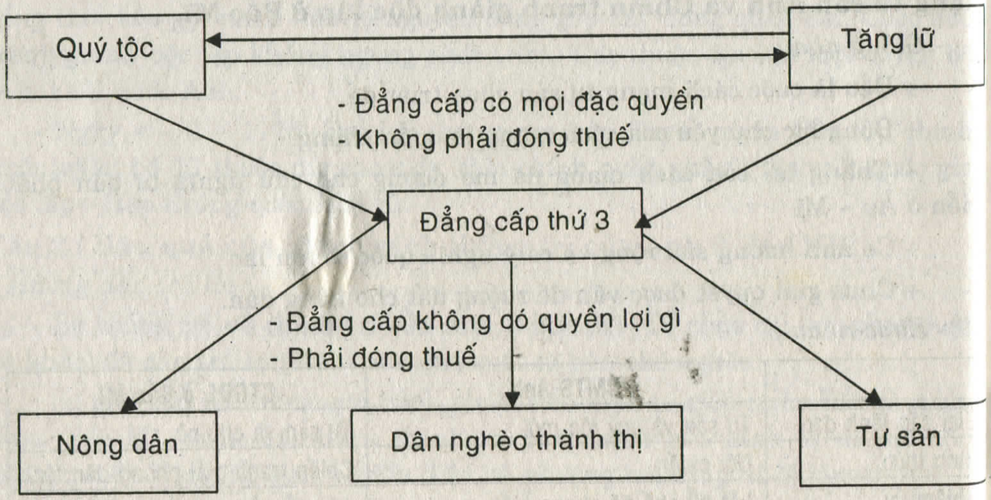

** Giải thích qua sơ đồ :*

- Xã hội Pháp chia thành ba đẳng cấp : Tăng lữ, Quý tộc và Đẳng cấp thứ ba.

- Đẳng cấp tăng lữ và đẳng cấp quý tộc phong kiến là những đẳng cấp có nhiều đặc quyền, đặc lợi. Họ không phải đóng thuế, được hưởng nhiều đặc quyền, nắm giữ các chức vụ trong bộ máy Nhà nước, Quân đội và Giáo hội.

- Đẳng cấp thứ ba bao gồm nhiều giai cấp, tầng lớp trong xã hội (tư sản, nông dân, dân nghèo thành thị, công nhân,...) có những quyền lợi và nguyện vọng không giống nhau :

+ Tư sản : Có thế lực về kinh tế, nhưng không có quyền lợi chính trị, bị nhà vua và lãnh chúa địa phương ngăn cản hoạt động kinh doanh. Trong giai cấp tư sản lại chia nhiều tầng lớp: đại tư sản (chủ ngân hàng, nhà buôn lớn), tư sản lớn vừa (tư sản công thương nghiệp), tư sản nhỏ. Xuất phát từ địa vị, quyền lợi của mình, mỗi tầng lớp tư sản có sự khác nhau về thái độ chính trị và tinh thần đấu tranh chống lại chế độ phong kiến. Nông dân : chiếm trên 90% dân số Pháp, phần lớn là tá điền, nộp 50% hoa lợi thu hoạch, đóng nhiều loại thuế và nhiều nghĩa vụ phong kiến.

+ Dân nghèo thành thị (thợ thủ công, buôn bán nhỏ, dân nghèo,...) sống nghèo khổ tạm bợ, chen chúc nhau ở ngoại ô.

+ Công nhân : Sống trong các thành thị lớn, điều kiện sống và lao động rất khó khăn (lương thấp, cường độ lao động cao, ngày làm việc kéo dài,...).

Câu 3 : Trình bày những quan điểm cơ bản của các nhà tư tưởng tiến bộ Pháp cuối thế kỉ XVIII. Vì sao những quan điểm này đã tích cực chuẩn bị cho cuộc cách mạng sắp tới ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- S. Mông-te-xki-ơ (1689 – 1755): Chủ trương hạn chế quyền của vua, đảm bảo quyền tự do của công nhân, đề ra nguyên tắc phân chia quyền lực của vua, quốc hội và quan tòa trong bộ máy Nhà nước theo ba quyền : hành pháp, lập pháp và tư pháp.

- Ph. Vôn-te (1764 – 1778) : Chủ trương xây dựng chính quyền dân chủ, do một ông vua sáng suốt đứng đầu; bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, nhưng ông lại lên án nhà thờ Cơ Đốc. Ông khẳng định điều kiện tư hữu là điều kiện cần thiết cho xã hội.

- G. Rút-xô (1712 – 1778) : Chủ trương xóa bỏ chế độ quân chủ, phản đối chế độ tư hữu lớn, ông chủ trương duy trì chế độ tư hữu nhỏ.

- J.Mê-li-ê (1664 – 1729) : Lên án chế độ bất công phong kiến, sự dối trá của Giáo hội, kiên quyết đấu tranh xóa bỏ sự bất công, thủ tiêu chế độ tư hữu, coi ruộng đất là tài sản chung của nông dân.

- Nhóm Bách khoa toàn thư : Chủ trương biên soạn và phổ biến rộng rãi kiến thức khoa học cho quần chúng để giác ngộ họ đấu tranh chống chế độ phong kiến.

- Những quan điểm của những nhà tư tưởng Pháp thế kỉ XVIII nêu trên có ý nghĩa tiến bộ, đáp ứng trong mức độ nhất định và được quần chúng tin theo, là một bộ phận của cuộc đấu tranh chống chế độ quân chủ chuyên chế, có tác dụng chuẩn bị dọn đường cho cuộc cách mạng xã hội. Bởi vì :

THƯ VIỆN TỈNH BÌNH THUẬN

+ Nó chỉ ra sự thối nát và bế tắc của xã hội phong kiến đương thời ở Pháp.

+ Cùng với những tiền đề về kinh tế và xã hội, nó có tác dụng thúc đẩy cuộc cách mạng tư sản sớm bùng nổ ở Pháp.

Câu 4 : Sưu tầm tài liệu để viết một bài tường thuật về cuộc tấn công của nhân dân Pa-ri đánh chiếm pháo đài – nhà tù Ba-xti.

** Hướng dẫn trả lời :*

Rạng sáng ngày 13 tháng 7 năm 1789, những tiếng chuông cấp báo đánh thức cả Pa-ri dậy. Quần chúng ngăn chặn các ngả đường, người dân Pa-ri xông vào các kho vũ khí của Nhà nước chiếm gần 30.000 khẩu súng, nhiều gươm, kiếm và một vài khẩu đại bác, khắp nơi trong thành phố nhân dân xây vật chướng ngại, phá đường sá.

Ngày 14 – 7, tiếng chuông báo động khẩn cấp lại vang lên mạnh mẽ, đường phố đông nghịt người. Mặc dầu gần như toàn bộ thành phố đã nằm trong tay các lực lượng khởi nghĩa, nhưng cuộc đấu tranh vẫn chưa kết thúc. Ngục Ba-xti chưa bị nhân dân chiếm.

Gần trưa, 300.000 người, bao gồm chủ yếu là thợ thủ công, công nhân, dân nghèo Pa-ri tấn công vào cửa lớn ngục, nhưng cầu treo đã bị rút và hầu như không thể vào được. Một số người dũng cảm tìm cách vượt sang hào để bắt lại cầu song nhiều phát súng từ tường pháo bắn chặn, làm nhiều người chết và bị thương. Cuối cùng cầu treo vẫn được hạ xuống, nhân dân xông vào pháo đài, đội quân đồn trú ở Ba-xti đầu hàng, viên chỉ huy Đơ Lô-nây bị chặt đầu vì đã ra lệnh bắn vào nhân dân.

Vua Pháp chưa hiểu hết tình thế xảy ra, còn hy vọng đè bẹp cuộc khởi nghĩa ; khi được báo tin Ba-xti đã bị chiếm, nhà vua kinh ngạc hỏi : "Đây là cuộc khởi loạn à" ? Người ta trả lời : "Không, cách mạng ạ !".

Nhân dân phá san bằng ngục Ba-xti và xây dựng một quảng trường có hàng chữ "Ở đây người ta nhảy múa". Ngày 14 – 7 trở thành ngày Quốc khánh của nhân dân Pháp.

Câu 5 : Qua nội dung Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền, em có nhận xét gì?

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Tích cực* : Tuyên ngôn thừa nhận quyền tự do bình đẳng, quyền được an toàn, quyền chống áp bức,... của nhân dân thể hiện sự tiến bộ trong việc chống lại áp bức của phong kiến đã tước bỏ mọi quyền lợi của quần chúng.

- *Hạn chế* : Tuyên ngôn nêu rõ "quyền sở hữu tài sản" là xóa bỏ quyền sở hữu của phong kiến, song lại thay thế bằng quyền sở hữu tư sản. Đây là hạn chế vì nhân dân không thoát khỏi áp bức bóc lột, nên quyền tự do, bình đẳng của họ không được đảm bảo.

Câu 6 : Những sự kiện nào chứng tỏ tầng lớp đại tư sản cầm quyền ở Pháp đã làm ngừng trệ sự phát triển của cách mạng ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Thắng lợi ngày 14 – 7 đưa phái Lập hiến của đại tư sản lên cầm quyền, nhưng Lu-i VI vẫn được giữ ngôi vua mặc dù không có quyền hành gì.

- Ngày 4 – 8 – 1789, Quốc hội Lập hiến tuyên bố xoá bỏ một số nghĩa vụ của nông dân, song các đặc quyền cơ bản của phong kiến vẫn được duy trì.

- Ngày 28 – 8 – 1789, Quốc hội thông qua Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền. Tuyên ngôn khẳng định quyền bình đẳng giữa các công dân. Tuyên bố những quyền tự do dân chủ, nhấn mạnh quyền tư hữu tài sản là thiêng liêng bất khả xâm phạm.

- Tháng 9 – 1791, Quốc hội Lập hiến thông qua Hiến pháp xác lập chế độ quân chủ lập hiến. Hiến pháp 1791 đã từ bỏ một số nguyên tắc tiến bộ của Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền 1789. Mọi quyền lực thuộc về Quốc hội. Quốc hội còn ban hành nhiều đạo luật, như Đạo luật cấm bãi công, Đạo luật duy trì chế độ nô lệ ở thuộc địa. Từ đó, một số nhiệm vụ cơ bản của Cách mạng tư sản Pháp 1789 không được giải quyết, trước hết là vấn đề ruộng đất của nông dân, quyền tự do dân chủ của nhân dân lao động.

- Vua đã liên kết với lực lượng phản động trong nước và cầu cứu phong kiến châu Âu để chống phá cách mạng.

Qua những sự kiện đó chứng tỏ tầng lớp đại tư sản cầm quyền ở Pháp đã làm ngừng trệ sự phát triển của cách mạng.

Câu 7 : Thái độ của nhân dân Pháp trước tình hình "Tổ quốc lâm nguy" như thế nào ? Việc xử tử vua Lu-i XVI có ý nghĩa gì ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Trước tình hình "Tổ quốc lâm nguy", do sự yếu kém của sĩ quan, sự phản bội của triều đình, nhân dân Pháp lại đứng lên chiến đấu, xóa bỏ hoàn toàn chế độ quân chủ, chấm dứt giai đoạn cầm quyền của đại tư sản.

- Khi kẻ thù đứng trước cửa ngõ thủ đô, những người Gi-rông-đanh do dự, muốn bỏ chạy khỏi thủ đô ; thì nhân dân Pháp lại nhất tề đứng dậy bảo vệ Tổ quốc. Các tiểu đoàn tình nguyện được thành lập, tiến ra mặt trận chiến đấu với kẻ thù. Tinh thần chiến đấu của quần chúng cách mạng thể hiện ở bài ca Mác-xây-e về sau trở thành Quốc ca của nước Pháp.

- Tinh thần cách mạng, ý chí kiên cường bảo vệ tổ quốc của nhân dân đã được thể hiện trong chiến thắng Van-mi (20 – 9 – 1792) làm cho cục diện chiến tranh thay đổi. Chiến thắng này không chỉ cứu nước Pháp, mà còn tạo điều kiện cho cách mạng lan sang nhiều nước khác, nêu tấm gương về tinh thần chiến đấu anh dũng chống giặc ngoại xâm.

- Dưới áp lực của quần chúng, ngày 21 – 1 – 1793, vua Lu-i XVI bị xử tử vì tội phản quốc. Việc xử tử vua Lu-i XVI có ý nghĩa :

+ Tạo được niềm tin của quần chúng đối với cách mạng để trên cơ sở đó tiếp tục lôi kéo quần chúng tham gia cách mạng nhất là khi Tổ quốc lâm nguy.

+ Xoá bỏ chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập nền cộng hoà tư sản theo đúng tiến trình phát triển của cách mạng.

Câu 8 : Phân tích ý nghĩa của các biện pháp của Chính phủ cách mạng do phái Gia-cô-banh cầm quyền.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ngày 2 – 6 – 1793, Quốc dân quân và hàng vạn quần chúng lao động bao vây Quốc hội, bắt giam những người cầm quyền Gi-rông-đanh, chuyển giao chính quyền vào tay những người Gia-cô-banh. Cách mạng Pháp chuyển sang giai đoạn cao nhất – giai đoạn chuyên chính của Gia-cô-banh.

- Chính phủ Gia-cô-banh đã thực hiện nhiều biện pháp kiên quyết để chống lại thù trong, giặc ngoài, ổn định đời sống của nhân dân :

+ Đạo luật 6 – 1793, trả lại ruộng đất cho nông dân.

+ Lấy ruộng đất tịch thu của quý tộc, chia thành lô nhỏ, bán cho dân nghèo trả dần trong 10 năm.

+ Các đặc quyền của chế độ phong kiến bị xóa bỏ.

+ Tháng 6 – 1793, Hiến pháp mới công bố thiết lập chế độ cộng hòa, xóa bỏ bất bình đẳng về đẳng cấp, công dân từ 21 tuổi trở lên được quyền bầu cử.

+ Thực hiện nhiều biện pháp kiên quyết để trấn áp lực lượng phản động trong nước.

- Việc Chính phủ Gia-cô-banh thực hiện các biện pháp nêu trên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với tiến trình phát triển của cách mạng Pháp :

+ Trước hết, các đạo luật ruộng đất có ý nghĩa to lớn. Chỉ trong hai tháng, những người Gia-cô-banh đã làm được những điều mà trước đây chưa chính phủ nào làm được. Nó phá bỏ tận gốc chế độ phong kiến, biến những người nông dân thành những người tiểu tư hữu tự do, thiết lập chế độ kinh tế tiểu nông ; tạo những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa, tầng lớp tiểu nông đông đảo do chính sách này tạo nên đã trở thành thành trì vững chắc cho cách mạng Pháp phát triển.

+ Hiến pháp 1793 phản ánh và đánh dấu một giai đoạn mới, một giai đoạn phát triển cao hơn. Nó tuyên bố trước toàn thế giới những nguyên tắc tự do, dân chủ, một nền dân chủ tư sản tiến bộ hơn Hiến pháp 1791. Nó được nhân dân chào đón như một thắng lợi của cách mạng.

- Những chính sách của Chính phủ Gia-cô-banh đã tập hợp được sức mạnh của quần chúng lao động để đánh bại thù trong, giặc ngoài đem lại đỉnh cao cho cách mạng Pháp, nhất là giai đoạn chuyên chính dân chủ cách mạng Gia-cô-banh. Lênin đã chỉ ra rằng : "Những người Gia-cô-banh hồi năm 1793 đã đi vào lịch sử như một tấm gương vĩ đại đấu tranh cách mạng chân chính chống giai cấp bóc lột, do giai cấp những người lao động và những người bị áp bức làm chủ toàn bộ chính quyền Nhà nước tiến hành".

Câu 9 : Lập bảng so sánh nội dung Hiến pháp năm 1791 và 1793.

** Hướng dẫn trả lời :*

Hiến pháp 1791	Hiến pháp 1793
- Xác lập chế độ quân chủ lập hiến.	- Xác lập chế độ cộng hòa.
- Chia công dân làm hai loại "công dân tích cực", "công dân tiêu cực".	- Xóa bỏ hoàn toàn chế độ bất bình đẳng về đẳng cấp.
- Nhân dân lao động không có quyền lợi chính trị.	- Mọi công dân từ 21 tuổi trở lên được quyền bầu cử.

Câu 10 : Những nguyên nhân nào dẫn tới sự sụp đổ của nền chuyên chính dân chủ cách mạng Gia-cô-banh ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Do mâu thuẫn giữa chính quyền cách mạng Gia-cô-banh với các phái đối lập ngày càng gay gắt.

- Trong nội bộ phái Gia-cô-banh cũng nảy sinh nhiều mâu thuẫn giữa "phái hữu" và "phái tả" với chính quyền do Rô-pe-spie đứng đầu.

- Điều quan trọng là quần chúng mất dần niềm tin và không ủng hộ chính quyền Gia-cô-banh nữa, vì nhiều biện pháp của chính phủ không thực hiện triệt để.

Câu 11 : Vẽ sơ đồ minh hoạ tiến trình Cách mang tư sản Pháp "phát triển theo đường đi lên".

** Hướng dẫn trả lời :*

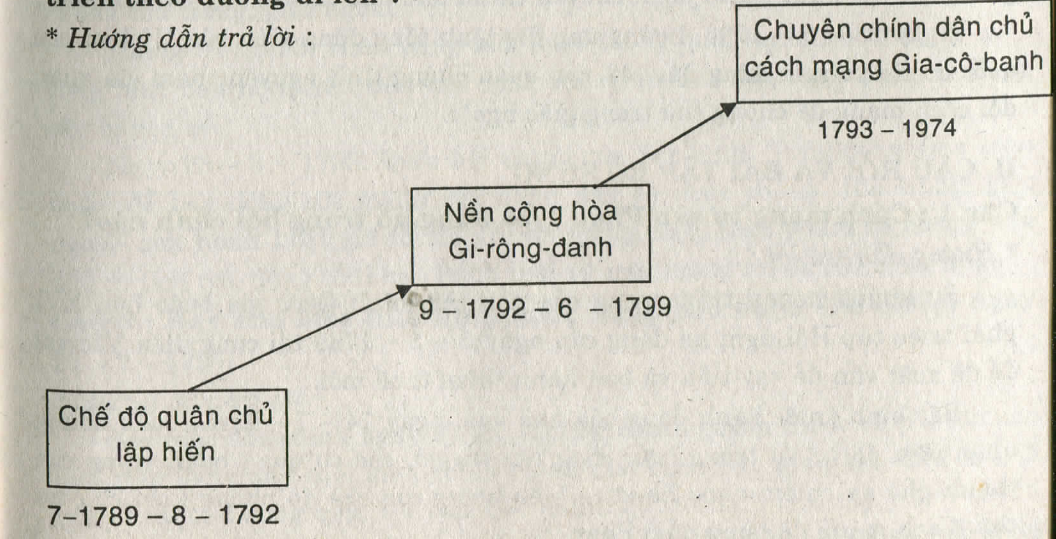

Câu 12 : Hãy nêu ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII đã lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế từng thống trị nước Pháp trong nhiều thế kỉ, hoàn thành các nhiệm vụ của một cuộc cách mạng tư sản : lật đổ chính quyền quân chủ chuyên chế, thủ tiêu mọi tàn dư phong kiến, giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, những cản trở đối với công thương nghiệp bị xóa bỏ, thị trường dân tộc thống nhất được hình thành.
- Cách mạng tư sản Pháp đã mở ra thời đại mới - thời đại thắng lợi và củng cố của chủ nghĩa tư bản ở các nước tiên tiến thời bấy giờ.

Câu 13 : Vai trò của quần chúng nhân dân thể hiện như thế nào trong Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Ngày 14 – 7 – 1789, gần 300.000 người chủ yếu là công nhân, thợ thủ công, tự vũ trang đánh chiếm nhà tù Ba-xti – tượng trưng cho uy quyền của chế độ phong kiến chuyên chế.
- Ngày 10 – 8 – 1792, cùng với quân tình nguyện, nhân dân ở thủ đô đã khởi nghĩa. Họ tấn công cung điện Tuy-lơ-ri, nơi ở của vua Lu-i XVI, bắt nhà vua và hoàng hậu. Chế độ quân chủ bị lật đổ. Giai đoạn thứ nhất của cuộc cách mạng Pháp – giai đoạn cầm quyền của đại tư sản chấm dứt. Chính quyền chuyển sang tay tư sản công, thương nghiệp. Chế độ cộng hòa được thiết lập.
- Ngày 31 – 5 – 1793, quần chúng cách mạng Pa-ri xuống đường đòi bắt và xét xử những người cầm quyền Gi-rông-đanh, cách mạng Pháp chuyển sang giai đoạn cao nhất – giai đoạn chuyên chính dân chủ cách mạng Gia-cô-banh.
- Ngày 23 – 8 – 1793, hưởng ứng Sắc lệnh tổng động viên của Uỷ ban cứu quốc do Rô-pe-spie đứng đầu, 42 vạn quần chúng tình nguyện tham gia quân đội cách mạng để chống thù trong giặc ngoài.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Cách mạng tư sản Pháp 1789 bùng nổ trong bối cảnh nào?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Sự khủng hoảng trầm trọng của nền tài chính Quốc gia buộc Lu-i XVI phải triệu tập Hội nghị ba đẳng cấp ngày 5 – 5 – 1789 tại cung điện Véc-xai để đề xuất vấn đề vay tiền và ban hành thêm thuế mới.
- Bất bình trước hành động của nhà vua, ngày 14 – 7 – 1789, quần chúng nhân dân đã tự vũ trang, tấn công các trụ sở, các cơ quan quan trọng của thành phố và chiếm ngục Ba-xti – biểu tượng của chế độ phong kiến chuyên chế. Cách mạng đã bùng nổ ở Pháp.

Câu 2 : Hãy nêu những việc làm của phái Lập hiến sau khi lên cầm quyền.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Ngôi vua vẫn được duy trì.
- Thông qua bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền với khẩu hiệu nổi tiếng : "Tự do – Bình đẳng – Bác ái".
- Ban hành nhiều chính sách nhằm khuyến khích công thương nghiệp phát triển như : bãi bỏ quy chế phường hội, cho phép tự do buôn bán, tổ chức hành chính theo quy chế mới (cả nước được chia thành 83 quận với cơ cấu tổ chức thống nhất, xóa bỏ thuế quan nội địa...).

Câu 3 : Vì sao khi phái Gi-rông-đanh tỏ thái độ phản động, quần chúng cách mạng Pháp vẫn tiếp tục nổi dậy ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Mặc dầu phái Lập hiến ban hành nhiều chính sách tiến bộ nhưng cuộc sống của nhân dân lao động vẫn chưa được cải thiện : việc chia ruộng đất theo từng lô lớn đem bán cho nông dân với giá cao nên nông dân không có khả năng mua ; công nhân vẫn đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm.
- Thêm vào đó, việc ban hành đạo luật cấm công nhân hội họp, bãi công... càng làm tăng sự bất mãn trong quần chúng nhân dân, nhiều cuộc đấu tranh liên tiếp diễn ra.

Câu 4 : Chính quyền Gia-cô-banh đã thực hiện những biện pháp gì trong cuộc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Để đưa đất nước thoát khỏi cơn hiểm nghèo, việc đầu tiên mà những người Gia-cô-banh quan tâm là phải giải quyết vấn đề ruộng đất – đòi hỏi cơ bản của quần chúng nông dân ; qua đó, động viên họ tham gia cách mạng chống thù trong, giặc ngoài.
- Tháng 6 – 1793, Hiến pháp mới được thông qua, tuyên bố Pháp là nước cộng hòa, ban bố quyền dân chủ rộng rãi và mọi sự bất bình đẳng về đẳng cấp bị xóa bỏ.
- Ngày 23 – 8 – 1793, Quốc hội thông qua Sắc lệnh "Tổng động viên toàn quốc" để huy động sức mạnh của nhân dân cả nước chống "thù trong, giặc ngoài" ban hành Luật giá tối đa đối với lương thực, thực phẩm để chống nạn đầu cơ tích trữ, đồng thời ban hành luật về mức lương tối đa của công nhân.

Câu 5 : Hãy cho biết tình hình nước Pháp sau cuộc đảo chính ngày 27 – 7 – 1794.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Sau cuộc đảo chính ngày 27 – 7 – 1794, chính quyền thuộc về phái tư sản mới giàu lên trong thời gian chiến tranh nhờ buôn bán gian lận, đầu cơ tích trữ và tham ô công quỹ. Ủy ban Đốc chính được thành lập, tập trung quyền lực vào 5 ủy viên. Nhiều thành quả cách mạng bị thủ tiêu : Luật giá tối đa bị bãi bỏ, quyền tự do dân chủ bị hạn chế, những người cách mạng bị khủng bố, các câu lạc bộ chính trị bị đóng cửa...

- Dưới chế độ Đốc chính, nước Pháp luôn trong tình trạng xáo động và ngày càng khó khăn. Các thế lực phong kiến vẫn âm mưu nổi loạn. Một liên minh mới của các nước Châu Âu nhằm chống Pháp được hình thành.

Câu 6 : Vì sao giai đoạn cách mạng do phái Gia-cô-banh cầm quyền được gọi là nền chuyên chính dân chủ cách mạng Gia-cô-banh ?

* *Hướng dẫn trả lời* :

Giai đoạn cách mạng do phái Gia-cô-banh cầm quyền được gọi là "nền chuyên chính dân chủ cách mạng Gia-cô-banh" là vì đây là một thời kì đỉnh cao của cách mạng tư sản Pháp, Chính phủ Gia-cô-banh đã thực hiện nhiều chính sách, biện pháp để ổn định đời sống của nhân dân, để tập hợp lực lượng chống lại thù trong, giặc ngoài, những chính sách và biện pháp này không được thực hiện trong giai đoạn trước 1793.

- Sắc lệnh xóa bỏ hoàn toàn không bồi thường mọi nghĩa vụ phong kiến đối với nông dân.
- Đạo luật trả cho nông dân ruộng đất bị phong kiến chiếm.
- Tịch thu ruộng đất của tăng lữ, quý tộc di cư, chia từng lô nhỏ bán cho nông dân nghèo, trả dần trong 10 năm.
- Thủ tiêu chế độ nô lệ ở thuộc địa (chưa thực hiện)
- Ban hành Đạo luật "trừng phạt kẻ thù nhân dân"
- Sắc lệnh về "Luật đất đai"
- Xóa bỏ sự bất bình đẳng về đẳng cấp
- Nam công dân từ 21 tuổi được quyền bầu cử.

Câu 7 : Lập niên biểu diễn biến cách mạng qua các giai đoạn. Tại sao nói : Thời kì chuyên chính Gia-cô-banh là đỉnh cao của Cách mạng tư sản Pháp?

* *Hướng dẫn trả lời:*

Các Giai đoạn	Những sự kiện quan trọng
Từ 14 – 7 – 1789 đến 10 – 8 – 1792 Cách mạng bùng nổ và phát triển	Khởi nghĩa của nhân dân Pa-ri phá ngục Ba-xti, lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế. Tháng 8 – 1789 thông qua Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền. Cách mạng lan rộng khắp nước.
Từ 10 – 8 – 1792 đến 2 – 6 – 1793 Cách mạng tiếp tục phát triển	Khởi nghĩa của nhân dân Pa-ri; nền quân chủ lập hiến bị lật đổ, thiết lập nền cộng hoà. Vua Lu-i XVI bị tử hình. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ cách mạng.
Từ 2 – 6 – 1793 đến 27 – 7 – 1794 Đỉnh cao của cách mạng	Nhân dân Pa-ri khởi nghĩa lật đổ phái Gi-rông-đanh. Xoá bỏ mọi đặc quyền của phong kiến. Đẩy lùi được nạn ngoại xâm.
27 – 7 – 1794 đến 9 – 11 – 1799 Thoái trào cách mạng	Đảo chính phản cách mạng, phái Gia-cô-banh bị lật đổ Đảo chính của Na-pô-lê-ông, chế độ độc tài quân sự thiết lập.

*** Thời kì chuyên chính Gia-cô-banh là đỉnh cao của cách mạng, bởi vì :**

- Phái Gia-cô-banh quan tâm giải quyết vấn đề ruộng đất – đòi hỏi cơ bản của quần chúng nông dân ; qua đó, động viên họ tham gia cách mạng chống thù trong, giặc ngoài.
- Tháng 6 – 1793, Hiến pháp mới được thông qua, tuyên bố Pháp là nước cộng hoà, ban bố quyền dân chủ rộng rãi và mọi sự bất bình đẳng về đẳng cấp bị xóa bỏ.
- Ngày 23 – 8 – 1793, Quốc hội thông qua Sắc lệnh "Tổng động viên toàn quốc" để huy động sức mạnh của nhân dân cả nước chống "thù trong, giặc ngoài" ban hành Luật giá tối đa đối với lương thực, thực phẩm để chống nạn đầu cơ tích trữ, đồng thời ban hành luật về mức lương tối đa của công nhân.

Nhờ vậy, phái Gia-cô-banh đã dập tắt được các cuộc nổi loạn, đuổi quân xâm lược ra khỏi biên giới. Cách mạng Pháp đạt đến đỉnh cao.

Câu 8 : Hãy chứng minh rằng : Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII là một cuộc cách mạng triệt để nhất ở châu Âu.

* *Hướng dẫn trả lời* :

- Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII đã xoá bỏ hoàn toàn chế độ phong kiến chuyên chế đã từng thống trị qua nhiều thế kỉ ở Pháp, đồng thời thủ tiêu mọi tàn dư của chế độ phong kiến. Điều đó được thể hiện: Ngày 21 – 1 – 1793, cách mạng đã xử tử vua và hoàng hậu, lập nên nền cộng hoà và đạt đến đỉnh cao là thời kì chuyên chính Gia-cô-banh.
- Cách mạng đã giải quyết đúng mức nhiệm vụ của một cuộc cách mạng tư sản, đó là tạo điều kiện cho kinh tế tư bản phát triển ; mang lại quyền tự do, dân chủ cho nhân dân ; giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân như bán đất cho nông dân với giá rẻ và cho trả dần trong mười năm. Cách mạng còn thực hiện việc bầu cử theo phổ thông đầu phiếu.

Câu 9 : Lập bảng thống kê các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại theo yêu cầu sau đây:

Nội dung	Cách mạng tư sản Anh (thế kỉ XVII)	Chiến tranh giành độc lập Bắc Mĩ (thế kỉ XVIII)	Cách mạng tư sản Pháp (cuối thế kỉ XVIII)
Hình thức đấu tranh			
Nhiệm vụ cách mạng			
Giai cấp lãnh đạo			
Kết quả			

** Hướng dẫn trả lời :*

Nội dung	Cách mạng tư sản Anh (thế kỉ XVII)	Chiến tranh giành độc lập Bắc Mĩ (thế kỉ XVIII)	Cách mạng tư sản Pháp (cuối thế kỉ XVIII)
Hình thức đấu tranh	Nội chiến.	Chiến tranh giải phóng dân tộc.	Chống phong kiến, chống thù trong, giặc ngoài.
Nhiệm vụ cách mạng	Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, giải quyết ruộng đất cho nông dân.	Giải phóng khỏi ách thống trị của thực dân Anh, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.	Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, giải quyết ruộng đất cho nông dân.
Giai cấp lãnh đạo	Tư sản và quý tộc mới.	Tư sản và chủ nô.	Tư sản.
Kết quả	Tư sản và quý tộc mới nắm chính quyền, lập chế độ quân chủ lập hiến.	Đánh đuổi thực dân Anh, thành lập Hợp chúng quốc Hoa Kì.	Tư sản thiết lập chế độ Cộng hoà, là cuộc cách mạng triệt để nhất.

Câu 10 : Hãy chứng minh rằng : cùng với sự đi lên của Cách mạng tư sản Pháp, quyền lợi của nông dân được giải quyết thoả đáng hơn.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Trong các cuộc cách mạng nói chung, cách mạng tư sản thời cận đại nói riêng, đặc biệt là cuộc Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII, động lực làm nên cách mạng chủ yếu là nông dân. Các cuộc Cách mạng tư sản Hà Lan, Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân chưa thoả đáng. Riêng Cách mạng tư sản Pháp, quyền lợi của nông dân được giải quyết song hành với tiến trình phát triển của cách mạng. Đó cũng là một trong những lí do đánh giá Cách mạng tư sản Pháp là cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất.

- Trong thời kì đầu của cách mạng (thời kì quân chủ lập hiến 1789 – 1792): Nông dân được xoá bỏ một số nghĩa vụ phong kiến ; nông dân được mua ruộng đất của Giáo hội do Nhà nước tịch thu với giá cao ; Nhà nước ban hành Tuyên ngôn khẳng định quyền bình đẳng giữa các công dân, trong đó có nông dân. Tuy nhiên, trong thời kì này nông dân còn phải làm nhiều nghĩa vụ phong kiến, nông dân chưa được quyền bầu cử. Vì vậy, nông dân chưa thoả mãn và tiếp tục đấu tranh.

- Trong thời kì thứ hai của cách mạng (thời kì tư sản công thương 1792 – 1793) : Nông dân được quyền tự do bầu cử nhưng về quyền lợi kinh tế vẫn chưa được giải quyết gì thêm. Do đó, nông dân lại tiếp tục đấu tranh.

- Đến thời kì thứ ba của cách mạng (thời kì chuyên chính Gia-cô-banh 1793 – 1794): Nhà nước tiến hành chia đất thành từng lô nhỏ rồi bán cho nông dân và trả góp trong 10 năm ; nông dân lại được trả lại ruộng đất do bị lãnh chúa chiếm trước đây ; nông dân được xoá bỏ hoàn toàn mọi nghĩa vụ phong kiến. Đặc biệt Hiến pháp năm 1793 công nhận quyền bình đẳng cho nông dân.

Như vậy, đến thời chuyên chính Gia-cô-banh quyền lợi của nông dân được giải quyết thoả đáng, nhất là vấn đề ruộng đất, nông dân hăng hái tham gia cách mạng. Đây là yếu tố quan trọng để nước Pháp đánh bại thù trong giặc ngoài.

Chương II

CÁC NƯỚC ÂU - MĨ

(Từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX)

Bài 5

CHÂU ÂU TỪ CHIẾN TRANH NA-PÔ-LÊ-ÔNG ĐẾN HỘI NGHỊ VIÊN

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Nguyên nhân thất bại của quân đội Na-pô-lê-ông.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Cuộc chiến tranh xâm lược các nước châu Âu của Na-pô-lê-ông là cuộc chiến tranh phi nghĩa. Cuộc chiến tranh ấy đã vấp phải sự kháng cự mãnh liệt của liên quân các nước châu Âu, nhất là các nước Anh, Áo, Nga và Tây Ban Nha.

- Quân đội của Na-pô-lê-ông không đủ mạnh để dàn trải trên khắp chiến trường châu Âu như Na-pô-lê-ông đã từng tham vọng. Đây là cuộc chiến tranh trên một quy mô rộng lớn, dài ngày, xa hậu phương nên quân đội mệt mỏi chán chường về tinh thần ; thiếu thốn về lương thực, thực phẩm, chưa kể tổn thất về lực lượng.

- Các nước châu Âu, nhất là Tây Ban Nha và Nga được nhân dân ủng hộ, kiên quyết chiến đấu hy sinh để bảo vệ Tổ quốc.

- Đặc biệt, do tư tưởng chủ quan nên khi Na-pô-lê-ông mở cuộc tấn công vào lãnh thổ nước Nga bị quân đội chống trả quyết liệt làm cho Na-pô-lê-ông không trở tay kịp.

Câu 2 : Tình hình châu Âu sau Hội nghị Viên có những diễn biến quan trọng nào?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Sau Hội nghị Viên tình hình châu Âu có những diễn biến quan trọng :

+ Theo đề nghị của Nga hoàng A-lếch-xan-đrơ I, vua các nước châu Âu thành lập Liên minh Thần thánh. Liên minh quy định các vua phải giúp đỡ nhau và dùng "lực lượng chung" để đàn áp cách mạng nếu nổ ra ở bất cứ nơi nào. Liên minh đã lôi kéo nhiều nước châu Âu gia nhập Liên minh.

+ Thực chất Liên minh Thần thánh là liên minh phản động của các vua chúa phong kiến châu Âu chống lại xu hướng cách mạng tư sản.

- Dù bị Liên minh Thần thánh đàn áp, phong trào cách mạng vẫn nổ ra nhiều nước ở châu Âu, mạnh nhất là ở Tây Ban Nha.

- Như vậy, sau Hội nghị Viên, tình hình châu Âu trở nên phức tạp, nhất là sự xuất hiện của Liên minh Thần thánh làm ảnh hưởng đến bước đường phát triển của chủ nghĩa tư bản vốn hình thành sớm ở châu Âu.

Câu 3 : Tại sao các nước châu Âu liên minh chống lại Na-pô-lê-ông ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Cuộc chiến tranh xâm lược của Na-pô-lê-ông đối với các nước châu Âu đã đụng chạm đến chủ quyền độc lập của mỗi nước.

- Với sự tấn công nhanh chóng của quân đội Na-pô-lê-ông chiếm hàng loạt các nước ở châu Âu đã gây nên sự phẫn uất đối với từng nước. Hơn thế nữa, lực lượng của mỗi nước chưa đủ mạnh để ngăn cản bước tiến của quân đội Na-pô-lê-ông.

- Các nước châu Âu dù đã bị xâm lược hay chưa bị xâm lược đều nằm trong kế hoạch tấn công của Na-pô-lê-ông.

Vì những lí dọ trên mà các nước châu Âu liên minh chống lại Na-pô-lê-ông.

Câu 4 : Sử dụng lược đồ trình bày cuộc chiến tranh của Na-pô-lê-ông ở châu Âu.

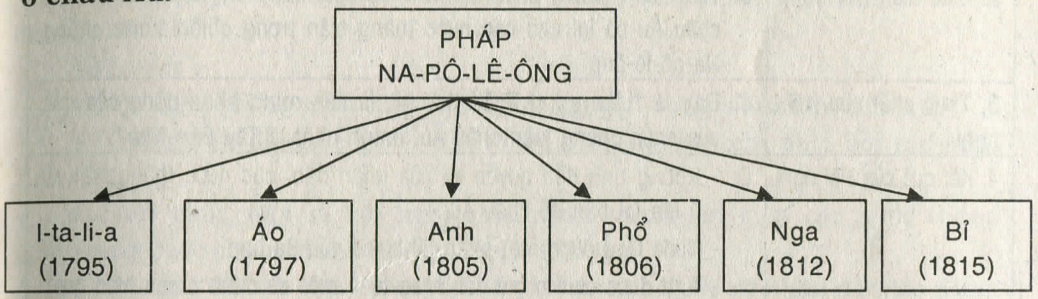

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Hãy trình bày những cuộc chiến tranh khi Na-pô-lê-ông lên làm Hoàng đế ở nước Pháp.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Khi Na-pô-lê-ông lên làm Hoàng đế nước Pháp, ra sức thực hiện tham vọng làm bá chủ của mình, đẩy mạnh xâm lược các nước châu Âu mà đối thủ chính là Anh, Áo, Nga.

+ Năm 1805, Na-pô-lê-ông tập trung lực lượng đổ bộ lên nước Anh.

+ Năm 1806, Na-pô-lê-ông đánh chiếm nước Áo, rồi tiến và Béc-lin.

+ Năm 1807, sau một vài trận giao chiến đẫm máu với Nga, Na-pô-lê-ông kí Hiệp ước Tin-dít với Nga và Phổ.

- Tháng 6 – 1812, không tuyên chiến, Na-pô-lê-ông đích thân chỉ huy 640000 quân tiến vào nước Nga.

+ Ngày 7 – 8 – 1812, tại trận Bô-rô-đi-nô quân đội Na-pô-lê-ông bị bại trận.

+ Sau thất bại ở Nga, quân đội Na-pô-lê-ông tiếp tục thất bại khắp các mặt trận ở châu Âu. Trong trận đánh cuối cùng ở Oa-téc-lô, gần Bruy-xen (Bỉ), ngày 18 – 6 – 1815, quân Na-pô-lê-ông bị tiêu diệt. Chiến tranh ở châu Âu kết thúc.

Câu 2 : Hãy điền sử liệu vào cột B cho phù hợp với nội dung ở cột A về Hội nghị Viên sau đây :

A	B
1. Thời gian tiến hành Hội nghị.	A. ....
2. Mục đích Hội nghị.	B. ....
3. Thực chất của Hội nghị.	C. ....
4. Kết quả của Hội nghị.	D. ....

** Hướng dẫn trả lời:*

A	B
1. Thời gian tiến hành Hội nghị.	A. Từ năm 1814 đến năm 1815.
2. Mục đích Hội nghị.	B. Thảo luận những điều kiện kí Hiệp ước hoà bình và vẽ lại bản đồ châu Âu có lợi cho các nước thắng trận trong chiến tranh chống Na-pô-lê-ông.
3. Thực chất của Hội nghị.	C. Đây là "Liên minh Thần thánh", là liên minh phản động của các vua chúa phong kiến châu Âu, mạnh nhất là Tây Ban Nha.
4. Kết quả của Hội nghị.	D. - Không tính đến quyền lợi của nhân dân, các nước thắng trận tự ý lập lại bản đồ châu Âu. - Nước Nga được một phần lãnh thổ của Ba Lan. - Anh được chiếm giữ đảo Man-ta – một cứ điểm chiến lược quan trọng ở Địa Trung Hải và một số thuộc địa của Hà Lan. - Đất đai của Phổ và Áo cũng được mở rộng ra nhiều. - I-ta-li-a vẫn bị phân chia thành nhiều lãnh thổ khác nhau.

Câu 3 : Hãy trình bày những nét chính về Na-pô-lê-ông.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Na-pô-lê-ông Bô-na-pác sinh năm 1769 tại đảo Coóc, cha ông là luật sư, vốn là một quý tộc bị phá sản. Năm 15 tuổi, Na-pô-lê-ông được Quốc hội phong quân hàm tướng. Năm 1795, Na-pô-lê-ông đã dẹp tan bọn bảo hoàng nổi loạn ở Pa-ri. Sau đó ông là người trực tiếp xây dựng kế hoạch đánh chiếm toàn bộ châu Âu và phương Đông. I-ta-li-a được chọn làm nước khởi đầu của kế hoạch này.

- Tháng 11 – 1799, Na-pô-lê-ông lên nắm chính quyền ở Pháp, đến năm 1804 lên ngôi hoàng đế, thiết lập nền đế chế thứ hai (1804 – 1815). Sau khi lên cầm quyền, ông tập trung lực lượng ở trung ương để cải tổ nền hành chính và tư pháp, mở mang trường học, khuyến khích phát triển công nghiệp, thống nhất đo lường, chế độ thuế khoá... Chính quyền của Na-pô-lê-ông đã tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

- Sau khi trở thành hoàng đế, Na-pô-lê-ông ra sức thực hiện tham vọng bá chủ của mình, đẩy mạnh xâm lược châu Âu mà đối thủ chính là Nga, Áo, Anh.

- Trong cuộc chiến tranh xâm lược phiêu lưu của mình, Na-pô-lê-ông đã gặp phải sự kháng cự quyết liệt của nhân dân châu Âu và cuối cùng Na-pô-lê-ông phải nhận lấy sự thất bại thảm hại vào năm 1821.

Câu 4 : Hãy nêu kết quả và nhận xét về Hội nghị Viên 1815.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Kết quả :

+ Bản đồ châu Âu được vẽ lại theo yêu cầu các nước thắng trận.

+ Nước Nga được một phần lãnh thổ của Ba Lan và Phần Lan.

+ Anh được chiếm giữ đảo Man-ta – một cứ điểm quan trọng về mặt chiến lược ở Địa Trung Hải và một số thuộc địa của Hà Lan, Nam Phi.

+ Đất đai của Phổ và Áo được mở rộng. Phổ trở thành nước có vai trò chủ yếu trong "Liên minh của chế độ Rô-ma".

+ I-ta-li-a vẫn bị phân chia thành nhiều lãnh thổ khác nhau.

+ Pháp quay về biên giới cũ trước cách mạng, bồi thường 700 triệu phơ-răng chiến phí.

- Nhận xét :

+ Hội nghị không tính đến quyền lợi, nguyện vọng của nhân dân.

+ Những vấn đề được quyết định trong hội nghị bị chi phối bởi các nước Anh, Áo, Nga.

+ Thực chất, đây là hội nghị chia phần thắng lợi giữa các nước thắng trận trong cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông.

+ Hội nghị đã chà đạp lên quyền lợi các nước nhỏ yếu và nhân dân lao động.

Bài 6

CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP

(Nửa sau thế kỉ XVIII - giữa thế kỉ XIX)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Nêu những tiền đề làm cho cách mạng công nghiệp khởi đầu ở Anh sớm hơn các nước khác.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Thắng lợi của cách mạng tư sản, kinh tế Anh phát triển ngày càng mạnh mẽ, là nước đầu tiên tiến hành cách mạng công nghiệp, dựa trên những tiền đề :

+ Xâm chiếm thuộc địa, tích luỹ được lượng tư bản khổng lồ.

+ Tước đoạt ruộng đất của nông dân, tạo được đội ngũ công nhân làm thuê.

+ Những tiến bộ về kĩ thuật và tổ chức sản xuất trong công trường thủ công.

- Nước Anh sau cuộc cách mạng tư sản có đủ những tiền đề để tiến hành cách mạng công nghiệp : tư bản, nhân công và sự phát triển kĩ thuật, nên nước Anh khởi đầu cuộc cách mạng công nghiệp sớm nhất.

- Cách mạng công nghiệp ở Anh bắt đầu từ những năm 60 của thế kỉ XVIII và kết thúc vào những năm 40 của thế kỉ XIX.

Câu 2 : Trình bày những thành tựu nổi bật của cách mạng công nghiệp Anh.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ngành công nghiệp nhẹ :

+ Năm 1764, Giêm Ha-gri-vơ sáng chế ra máy kéo sợi Gien-ni

+ Năm 1769, Ác-crai-tơ chế tạo ra máy kéo sợi chạy bằng hơi nước.

+ Năm 1779, Crôm- tơn cải tiến máy kéo sợi tạo ra sản phẩm đẹp, bền hơn.

+ Năm 1785, Các-rai chế tạo máy dệt chạy bằng sức nước, năng suất tăng 40 lần.

+ Năm 1784, Giêm Oát phát minh ra máy hơi nước và đưa vào sử dụng.

- Luyện kim : Năm 1735 phát minh ra phương pháp nấu than cốc luyện gang thép, năm 1784 lò luyện gang đầu tiên được xây dựng.

- Giao thông vận tải : Năm 1814, Xta-phen-xơn chế tạo thành công đầu máy xe lửa.

- Giữa thế kỉ XIX Anh trở thành "công xưởng thế giới"..

Câu 3 : Các phát minh kĩ thuật đã đáp ứng yêu cầu sản xuất, lưu thông hàng hoá như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Việc phát minh kĩ thuật được coi là mở đầu quá trình cơ giới hoá trong sản xuất. Khi máy móc ra đời đã tạo ra nguồn lực mới làm giảm nhẹ lao động cơ bắp của con người. Máy móc ra đời đã chuyển từ lao động thủ công thô sơ sang lao động cơ khí, chuyển từ nền sản xuất nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp. Tất cả những điều đó nó đáp ứng yêu cầu sản xuất ngày càng tăng của con người, tạo ra nguồn của cải vật chất ngày càng nhiều cho xã hội.

- Khi sản phẩm do các phát minh kĩ thuật mang lại ngày càng nhiều lại nảy sinh yêu cầu phải lưu thông phân phối. Chính yêu cầu này làm cho ngành giao thông phát triển. Do vậy, cùng với sự phát minh kĩ thuật trên lĩnh vực sản xuất, nước Anh còn có những phát minh kĩ thuật trên lĩnh vực giao thông vận tải, đó là việc chế tạo ra các đầu máy xe lửa phục vụ giao thông vận chuyển hàng hoá.

Câu 4 : Cách mạng công nghiệp ở Pháp và Đức diễn ra như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Pháp :

+ Cách mạng công nghiệp bắt đầu từ năm 1830, cách mạng công nghiệp bắt đầu diễn ra và phát triển mạnh trong những năm 1830 – 1850.

+ Tác động về kinh tế, xã hội : Kinh tế Pháp vươn lên mạnh mẽ thứ hai thế giới. Bộ mặt Pa-ri và các thành phố khác thay đổi rõ rệt.

- Đức :

+ Cách mạng công nghiệp diễn ra vào những năm 40 của thế kỉ XIX với tốc độ nhanh kỉ lục.

+ Trong công nhiệp, công nghiệp luyện kim, công nghiệp hoá chất tăng nhanh và có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế Đức.

+ Trong nông nghiệp, máy móc cũng thâm nhập và đưa vào sử dụng nhiều : máy cày, bừa, máy gặt, sử dụng phân bón.

+ Đặc điểm cách mạng công nghiệp ở Đức : diễn ra với tốc độ phát triển nhanh đạt kỉ lục.

Câu 5 : Cách mạng công nghiệp đã dẫn tới hệ quả gì ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Về kinh tế :

+ Thay đổi bộ mặt các nước tư bản : nhiều trung tâm công nghiệp mới và thành thị đông dân ra đời.

+ Làm chuyển biến nền sản xuất nhỏ thủ công sang sản xuất lớn bằng máy móc, nâng cao năng suất lao động, làm ra khối lượng sản phẩm lớn cho xã hội.

+ Đưa các nước có nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp phát triển.

- Về xã hội :

+ Hình thành hai giai cấp mới là tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp.

+ Tư sản công nghiệp nắm tư liệu sản xuất và quyền thống trị.

+ Vô sản công nghiệp làm thuê, đời sống cơ cực dẫn đến đấu tranh giữa vô sản và với tư sản.

Câu 6 : Lập bảng thống kê về mốc thời gian và thành tựu chủ yếu của cách mạng công nghiệp ở Anh, Pháp và Đức.

** Hướng dẫn trả lời :*

Nước	Thời gian	Thành tựu chủ yếu
Anh	Những năm 60 của thế kỉ XVIII đến những năm 40 thế kỉ XIX.	- Những phát minh trong ngành công nghiệp: + Năm 1764, phát minh ra máy kéo sợi Gien-ni. + Năm 1769, chế tạo ra máy quay sợi chạy bằng sức nước. + Năm 1784, phát minh máy hơi nước. + Năm 1785, phát minh máy dệt chạy bằng hơi nước. + Đầu thế kỉ XIX, chế tạo tàu thuỷ, xe lửa chạy bằng đầu máy hơi nước.
Pháp	Những năm 30 thế kỉ XIX đến những năm 1850 – 1870.	- Những phát minh trong ngành công nghiệp nhẹ. - Sản lượng gang thép tăng gấp 3 lần. - Độ dài đường sắt tăng gấp 100 lần. - Số lượng máy hơi nước tăng từ 5000 chiếc lên 27000 chiếc.

Đức	Những năm 40 thế kỉ XIX.	- Những phát minh trong ngành công nghiệp nặng, chủ yếu là luyện kim và hoá chất. - Sản lượng than, sắt, thép và độ dài đường sắt tăng 2 đến 3 lần. - Số máy hơi nước tăng 6 lần. - Máy móc và phân hoá học được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Ý nghĩa của việc phát minh ra máy hơi nước là gì ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Máy hơi nước đã tạo ra nguồn động lực mới, làm giảm sức lao động cơ bắp của con người.

- Lao động bằng thủ công dần được thay thế bằng máy móc, khởi đầu quá trình công nghiệp hoá ở nước Anh và các nước châu Âu.

- Làm cho năng suất lao động ngày càng tăng.

- Làm thay đổi bộ mặt kinh tế nước Anh nói riêng và các nước tư bản châu Âu nói chung.

- Dẫn đến sự ra đời của các ngành công nghiệp mới.

Câu 2 : Cách mạng công nghiệp ở Anh đã dẫn đến những thay đổi gì về kinh tế và xã hội ở nước Anh?

**Hướng dẫn trả lời :*

- Cuộc cách mạng công nghiệp ở Anh làm cho nền kinh tế nước Anh bước vào thời kì công nghiệp hoá, năng suất lao động ngày càng tăng.

- Chính cuộc cách mạng này đã củng cố địa vị của giai cấp tư sản Anh, làm cho chủ nghĩa tư bản ra đời sớm ở Anh và có điều kiện vươn lên cạnh tranh với các nước tư bản khác.

- Đến giữa thế kỉ XIX, nước Anh được mệnh danh là "công xưởng của thế giới". Luân Đôn trở thành một trung tâm thương mại với 80 vạn dân và là thủ đô đầu tiên của châu Âu tiến lên con đường công nghiệp hoá.

Câu 3 : Ý nghĩa của cách mạng công nghiệp với kinh tế Pháp, Đức.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cách mạng công nghiệp đã đưa nền kinh tế Pháp vươn lên mạnh mẽ, công nghiệp Pháp đứng thứ hai trên thế giới, sau nước Anh. Bộ mặt Pa-ri và các thành phố thay đổi rõ rệt. Một hệ thống đại lộ, nhà ga, cửa hàng... được xây dựng thay thế các phố cũ chật hẹp.

- Ở Đức, cách mạng công nghiệp diễn ra vào những năm 40 của thế kỉ XIX mặc dù đất nước đang còn bị chia sẽ thành nhiều tiểu quốc và giai cấp tư sản chưa cầm quyền. Đến giữa thế kỉ XIX, tốc độ phát triển công nghiệp của Đức đạt mức kỉ lục.

Câu 4 : Vẽ sơ đồ về cuộc cách mạng công nghiệp gắn với hệ quả của nó.

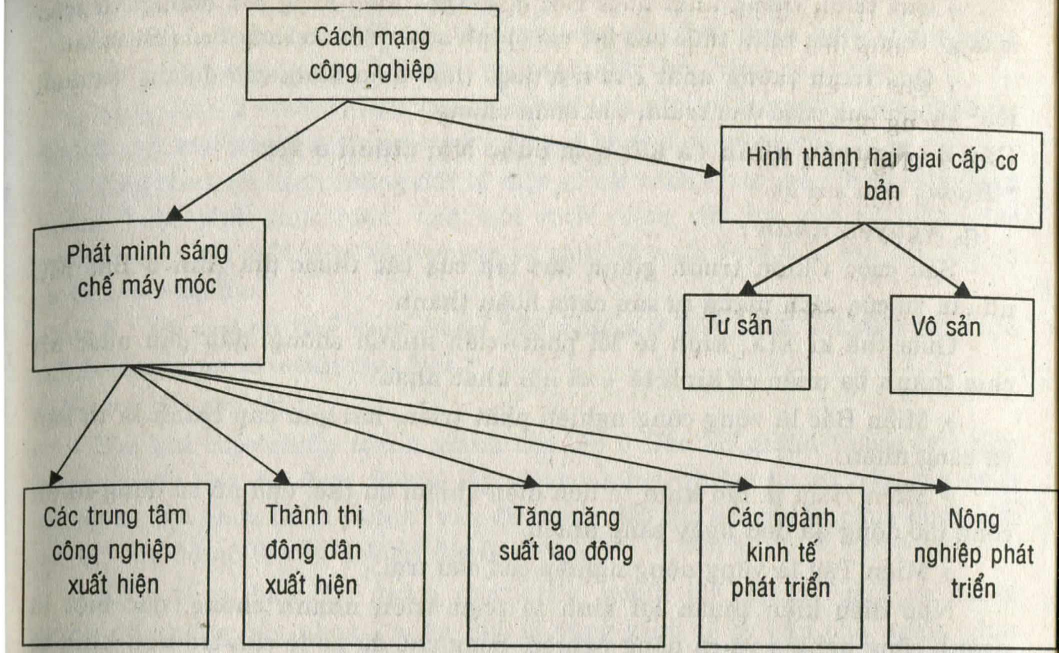
Cách mạng công nghiệp
Hình thành hai giai cấp cơ bản
Phát minh sáng chế máy móc
Tư sản
Vô sản
Các trung tâm công nghiệp xuất hiện
Thành thị đông dân xuất hiện
Tăng năng suất lao động
Các ngành kinh tế phát triển
Nông nghiệp phát triển

Bài 7

HOÀN THÀNH CÁCH MẠNG TƯ SẢN Ở CHÂU ÂU

(giữa thế kỉ XIX)

I. CÂU HỎI CÓ SẴN TRONG SÁCH GIÁO KHOA

Câu 1 : Tại sao cuộc đấu tranh thống nhất ở Đức và I-ta-li-a được coi là cuộc cách mạng tư sản ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Sự nghiệp thống nhất Đức, thống nhất I-ta-li-a nhằm xoá bỏ sự cản trở của chế độ phong kiến, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

- Lãnh đạo là giai cấp tư sản và tầng lớp quý tộc tư sản hoá.

- Động lực là quần chúng nhân dân, nòng cốt là nông dân.

- Xu thế phát triển là xác lập quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

Câu 2 : So sánh con đường thống nhất Đức và thống nhất I-ta-li-a.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Giống nhau :

+ Lực lượng lãnh đạo : Đều là quý tộc hoá tư sản và giai cấp tư sản.

+ Đều diễn ra dưới hình thức chiến tranh.

+ Quá trình thống nhất Đức và I-ta-li-a đều mang tính chất một cuộc cách mạng tư sản vì nó mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

- Khác nhau :

+ Quá trình thống nhất nước Đức được thực hiện bằng con đường "từ trên xuống" thông qua hình thức bạo lực với chính sách "sắt và máu " của Bi-xmác.

+ Quá trình thống nhất I-ta-li-a được thực hiện bằng con đường "từ dưới lên" thông qua cuộc đấu tranh của quần chúng.

Câu 3 : Nguyên nhân và kết quả cuộc Nội chiến ở Mĩ.

** Hướng dẫn trả lời :*

a. Nguyên nhân :

- Sau cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ, nhiệm vụ của cách mạng tư sản chưa hoàn thành.

- Giữa thế kỉ XIX, kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng, dần dần nước Mĩ chia thành ba miền có kinh tế – xã hội khác nhau:

+ Miền Bắc là vùng công nghiệp phát triển, hai giai cấp chính là tư sản và công nhân.

+ Miền Nam là nơi kinh tế đồn điền chiếm ưu thế, chủ nô sử dụng nhân công lao động da đen ngày càng nhiều.

+ Miền Tây là vùng nông nghiệp của chủ trại.

Nhờ điều kiện thuận lợi kinh tế phát triển nhanh chóng, đặc biệt là ngành công nghiệp và cả nông nghiệp. Song chế độ nô lệ cản trở nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.

+ Mâu thuẫn giữa tư sản, trại chủ ở miền Bắc với chủ nô ở miền Nam ngày càng gay gắt.

+ Phong trào đấu tranh đòi thủ tiêu chế độ nô lệ ở miền Nam phát triển mạnh mẽ.

+ Phải thủ tiêu chế độ nô lệ ở miền Nam, giải phóng nô lệ, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Đó là nguyên nhân sâu xa của cuộc nội chiến.

+ Cuộc bầu cử tổng thống năm 1860, Lin-côn đại diện Đảng Cộng hoà trúng cử tổng thống, đe dọa quyền lợi của chủ nô ở miền Nam. Các chủ nô ở miền Nam tuyên bố tách khỏi Liên bang, thành lập Hiệp bang riêng. Đó là nguyên nhân trực tiếp của cuộc nội chiến.

b. Kết quả :

- Giải phóng cho hàng vạn nô lệ da đen.

- Là cuộc cách mạng tư sản thứ hai sau cuộc Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ.

- Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Mĩ.

Câu 4 : Cuộc cải cách nông nô ở Nga diễn ra như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nửa đầu thế kỉ XIX, Nga là một nước phong kiến lạc hậu so với các nước tư bản phương Tây.

- Đến giữa thế kỉ XX, Nga vẫn là một nước nông nghiệp, quan hệ phong kiến – nông nô chiếm địa vị thống trị.

- Nga hoàng Ni-cô-lai tăng cường quyền thống trị chuyên chế.

- Nga lao vào cuộc chiến tranh làm cho quần chúng thêm căm thù. Nhiều cuộc đấu tranh của nông nô bùng nổ.

- Yêu cầu cải cách đặt ra cấp thiết do nhu cầu phát triển kinh tế và sự đe doạ nổi dậy của nông dân. Nga hoàng buộc phải tiến hành cải cách.

- Ngày 19 – 2 – 1861, Nga hoàng kí sắc luật giải phóng nông dân lệ thuộc địa chủ và một bản Tuyên ngôn về việc xoá bỏ chế độ nông nô.

- Tiếp theo cải cách ruộng đất là một số cải cách khác mà Chính phủ Nga hoàng buộc phải thực hiện. Luật cải cách ruộng đất và một số luật khác mang tính chất một cuộc cách mạng tư sản, để nước Nga tiến lên con đường tư bản chủ nghĩa.

Câu 5 : Vì sao có thể xem cuộc Nội chiến ở Mĩ (1861 – 1865) là cuộc cách mạng tư sản lần thứ hai ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Sau khi cuộc chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ giành thắng lợi, Hợp chúng quốc Hoa Kì được thành lập, song những nhiệm vụ cơ bản của cách mạng tư sản chưa hoàn thành (vấn đề ruộng đất cho nông dân chưa được giải quyết, chế độ nô lệ vẫn duy trì ở miền Nam...).

- Kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ, nhưng giữa các miền trình độ không đều nhau : miền Bắc là vùng kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển ; miền Nam là vùng kinh tế đồn điền ; miền Tây là vùng kinh tế nông nghiệp chủ trại.

- Sự duy trì chế độ nô lệ ở miền Nam đã cản trở sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa vì các nhà tư bản ở miền Bắc cần thị trường và sức lao động. Do vậy, cuộc xung đột giữa tư bản miền Bắc và chủ nô miền Nam trở nên gay gắt.

- Cuộc Nội chiến ở Mĩ (1681 - 1685), là cuộc chiến tranh giữa các lực lượng tiến bộ do giai cấp tư sản miền Bắc lãnh đạo chống lại giới chủ nô muốn duy trì chế độ nô lệ ở miền Nam.

- Cuộc nội chiến này do đông đảo quần chúng nhân dận tham gia, họ là lực lượng cơ bản quyết định thắng lợi của cuộc nội chiến. Đây là động lực chính của cách mạng tư sản.

- Cuộc nội chiến thắng lợi ở Mĩ nó tiếp tục mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Mĩ.

Như vậy, sau cuộc Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ, cuộc Nội chiến ở Mĩ thực chất là tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ của cách mạng tư sản nên nó được xem là cuộc cách mạng tư sản lần thứ hai ở Mĩ.

Câu 6 : Tại sao nói : Cải cách nông nô ở Nga mang ý nghĩa một cuộc cách mạng tư sản ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Trước khi cải cách nông nô, nước Nga theo chế độ quân chủ chuyên chế, mọi quyền hành nắm trong tay Nga hoàng A-lếch-xan-đrơ II. Sự cai trị hà khắc của chế độ phong kiến – nông nô gây nên mâu thuẫn gay gắt trong xã hội, nhiều cuộc đấu tranh của nông nô bùng nổ. Trước tình hình đó buộc Nga hoàng A-lếch-xan-đrơ II phải tiến hành cải cách.

- Trong cải cách, Nga hoàng đã thông qua bản Tuyên ngôn về việc xóa bỏ chế độ nông nô.

- Việc giải phóng nông nô làm tăng nguồn cung cấp nhân công, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển sức sản xuất, tức là tạo ra được đội ngũ công nhân làm thuê.

- Khi chế độ nông nô bị thủ tiêu, chủ nghĩa tư bản ở Nga phát triển mạnh.

Như vậy, cải cách nông nô ở Nga vừa tạo ra nguồn nhân công phục vụ cho nền sản xuất tư bản chủ nghĩa vừa mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, nên nó có ý nghĩa như một cuộc cách mạng tư sản.

Câu 7 : Vì sao phong trào cách mạng ở Đức, I-ta-li-a, Nga, Mĩ diễn ra dưới những hình thức khác nhau ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Hình thức của các phong trào cách mạng :

+ Ở Đức : là cuộc chiến tranh vương triều ; thực hiện "từ trên xuống" bằng bạo lực, thông qua chính sách "sắt và máu" của Bix-mác.

+ Ở I-ta-li-a : là cuộc chiến tranh lúc đầu "từ trên xuống" sau đó là "từ dưới lên" bằng sức mạnh của quần chúng.

+ Ở Nga : là cuộc cải cách tư sản không triệt để, với hình thức "cải cách nông nô".

+ Ở Mĩ : là cuộc nội chiến.

- Sở dĩ mỗi nước lại diễn ra theo những hình thức khác khác nhau vì : xuất phát từ tình hình cụ thể của mỗi quốc gia ; trong đó tương quan lực lượng đóng vai trò quyết định và chi phối hình thức của các cuộc đấu tranh để đưa cách mạng đến thắng lợi, thực hiện mục tiêu cuối cùng là tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Hãy trình bày những nét lớn về quá trình thống nhất Đức giữa thế kỉ XIX.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Đến giữa thế kỉ XIX, kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Đức phát triển nhanh chóng ; từ một nước nông nghiệp, Đức trở thành nước công nghiệp. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp làm cho đội ngũ công nhân tăng nhanh.

- Công nghiệp và các thành thị phát triển nhanh chóng đã thôi thúc nhiều quý tộc địa chủ chuyển sang kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa.

- Trở ngại lớn nhất cho sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Đức là đất nước vẫn trong tình trạng bị chia sẽ thành nhiều vương quốc lớn nhỏ, trong đó Áo và Phổ và hai vương quốc lớn nhất. Vấn đề thống nhất đất nước ngày càng trở thành yêu cầu cấp thiết.

- Bộ phận quý tộc quân phiệt Phổ đại diện là Bi-xmác, được sự ủng hộ của giai cấp tư sản đã dùng vũ lực để thống nhất đất nước bằng ba buộc chiến tranh với các nước láng giềng.

- Với sự thất bại của Pháp trong cuộc chiến tranh Pháp – Phổ (1870 – 1871), Bi-xmác đã gạt được ảnh hưởng của Pháp, thu phục các bang miền Nam, hoàn thành việc thống nhất đất nước.

- Ngày 18 – 1 – 1871, lễ thành lập Đế chế Đức được tổ chức tại Cung điện Véc-xai (Pháp). Vua Phổ Vin-hem I chính thức lên ngôi Hoàng đế. Bi-xmác trở thành Thủ tướng nước Đức. Tháng 4 – 1871, Hiến pháp mới được ban hành, quy định nước Đức là một liên bang gồm 22 quốc gia và 3 thành phố tự do, củng cố vai trò của quý tộc quân phiệt Phổ.

- Như vậy, việc thống nhất nước Đức mang tính chất một cuộc cách mạng tư sản, tạo điều kiện cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ ở Đức.

Câu 2 : Hãy trình bày diễn biến chính quá trình thống nhất I-ta-li-a.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Giữa thế kỉ XIX, I-ta-li-a vẫn bị chia thành 7 vương quốc nhỏ. Phần lớn các vương quốc theo chế độ quân chủ chuyên chế và chịu sự khống chế của đế quốc Áo; duy chỉ có Vương quốc Pi-ê-môn-tê là giữ được độc lập với chế độ chính trị và kinh tế tiến bộ hơn cả.

- Giai cấp tư sản ở các vương quốc trên bán đảo I-ta-li-a đều muốn dựa vào Pi-ê-môn-tê để loại bỏ thế lực của Áo, thực hiện việc thống nhất I-ta-li-a. Bá tước Ca-vua, Thủ tướng Pi-ê-môn-tê, chủ trương dùng chiến tranh để thành lập nước I-ta-li-a thống nhất dưới sự lãnh đạo của Vương triều Xa-voa.

- Tháng 4 – 1859, Ca-vua liên minh với Pháp tiến hành chiến tranh với Áo. Trong khi chiến sự đang diễn ra, quần chúng ở các vương quốc thuộc miền Trung I-ta-li-a đã nổi dậy khởi nghĩa. Bọn phong kiến thống trị ở đây phải chạy sang Áo. Liên quân Pi-ê-môn-tê – Pháp, được sự hỗ trợ của đoàn quân tình nguyện Ga-ri-ban-đi, đã đẩy quân Áo vào tình thế vô cùng khó khăn. Tháng 3 – 1860, các vương quốc trên sáp nhập vào Pi-ê-môn-tê.

- Tháng 4 – 1860, phong trào khởi nghĩa của nhân dân ở đảo Xi-xi-li-a (miền Nam I-ta-li-a) bùng nổ đòi lật đổ chính quyền tay sai đế quốc Áo vào thống nhất đất nước. Ga-ri-ban-đi đem quân xuống giúp nhân dân Nam I-ta-li-a. Đội quân "Áo đỏ" hơn 1000 người do Ga-ri-ban-đi chỉ huy đã rời Giê-nô-va, vượt biển đổ bộ lên đảo Xi-xi-li-a.

- Sau đó, miền Nam I-ta-li-a được sáp nhập vào Pi-ê-môn-tê (10 – 1860), thành lập Vương quốc I-ta-li-a. Vua Pi-ê-môn-tê là Em-ma-nu-en II được tôn làm Quốc vương, Bác tước Ca-vua làm Thủ tướng.

- Năm 1866, I-ta-li-a liên minh với Phổ chống Áo, giải phóng được Vê-nê-xi-a. Năm 1870, với sự thất bại của Pháp trong cuộc chiến tranh Pháp – Phổ, Rô-ma đã thuộc về I-ta-li-a.

- Cuộc đấu tranh thống nhất I-ta-li-a mang tính chất một cuộc cách mạng tư sản, lật đổ sự thống trị của đế quốc Áo và các thế lực phong kiến bảo thủ I-ta-li-a, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

Câu 3 : Hãy nêu đặc điểm tình hình nước Mĩ giữa thế kỉ XIX.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Đến giữa thế kỉ XIX, kinh tế Mĩ phát triển theo hai con đường : miền Bắc phát triển nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa, ruộng đất nằm trong tay các trại chủ và nông dân tự do ; miền Nam phát triển kinh tế đồn điền dựa trên sự bóc lột sức lao động của nô lệ.

- Ở miền Bắc và miền Tây, kinh tế trại chủ nhỏ và nông dân tự do chiếm ưu thế dựa trên sự phát triển chăn nuôi và sản xuất lúa mì để phục vụ thị trường công nghiệp. Ở miền Nam, kinh tế đồn điền phát triển với các nghề trồng bông, mía, thuốc lá... Tuy vậy, sự tồn tại của chế độ nô lệ đã cản trở nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển ở Mĩ.

- Mâu thuẫn giữa tư sản và trại chủ miền Bắc với các chủ nô miền Nam càng thêm gay gắt. Phong trào đấu tranh đòi thủ tiêu chế độ nô lệ, được đông đảo những người tiến bộ da trắng tư sản, trại chủ, công nhân, nông dân... ủng hộ, diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Nguy cơ một cuộc nội chiến đang đến gần để thanh toán các lực lượng bảo thủ, giải phóng nô lệ, mở đường cho chủ nghĩa tư bản Mĩ phát triển trong cả nước.

Câu 4 : Trình bày diễn biến và ý nghĩa cuộc Nội chiến ở Mĩ.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ngày 12 – 4 – 1861, nội chiến bùng nổ. Giữa năm 1862, Tổng thống Lin-côn kí sắc lệnh cấp đất ở miền Tây cho dân di cư, tạo điều kiện cho họ ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế trang trại. Ngày 01 – 1 – 1863, sắc lệnh bãi bỏ chế độ nô lệ được ban hành. Nhờ vậy, hàng vạn nô lệ được giải phóng cùng với đông đảo dân tự do là những người mới được cấp đất, đã gia nhập đội quân của Chính phủ Liên bang. Sức mạnh của quân đội Liên bang được tăng cường.

- Ngày 9 – 4 – 1865, trong trận đánh quyết định tấn công thủ phủ Hiệp bang, quân đội Liên bang đã chiến thắng vẻ vang, chấm dứt cuộc nội chiến.

- Cuộc nội chiến 1861 – 1865 là cuộc cách mạng tư sản lần thứ hai ở Mĩ, kể từ sau Chiến tranh giành độc lập. Dựa vào lực lượng cách mạng của quần chúng giai cấp tư sản miền Bắc đã xóa bỏ chế độ nô lệ ở miền Nam, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở khu vực này. Nền kinh tế Mĩ đã vươn lên mạnh mẽ vào cuối thế kỉ XIX.

Câu 5 : Hãy trình bày tính chất và ý nghĩa của cải cách nông nô ở Nga.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cải cách nông nô ở Nga (1861) là cuộc cách mạng tư sản không triệt để, còn nhiều hạn chế. Nó duy trì nhiều dấu vết của trật tự phong kiến, thể hiện trên các mặt của chế độ chính trị và kinh tế – xã hội. Chính quyền chuyên chế vẫn còn trong tay giai cấp quý tộc địa chủ. Hầu hết ruộng đất vẫn thuộc về quý tộc. Nông dân vẫn chịu những thứ thuế nặng nề, phụ thuộc vào ruộng đất của địa chủ phong kiến. Những trở lực của sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa vẫn chưa được giải quyết.

- Về mặt khách quan, đạo luật thủ tiêu chế độ nông nô và những cải cách tiếp theo, có tác dụng tạo một số điều kiện nhất định cho sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Nga. Nó làm tăng nguồn lao động cho công nghiệp, nâng cao một bước địa vị chính trị cho giai cấp tư sản. Đúng như nhận xét của Lê-nin : "Cuộc cải cách nông nô là một cuộc cải cách có tính chất tư sản do bọn phong kiến thực hiện. Đó là một bước chuyển biến của nước Nga sang nền quân chủ tư sản".

Câu 6 : Hãy ghi sự kiện lịch sử vào bảng kê dưới đây về quá trình thống nhất nước Đức.

1) Tình hình nước Đức đặt ra yêu cầu thống nhất.	....
2) Quá trình thống nhất.	....
3) Kết quả đạt được.	....

** Hướng dẫn trả lời :*

1. Tình hình nước Đức đặt ra yêu cầu thống nhất.	- Giữa thế kỉ XIX kinh tế tư bản chủ nghĩa Đức phát triển nhanh chóng, từ một nước nông nghiệp, nước Đức trở thành nước công nghiệp. - Đội ngũ công nhân tăng nhanh. - Quý tộc và địa chủ chuyển sang kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa. - Nước Đức bị chia xẻ thành nhiều vương quốc nhỏ, cản trở sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa. Vấn đề thống nhất nước Đức ngày càng trở thành yêu cầu cấp bách.
2. Quá trình thống nhất.	- Đức tiến hành thống nhất bằng vũ lực "từ trên xuống" thông qua các cuộc chiến tranh với các nước khác. - Quá trình thống nhất Đức : Thống nhất từ trên xuống, bằng ba cuộc chiến tranh với các nước láng giềng: + Năm 1864, Bi-xmác tấn công Đan Mạch, chiếm Hôn-xtai-nơ và Sơ-lê-xvích thuộc Hắc Hải và Ban Tích. + Năm 1866, Bi-xmác gây chiến tranh với Áo, Đức thành lập một Liên bang Bắc Đức. - Năm 1870 – 1871, Bi-xmác gây chiến với Pháp, thu phục các bang miền Nam hoàn thành thống nhất Đức.
3. Kết quả đạt được.	Việc thống nhất nước Đức mang tính chất một cuộc cách mạng tư sản, tạo điều kiện cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển ở Đức.

Câu 7 : Hãy cho biết hệ quả của cuộc đấu tranh thống nhất Đức, thống nhất I-ta-li-a đối với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.

**Hướng dẫn trả lời :*

- Thống nhất đất nước, thống nhất thị trường dân tộc.
- Tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Đức, I-ta-li-a và ở các nước châu Âu.
- Nước Đức và I-ta-li-a có điều kiện đưa nền kinh tế phát triển, từ đó dẫn đến hình thành các công ti độc quyền rồi đi đến chủ nghĩa đế quốc.
- Chính sự thống nhất đó làm cho Đức, I-ta-li-a sau đó hai nước này trở thành những lò lửa gây chiến tranh thế giới.

Bài 8

CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA

I. CÂU HỎI CÓ SẴN TRONG SÁCH GIÁO KHOA

Câu 1 : Sử dụng các kiến thức đã học về Vật lí, Hoá học... trình bày một số thành tựu về khoa học – kĩ thuật được nêu ra trong bài học này.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Trong lĩnh vực Vật lí, những phát minh về điện của các nhà bác học như Ghê-oóc Xi-môn Ôm (1789 – 1854) người Đức, Mai-cơn Pha-ra-đây (1791 – 1867) và Giêmx Pre-xcốt Giun (1818 – 1889) người Anh, E-nư-li Khri-xchia-nô-vích Len-xơ (1804 – 1865) người Nga đã mở ra khả năng ứng dụng một nguồn năng lượng mới. Thuyết electron của Tôm-xơn (Anh) cho thấy nguyên tử không phải là phần tử nhỏ nhất của vật chất mà trước đó người ta vẫn lầm tưởng. Những phát hiện về hiện tượng phóng xạ của nhà bác học người Pháp Hăng-ri Béc-cơ-ren (1852 – 1908), Pi-e Quy-ri và Ma-ri Quy-ri đã đặt nền tảng cho việc tìm kiếm nguồn năng lượng hạt nhân; công tình nghiên cứu của nhà vật lí học người Anh Ec-nét Rơ-dơ-pho (1871 – 1937) là một bước tiến vĩ đại trong việc tìm hiểu cấu trúc vật chất và trở thành chiếc chìa khóa thần kì để tìm hiểu thế giới bên trong của nguyên tử. Phát minh của nhà bác học người Đức Vin-hem Rơn-ghen (1845 – 1923) về tia X vào năm 1895 đã giúp y học chẩn đoán chính xác bệnh tật, biết hướng điều trị nhằm phục hồi sức khỏe cho con người.
- Trong lĩnh vực Hóa học, định luật tuần hoàn của nhà bác học Nga Men-đê-lê-ép đã đặt cơ sở cho sự phân hạng các nguyên tố hóa học.
- Lĩnh vực Sinh học cũng có nhiều tiến bộ lớn. Học thuyết Đác-uyn (Anh) đề cập đến sự tiến hóa và di truyền, sự chọn lọc tự nhiên của sinh vật ; phát minh của nhà bác học người Pháp Lu-i Pa-xtơn (1822 – 1895) giúp phát hiện vi trùng và chế tạo thành công văcxin chống bệnh chó dại ; công trình của nhà sinh lí học người Nga Páp-lốp (1849 – 1936) với thí nghiệm về những phản xạ có điều kiện đã nghiên cứu về hoạt động của hệ thần kinh cao cấp của động vật và con người v.v...

Câu 2 : Vì sao đến khoảng năm 1900, các nhà tư bản mới cạnh tranh gay gắt về dầu mỏ ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Những năm 30 thế kỉ XIX, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển nhanh chóng, một phần là do những tiến bộ của khoa học – kĩ thuật, đặc biệt là sự phát minh của động cơ đốt trong do kĩ sư R. Đi-ê-den (Đức) cải tiến mới được áp dụng rộng rãi. Động cơ đốt trong sử dụng nhiên liệu lỏng, không cần nồi hơi, so với máy hơi nước tiện lợi hơn rất nhiều.
- Việc sử dụng động cơ đốt trong tạo ra khả năng phát triển ngành ôtô và máy bay, đồng thời thúc đẩy ngành khai thác dầu mỏ. Từ đó các nhà tư bản tranh giành nhau về dầu mỏ ngày càng gay gắt.

Câu 3 : Trình bày hiểu biết của em về A. B. Nô-ben và giải Nô-ben.

** Hướng dẫn trả lời :*

- A. B. Nô-ben (1833 – 1896) là nhà bác học Thụy Điển đã phát minh ra thuốc nổ và có 350 bằng phát minh khác, đặc biệt là thuốc nổ không khói. Từ những năm (1873 – 1890) sau khi sống ở Nga và Mĩ, ông về tại Pa-ri. Sau đó, ông nghỉ hưu tại I-ta-li-a và làm chủ một gia tài khổng lồ với trị giá 40 triệu Phơ-răng vàng.
- Ngày 14 – 3 – 1893, ông viết chúc thư thứ nhất. Do điều kiện khách quan, chúc thư thứ nhất thay đổi vào ngày 27 – 11 – 1895 và ông đã lập ra giải thưởng Nô-ben. Theo đó, số gia tài 33 triệu curoon được sử dụng như sau : Phần vốn gửi vào ngân hàng, phần lãi hàng năm sẽ phân phối làm giải thưởng cho những ai trong năm trước đã đóng góp được nhiều cho nhân loại. Các lợi tức được chia năm phần bằng nhau. Phần thứ nhất cho tác giả phát minh quan trọng nhất về vật lí, phần thứ hai về hoá học, phần thứ ba về y tế, phần thứ tư về văn chương, phần thứ năm về một số nhân vật nổi tiếng có nhiều đóng góp cho tình đoàn kết, hoà bình của nhân loại.

Câu 4 : Quá trình xuất hiện các tổ chức độc quyền diễn ra như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Đến cuối thế kỉ XIX, việc sử dụng nguồn năng lượng mới cùng những tiến bộ kĩ thuật tạo ra khả năng xây dựng các ngành công nghiệp trên quy mô lớn. Để tập trung nguồn vốn lớn đủ sức cạnh tranh, các nhà tư bản thành lập các công ti độc quyền.
- Ở pháp, ngành luyện kim và khai tác mỏ tập trung trong tay hai công ti lớn. Công ti "Snây-đơ Crơ-do" nắm các nhà máy quân sự ở Crơ-đô và các nhà máy chế tạo đồ đồng, thép cùng các ngành khác ở nhiều vùng trong nước. "Tổng Công ti đường sắt và điện khí" cùng 6 công ti khác độc quyền ngành đường sắt trong nước. 50% trọng tải đường biển do 3 công ti lớn nắm. Hai Công ti "Xanh Gô-ben" và "Cu-man" kiểm soát toàn bộ công nghiệp hóa chất.

- Ở Đức, Công ti than Ranh-Vét-xpha-len (thành lập năm 1893) đã kiểm soát 95% tổng sản lượng than vùng Rua – vùng công nghiệp lớn nhất của Đức và hơn 55% tổng sản lượng than cả nước.

Câu 5 : Trình bày những tiến bộ kĩ thuật nổi bật và tác động của chúng đối với sản xuất và đời sống.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Những tiến bộ về kĩ thuật :

+ Nét nổi bật là những phát minh về điện. Phát minh của Moóc-xơ về điện báo, của Ê-đi-xơn về bóng đèn điện và xây dựng nhà máy điện ; tiếp theo là những phát minh về điện thoại, điện ảnh vô tuyến điện truyền thanh và tia X đã đưa nguồn năng lượng mới vào các lĩnh vực của cuộc sống.

+ Việc sử dụng lò Betxme và lò Máctanh đánh dấu một bước cách mạng trong ngành luyện kim.

+ Trong những năm 80 của thế kỉ XIX, những sáng chế ra máy tuốcbin phát điện chạy bằng sức nước và tuốcbin phát điện cùng việc chuyển tải điện đi xa đã tạo những điều kiện rất quan trọng để nâng cao năng suất lao động vượt bậc và mở rộng hơn nữa quy mô sản xuất.

+ Những phát hiện đầu tiên về dầu mỏ ở Mĩ và ở Nga đem lại cho loài người một nguồn nhiên liệu mới ngoài than, sau này được sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp.

- Tác động :

+ Sản lượng các ngành công nghiệp tăng lên nhanh chóng.

+ Nhiều phương tiện giao thông xuất hiện như ô tô, máy bay, tàu biển, tàu ngầm.

+ Đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của con người.

Câu 6 : Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, các nước tư bản Âu – Mĩ có những chuyển biến quan trọng gì ? Trong đó, chuyển biến nào đáng chú ý nhất ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cuối thế kỉ XIX, do sự cạnh tranh đã làm phá sản nhiều cơ sở kinh doanh nhỏ, tài sản tập trung dần vào tay các nhà tư bản lớn. Xu hướng tập trung sản xuất, tập trung tư bản đã dẫn đến sự xuất hiện các tổ chức độc quyền như cácten, xanhđica ở Đức và Pháp, tơrớt ở Mĩ.

- Sự tập trung sản xuất, tập trung tư bản làm tăng vai trò của ngân hàng. Dần dần trong ngành ngân hàng cũng hình thành những ngân hàng lớn. Nhiều chủ ngân hàng với số vốn khổng lồ đã nắm luôn các cơ sở sản xuất trực tiếp kinh doanh công nghiệp. Sự dung hợp giữa tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp đã tạo nên tầng lớp tư bản tài chính.

- Cùng với việc xuất khẩu hàng hoá, tầng lớp tư bản tài chính đẩy mạnh xuất khẩu tư bản. Họ chuyển vốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh ở các nước thuộc địa, phụ thuộc hoặc cho vay lãi để thu lợi nhuận cao.

- Do nguồn lợi thu được quá lớn từ xuất khẩu tư bản, các nước đế quốc tăng cường xâm lược thuộc địa khiến cho sự tranh chấp giữa các nước tư bản chủ nghĩa ngày càng căng thẳng.

Như vậy, đến cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, sự xuất hiện các tổ chức độc quyền, sự ra đời của tư bản tài chính, sự tăng cường xuất khẩu tư bản và kéo theo nó là sự tranh chấp thuộc địa ngày càng căng thẳng là những dấu hiệu cơ bản đánh dấu bước chuyển của chủ nghĩa tư bản sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, trong đó đặc điểm nổi bật nhất là chủ nghiã tư bản độc quyền.

B. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Nguyên nhân hình thành các tổ chức độc quyền vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Đặc điểm chung và đặc điểm riêng của chủ nghĩa đế quốc.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nguyên nhân :

+ Do tiến bộ của khoa học – kĩ thuật sản xuất công nghiệp các nước Âu – Mĩ tăng nhanh dẫn đến tích tụ tư bản.

+ Các ngành kinh tế chuyển từ tự do cạnh tranh sang tổ chức độc quyền dưới nhiều hình thức: cácten, xanhđica, tờrơt.

- Đặc điểm chung của chủ nghĩa đế quốc :

+ Sự tập trung sản xuất và tập trung tư bản đạt đên mức độ phát triển cao, tạo thành những tổ chức lũng đoạn.

+ Sự dung hợp giữa tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp trở thành tư bản tài chính.

+ Việc xuất khẩu tư bản được quan tâm.

+ Sự hình thành các khối liên minh tư bản độc quyền chia nhau thế giới.

+ Các cường quốc tư bản lớn đua nhau phân chia đất đai thế giới.

- Mỗi đế quốc còn có đặc điểm riêng :

+ Mĩ là sự hình thành các tờrớt khổng lồ với những tập đoàn tài chính giàu sụ.

+ Anh là đế quốc thực dân với hệ thống thuộc địa rộng lớn và đông dân.

+ Pháp là đế quốc cho vay nặng lãi.

+ Đức là chủ nghĩa đế quốc quân phiệt hiếu chiến.

Câu 2 : Vì sao các nước đế quốc tăng cường xâm chiếm và tranh chấp thuộc địa?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Để khai thác nguyên liệu, sử dụng nhân công rẻ mạt hoặc đem cho vay để thu được nhiều lãi.

- Năm 1990, nước Anh đầu tư ra bên ngoài 2 tỉ livrơ xtécting ; đến năm 1913, lên gần 4 tỉ. Năm 1899, tiền lãi của số vốn xuất khẩu là 90 triệu livrơ xtécling, đến năm 1912 lên tới 176 triệu. Thị trường đầu tư chủ yếu của nước Anh là các thuộc địa và một số nơi như Ấn Độ, Trung Quốc, Nga, các nước Mĩ La-tinh...

- Các thuộc địa có vai trò quan trọng đối với các đế quốc, là nơi đầu tư và tiêu thụ hàng hóa của chính quốc, nguồn cung cấp nguyên liệu và nhân công rẻ mạt, cung cấp binh lính cho những cuộc chiến tranh...

Câu 3 : Tại sao trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, các mâu thuẫn xã hội : giữa các nước đế quốc với nhau, giữa đế quốc với nhân dân thuộc địa, giữa giai cấp tư sản với công nhân và nhân dân lao động trong các nước tư bản... càng trở nên sâu sắc.

- Chủ nghĩa đế quốc với đế quốc luôn tranh chấp thuộc địa.
- Giai cấp tư sản bóc lột giai cấp công nhân.
- Chủ nghĩa đế quốc vơ vét thống trị các nước thuộc địa.

Bài 9

CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC

(cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX)

I. CÂU HỎI CÓ SẴN TRONG SÁCH GIÁO KHOA

Câu 1 : Vì sao sau năm 1870, Anh mất địa vị độc quyền công nghiệp, còn công nghiệp Pháp thì phát triển chậm ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Sau năm 1870 công nghiệp Anh mất dần địa vị độc quyền vì :

+ Máy móc xuất hiện sớm hơn các nước hàng mấy chục năm.

+ Nhiều thiết bị cũ kĩ được tích lại.

+ Sự cạnh tranh quyết liệt của các nước tư bản mới phát triển (Mĩ, Đức).

- Công nghiệp Pháp phát triển chậm lại :

+ Trước năm 1870, Pháp là nước công nghiệp tiên tiến đứng thứ hai thế giới sau Anh. Sau năm 1871, kinh tế Pháp phát triển chậm lại vì :

+ Pháp thất bại trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ do đó phải bồi thường chiến tranh.

+ Nghèo tài nguyên và nhiên liệu, đặc biệt là than đá.

+ Giai cấp tư sản chỉ chú trọng đến xuất cảng tư bản, không chú trọng phát triển công nghiệp trong nước.

Câu 2 : Tình hình kinh tế, chính trị của Pháp vào những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX diễn ra như thế nào ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Tình hình kinh tế :*

+ Đến cuối thế kỉ XIX, sản xuất công nghiệp của Pháp tụt xuống hàng thứ tư, sau Đức, Mĩ, Anh và kĩ thuật lạc hậu rõ rệt so với nền công nghiệp của nhiều nước tư bản trẻ khác.

+ Tuy vậy, công nghiệp Pháp cũng có những tiến bộ đáng kể. Hệ thống đường sắt lan rộng cả nước, đã đẩy nhanh sự phát triển của các ngành khai mỏ, luyện kim và thương nghiệp. Việc cơ khí hóa sản xuất được tăng cường. Từ năm 1852 - 1900, số xí nghiệp sử dụng máy móc tăng lên 9 lần, số động cơ chạy bằng hơi nước tăng lên 12 lần.

+ Nông nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng trong kinh tế Pháp vì phần đông dân cư sống bằng nghề nông.

+ Trong thời kì này, ở Pháp cũng hình thành nhiều tổ chức độc quyền, dần dần chi phối nền kinh tế đất nước.

+ Do vậy, đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Pháp là chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi.

- *Tình hình chính trị :*

+ Tháng 9 - 1870, nước Pháp thành lập nền Cộng hòa thứ ba. Song, phái Cộng hòa Pháp đã sớm chia thành hai nhóm : Ôn hòa và Cấp tiến, thay nhau cầm quyền ở Pháp.

+ Trong những thập niên cuối của thế kỉ XIX, nước Pháp ráo riết chạy đua vũ trang để trả mối thù với Đức, tiến hành những cuộc chiến tranh xâm chiếm thuộc địa, chủ yếu ở khu vực châu Á và châu Phi.

+ Đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, thuộc địa của Pháp được mở rộng chỉ đứng sau Anh, với diện tích gần 11 triệu km^2 và 55,5 triệu dân.

Câu 3 : Nêu một số sự kiện chứng tỏ kinh tế Đức phát triển mạnh. Nguyên nhân của sự phát triển.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Một số sự kiện :*

+ Vào giữa thế kỉ XIX, Đức còn là một nước nông nghiệp, đa số dân cư tập trung ở nông thôn và các thành thị nhỏ. Sau khi thống nhất đất nước, 1 - 1871, nền kinh tế Đức phát triển với tốc độ mau lẹ, vươn lên đứng đầu châu Âu và thứ hai thế giới.

+ Đến cuối thế kỉ XIX, nhiều khu công nghiệp đồ sộ Đức xuất hiện. Quá trình tập trung sản xuất và tập trung tư bản ở Đức diễn ra mạnh mẽ. Từ đó dẫn đến sự ra đời của các công ti độc quyền lớn ở những ngành công nghiệp then chốt. Các công ti độc quyền Đức dưới hình thức cácten và xanhđica.

+ Công nghiệp phát triển, quý tộc địa chủ Đức có điều kiện sử dụng máy móc và kĩ thuật mới trong nông nghiệp.

- Nguyên nhân của sự phát triển :

+ Công cuộc thống nhất đất nước tạo nên một thị trường dân tộc với chế độ hành chính, quan thuế, đo lường và tiền tệ thống nhất.

+ Nhận được khoản bồi thường 5 tỉ phrăng và hai vùng giàu nguyên liệu của Pháp là An-dát và Lo-ren.

+ Lãnh thổ nước Đức chứa nhiều nguyên liệu khoáng sản, đặc biệt là vùng Tây Nam.

+ Từ giữa thế kỉ XIX, nước Đức đã có một số cơ sở kinh tế công, thương nghiệp, nay tiếp thu và vận dụng kĩ thuật mới, tốc độ tăng trưởng rất nhanh.

+ Có nguồn nhân lực dồi dào và tay nghề cao.

Câu 4 : Trình bày những nét nổi bật trong nền kinh tế, chính trị Mĩ cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Tình hình kinh tế :

Sau cuộc nội chiến (1861 – 1865) chủ nghĩa tư bản phát triển nhanh chóng vượt bậc. Vì :

+ Việc giải phóng người nô lệ tạo nên nguồn lao động phong phú và năng động.

+ Nguồn nhập cư từ châu Á và châu Âu càng làm tăng thêm nhân công và trí tuệ cho các ngành sản xuất.

+ Chế độ kinh tế đồn điền và trang trại cùng những đồng cỏ mênh mông làm cho nước Mĩ trở thành vựa lúa, nguồn cung cấp thịt và nguồn cung cấp nguyên liệu rất giàu có và đa dạng.

+ Mĩ giàu nguyên liệu, nhiên liệu, nhất là mỏ vàng, mỏ than, dầu cùng nhiều khoáng sản khác.

+ Không bị ràng buộc bởi tàn dư chế dộ phong kiến lạc hậu, không gặp trở ngại về quyền lực chính trị của giới quý tộc.

+ Công nghiệp Mĩ xây dựng muộn, có thể áp dụng kĩ thuật tiên tiến nên năng suất cao.

Nhờ đó, chỉ từ năm 1865 đến 1894, Mĩ từ thứ tư nhảy lên đứng đầu thế giới về sản xuất công nghiệp.

Quá trình cạnh tranh và khủng hoảng kinh tế đã thúc đẩy mạnh mẽ sự tập trung sản xuất và tư bản ở Mĩ. Sự ra đời các công ti độc quyền diễn ra nhanh chóng, hình thức chủ yếu là tờrớt với những ông "vua dầu lửa", "vua ô-tô", "vua thép"... chi phối mọi hoạt động kinh tế, chính trị nước Mĩ.

- Tình hình chính trị :

+ Đứng đầu Chính phủ Mĩ là Tổng thống. Hai đảng tư sản : Cộng hoà và Dân chủ thay nhau lên cầm quyền.

+ Mĩ chậm trễ trong việc xâm chiếm thị trường thế giới.

+ Những năm 80 thế kỉ XIX trở đi, Mĩ lập tức vươn ra ngoài lãnh thổ của mình. Năm 1898, Mĩ gây chiến với Tây Ban Nha để cướp Phi-lip-pin, Cuba, can thiệp sâu vào nội bộ các nước Mĩ La-tinh. Thực hiện chính sách "mở cửa" để xâm nhập vào Trung Quốc.

Câu 5 : Vì sao nói chủ nghĩa đế quốc Anh là chủ nghĩa đế quốc thực dân, còn chủ nghĩa đế quốc Pháp là chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Chủ nghĩa đế quốc Anh :

+ Để bù đắp sự thua thiệt do mất địa vị là "công xưởng của thế giới", giai cấp thống trị Anh đẩy mạnh tốc độ xâm lược để mở rộng hệ thống thuộc địa ở châu Á và châu Phi. Năm 1914, thuộc địa Anh rộng tới 30 triệu km^2 với 400 triệu người, chiếm ¼ lãnh thổ và ¼ dân số thế giới.

+ Đế quốc Anh tồn tại và phát triển nhờ sự bóc lột tàn nhẫn một hệ thống thuộc địa bao la và giàu có nằm rải khắp hành tinh. Vì vậy, chủ nghĩa đế quốc Anh được gọi là "chủ nghĩa đế quốc thực dân".

- Chủ nghĩa đế quốc Pháp :

+ Công nghiệp Pháp phát triển chậm. Nhưng những công ti độc quyền cũng dần chi phối nền kinh tế của Pháp. Đặc điểm của tổ chức độc quyền ở Pháp là việc tập trung ngân hàng đạt mức cao.

+ Pháp là nước đứng thứ hai về xuất cảng tư bản (sau Anh), nhưng hình thức khác Anh ở chỗ tư bản đem cho các nước chậm tiến vay lấy lãi. Vì vậy, chủ nghĩa đế quốc Phấp được gọi là "chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi".

Câu 6 : Vì sao giới cầm quyền Đức ráo riết chuẩn bị chiến tranh thế giới ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Đức bước vào con đường tư bản chủ nghĩa tương đối chậm, nên khi trở thành cường quốc công nghiệp thì phần lớn đất đai trên thế giới đã là thuộc địa hoặc nửa thuộc địa của Anh, Pháp và các nước tư bản khác. Ngay từ thập niên thế kỉ XIX, Đức công khai đòi chia lại thị trường và thuộc địa thế giới. Ráo riết chạy đua vũ trang chuẩn bị gây chiến, dẫn đến mâu thuẫn giữa Đức với Anh và Pháp càng sâu sắc. Từ đó, ở châu Âu hình thành hai tập đoàn chống đối nhau : Một bên là Đức, Áo – Hung và Thổ Nhĩ Kì; một bên là Anh, Pháp, Nga. Cả hai tập đoàn này đều ôm mộng xâm lược và điên cuồng chạy đua vũ trang.

- Đặc điểm chủ đế quốc Đức : là *chủ nghĩa quân Phiệt hiếu chiến.*

Câu 7 : Nguyên nhân nào khiến kinh tế Mĩ phát triển vượt bậc ?

** Hướng dẫn trả lời :*

Cuối thế kỉ XIX, trong số các nước công nghiệp tiên tiến, Mĩ là nước có nền kinh tế phát triển hơn cả. Mĩ đã nhảy lên vị trí thứ nhất về sản xuất công nghiệp. Những nguyên nhân chủ yếu tạo nên sự phát triển đó là :

- Nhờ điều kiện thiên nhiên thuận lợi : chế độ kinh tế đồn điền và trang trại cùng những đồng cỏ mênh mông làm cho nước Mĩ trở thành vựa lúa, nguồn cung cấp thịt và nguyên liệu rất giàu có và đa dạng.

- Nước Mĩ còn có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú.

- Có nguồn lao động dồi dào, tay nghề cao luôn được bổ sung bởi luồng người nhập cư, tiếp thu được nhiều thành tựu khoa học – kĩ thuật mới.

- Sự tập trung sản xuất và tư bản của Mĩ.

- Công nghiệp Mĩ ra đời và phát triển muộn nên áp dụng được những phát minh khoa học – kĩ thuật tiên tiến của thế giới.

Câu 8 : Âm mưu và hoạt động bành trướng của Mĩ diễn ra như thế nào ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- So với các nước đế quốc khác, Mĩ chậm trễ trong việc xâm chiếm thị trường thế giới vì mải lo chinh phục đất đai rộng lớn ở miền Trung và miền Tây nước Mĩ. Đến những năm 80 thế kỉ XIX, khi biên giới Mĩ đã chạm bờ Thái Bình Dương, lập tức giới cầm quyền Mĩ thực hiện âm mưu bành trướng ra ngoài lãnh thổ nước Mĩ.

- Nước Mĩ định hình chiến lược bành trướng theo hai hướng: Xuống phía Nam làm chủ Trung Nam Mĩ và sang phía Tây chiếm lĩnh một số hòn đảo trên Thái Bình Dương để làm bàn đạp sang châu Á. Mĩ thực hiện chính sách "cái gậy" và "ngoại giao đồng đô la" trong quá trình bành trướng. Khi xâm chiếm thuộc địa, Mĩ không thiết lập chế độ thuộc địa theo nguyên mẫu của Anh, Pháp mà lập các nước cộng hoà có bề ngoài độc lập, nhưng thực chất là thuộc địa của Mĩ.

- Năm 1898, Mĩ gây chiến với Tây Ban Nha để xâm chiếm Phi-lip-pin và Cu Ba. Bằng đồng đôla và sức mạnh quân sự, Mĩ can thiệp vào nội bộ các nước ở Mĩ La-tinh. Ở Trung Quốc, Mĩ đề ra chính sách "mở cửa" để xâm nhập vào đất nước rộng lớn và giàu có này.

B. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Trình bày tình hình kinh tế Anh vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Từ cuối thập niên 70, Anh mất dần địa vị độc quyền công nghiệp, do vậy, mất luôn cả vai trò lũng đoạn thị trường thế giới. Mĩ và Đức là những nước tư bản phát triển sau nhưng lại vượt Anh. Tính riêng về sản lượng thép :

Năm Nước	1800 (đ/c : triệu tấn)	1900 (đ/v : triệu tấn)	Tỉ lệ gia tăng (%)
Anh	1,3	4,9	377
Mĩ	1,2	10,2	850
Đức	0,7	6,4	910

- Tuy vai trò bá chủ thế giới về công nghiệp bị giảm sút, Anh vẫn chiếm ưu thế về tài chính, xuất khẩu tư bản, thương mại, hải quân và thuộc địa.

- Trong thời kì này, nhiều công ti độc quyền xuất hiện ở hầu hết các ngành công nghiệp : khai thác than, dệt, thuốc lá, hóa chất, luyện kim, vận tải và đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng.

- Nền nông nghiệp Anh cũng lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Vào cuối thế kỉ XIX, giá lúa mì nhập từ châu Âu và Mĩ rất rẻ trong khi giá lương thực sản xuất trong nước lại rất cao do chế độ thuế khóa. Vì thế, giai cấp tư sản Anh lao vào buôn bán lương thực hơn là đầu tư vào sản xuất nông nghiệp.

Câu 2 : Hãy nêu những nét lớn về tình hình chính trị nước Anh cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Về hình thức, nước Anh là một vương quốc nhưng thực chất theo chế độ đại nghị gồm: Thượng viện và Hạ viện. Hai đảng (*Đảng Tự do và Đảng Bảo thủ*) thay nhau cầm quyền.

- Đây cũng là thời kì giai cấp tư sản Anh tăng cường, mở rộng hệ thống thuộc địa, đặc biệt ở châu Á và châu Phi.

- Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bóc lột thuộc địa của đế quốc rộng lớn mà "Mặt trời không bao giờ lặn", Lê-nin đã nhận định : chủ nghĩa đế quốc Anh là chủ nghĩa đế quốc thực dân.

Câu 3 : Nét nổi bật của tình hình kinh tế Đức cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Trong những năm 1890 – 1900, sản lượng công nghiệp Đức tăng 163% (Anh – 49%, Pháp – 65%). Do sản xuất phát triển, việc xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp của Đức tăng rõ rệt.

- Đến năm 1900, Đức vượt Anh về sản xuất thép. Về tổng sản lượng công nghiệp, Đức dẫn đầu châu Âu và đứng thứ hai thế giới (sau Mĩ).

- Điểm nổi bật của quá trình phát triển công nghiệp Đức bấy giờ là sự tập trung sản xuất và hình thành các tổ chức độc quyền diễn ra sớm hơn nhiều nước khác ở châu Âu. Hình thức độc quyền phổ biến ở Đức là *cacten* và *xanhđica*.

- Nông nghiệp của Đức cũng có những tiến bộ nhưng chậm chạp hơn do việc tiến hành cách mạng tư sản không triệt để. Phần lớn ruộng đất tập trung trong tay quý tộc và địa chủ.

Câu 4 : Trình bày những nét lớn về tình hình chính trị ở Đức thời kì này.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Hiến pháp 1871 quy định nước Đức là một Liên bang gồm 22 quốc gia và 3 thành phố tự do, theo chế độ quân chủ lập hiến. Trong Nhà nước Liên bang, Hoàng đế là người đứng đầu, có quyền hạn tối cao (Tổng chỉ huy quân đội, bổ nhiệm và cách chức Thủ tướng, triệu tập và giải tán Quốc hội...). Quyền lập pháp trong tay hai viện : Hội đồng Liên bang (Thượng viện) gồm đại biểu các bang và Quốc hội (Hạ viện) do bầu cử, nhiệm kì 3 năm. Các bang vẫn giữ hình thức vương quốc (có vua, Chính phủ và Quốc hội riêng), nhưng quyền hạn bị thu hẹp.

- Nhà nước Liên bang được xây dựng trên cơ sở liên minh giữa giai cấp tư sản và quý tộc tư sản hóa, đứng đầu là Hoàng đế Vin-hem I và Thủ tướng Bi-xmác.

- Mặc dù có Hiến pháp, có Quốc hội, nhưng chế độ chính trị ở Đức thời kì này không phải là chế độ đại nghị tư sản mà thực chất là chế độ bán chuyên chế, áp dụng sự thống trị của Phổ trên toàn nước Đức.

- Đường lối đối ngoại của Đức vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX là công khai đòi chia lại thị trường và thuộc địa, ráo riết chạy đua vũ trang để thỏa mãn nhu cầu của giới cầm quyền. Mâu thuẫn giữa Đức với Anh, Pháp càng thêm sâu sắc. Tính chất quân phiệt hiếu chiến là đặc điểm nổi bật của chủ nghĩa đế quốc Đức.

Câu 5 : Nhận xét tình hình chính trị nước Mĩ cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.

* *Hướng dẫn trả lời* :

- Chế độ chính trị ở Mĩ đề cao vai trò Tổng thống thông qua đại diện của một trong hai Đảng thắng cử, thay phiên nhau cầm quyền – Đảng Cộng hòa (đại diện cho lợi ích của đại tư bản công nghiệp và tài chính) và Đảng Dân chủ (đại diện cho lợi ích của tư bản nông nghiệp và trại chủ).

- Sau cuộc nội chiến 1861 – 1865, đời sống chính trị của người da đen được cải thiện phần nào.

- Đây cũng là thời kì Mĩ đẩy mạnh việc thôn tính những đất đai rộng lớn ở miền Trung và miền Tây của thổ dân In-đi-an, mở rộng biên giới đến bờ Thái Bình Dương. Từ thập niên 80, Mĩ bành trướng ảnh hưởng ở khu vực Mĩ La-tinh và Thái Bình Dương, gây chiến tranh với Tây Ban Nha (1898) để tranh giành thuộc địa, chiếm Ha-oai, Cu-ba và Phi-líp-pin... Mĩ từng bước can thiệp vào công việc nội bộ của các nước Trung, Nam Mĩ thông qua việc áp dụng chính sách "cái gậy và củ cà rốt", kết hợp sức mạnh của pháo hạm và đồng đôla.

Đối với Trung Quốc, Mĩ đưa ra chính sách "mở cửa" nhằm tạo điều kiện cho hàng hóa Mĩ tràn vào quốc gia rộng lớn này, đem lại lợi nhuận cho tư bản Mĩ.

Chương III

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN (GIỮA THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX)

Bài 10

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA CÔNG NHÂN VÀO NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

I. CÂU HỎI CÓ SẴN TRONG SÁCH GIÁO KHOA

Câu 1 : Tình cảnh của công nhân ở các nước tư bản như thế nào ?

* *Hướng dẫn trả lời* :

- Chủ nghĩa tư bản ra đời và phát triển dẫn đến sự ra đời của *giai cấp tư sản và vô sản.*

- Nguồn gốc giai cấp vô sản : nông dân mất ruộng đất đi làm thuê, thợ thủ công phá sản. Giai cấp vô sản công nghiệp ra đời từ nửa cuối thế kỉ XVIII, trước tiên ở Anh, sau đó lần lượt ở các nước.

- Do bị áp bức bóc lột nặng nề nên đời sống của công nhân hết sức cơ cực.

- Hoàn toàn không có tư liệu sản xuất, làm thuê bán sức lao động của mình để sinh sống.

- Lao động vất vả những đồng lương chết đói, luôn bị đe dọa, bị sa thải.

- Mâu thuẫn giữa công nhân với tư sản ngày càng gay gắt, dẫn đến các cuộc đấu tranh.

Câu 2 : Hãy nêu những nét chủ yếu của phong trào công nhân vào nửa đầu thế kỉ XIX.

* *Hướng dẫn trả lời* :

- Những cuộc đấu tranh :
  + Những năm 20 – 30 thế kỉ XIX, công nhân Anh đấu tranh đòi quyền tuyển cử.
  + Ở Pháp, năm 1831, công nhân dệt Li-ông khởi nghĩa đòi tăng lương, giảm giờ làm.
  + Năm 1834, thợ tơ Li-ông khởi nghĩa đòi thiết lập nền cộng hoà.
  + Ở Anh, từ năm 1836 – 1848 diễn ra phong trào "Hiến chương" đòi phổ thông đầu phiếu, tăng lương, giảm giờ làm.
  + Ở Đức, năm 1844, công nhân Sơ-lê-din khởi nghĩa, phá huỷ nhà xưởng.

- Tất cả các phong trào đấu tranh của công nhân đều thất bại.

- Các phong trào đấu tranh thiếu sự lãnh đạo đúng đắn, chưa có đường lối chính sách rõ ràng.

- Mặc dầu bị thất bại nhưng nó đánh dấu sự trưởng thành của công nhân, là tiền đề dẫn đến sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Câu 3 : Chủ nghĩa xã hội không tưởng ra đời trong điều kiện nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Đến cuối thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ngày càng phơi bày những mặt tiêu cực của nó trong việc bóc lột tàn nhẫn người lao động và gây nên nhiều tệ nạn xã hội.

- Tình cảnh khổ cực của những người lao động đã tác động vào ý thức, tư tưởng của một số người tiến bộ trong hàng ngũ tư sản. Họ nhận thức được những mặt hạn chế của xã hội tư bản, mong muốn xây dựng một chế độ xã hội tốt đẹp hơn, không có tư hữu, không có bóc lột. Tư tưởng đó là nội dung của chủ nghĩa xã hội không tưởng mà đại biểu xuất sắc là Xanh Xi-mông, Sác-lơ Phu-ri-ê ở Pháp và Rô-be Ô-oen ở Anh.

Câu 4 : Hãy phân tích các mặt mạnh, yếu của phong trào công nhân nửa đầu thế kỉ XIX.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Mặt mạnh :

+ Thể hiện được ý thức đấu tranh chống áp bức bóc lột của giai cấp công nhân.

+ Đánh dấu sự trưởng thành của giai cấp công nhân : từ đấu tranh kinh tế dần dần chuyển sang đấu tranh chính trị.

+ Tạo điều kiện quan trọng cho sự ra đời của lí luận khoa học sau này.

- Mặt yếu :

+ Tất cả các cuộc đấu tranh cuối cùng bị thất bại vì thiếu sự lãnh đạo đúng đắn và chưa có đường lối chính trị rõ ràng...

+ Vẫn còn nặng về đấu tranh kinh tế, đòi quyền lợi trước mắt.

Câu 5 : Tìm hiểu thêm nội dung tư tưởng của L. Xanh Xi-mông, S. Phu-ri-ê, R. Ô-oen. Vì sao gọi là "chủ nghĩa xã hội không tưởng"?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nội dung tư tưởng :

+ Xanh Xi-mông kịch liệt phê phán chế độ áp bức bóc lột, kêu gọi xây dựng một xã hội công bằng, trong đó mọi người được thoả mãn về vật chất và tinh thần.

+ S. Phu-ri-ê phê phán xã hội tư bản một cách sâu sắc, đề ra kế hoạch cải tạo xã hội bằng việc lập ra những đơn vị lao động, trong đó mọi người lao động theo kế hoạch, có thời gian nghỉ ngơi.

+ R. Ô-oen tổ chức một số công xưởng kiểu mẫu ở Anh, ở Mĩ, trong đó công nhân chỉ làm việc 10 giờ rưỡi một ngày, được trả lương cao và được hưởng phúc lợi tập thể. Ông cũng chủ trương đi đến chủ nghĩa xã hội bằng cách tuyên truyền, thuyết phục và nêu gương.

- Vì sao :

Công lao của các nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng là phê phán sâu sắc xã hội tư bản, có ý thức bảo vệ quyền lợi của giai cấp công nhân, dự đoán thiên tài về xã hội tương lai. Nhưng họ không phát hiện được những quy luật phát triển của chế độ tư bản và cũng không nhìn thấy lực lượng xã hội có khả năng xây dựng xã hội mới là giai cấp công nhân. Họ chỉ mơ ước có một xã hội mới, nhưng bằng con đường nào để có được xã hội đó thì họ lại bế tắc. Chính vì vậy nên gọi là chủ nghĩa xã hội không tưởng.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Đến giữa thế kỉ XIX, công nhân làm việc và sinh hoạt trong hoàn cảnh như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Do hệ quả của cách mạng công nghiệp, giai cấp vô sản ra đời từ nửa cuối thế kỉ XVIII, trước tiên ở Anh, đến giữa thế kỉ XIX dần hình thành và lớn mạnh trên phạm vi thế giới.

- Trong các công xưởng tư bản, công nhân phải làm việc hết sức vất vả nhưng chỉ được nhận đồng lương chết đói.

Ví dụ : Ở nước Anh, mỗi ngày công nhân trong các xưởng dệt (kể cả phụ nữ và trẻ em) phải lao động 14 – 15 giờ, thậm chí có nơi 16 – 18 giờ. Điều kiện làm việc rất tồi tệ bởi môi trường luôn ẩm thấp, nóng nực, bụi bông phủ đầy những căn phòng chật hẹp.

- Thêm vào đó, việc sử dụng máy móc làm cho nhiều công nhân luôn phải sống trong cảnh đe dọa bị mất việc làm. Đó là những lý do thúc đẩy giai cấp vô sản đấu tranh chống giai cấp tư sản.

Câu 2 : Những hình thức đấu tranh đầu tiên của công nhân. Ý nghĩa của nó.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Lúc đầu, do nhận thức còn hạn chế, nhiều công nhân đã tưởng rằng máy móc là nguồn gốc gây nên nỗi khổ của họ. Phong trào *đập phá máy móc, đốt công xưởng* là hình thức đấu tranh *tự phát* đầu tiên của giai cấp vô sản. Phong trào này diễn ra từ cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XIX, trước hết ở Anh rồi lan ra các nước khác. Song, việc đập phá máy móc không đem lại kết quả gì ngoài sự tăng cường đàn áp của giai cấp thống trị. Qua kinh nghiệm của nhiều lần thất bại và sự trưởng thành về ý thức, phong trào đấu tranh của công nhân ngày càng được nâng cao và có tổ chức với hình thức bãi công đòi tăng lương, giảm giờ làm và thành lập *các nghiệp đoàn*.

- Ý nghĩa :

+ Thể hiện tinh thần đấu tranh chống áp bức, bóc lột ngày càng nâng cao.

+ Thể hiện quy luật : đâu có áp bức ở đó có đấu tranh.

Câu 3 : Những cuộc đấu tranh của công nhân Anh, Pháp, Đức hồi nửa đầu thế kỉ XIX phản ánh điều gì ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Những cuộc đấu tranh của công nhân Anh, Pháp, Đức thể hiện tinh thần đấu tranh quyết liệt của giai cấp công nhân. Nó đánh dấu sự trưởng thành của giai cấp công nhân : từ đấu tranh kinh tế dần dần chuyển sang đấu tranh chính trị. Nó phản ánh ý thức đấu tranh giai cấp ngày càng nâng cao.

- Những cuộc đấu tranh trên của giai cấp công nhân Anh, Pháp, Đức đều thất bại vì thiếu sự lãnh đạo đúng đắn và chưa có đường lối chính trị rõ ràng, song đã đánh dấu sự trưởng thành của công nhân, tạo điều kiện quan trọng cho sự ra đời của lí luận khoa học sau này.

Câu 4 : Lập niên biểu về các cuộc đấu tranh của công nhân Pháp, Anh, Đức cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

**Hướng dẫn trả lời:*

Nước	Thời gian	Sự kiện
Pháp	1831	Công nhân thành phố Li-ông khởi nghĩa đòi tăng lương, giảm giờ làm.
	1834	Công nhân các nhà máy tơ Li-ông lại khởi nghĩa đòi thành lập nền cộng hoà.
Anh	1836 – 1848	Phong trào Hiến chương đòi phổ thông đầu phiếu, đòi tăng lương, giảm giờ làm.
Đức	1844	Công nhân dệt Sơ-lê-din khởi nghĩa phá huỷ nhà xưởng.

Câu 5 : Lập bảng tóm tắt về các quan điểm và chủ trương của các nhà xã hội không tưởng.

** Hướng dẫn trả lời :*

Các nhà xã hội không tưởng	Quan điểm và chủ trương
Xanh Xi-mông	Kịch liệt phê phán chế độ áp bức bóc lột. Kêu gọi xây dựng xã hội công bằng, trong đó mọi người được thoả mãn về vật chất và tinh thần.
S. Phu –ri -ê	Phê phán xã hội tư bản một cách sâu sắc. Đề ra kế hoạch cải tạo xã hội bằng việc lập ra những đơn vị lao động, trong đó mọi người lao động theo kế hoạch, có thời gian nghỉ ngơi.
R. Ô- oen	Chủ trương đi đến chủ nghĩa xã hội bằng cách tuyên truyền, thuyết phục và nêu gương.

Bài 11

SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC – QUỐC TẾ THỨ NHẤT

I. CÂU HỎI CÓ SẴN TRONG SÁCH GIÁO KHOA

Câu 1 : Trình bày những nét chính về buổi đầu hoạt động cách mạng của C. Mác và Ph. Ăng-ghen.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Năm 1844, Ăng-ghen sang Pa-ri gặp C. Mác. Cuộc gặp gỡ đã mở đầu tình bạn cảm động và sự cộng tác chặt chẽ giữa hai nhà cách mạng vô sản vĩ đại, những người sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Mác và Ăng-ghen đã cùng nhau nghiên cứu lí luận và thành lập một tổ chức quốc tế của giai cấp vô sản.

+ Về lí luận : Hai ông xây dựng học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học.

+ Về tổ chức : Hai ông liên hệ với Đồng minh những người chính nghĩa, được thành lập ở Pa-ri năm 1836, sau đó trở thành Đồng minh những người cộng sản (6 – 1847). Đây là tổ chức đầu tiên của giai cấp vô sản quốc tế, nhằm : “đoàn kết vô sản tất cả các nước, để lật đổ giai cấp tư sản, thiết lập sự thống trị của giai cấp vô sản, thủ tiêu xã hội tư sản cũ”.

- Tháng 12-1847, Tuyên ngôn Đảng Cộng sản ra đời, do C. Mác và Ăng-ghen soạn thảo.

Câu 2 : C. Mác và Ph. Ăng-ghen có vai trò như thế nào trong việc thành lập Đồng minh những người cộng sản?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Những hoạt động của Mác và Ăng-ghen thông qua việc nghiên cứu các tác phẩm kinh điển đã đặt cơ sở lí luận cho sự hình thành học thuyết Mác.

- Những hoạt động của Mác và Ăng-ghen trong phong trào công nhân, làm cơ sở thực tế cho sự hình thành học thuyết Mác.

- C. Mác và Ph. Ăng-ghen là những người sáng lập ra Đồng minh những cộng sản.

- Hai ông đã đề ra mục đích hoạt động cho Đồng minh những người cộng sản.

- Mác và Ăng-ghen đã soạn thảo Tuyên ngôn Đảng Cộng sản. Là văn kiện có tính chất cương lĩnh đầu tiên của chủ nghĩa xã hội khoa học, bước đầu kết hợp chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân.

Câu 3 : Hãy nêu ý nghĩa lịch sử bản Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là văn kiện có tính chất cương lĩnh đầu tiên của chủ nghĩa xã hội khoa học, đánh dấu bước đầu kết hợp chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân.

- Từ đây, giai cấp công nhân đã có lí luận cách mạng soi đường để thực hiện mục tiêu cuối cùng của người người cộng sản là xây dựng chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.

- Chủ nghĩa tư bản ra đời là một bước tiến, song nó chứa đựng nhiều mâu thuẫn và cuộc đấu tranh giữa tư bản và vô sản tất yếu nổ ra.

- Khẳng định sứ mệnh lịch sử và vai trò của giai cấp vô sản là lãnh đạo cách mạng. Muốn cách mạng thắng lợi cần phải có chính đảng tiên phong của mình.

- Trình bày một cách hệ thống những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa cộng sản, chứng minh quy luật tất yếu diệt vong của chế độ tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản.

Câu 4 : Quốc tế thứ nhất được thành lập trong điều kiện lịch sử như thế nào ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Giữa thế kỉ XIX, sự phát triển mạnh mẽ của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa làm cho đội ngũ công nhân càng thêm đông đảo và tập trung tới mức độ khá cao, đặc biệt ở những trung tâm công nghiệp. Ách áp bức, bóc lột đối với công nhân cũng tăng thêm. Do đó, những cuộc đấu tranh mới của công nhân châu Âu không ngừng diễn ra song vẫn còn trong tình trạng phân tán về tổ chức và thiếu thống nhất về tư tưởng.

- Tình hình trên đòi hỏi phải có một tổ chức cách mạng quốc tế để đoàn kết và lãnh đạo phong trào công nhân các nước. Ngày 28 – 9 – 1864, trong cuộc mít tinh lớn ở Luân Đôn có đại biểu công nhân nhiều nước tham gia, Hội Liên hiệp lao động quốc tế (thường được gọi là Quốc tế thứ nhất) được thành lập với sự tham gia tích cực của Mác.

Câu 5 : Trình bày sơ lược tiểu sử của C. Mác và Ph. Ăng-ghen.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Các Mác sinh ngày 5 – 5 – 1818 trong một gia đình luật sư gốc Do Thái có tư tưởng tự do tiến bộ, ở thành phố Tơ-ri-ơ (Đức).

- Năm 1842, Mác làm cộng tác viên, rồi làm Tổng biên tập Báo sông Ranh – một tờ báo có xu hướng dân chủ cách mạng. Vì có tư tưởng chống đối chính quyền, Báo sông Ranh bị đóng cửa.

- Năm 1843, Mác cùng vợ là Giẹn-ni phải rời Đức sang Pa-ri (Pháp), rồi Brúc-xen (Bỉ) và cuối cùng cư trú lâu dài ở Luân Đôn (Anh). Ở Pa-ri, Mác thường xuyên tiếp xúc với những nhà hoạt động cách mạng của phong trào công nhân, nghiên cứu lịch sử cách mạng Pháp, các tác phẩm triết học và tham gia xuất bản tạp chí Biên niên Pháp – Đức. Trong những bài viết của mình, Mác đi đến nhận định : Giai cấp vô sản được giác ngộ lý luận cách mạng là giai cấp sẽ đảm đương sứ mệnh lịch sử giải phóng loài người khỏi áp bức bóc lột.

- Phri-đrích Ăng-ghen sinh ngày 28 – 11 – 1820, trong một gia đình chủ xưởng ở thành phố Bác-men (Đức).

Do yêu cầu của người cha, Ăng-ghen phải sang làm thư kí cho một hãng buôn ở Anh. Tuy vậy, việc đó không thể ngăn cản ông nghiên cứu khoa học và hoạt động chính trị.

- Trong thời gian sống ở Anh (từ năm 1842), Ăng-ghen luôn gần gũi công nhân, từng chứng kiến tình cảnh khốn cùng và cuộc sống lao động vất vả của họ. Trong cuốn *Tình cảnh của giai cấp công nhân Anh*, bằng ngòi bút sắc sảo và dẫn chứng cụ thể, Ăng-ghen nêu rõ sự bóc lột tàn bạo của giai cấp tư sản đối với công nhân và đi đến kết luận : Giai cấp vô sản không chỉ là nạn nhân của chủ nghĩa tư bản, mà còn là lực lượng có thể đánh đổ sự thống trị của giai cấp tư sản và tự giải phóng mọi xiềng xích.

Câu 6 : Nêu những nội dung cơ bản của Tuyên ngôn của Đảng cộng sản.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Chủ nghĩa tư bản ra đời là một bước tiến, song nó chứa đựng nhiều mâu thuẫn và cuộc đấu tranh giữa tư bản và vô sản tất yếu nổ ra.

- Trình bày một cách hệ thống những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa cộng sản, chứng minh quy luật tất yếu diệt vong của chế độ tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản.

- Khẳng định sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản là lãnh đạo cuộc đấu tranh chống sự thống trị và ách áp bức lóc lột của giai cấp tư sản, xây dựng chế độ cộng sản chủ nghĩa.

- Phải thành lập chính Đảng của mình, thiết lập nền chuyên chính vô sản và đoàn kết các lực lượng công nhân trên thế giới.

- Dùng bạo lực để lật đổ trật tự xã hội hiện có và kêu gọi quần chúng đứng lên làm cách mạng.

- Tuyên ngôn kết thúc bằng lời kêu gọi: "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!".

Câu 7 : Quốc tế thứ nhất đóng góp những gì cho phong trào công nhân những năm 60 – 70 của thế kỉ XIX ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Quốc tế có nhiều đóng góp cụ thể giúp đỡ phong trào công nhân, đặc biệt là kêu gọi ủng hộ cuộc đấu tranh của những người lao động Pa-ri (1871).

- Năm 1867, công nhân đúc đồng ở Pa-ri bãi công. Quốc tế đã tổ chức quyên góp giúp đỡ đưa cuộc đấu tranh đến thắng lợi. Trong những năm 1868 – 1869, công nhân mỏ ở Bỉ liên tục bãi công. Quốc tế đã kêu gọi công nhân các nước giúp những người bãi công và gia đình họ vượt qua khó khăn. Năm 1871, công nhân và nhân dân lao động Pa-ri đứng lên làm cách mạng, thành lập Công xã - chính quyền vô sản đầu tiên trên thế giới. Quốc tế đã tích cực hưởng ứng cuộc đấu tranh của những người lao động Pa-ri và kêu gọi công nhân các nước ủng hộ Công xã.

Như vậy, bằng những đóng góp thiết thực của mình, Quốc tế thứ nhất là tổ chức quốc tế đầu tiên góp phần truyền bá rộng rãi chủ nghĩa Mác trong phong trào công nhân quốc tế và đoàn kết, thống nhất lực lượng vô sản quốc tế dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác trong cuộc đấu tranh giải phóng loài người khỏi áp bức, bóc lột.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : "Đồng minh những người cộng sản" ra đời trong hoàn cảnh nào ? Mục đích của tổ chức này là gì ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Trong những năm sống ở Anh, Mác và Ăng-ghen đã liên hệ với tổ chức Đồng minh những người chính nghĩa (thành lập năm 1836 ở Pa-ri).

- Tháng 6-1847, tại đại hội của Đồng minh những người chính nghĩa họp ở Luân Đôn, theo đề nghị của Ăng-ghen, tổ chức này được đổi tên thành Đồng minh những người cộng sản. Mục đích của Đồng minh được khẳng định là : "... lật đổ giai cấp tư sản, thiết lập sự thống trị của vô sản, thủ tiêu xã hội tư sản cũ".

Câu 2 : Trình bày những nét chính về hoạt động của Quốc tế thứ nhất. Những đóng góp của Quốc tế thứ nhất cho phong trào công nhân những năm 60 - 70 của thế kỉ XIX ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Hoạt động :

+ Quốc tế thứ nhất chống các trào lưu xa lạ đối với lập trường của giai cấp công nhân.

+ Truyền bá rộng rãi chủ nghĩa Mác.

+ Chủ trương làm việc tám giờ.

+ Hạn chế lao động của phụ nữ và trẻ em.

+ Thời gian tồn tại của Quốc tế thứ nhất : từ tháng 9 – 1864 đến tháng 7 – 1876. Quốc tế thứ nhất tiến hành 5 đại hội.

- Đóng góp của Quốc tế thứ nhất cho phong trào công nhân :

+ Ủng hộ cuộc bãi công của công nhân.

+ Phản đối chính sách khủng bố, tàn sát các cuộc đấu tranh của công nhân.

+ Truyền bá rộng rãi chủ nghĩa Mác trong phong trào công nhân quốc tế.

+ Đoàn kết, thống nhất các lực lượng vô sản quốc tế dưới ngọn cờ chủ nghĩa Mác.

Quốc tế thứ nhất chính thức tuyên bố giải tán ngày 15-7-1876.

Câu 3 : Lập niên biểu tóm tắt quá trình hoạt động của Các Mác và Ăng-ghen.

** Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	Các Mác	Ăng- ghen
1842	Làm cộng tác viên rồi Tổng biên tập Báo sông Ranh.	Hoạt động trong phong trào công nhân Anh và viết tác phẩm *Tình cảnh của giai cấp công nhân Anh.*
1843	Rời Pa-ri (Pháp) đến Luân Đôn (Anh)	Tiếp tục hoạt động trong phong trào công nhân Anh.
1844	Gặp Ăng-ghen, mở đầu cho tình bạn và công tác của hai ông.	Gặp Các Mác ở Pa-ri.
1836	Liên hệ với tổ chức Đông minh những người chính nghĩa.	Liên hệ với Đồng minh những người chính nghĩa.
2 – 1848	Cùng với Ăng-ghen viết Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.	Cùng Các Mác viết Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.

Bài 12

CÔNG XÃ PA-RI (1871)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Trước tình thế "Tổ quốc lâm nguy", thái độ của quần chúng nhân dân Pa-ri và Chính phủ tư sản như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cuộc chiến tranh Pháp – Phổ năm 1870, quân Pháp bị thất bại.

- Ngày 4 – 9 – 1870, quần chúng công nhân và dân nghèo Pa-ri đứng lên khởi nghĩa, đòi thiết lập chế độ cộng hoà và thành lập các đơn vị Quốc dân quân chuẩn bị lực lượng chống Phổ xâm lược.

- Giai cấp tư sản thành lập chính phủ lâm thời tuy với tên gọi là "Chính phủ Vệ quốc" nhưng không chống lại quân Đức xâm lược, tìm cách phá hoại cuộc kháng chiến của nhân dân, ra lệnh chấm dứt phòng thủ đất nước.

- Trước thái độ đầu hàng của "Chính phủ Vệ quốc", quần chúng nhân dân đứng lên khởi nghĩa, "nhanh chóng cứu nguy cho Pa-ri!".

Câu 2 : Nêu diễn biến Cuộc cách mạng 18 – 3 – 1871.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Sáng 18 – 3 – 1871, Chính phủ do Chi-e đứng đầu cho quân đánh chiếm đồi Mông-mác, nơi tập trung đại bác của Quốc dân quân. Quần chúng hỗ trợ cho Quốc dân quân bao vây quân Chính phủ. Âm mưu chiếm đồi Mông-mác của Chính phủ bị thất bại.

- Trưa 18 – 3, các tiểu đoàn tập trung vào trung tâm thủ đô, chiếm các cơ quan Chính phủ, nhà ga, sở Cảnh sát và toà Thị chính.

- Chiều 18 – 3, cờ đỏ phất phới bay trên nóc hầm toà Thị chính. Tàn quân của Chính phủ phải rút về Véc-xai để củng cố lực lượng.

- Ngày 26 – 3, tổ chức bầu cử Hội đồng Công xã. Ngày 28 – 3, Hội đồng Công xã làm lễ ra mắt, đánh dấu cuộc cách mạng thắng lợi.

Câu 3 : Trình bày những chính sách của Công xã Pa-ri.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ngày 26 – 3 – 1871, Công xã được thành lập, cơ quan cao nhất là Hội đồng Công xã được bầu theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu.

- Những việc làm của Công xã :

+ Quân đội và bộ máy cảnh sát cũ bị giải tán, thay vào đó là các lực lượng vũ trang nhân dân, nhà thờ tách khỏi trường học, nhà trường không được dạy Kinh Thánh.

+ Thi hành nhiều chính sách tiến bộ khác : thực hiện quyền làm chủ của công nhân đối với những xí nghiệp chủ bỏ trốn, những xí nghiệp còn chủ thì kiểm soát chế độ tiền lương, bớt lao động ban đêm, cấm cúp phạt và đánh đập công nhân. Giải quyết nạn thất nghiệp, ra lệnh hoãn trả tiền thuê nhà, hoãn trả nợ. Thực hiện chế độ giáo dục bắt buộc, không mất tiền...

- Công xã Pa-ri là một nhà nước kiểu mới, do dân và vì dân.

Câu 4 : Dựa vào bài học, viết bài tường thuật về cuộc chiến đấu của các chiến sĩ Công xã ở nghĩa địa Cha La-se-dơ.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Từ tháng 4, quân Véc-xai bắt đầu tấn công Pa-ri, các trận chiến đấu diễn ra ác liệt, kéo dài suốt từ ngày 21 đến 28 – 5 – 1871, gọi là "Tuần lễ đẫm máu".

- Các chiến sĩ công xã đã chiến đấu anh dũng bảo vệ từng khu phố, từng căn nhà, từng tấc đất. Tiêu biểu nhất là cuộc chiến đấu của gần 200 chiến sĩ cố thủ trong nghĩa địa Cha La-se-dơ.

- Bị bao vây từ bốn giờ sáng, các chiến sĩ Công xã dùng mọi thứ vũ khí, chống trả quân thù, cho đến khi vài chục người cuối cùng bị bắt, bị dẫn tới sát bức tường nghĩa địa và bị bắn chết tại đây. Từ đó bức tường nghĩa địa Cha La-se-dơ được gọi là " Bức tường chiến sĩ Công xã".

Câu 5 : Phân tích nguyên nhân thất bại của Công xã Pa-ri.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Giai cấp công nhân Pháp chưa đủ lực lượng để đánh bại hoàn toàn giai cấp tư sản. Lúc này, giai cấp tư sản còn mạnh lại được Đức viện trợ cho 1.000 quân, khi mà Pháp chấp nhận cắt hai tỉnh An-dát và Lo-ren cho Đức.

- Giai cấp vô sản chưa có một chính đảng lãnh đạo, chưa có sự liên minh công nông. Mặc dầu đây là cuộc "tấn công chọc trời", nhưng cuộc tấn công ấy chỉ đơn thuần của giai cấp vô sản.

- Giai cấp tư sản và các thế lực phản động lại cấu kết với nhau để tiêu diệt cách mạng.

- Công xã phạm sai lầm như bỏ lỡ thời cơ, thiếu kiên quyết trấn áp kẻ thù và chưa thực hiện được liên minh công nông.

Câu 6 : Vẽ sơ đồ bộ máy Hội đồng Công xã.

** Hướng dẫn trả lời :*

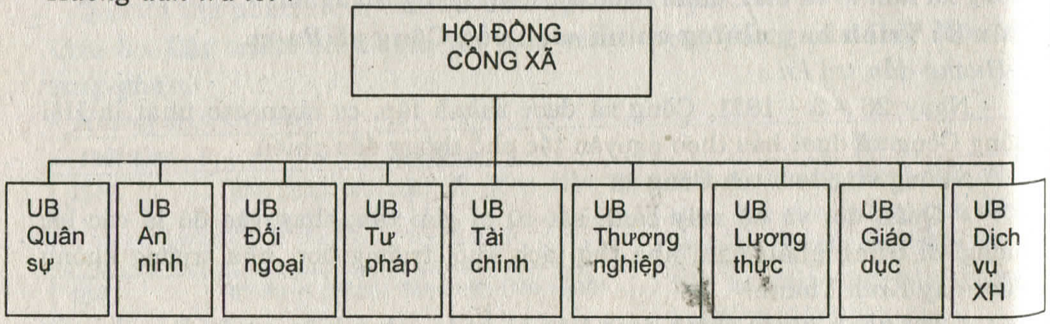

Câu 7 : Vì sao Công xã Pa-ri được gọi là Nhà nước kiểu mới ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cơ quan cao nhất của Nhà nước mới là Hội đồng Công xã. Hội đồng gồm nhiều ủy ban, đứng đầu mỗi ủy ban là một Ủy viên Công xã, chịu trách nhiệm trước nhân dân và có thể bị bãi miễn.

- Quân đội và bộ máy cảnh sát cũ bị giải tán, thay vào đó là lực lượng vũ trang nhân dân. Công xã tách nhà thờ ra khỏi những hoạt động của trường học và Nhà nước, nhà trường không dạy Kinh Thánh.

- Công xã còn thi hành nhiều chính sách tiến bộ khác : công nhân được làm chủ những xí nghiệp mà bọn chủ bỏ trốn ; đối với những xí nghiệp còn chủ ở lại, Công xã kiểm soát chế độ tiền lương, giảm bớt lao động ban đêm, cấm cúp phạt công nhân. Công xã đề ra chủ trương giáo dục bắt buộc và không mất tiền cho toàn dân, cải thiện điều kiện làm việc cho nữ công nhân.

Như vậy, cơ cấu tổ chức và hoạt động thực tế chứng tỏ Công xã Pa-ri là một Nhà nước khác hẳn các kiểu Nhà nước của những giai cấp bóc lột trước đó. Đây là một Nhà nước kiểu mới – Nhà nước vô sản, do dân và vì dân.

Câu 8 : Ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Công xã Pa-ri.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ý nghĩa :

+ Đây là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên nhằm xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa và thiết lập nền chuyên chính vô sản.

+ Cổ vũ tinh thần cách mạng của giai cấp công nhân, thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình.

- Bài học kinh nghiệm :

+ Bài học về sự thử nghiệm đầu tiên về một Nhà nước kiểu mới.

+ Bài học về sự cần thiết phải có sự lãnh đạo của Đảng vô sản.

+ Bài học về thực hiện liên minh công nông.

+ Bài học về đập tan bộ máy nhà nước cũ, thiết lập nhà nước mới của dân.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Cuộc cách mạng 18-3-1871 ở Pa-ri bùng nổ trong hoàn cảnh nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ngày 19 – 7 – 1870, chiến tranh Pháp – Phổ bùng nổ. Ngày 2 – 9 – 1870, toàn bộ đội quân Pháp và Na-pô-lê-ông III phải đầu hàng. Ngày 4 – 9 – 1870, nhân dân Pa-ri khởi nghĩa lật đổ Đế chế II, đòi thiết lập chế độ cộng hòa và tổ chức kháng chiến chống quân Phổ. Chính phủ lâm thời tư sản được thành lập mang tên Chính phủ Vệ quốc. Khi quân Phổ tiến về Pa-ri và bao vây thành phố, "Chính phủ Vệ quốc" đã trở thành "Chính phủ phản quốc" khi quyết định đầu hàng và xin đình chiến, mở cửa cho quân Phổ tiến vào nước Pháp. Nhưng nhân dân Pa-ri đã tổ chức thành các đơn vị Quốc dân quân, tự vũ trang và xây dựng phòng tuyến bảo vệ thủ đô.

- Ba giờ sáng ngày 18 – 3 – 1871, Chính phủ cho quân đánh chiếm đồi Mông-mác, nơi tập trung đại bác của Quốc dân quân. Quần chúng nhân dân đã kịp thời kéo đến hỗ trợ Quốc dân quân, bao vây quân Chính phủ.

Câu 2 : Điền sự kiện vào niên đại đã cho sau đây :

Niên đại	Sự kiện
1/ 28- 9-1864	
2/ 1876	
3/ 19-7-1870	
4/ 4-9-1870	
5/ 18-3-1871	
6/ 26-3-1871	
7/ 28-5-1871	

**Hướng dẫn trả lời :*

Niên đại	Sự kiện
1/ 28 – 9 – 1864	Quốc tế thứ nhất được thành lập.
2/ 1876	Quốc tế thứ nhất tuyên bố giải tán.
3/ 19 – 7 – 1870	Chiến tranh Pháp – Phổ bùng nổ.
4/ 4 – 9 – 1870	Nhân dân Pa-ri khởi nghĩa lật đổ Đế chế II.
5/ 18 – 3– 1871	Chính quyền tư sản bị lật đổ. Công xã Pa-ri thắng lợi.
6/ 26 – 3 – 1871	Một chính phủ cách mạng được bầu ra . Cơ quan cao nhất là Hội đồng Công xã.
7/ 28 – 5 – 1871	Công xã Pa-ri bị thất bại.

Câu 3 : Nêu những nét chính về tương quan lực lượng giữa các chiến sĩ Công xã Pa-ri và bọn Véc-xai. Cuộc chiến đấu để bảo vệ Công xã Pa-ri diễn ra như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Những nét chính :

+ Về phía các chiến sĩ Công xã : Trang bị vũ khí còn thô sơ. Kỉ luật quân sự còn lỏng lẻo, luyện tập còn ít. Luôn ở trong tình trạng bị bọn phản động phá hoại. Chưa liên minh được với nông dân.

+ Về phía bọn Véc-xai: Lợi dụng thời gian rãnh để chuẩn bị lực lượng. Lực lượng quân đội mạnh hơn so với các chiến sĩ Công xã. Được sự giúp đỡ của quân Phổ.

- Cuộc chiến đấu để bảo vệ Công xã :

+ Ngày 2 - 4 -1871, quân đội Véc-xai bắt đầu tấn công Pa-ri, các trận chiến đấu diễn ra ác liệt, kéo dài suốt từ ngày 21 đến 28 – 5 – 1871, gọi là "Tuần lễ đẫm máu".

+ Các chiến sĩ Công xã đã chiến đấu anh dũng bảo vệ từng khu phố, từng căn nhà, từng tấc đất. Tiêu biểu nhất là cuộc chiến đấu của gần 200 chiến sĩ cố thủ trong nghĩa địa Cha La-se-dơ.

+ Bị bao vây từ bốn giờ sáng, các chiến sĩ Công xã dùng mọi thứ vũ khí, chống trả quân thù, cho đến khi vài chục người cuối cùng bị bắt, bị dẫn tới sát bức tường nghĩa địa và bị bắn chết tại đây. Từ đó bức tường nghĩa địa Cha La-se-dơ được gọi là " Bức tường chiến sĩ Công xã".

+ Ngày 28 – 5 – 1871, chiến luỹ cuối cùng của Công xã bị thất thủ. Suốt một tuần lễ sau đó, bọn Véc-xai đã tàn sát dã man, dìm Pa-ri trong biển máu.

Câu 4 : Khái quát ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của Công xã Pa-ri qua sơ đồ.

** Hướng dẫn trả lời :*

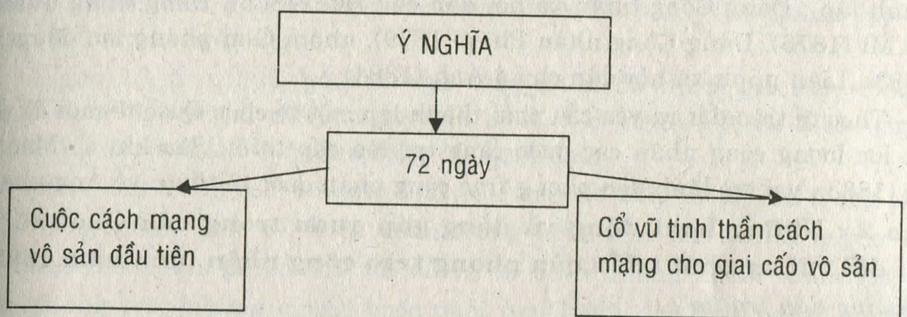
Ý NGHĨA
72 ngày
Cuộc cách mạng vô sản đầu tiên
Cổ vũ tinh thần cách mạng cho giai cấp vô sản

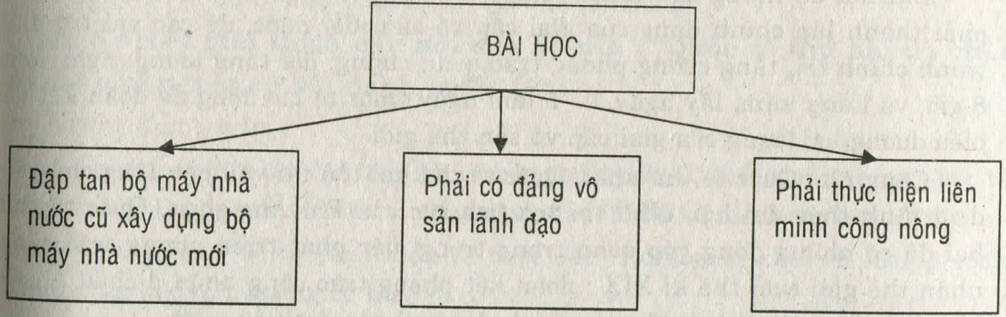
BÀI HỌC
Đập tan bộ máy nhà nước cũ xây dựng bộ máy nhà nước mới
Phải có đảng vô sản lãnh đạo
Phải thực hiện liên minh công nông

BÀI 13

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ
(cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Phong trào công nhân quốc tế có những nét nổi bật nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Từ thập niên 70 của thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ ở châu Âu và Bắc Mĩ. Đội ngũ công nhân tăng về số lượng và chất lượng, có điều kiện sống tập trung.

- Do sự bóc lột nặng nề của giai cấp tư sản, chính sách chạy đua vũ trang làm đời sống công nhân cực khổ. Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân bùng nổ.

- Những nét nổi bật:

Phong trào công nhân đòi cải thiện đời sống, đòi quyền tự do dân chủ ngày càng lan rộng, đặc biệt ở các nước tư bản tiên tiến như Anh, Pháp, Đức, Mĩ.

+ Tiêu biểu gần 40 vạn công nhân Chi-ca-gô ngày 01 - 5 - 1886 đòi lao động 8 giờ đã buộc giới chủ phải nhượng bộ. Ngày đó đi vào lịch sử là ngày Quốc tế lao động.

+ Nhiều đảng công nhân, đảng xã hội, nhóm công nhân tiến bộ được thành lập : Đảng Công nhân xã hội dân chủ Đức (1875), Đảng Công nhân xã hội Mĩ (1876), Đảng Công nhân Pháp (1879), nhóm Giải phóng lao động Nga (1883), Liên minh xã hội dân chủ ở Anh (1884)...

- Thực tế trên đặt ra yêu cầu phải thành lập một tổ chức Quốc tế mới để đoàn kết lực lượng công nhân các nước càng trở lên cấp thiết. Sau khi C. Mác qua đời (1883), vai trò lãnh đạo phong trào công nhân quốc tế thuộc về Ăng-ghen.

Câu 2 : Những hoạt động và đóng góp quan trọng của Quốc tế thứ hai đối với sự phát triển của phong trào công nhân (đến năm 1895).

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ngày 14 - 7 - 1889. Đại hội thành lập Quốc tế thứ hai được tổ chức ở Pa-ri.

- Đại hội đã thông qua nhiều nghị quyết quan trọng, nêu lên sự cần thiết phải thành lập chính đảng của giai cấp vô sản mỗi nước, đề cao vai trò đấu tranh chính trị, tăng cường phong trào quần chúng, đòi tăng lương, ngày làm 8 giờ, và hằng năm, lấy ngày 1 - 5 làm ngày Quốc tế lao động để đoàn kết và biểu dương lực lượng của giai cấp vô sản thế giới.

- Cũng như Quốc tế thứ nhất, Quốc tế thứ hai tồn tại và hoạt động chủ yếu dưới hình thức đại hội. Nhờ vai trò tích cực của Ph. Ăng-ghen, Quốc tế thứ hai đã có những đóng góp quan trọng trong việc phát triển phong trào công nhân thế giới cuối thế kỉ XIX : đoàn kết phong trào công nhân ở châu Âu và Mĩ, thúc đẩy việc thành lập các chính đảng vô sản ở nhiều nước...

Câu 3 : Vì sao chủ nghĩa cơ hội dần dần chiếm ưu thế trong Quốc tế thứ hai ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Năm 1895, Ăng-ghen qua đời. Lúc này xuất hiện một số người có xu hướng phủ nhận học thuyết cách mạng của Mác và Ăng-ghen, đó là trào lưu cơ hội chủ nghĩa.

- Một số lãnh tụ phái tả trong các đảng công nhân của các nước như Nga, Pháp, Đức... lên tiếng phê phán chủ nghĩa xét lại Bẹc-xtai-nơ, song cuộc đấu tranh này không được tiến hành triệt để nên kết quả rất hạn chế.

- Trong những năm đầu thế kỉ XIX, cuộc đấu tranh tư tưởng qua các đại hội tiếp theo của Quốc tế thứ hai diễn ra gay gắt và phức tạp giữa khuynh hướng cách mạng và khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa.

- Đặc biệt khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa ngày càng chiếm ưu thế trong Quốc tế thứ hai.

Câu 4 : Tìm tài liệu, viết bài tường thuật lại cuộc tổng bãi công của công nhân Si-ca-gô ngày 1 - 5 - 1886.

** Hướng dẫn trả lời .*

- Lịch sử đấu tranh của công nhân Mĩ trong những năm 70 - 80 của thế kỉ XIX gắn liền với phong trào đình công và bãi công rầm rộ ở khắp cả nước. Các phong trào đấu tranh xoay quanh khẩu hiệu đòi "ngày làm 8 giờ", phong trào mạnh nhất là ở Si-ca-gô, một trung tâm công nghiệp lớn của Mĩ bấy giờ. Nhiều người lãnh đạo phong trào công nhân Mĩ ở đây đã thành lập Liên đoàn đấu tranh ngày 8 giờ.

- Ngày 1 - 5 - 1886, gần 40 vạn công nhân đã tham gia cuộc tổng bãi công. Cuộc đấu tranh diễn ra gay gắt nhất ở Si-ca-gô, với sự tham gia của 80000 người, do Liên đoàn lao động Mĩ lãnh đạo.

- Cuộc đấu tranh cuối cùng bị thất bại, song có ảnh hưởng lớn trong phong trào công nhân quốc tế. Điều quan trọng hơn, mặc dầu chính quyền Mĩ ở Si-ca-gô mở nhiều phiên toà xét xử và tử hình những người tham gia lãnh đạo phong trào nhưng chúng buộc phải ban hành đạo luật ngày làm 8 giờ. Đại hội lần thứ nhất của Quốc tế thứ hai khai mạc vào ngày 14 - 7 - 1889, lấy ngày 1 - 5 hàng năm làm ngày Quốc tế lao động.

Câu 5 : Hãy giải thích câu nói của Lê-nin : "Quốc tế thứ hai đã chết vì bị chủ nghĩa cơ hội đánh bại".

** Hướng dẫn trả lời :*

- Do ảnh hưởng của các trào lưu cơ hội, chủ nghĩa vô chính phủ trong Quốc tế thứ hai làm cho Quốc tế thứ hai ngày càng đi đến chỗ bế tắc trong hoạt động.

- Trong Quốc tế thứ hai diễn ra cuộc đấu tranh giữa khuynh hướng cách mạng và khuynh hướng cơ hội.

- Trong Quốc tế thứ hai thiếu nhất trí về đường lối, chia rẽ về tổ chức, các đảng trong Quốc tế thứ hai xa dần đường lối đấu tranh cách mạng, thoả hiệp với giai cấp tư sản, dẫn đến việc Quốc tế thứ hai tan rã.

- Các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong Quốc tế thứ hai đã biến hầu hết các đảng của Quốc tế thứ hai thành các đảng cải lương, dùng phương pháp đấu tranh nghị trường từ bỏ đấu tranh giai cấp, có tư tưởng dân tộc chủ nghĩa và Sô-vanh đối với vấn đề thuộc địa và nguy cơ chiến tranh.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Những sự kiện nào chứng tỏ phong trào công nhân thế giới vẫn tiếp tục phát triển trong những năm cuối thế kỉ XIX ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Bước tiến của phong trào công nhân từ sau Công xã Pa-ri thất bại (1871) và Quốc tế thứ nhất giải tán (1876) được biểu hiện :

+ Phong trào công nhân đòi cải thiện đời sống, đòi tự do dân chủ của công nhân ngày càng lan rộng, đặc biệt ở các nước tư bản tiên tiến như Anh, Pháp, Đức, Mĩ... Chẳng hạn, ở Anh, những cuộc bãi công của công nhân đòi tăng lương, thực hiện ngày làm việc 8 giờ và đòi cải thiện đời sống hay ở Mĩ, những cuộc đình công và bãi công diễn ra sôi nổi khắp cả nước...

+ Sự thành lập các đảng công nhân hoặc các nhóm xã hội chủ nghĩa chứng tỏ sự trưởng thành về nhận thức của đội ngũ công nhân các nước.

- Yêu cầu thành lập một tổ chức quốc tế mới để đoàn kết lực lượng công nhân các nước càng trở nên cấp thiết.

Những sự kiện trên chứng tỏ phong trào công nhân thế giới vẫn tiếp tục phát triển trong những năm cuối thế kỉ XIX.

Câu 2 : Nêu những điều kiện lịch sử thành lập Quốc tế thứ hai.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Sau Công xã Pa-ri phong trào công nhân các nước tư bản vẫn phát triển mạnh mẽ dù bị đàn áp liên tiếp.

- Sự thành lập các đảng và các tổ chức cách mạng ở nhiều nước (Đảng Xã hội dân chủ Đức 1875, Đảng Công nhân Pháp 1879, Đảng công nhân Mĩ 1876, Nhóm giải phóng lao động Nga 1883...).

- Tình hình đó làm cho việc thành lập một tổ chức Quốc tế mới thay cho Quốc tế thứ nhất trở nên cấp thiết.

- Năm 1883, khi Mác qua đời, Ăng-ghen nắm quyền lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới, việc trước hết là chuẩn bị thành lập một tổ chức quốc tế mới.

- Ngày 14 – 7 – 1889, hơn 300 đại biểu công nhân của 22 nước họp ở Pa-ri tuyên bố thành lập Quốc tế tứ hai.

Câu 3 : Cuộc đấu tranh chống khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong Quốc tế thứ hai diễn ra như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Trong Quốc tế thứ hai cũng diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa khuynh hướng cách mạng và khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trên những vấn đề cơ bản như vấn đề thuộc địa, vấn đề chiến tranh...

- Những người cách mạng như Lê-nin, kiên quyết lên án chính sách xâm lược thuộc địa và chiến tranh đế quốc.

- Quốc tế thứ hai đi dần đến chỗ phân hoá khi chiến tranh thế giới bùng nổ vào năm 1914. các đảng của Quốc tế thứ hai (trừ Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga), ủng hộ các Chính phủ tư sản đế quốc gây chiến tranh, dưới khẩu hiệu lừa bịp "bảo vệ Tổ quốc".

Câu 4 : Hãy điền sự kiện lịch sử vào bảng sau đây:

Năm	Sự kiện
1. 1875	....
2. 1976	....
3. 1879	....
4. 1883	....
5. 1886	....
6. 1882 – 1888	....
7. 1889	....
8. 1870 – 1880	....
9. 14 – 7 – 1889	....
10. 1895	

** Hướng dẫn trả lời:*

Năm	Sự kiện
1. 1875	- Đảng Công nhân xã hội dân chủ Đức thành lập.
2. 1876	- Đảng Công nhân xã hội Mĩ ra đời.
3. 1879	- Đảng Công nhân Pháp thành lập.
4. 1883	- Nhóm " Giải phóng lao động Nga thành lập".
5. 1886	- Cuộc bãi công của công nhân Mĩ.
6. 1882 – 1888	- Cuộc biểu tình của công nhân Pháp.
7. 1889	- Công nhân Đức đấu tranh đòi cải thiện cuộc sống.
8. 1870 – 1880	- Bãi công của công nhân ngành hơi đốt ở Anh.
9. 14 – 7 – 1889	- Thành lập Quốc tế thứ hai.
10. 1895	- Ăng-ghen qua đời.

Bài 14

LÊ-NIN VÀ PHONG TRÀO CÔNG NHÂN NGA ĐẦU THẾ KỈ XX

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Nêu tiểu sử tóm tắt của V. I. Lê-nin.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Vla-đi-mia I-lích U-li-a-nốp tức Lê-nin sinh ngày 22 – 4 – 1870 trong gia đình nhà giáo tiến bộ.

- Năm 1895 Lê-nin thống nhất các nhóm Mác-xít Xanh Pê-téc-bua thành một tổ chức chính trị, lấy tên là "Liên Hiệp đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân". Đó là mầm mống của Đảng mácxít cách mạng.

- Năm 1898, tại Min-xcơ, Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga tuyên bố thành lập nhưng không hoạt động.

- Năm 1900, Lê-nin cùng với các đồng chí của mình xuất bản báo Tia lửa nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác vào phong trào công nhân Nga.

- Năm 1903, Đại hội Đảng Công nhân xã hội Nga được triệu tập ở Luân Đôn dưới sự chủ trì của Lê-nin để bàn về cương lĩnh, điều lệ Đảng. Hình thành hai phái Bôn-sê-vích – đa số và phái Mensêvích – thiểu số.

- Đầu thế kỉ XX các phái cơ hội trong Quốc tế thứ hai ủng hộ Chính phủ tư sản, ủng hộ chiến tranh. Đảng Bôn-sê-vích do Lê-nin lãnh đạo kiên quyết chống chiến tranh đế quốc, trung thành với sự nghiệp vô sản.

- Lê-nin có những đóng góp quan trọng về mặt lí luận thông qua những tác phẩm của mình.

Câu 2 : Tại sao nói Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga là đảng kiểu mới ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Khác với các đảng dân chủ ở châu Âu, Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga là đảng của giai cấp vô sản.

- Nhiệm vụ của đảng là lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân, lật đổ chế độ Nga hoàng, thiết lập chuyên chính vô sản, giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Câu 3 : Nguyên nhân dẫn đến cuộc Cách mạng 1905 – 1907 ở Nga là gì ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nhân dân Nga ngày càng căm phẫn chế độ phong kiến Nga hoàng, chế độ phong kiến này đã trở nên lỗi thời, lạc hậu phản động đại diện cho chế độ phong kiến còn tồn tại ở Nga.

- Dưới ách thống trị của chế độ Nga hoàng, nhân dân Nga bị đẩy vào con đường cùng khổ, thêm vào đó Nga hoàng thực hiện cuộc chiến tranh Nga – Nhật 1904 – 1905, một loại chiến tranh đế quốc để giành giật thuộc địa làm cho mâu thuẫn xã hội ở Nga ngày càng thêm sâu sắc.

- Cuối năm 1904, nhiều cuộc bãi công và biểu tình đã nổ ra với khẩu hiệu: "Đả đảo chế độ chuyên chế ! ", "Đả đảo chiến tranh ! " đã châm ngòi cho cách mạng.

Câu 4 : Nêu tính chất và ý nghĩa lịch sử của cuộc Cách mạng 1905 – 1907 ở Nga.

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Tính chất :*
  + Là cuộc cách mạng dân chủ tư sản lần thứ nhất ở Nga.
  + Đây là một cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
- *Ý nghĩa :*
  + Giáng một đòn mạnh mẽ vào chế độ Nga hoàng, có ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh đòi dân chủ ở các nước đế quốc.
  + Thức tỉnh nhân dân các nước phương Đông đấu tranh.

Câu 5 : Trình bày diễn biến Cách mạng Nga 1905 – 1907

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cuối năm 1904, ở Nga nhiều cuộc bãi công và biểu tình của quần chúng đã nổ ra với khẩu hiệu: "Đả đảo chế độ chuyên chế !", "Đả đảo chiến tranh !" đã châm ngòi cho cách mạng.

- Ngày 9 – 1 – 1905, 14 vạn công nhân Pê-tec-bua và gia đình không vũ khí đến Cung điện mùa Đông để thỉnh cầu Nga hoàng cải thiện đời sống nhưng họ bị đàn áp. Đó là "Ngày Chủ nhật đẫm máu". Công nhân dựng chiến lũy chiến đấu.

- Mùa hè 1905, phong trào lan rộng, lôi cuốn cả binh lính và nông dân kỉ niệm 1 – 5 – 1905 đã biến thành cuộc biểu dương tình đoàn kết của công nhân toàn Nga. Tinh thần cách mạng tác động đến cả quân đội.

- Tháng 6 – 1905, thuỷ thủ trên chiến hạm "Pô-tem-kin" ở Ô-đéc-xa khởi nghĩa, làm chủ chiến hạm. Nông dân lại nổi dậy đưa yêu sách chính trị. Nhiều nơi các Xô viết đại biểu công nhân được thành lập.

- Từ mùa Thu năm 1905, phong trào tiếp tục dâng cao, làm ngưng trệ mọi hoạt động kinh tế và giao thông trong cả nước.

- Tại Mat-xcơ-va, 12 – 1905 cuộc tổng bãi công biến thành khởi nghĩa vũ trang song bị thất bại. Đến cuối năm 1907, phong trào trong cả nước bị thất bại hoàn toàn.

Câu 6 : Tại sao nói : Cách mạng 1905 – 1907 là cuộc cách mạng tư sản kiểu mới ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cách mạng 1905 – 1907 ở Nga nhằm thực hiện nhiệm vụ đánh đổ chế độ phong kiến Nga hoàng tồn tại lâu đời trên đất nước Nga đồng thời xoá bỏ những tàn tích phong kiến, thực hiện dân chủ.

- Cuộc cách mạng này do giai cấp vô sản lãnh đạo.

- Động lực chủ yếu của cách mạng 1905 – 1907 ở Nga là công nhân và nông dân.

- Mặc dầu cuối cùng bị thất bại nhưng xu hướng của cách mạng là xoá bỏ chính quyền phong kiến thiết lập chính quyền của công nông trên cơ sở đó tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Vì những lẽ trên nên Cách mạng 1905 – 1907 ở Nga là cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Trình bày hoạt động bước đầu của Lê-nin trong phong trào công nhân Nga.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Mùa thu 1895, Lê-nin thống nhất các nhóm mácxít ở Xanh Pê-téc-bua thành một tổ chức chính trị, lấy tên là Liên hiệp đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân. Đó là mầm mống của Đảng mácxít cách mạng. Năm 1898, tại

Min-xcơ, Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga tuyên bố thành lập nhưng không hoạt động được vì ngay sau đó các thành viên đều bị bắt.

- Do tham gia hoạt động cách mạng chống chế độ Nga hoàng, Lê-nin bị bắt và bị đày đi Xi-bia. Năm 1900, hết hạn đày, ông cùng các đồng chí của mình xuất bản báo Tia lửa nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác trong phong trào công nhân Nga. Năm 1903, Đại hội Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga được triệu tập ở Luân Đôn dưới sự chủ trì của Lê-nin để bàn về cương lĩnh và điều lệ của Đảng.

- Trong thời gian này, Lê-nin viết nhiều tác phẩm quan trọng nhằm phê phán sâu sắc những quan điểm của chủ nghĩa cơ hội, đồng thời khẳng định vai trò của giai cấp công nhân và Đảng tiên phong của lực lượng này; nhấn mạnh tầm quan trọng của cuộc đấu tranh chính trị trong sự nghiệp giải phóng người lao động.

Câu 2 : Hãy nêu tình hình nước Nga cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.

- Đến cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, nước Nga chưa tiến hành cuộc cách mạng tư sản nhưng chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Kinh tế công thương nghiệp phát triển cùng với sự xuất hiện của các công ti độc quyền. Nền công nghiệp mở rộng với quy mô ngày càng lớn làm cho đội ngũ công nhân càng thêm đông đảo.

Về chính trị, nước Nga duy trì hầu như nguyên vẹn bộ máy cai trị của nền quân chủ phong kiến chuyên chế. Nga hoàng bóp nghẹt mọi quyền tự do dân chủ nên hầu hết các giai cấp đều bất mãn với chế độ này. Đời sống của công nhân và nhân dân lao động Nga hết sức cơ cực. Giai cấp vô sản Nga vừa chịu ách áp bức của chế độ phong kiến, vừa chị sự bóc lột của giai cấp tư sản trong nước và tư sản nước ngoài.

- Thêm vào đó, sự thất bại của Nga trong cuộc chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905), làm cho đời sống nhân dân càng thêm cơ cực, mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc, thúc đẩy sự bùng nổ cách mạng ở Nga.

Câu 3 : Ghi sự kiện vào niên đại đã cho sẵn dưới đây về cuộc Cách mạng 1905 – 1907 ở Nga :

Niên đại	Sự kiện
9 – 1 – 1905	....
Tháng 1 – 1905	....
Mùa hè 1905	....
Mùa thu 1905	....
Tháng 12 – 1905	....
Cuối 1907	....

** Hướng dẫn trả lời :*

Niên đại	Sự kiện
9 – 1 – 1905	14 vạn công nhân Xanh Pê-téc-bua và gia đình tiến đến Cung điện Mùa Đông để thỉnh cầu Nga hoàng cải thiện đời sống.
Tháng 1 – 1905	44 vạn công nhân bãi công bằng các cuộc bãi công của 10 năm trước đó cộng lại.
Mùa hè 1905	Phong trào cách mạng lan rộng, lôi cuốn cả binh lính và nông dân.
Mùa thu 1905	Phong trào cách mạng tiếp tục dâng cao với những cuộc bãi công chính trị của quần chúng.
Tháng 12 – 1905	Cuộc tổng bãi công được bắt đầu ở Mát-xcơ-va, rồi nhanh chóng tiến hành khởi nghĩa vũ trang.
Cuối 1907	Phong trào cách mạng xuống dần và chấm dứt.

Câu 4 : Vai trò của Lê-nin đối với phong trào công nhân Nga và phong trào cách mạng thế giới như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Thống nhất các nhóm mácxít ở Xanh Pê-téc-bua thành một tổ chức chính trị, lấy tên là Liên Hiệp đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân. Đó là mầm mống của Đảng mácxít cách mạng.

- Cùng các đồng chí của mình xuất bản báo Tia lửa nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác trong phong trào công nhân Nga.

- Đại hội Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga được triệu tập ở Luân Đôn dưới sự chủ trì của Lê-nin để bàn về cương lĩnh và điều lệ của Đảng.

- Viết nhiều tác phẩm quan trọng nhằm phê phán sâu sắc những quan điểm của chủ nghĩa cơ hội, đồng thời khẳng định vai trò của giai cấp công nhân và Đảng tiên phong của lực lượng này; nhấn mạnh tầm quan trọng của cuộc đấu tranh chính trị trong sự nghiệp giải phóng người lao động.

Chương IV

CÁC NƯỚC CHÂU Á (TỪ GIỮA THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX)

Bài 15

NHẬT BẢN

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Hãy trình bày những nét cơ bản về tình hình Nhật Bản nửa đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868.

** Hướng dẫn trả lời :*

Đến nửa đầu thế kỉ XIX, chế độ Mạc phủ ở Nhật Bản đứng đầu là Tướng quân (Sô-gun) đã lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.

- *Về kinh tế :*

+ Trong nông nghiệp, nông dân không có ruộng đất, các lãnh chúa phong kiến phát canh thu tô. Địa chủ bóc lột nhân dân rất nặng nề.

+ Thủ công nghiệp phát triển mạnh ở nhiều lãnh địa phía tây nam. Song tình trạng cát cứ làm xuất hiện hàng rào thuế quan đã ảnh hưởng đến sự phát triển công thương nghiệp.

- *Về xã hội :*

+ Chính phủ Sô-gun vẫn duy trì chế độ đẳng cấp: Tầng lớp Đaimyô là những quý tộc phong kiến lớn quản lí các vùng lãnh địa trong nước. Họ có quyền lực tuyệt đối trong các lãnh địa của họ. Tầng lớp samurai (võ sĩ), không có ruộng đất, chỉ phục vụ cho các Đaimyô.

+ Do bị áp bức bóc lột nặng nề, nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân, thị dân liên tiếp nổi dậy chống phong kiến.

- *Về chính trị :*

+ Đến giữa thế kỉ XIX, Nhật Bản vẫn là một quốc gia phong kiến. Nhà vua được tôn là Thiên hoàng, có vị trí tối cao nhưng quyền hành thực tế thuộc về Tướng quân (thuộc dòng họ Tô-kư-ga-oa) đóng ở phủ Chúa - Mạc phủ.

Giữa lúc mâu thuẫn giai cấp trong nước ngày càng gay gắt, chế độ Mạc phủ khủng hoảng nghiêm trọng thì các nước tư bản phương Tây, trước tiên là Mĩ, dùng áp lực quân sự đòi Nhật Bản phải "mở cửa".

Như vậy, đến nửa đầu thế kỉ XIX, Nhật Bản đã lâm vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng, đứng trước sự lựa chọn : hoặc tiếp tục con đường trì trệ, bảo thủ để các nước đế quốc xâu xé ; hoặc canh tân, cải cách xóa bỏ chế độ phong kiến, đưa Nhật Bản hòa nhập với nền kinh tế tư bản phương Tây.

Câu 2 : Nêu và nhận xét về những chính sách cải cách của Minh Trị.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Tháng 1 – 1868, sau khi lên ngôi, Thiên hoàng Minh Trị (May-gi-i) đã thực hiện một loạt cải cách tiến bộ nhằm đưa Nhật Bản thoát khỏi tình trạng phong kiến lạc hậu. Đó là cuộc Duy tân Minh Trị, được tiến hành trên tất cả các lĩnh vực : chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, giáo dục, ...

+ *Về hành chính :* Xoá bỏ tình trạng cát cứ. Tổ chức chính phủ theo kiểu châu Âu. Ban hành Hiến pháp 1889.

+ *Về kinh tế :* Chính phủ đã thi hành các chính sách thống nhất tiền tệ, thống nhất thị trường, xóa bỏ sự độc quyền ruộng đất của giai cấp phong kiến, tăng cường phát triển tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sá, cầu cống, phục vụ giao thông liên lạc ...

+ *Về quân sự :* Quân đội được tổ chức và huấn luyện theo kiểu phương Tây, chế độ nghĩa vụ thay cho chế độ trưng binh. Công nghiệp đóng tàu chiến được chú trọng phát triển, ngoài ra còn tiến hành sản xuất vũ khí, đạn dược và mời chuyên gia quân sự nước ngoài ...

+ *Về văn hóa – giáo dục :* Thi hành chính sách giáo dục bắt buộc, chú trọng nội dung khoa học – kĩ thuật, trong chương trình giảng dạy, cử những học sinh giỏi đi du học ở phương Tây ...

- *Nhận xét :* Nhờ chính sách cải cách của Minh Trị đã đưa nước Nhật thoát khỏi số phận bị các nước tư bản phương Tây xâm lược. Nhật Bản trở thành nước tư bản chủ nghĩa ở châu Á.

Câu 3 : Những điểm nào chứng tỏ Nhật Bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Sau chiến tranh Trung – Nhật (1894 – 1895), kinh tế Nhật phát triển mạnh mẽ. Nhiều công ti độc quyền xuất hiện như Mít-xưi, Mít-su-bi-si ... giữ vai trò to lớn, bao trùm lên đời sống kinh tế, chính trị của nước Nhật.

- Đầu thế kỉ XX, Nhật thi hành chính sách xâm lược và bành trướng. Chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905), Nhật thắng Nga. Năm 1914, Nhật dùng vũ lực mở rộng ảnh hưởng ở Trung Quốc và chiếm Sơn Đông. Nhật trở thành đế quốc hùng mạnh ở châu Á.

- Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản là sự bần cùng hóa của quần chúng nhân dân lao động.

- Chủ nghĩa đế quốc Nhật được gọi là chủ nghĩa đế quốc phong kiến quân phiệt, hiếu chiến.

Câu 4 : Lập bảng thống kê về những chính sách của Minh Trị theo các nội dung sau :

Chính sách	Nội dung	Ý nghĩa

** Hướng dẫn trả lời :*

Chính sách	Nội dung	Ý nghĩa
1. Về hành chính	Xoá bỏ tình trạng cát cứ. Tổ chức chính phủ theo kiểu châu Âu. Ban hành Hiến pháp 1889.	- Tạo nên sự thống nhất thị trường ở Nhật, giúp Nhật Bản có điều kiện phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa. - Đưa nước Nhật thoát khỏi số phận bị các nước phương Tây xâm lược.
2. Về kinh tế	Chính phủ đã thi hành các chính sách thống nhất tiền tệ, thống nhất thị trường, xóa bỏ sự độc quyền ruộng đất của giai cấp phong kiến, tăng cường phát triển tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sá, cầu cống, phục vụ giao thông liên lạc ...	
3. Về quân sự	Quân đội được tổ chức và huấn luyện theo kiểu phương Tây, chế độ nghĩa vụ thay cho chế độ trưng binh. Công nghiệp đóng tàu chiến được chú trọng phát triển, ngoài ra còn tiến hành sản xuất vũ khí, đạn dược và mời chuyên gia quân sự nước ngoài ...	
4. Về văn hóa – giáo dục	Thi hành chính sách giáo dục bắt buộc, chú trọng nội dung khoa học – kĩ thuật, trong chương trình giảng dạy, cử những học sinh giỏi đi du học ở phương Tây ...	

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Nguyên nhân sụp đổ của chế độ Mạc phủ Tô-ku-ga-oa.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Do mâu thuẫn giữa nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân với chế độ phong kiến – đại diện là chính quyền của Sô-gôn.

- Do mâu thuẫn giữa tư sản, quý tộc mới với chính quyền Sô-gôn, đang cản trở sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa.

- Do mâu thuẫn giữa Thiên hoàng và Tướng quân.

Câu 2 : Hãy trình bày hoàn cảnh, nội dung và tác động của cuộc cải cách Minh Trị 1868 ở Nhật Bản.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Hoàn cảnh :

+ Những hiệp ước bất bình đẳng mà Mạc phủ kí với nước ngoài làm cho các tầng lớp xã hội phản ứng mạnh mẽ.

+ Phong trào đấu tranh chống Sô-gun nổ ra sôi nổi vào những năm 60 của thế kỉ XIX đã làm sụp đổ chế độ Mạc phủ.

- Nội dung cải cách Minh Trị :

Tháng 1 – 1868, sau khi lên ngôi, Thiên hoàng Minh Trị (May-gi) đã thực hiện một loạt cải cách tiến bộ nhằm đưa Nhật Bản thoát khỏi tình trạng phong kiến lạc hậu. Đó là cuộc Duy tân Minh Trị, được tiến hành trên tất cả các lĩnh vực : chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, giáo dục,...

+ *Về hành chính :* Xoá bỏ tình trạng cát cứ. Tổ chức chính phủ theo kiểu châu Âu. Ban hành Hiến pháp 1889.

+ *Về kinh tế :* Chính phủ đã thi hành các chính sách thống nhất tiền tệ, thống nhất thị trường, xóa bỏ sự độc quyền ruộng đất của giai cấp phong kiến, tăng cường phát triển tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sá, cầu cống, phục vụ giao thông liên lạc...

+ *Về quân sự :* Quân đội được tổ chức và huấn luyện theo kiểu phương Tây, chế độ nghĩa vụ thay cho chế độ trưng binh. Công nghiệp đóng tàu chiến được chú trọng phát triển, ngoài ra còn tiến hành sản xuất vũ khí, đạn dược và mời chuyên gia quân sự nước ngoài...

+ *Về văn hóa – giáo dục :* Thi hành chính sách giáo dục bắt buộc, chú trọng nội dung khoa học – kĩ thuật, trong chương trình giảng dạy, cử những học sinh giỏi đi du học ở phương Tây...

- Tác động :

+ Xoá bỏ những rào cản phong kiến tạo điều kiện cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển ở Nhật Bản.

+ Bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

+ Cổ vũ cuộc đấu tranh chống lại đế quốc phong kiến của nhân dân châu Á.

Câu 3 : Ghi vào bảng dưới đây về nguyên nhân sâu xa và duyên cớ làm sụp đổ chế độ Mạc phủ.

Nguyên nhân	Nội dung
Sâu xa	
Duyên cớ	

** Hướng dẫn trả lời :*

Nguyên nhân	Nội dung
Sâu xa	- Mâu thuẫn giữa nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân, với chế độ phong kiến – đại diện là chính quyền Sô-gun. - Mâu thuẫn giữa tư sản, quý tộc với chính quyền Sô-gun, đang cản trở sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa. - Mâu thuẫn giữa Thiên hoàng và Tướng quân
Duyên cớ	Chính quyền Tô-ku-ga-oa kí các hiệp ước bất bình đẳng với Mĩ và các nước tư bản khác, khơi dậy truyền thống yêu nước của nhân dân, đấu tranh để bảo vệ nền độc lập và làm cho nước nhà cường thịnh.

Câu 4 : Hãy lập bảng thống kê về cuộc cải cách Minh Trị ở Nhật Bản theo yêu cầu sau đây và nêu rõ nguyên nhân thành công của cuộc cải cách này.

Các mặt	Nội dung
1. Nhiệm vụ	
2. Mục tiêu	
3. Lãnh đạo	
4. Động lực	
5. Phướng hướng	

* *Hướng dẫn trả lời :*

Các mặt	Nội dung
1. Nhiệm vụ	Lật đổ chế độ phong kiến phản động; ngăn chặn sự xâm lược của các nước tư bản phương Tây, đưa đất nước tiến lên con đường tư bản chủ nghĩa.
2. Mục tiêu	Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, bảo vệ nền độc lập dân tộc.
3. Lãnh đạo	Giai cấp phong kiến tư sản hoá.
4. Động lực	Quần chúng nhân dân.
5. Phương hướng	Phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.

- *Nguyên nhân thành công :*

+ Trong giai cấp phong kiến đang cầm quyền ở Nhật Bản xuất hiện một bộ phận tiến bộ, tiêu biểu là Thiên hoàng Mây-gi.

+ Nhật Bản có điều kiện về kinh tế – xã hội là tiền đề vững chắc để tiến hành cải cách.

+ Khi thực hiện cải cách được sự đồng tình ủng hộ của quần chúng nhân dân.

Câu 5 : Vì sao cuộc cải cách Minh Trị có ý nghĩa như một cuộc cách mạng tư sản ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Cuộc cải cách Minh Trị năm 1868 đã tạo ra mầm mống cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.

- Sau cuộc cải cách, giai cấp tư sản công thương hình thành, kinh tế hàng hoá phát triển.

- Minh Trị tiến hành cải cách có tính chất như một cuộc cách mạng tư sản trong tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội....

- Sau cải cách, Minh Trị đã đẩy mạnh công nghiệp hoá theo hướng tập trung công nghiệp, thương nghiệp và ngân hàng, nhiều công ti độc quyền được thành lập.

Như vậy, cuộc cải cách Minh Trị đã mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Nhật và đó cũng chính là lí do để Nhật thoát khỏi số phận bị các nước phương Tây xâm lược. Vì những lẽ trên nên cuộc cải cách Minh Trị có ý nghĩa như một cuộc cách mạng tư sản.

Bài 16

ẤN ĐỘ

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Hãy nêu những nét lớn trong chính sách thống trị của Anh ở Ấn Độ.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Từ đầu thế kỉ XVII, cuộc tranh giành quyền lực giữa các chúa phong kiến trong nước làm cho Ấn Độ suy yếu. Lợi dụng cơ hội này, các nước tư bản phương Tây, chủ yếu là Anh và Pháp, đua tranh xâm lược Ấn Độ. Đến giữa thế kỉ XVIII, thực dân Anh đã hoàn thành việc xâm lược và đặt ách cai trị ở Ấn Độ.

- Về kinh tế, thực dân Anh mở rộng công cuộc khai thác Ấn Độ một cách quy mô, ra sức vơ vét các nguồn nguyên liệu và bóc lột công nhân rẻ mạt để thu lợi nhuận. Ấn Độ trở thành thuộc địa quan trọng nhất của nền công nghiệp Anh.

- Về chính trị – xã hội, chính phủ Anh nắm quyền cai trị trực tiếp Ấn Độ. Để làm chỗ dựa vững chắc cho nền thống trị của mình, thực dân Anh đã thực hiện chính sách chia để trị, mua chuộc tầng lớp có thế lực trong giai cấp phong kiến bản xứ. Đồng thời, Anh còn tìm cách khơi sâu sự cách biệt về chủng tộc, tôn giáo và đẳng cấp trong xã hội để dễ bề cai trị.

Câu 2 : Tại sao cuộc khởi nghĩa Xi-pay là cuộc khởi nghĩa dân tộc ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Cuộc khởi nghĩa Xi-pay nổ ra đầu tiên ở Mi-rút sau đó nhanh chóng lan rộng khắp miền Bắc và một phần miền Tây Ấn Độ, đã thu hút đông đảo nhân dân tham gia, chủ yếu là nông dân.

- Từ cuộc nổi dậy của binh lính Xi-pay dần dần phát triển thành cuộc khởi nghĩa của nông dân và nó mang tính dân tộc sâu sắc bởi vì :

+ Khởi nghĩa đã giải quyết mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Ấn Độ với thực dân Anh cướp nước để giành độc lập dân tộc.

+ Lực lượng tham gia khởi nghĩa đã đại diện cho quyền lợi của dân tộc, thể hiện ý thức dân tộc rất rõ nét.

Câu 3 : Hãy trình bày sự thành lập và phân hoá trong Đảng Quốc đại ở Ấn Độ.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Sự thành lập :*

+ Từ giữa thế kỉ XIX, giai cấp tư sản và tầng lớp trí thức Ấn Độ đã dần dần đóng vai trò quan trọng. Tư sản Ấn Độ muốn được tự do phát triển kinh tế và đòi hỏi được tham gia chính quyền, nhưng bị thực dân Anh kìm hãm bằng mọi cách.

+ Cuối năm 1885, Đảng Quốc dân Đại hội (Quốc đại) thành lập. Đó là chính đảng đầu tiên của giai cấp tư sản Ấn Độ. Nó đánh dấu một giai đoạn mới, giai đoạn giai cấp tư sản Ấn Độ bước lên vũ đài chính trị.

- Sự phân hoá:

+ Trong 20 năm đầu (1885 – 1905), Đảng Quốc đại chủ trương dùng phương pháp ôn hòa để đòi chính phủ thực dân tiến hành cải cách và không tán thành phương pháp đấu tranh bằng bạo lực. Giai cấp tư sản Ấn Độ chỉ yêu cầu Anh nới rộng các điều kiện cho họ được tham gia các hội đồng tự trị, giúp đỡ họ phát triển kỹ nghệ, thực hiện một số cải cách về mặt giáo dục, xã hội. Tuy vậy, thực dân Anh vẫn tìm cách hạn chế hoạt động của Đảng Quốc đại.

- Thất vọng trước thái độ thỏa hiệp của những người cầm đầu Đảng Quốc đại và chính sách hai mặt của chính quyền Anh, một phái dân chủ cấp tiến do B. Ti-lắc đứng đầu đã hình thành, thường được gọi là phái "cực đoan". Phái này phản đối thái độ thỏa hiệp của phái "ôn hoà", đòi hỏi có thái độ kiên quyết chống Anh.

Câu 4 : Đảng Quốc đại có vai trò như thế nào trong phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cuối năm 1885, Đảng Quốc đại được thành lập. Đó là đảng đầu tiên của giai cấp tư sản Ấn Độ. Nó đánh dấu một thời kì mới – Thời kì giai cấp tư sản Ấn Độ lên vũ đài chính trị.

- Trong 20 năm đầu (1885 – 1905), Đảng Quốc đại chủ trương dùng phương pháp ôn hoà để đòi chính phủ thực dân Anh cải cách. Giai cấp tư sản Ấn Độ yêu cầu thực dân Anh nới rộng điều kiện để họ tham gia các hội đồng tự trị, giúp đỡ họ phát triển kĩ nghệ, thực hiện một số cải cách về mặt giáo dục, xã hội.

- Đối lập với phái ôn hoà là phái cực đoan, một phái cấp tiến trong Đảng Quốc đại do Ti-lắc đứng đầu. Phái này phản đối đường lối thoả hiệp của phái ôn hoà, đòi có thái độ kiên quyết chống thực dân Anh.

- Hưởng ứng chủ trương của phái cực đoan, hàng vạn quần chúng, chủ yếu là công nhân ở Bom-bay tiến hành tổng bãi công. Họ đã xây dựng chiến lũy, thành lập các đơn vị chiến đấu chống quân đội Anh. Cuộc đấu tranh lên đến đỉnh cao buộc thực dân Anh phải nhượng bộ.

Như vậy, vai trò của Đảng Quốc đại trong phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ được thể hiện chủ yếu trong phái cực đoan. Nhờ chủ trương của phái này đã khơi dậy trong nhân dân Ấn Độ lòng căm thù sâu sắc đối với thực dân Anh nên họ kiên quyết đứng lên đấu tranh.

Câu 5 : Hãy nêu những nét chính về cao trào đấu tranh ở Ấn Độ từ năm 1905 đến năm 1908. Tính chất và ý nghĩa.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Những nét chính :

+ Tháng 7 – 1905 chính quyền Anh thi hành chính sách chia để trị, ban hành đạo luật chia đôi xứ Ben-gan : miền Đông theo đạo Hồi và miền Tây theo đạo Ấn. Điều đó làm bùng lên phong trào đấu tranh chống thực dân Anh, đặc biệt ở Bom-bay và Can-cút-ta. Ngày 16 – 10 – 1905, đạo luật chia cắt Ban-gan bắt đầu có hiệu lực, nhân dân coi đó là ngày quốc tang : Hơn 10 vạn người kéo đến bờ sông Hằng, dòng sông linh thiêng của người Ấn, làm lễ tuyên thệ và hát vang bài "Kính chào Người – Mẹ hiền Tổ quốc" để tỏ ý thống nhất. Khắp nơi vang lên khẩu hiệu : "Ấn Độ của người Ấn Độ".

+ Tháng 6 – 1908, thực dân Anh bắt Ti-lắc và kết án ông sáu năm tù. Vụ án Ti-lắc thổi bùng lên một đợt đấu tranh mới. Hàng vạn công nhân Bom-bay tiến hành tổng bãi công sáu ngày (để trả lời sáu năm tù của Ti-lắc), xây dựng chiến lũy, thành lập các đơn vị chiến đấu chống lại quân Anh. Các thành phố khác cũng hưởng ứng, cuộc đấu tranh lên đỉnh cao buộc thực dân Anh phải thu hồi đạo luật chia cắt Ben-gan.

- Tính chất và ý nghĩa :

+ Đây là cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Ấn Độ đầu thế kỉ XX nhằm mục tiêu độc lập, dân chủ.

+ Thể hiện sự thức tỉnh của nhân dân Ấn Độ trong trào lưu dân tộc, dân chủ chung của châu Á.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Lập niên biểu về phong trào chống thực dân Anh của nhân dân Ấn Độ từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

Thời gian	Sự kiện
1857 – 1859	
1875 – 1885	
1885	
1905	
7 – 1908	

** Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	Sự kiện
1857 – 1859	Nhiều cuộc nổi dậy của nhân dân Ấn Độ liên tục nổ ra, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Xi-pay.
1875 – 1885	Các phong trào đấu tranh của nhân dân trong những năm 1875 – 1885 đã thúc đẩy giai cấp tư sản Ấn Độ đứng lên chống thực dân Anh.
1885	Đảng Quốc đại – chính Đảng của giai cấp tư sản Ấn Độ được thành lập nhằm mục đích đấu tranh giành quyền tự chủ phát triển kinh tế dân tộc. Đảng Quốc đại chia thành hai phái : phái "Ôn hòa" và phái "Cấp tiến". Phái "Cấp tiến", do Ti-lắc cầm đầu có thái độ kiên quyết chống Anh.
1905	Nhân dân Ấn Độ biểu tình chống chính sách "Chia để trị" của thực dân Anh đối với Ben-gan.
7 – 1908	Công nhân Bom-bay, bãi công chính trị, thành lập đơn vị chiến đấu, xây dựng chiến lũy chống lại quân đội Anh.

Câu 2 : Qua cuộc khởi nghĩa Xi-pay ở Ấn Độ, hãy nêu :

- Nguyên nhân bùng nổ.
- Tóm tắt diễn biến.
- Tính chất.
- Ý nghĩa.

** Hướng dẫn trả lời :*

1) Nguyên nhân bùng nổ.	- Sâu xa : Do tinh thần dân tộc, lòng yêu nước, ý chí đấu tranh chống sự thống trị của thực dân Anh của nhân dân Ấn Độ. - Trực tiếp : Binh lính Xi-pay bị sĩ quan Anh bạc đãi, khinh rẻ.
2) Tóm tắt diễn biến.	- Sáng ngày 10 – 5 – 1857, ở Mi-rút, khi thực dân Anh sắp áp giải 85 binh lính Xi-pay trái lệnh, thì ba trung đoàn Xi-pay nổi dậy khởi nghĩa bắt bọn chỉ huy Anh. - Khởi nghĩa nhanh chóng lan rộng đến Đê-li, khắp miền Bắc và một phần miền Tây Ấn Độ. - Nghĩa quân đã lập được chính quyền ở ba thành phố lớn. Cuộc khởi nghĩa duy trì được hai năm thì bị thực dân Anh dốc toàn bộ lực lượng đàn áp dã man. Khởi nghĩa bị thất bại.
3) Tính chất.	Cuộc khởi nghĩa Xi-pay từ cuộc nổi dậy của binh lính đã trở thành cuộc khởi nghĩa của nhân dân, mang tính dân tộc.
4) Ý nghĩa.	Thể hiện lòng yêu nước, ý thức dân tộc và tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân Ấn Độ chống chủ nghĩa thực dân Anh.

Bài 17

TRUNG QUỐC

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Tại sao gọi cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Anh vào Trung Quốc là Chiến tranh thuốc phiện ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Để tiến hành xâm lược Trung Quốc, thực dân Anh đòi chính quyền Mãn Thanh phải "mở cửa", đòi tự do buôn bán thuốc phiện, món hàng mang lại nhiều lợi nhuận cho giới tư bản.

- Nạn thuốc phiện vào Trung Quốc đã phá hoại đời sống xã hội một cách trầm trọng. Nhân dân Trung Quốc hết sức bất bình và kiên quyết chống tệ nạn thuốc phiện đang huỷ hoại đời sống của họ.

- Trước tình hình đó, Lâm Tắc Từ đã dựa vào nhân dân yêu cầu thương nhân Anh phải nộp hết thuốc phiện đã mang vào Trung Quốc và không bao giờ được chở thuốc phiện vào Trung Quốc. Với thái độ kiên quyết của Lâm Tắc Từ và quần chúng nhân dân, thương nhân Anh buộc phải đem nộp toàn bộ thuốc phiện để thiêu huỷ tại Trung Quốc.

- Không chịu mất nguồn lợi lớn đó, thực dân Anh và bọn quan lại Mãn Thanh cấu kết với nhau. Chính phủ Anh lấy vấn đề thuốc phiện làm cái cớ gây ra cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc.

- Cuộc chiến tranh xâm lược do thực dân Anh gây ra từ tháng 6 – 1840 và kết thúc vào tháng 8 – 1842, gọi là Chiến tranh thuốc phiện.

Câu 2 : Khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc, phong trào Duy tân và phong trào Nghĩa Hoà đoàn có ý nghĩa lịch sử gì ? Vì sao các phong trào đó thất bại ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ý nghĩa :

+ Thể hiện tinh thần và ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân Trung Quốc trước sự xâm lược của đế quốc và thái độ thoả hiệp của triều đình phong kiến Mãn Thanh.

+ Các phong trào Thái bình Thiên quốc, phong trào Duy tân và phong trào Nghĩa Hoà đoàn góp phần làm lung lay nền tảng của chế độ phong kiến, mở đường cho tư tưởng tiến bộ xâm nhập vào Trung Quốc.

+ Các phong trào đã tạo tiền đề để cách mạng Trung Quốc bước vào giai đoạn mới, đó là giai đoạn cách mạng dân chủ tư sản sau này.

- Nguyên nhân thất bại :

+ Các phong trào diễn ra trong thời điểm đất nước Trung Quốc bị các nước đế quốc xâu xé.

+ Thế lực của giai cấp tư sản còn non yếu, trong khi thế lực của phong kiến còn mạnh lại cấu kết với đế quốc.

+ Các phong trào chưa thực hiện triệt để mục tiêu của cách mạng đề ra.

Câu 3 : Theo em, chủ trương, chính sách của Trung Quốc Đồng minh hội có những tiến bộ và hạn chế gì ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Chủ trương, chính sách của Trung Quốc Đồng minh hội dựa trên học.thuyết Tam dân của Tôn Trung Sơn gồm bốn mục tiêu : "đánh đuổi Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc, chia ruộng đất cho dân cày".

- Những điểm tiến bộ : Đã nêu được mục tiêu và nhiệm vụ phù hợp với nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân về độc lập, tự do, hạnh phúc và ruộng đất cho dân cày nên được đông đảo quần chúng nhân dân ủng hộ.

- Những điểm hạn chế : chưa thể hiện tính chất triệt để của cách mạng, đó là chưa nêu được kẻ thù của cách mạng là chủ nghĩa đế quốc và toàn bộ giai cấp địa chủ phong kiến.

Câu 4 : Trình bày diễn biến chính của cuộc Cách mạng Tân Hợi.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ngày 9 – 5 – 1911, chính quyền Mãn Thanh ra sắc lệnh "Quốc hữu hóa đường sắt", thực chất là trao quyền kinh doanh đường sắt cho các nước đế quốc, bán rẻ quyền lợi dân tộc. Sự kiện này đã gây nên một làn sóng căm phẫn công khai trong quần chúng nhân dân và trong tầng lớp tư sản, trở thành ngòi pháo mở đầu cho cách mạng.

- Ngày 10 – 10 – 1911, Đồng minh hội phát động khởi nghĩa ở Vũ Xương, cuộc khởi nghĩa thắng lợi nhanh chóng và lan rộng ra tất cả các tỉnh miền Nam và miền Trung Trung Quốc.

- Ngày 29 – 12 – 1911, Quốc dân đại hội (gồm đại biểu các tỉnh cách mạng) họp ở Nam Kinh, bầu Tôn Trung Sơn làm Đại Tổng thống đứng đầu Chính phủ lâm thời. Tại đại hội này, Hiến pháp lâm thời được thông qua, công nhận sự bình đẳng và quyền tự do dân chủ của mọi công dân, nhưng không đề cập đến vấn đề ruộng đất của nông dân đã được ghi trong cương lĩnh của Đồng minh hội.

- Trước thắng lợi bước đầu của cách mạng, một số phần tử lãnh đạo Đồng minh hội đã hoảng sợ, tìm cách hạn chế sự phát triển của phong trào, thương lượng với triều đình Mãn Thanh. Kết quả là vua Thanh thoái vị, nhưng Viên Thế Khải – một đại thần của triều đình Mãn Thanh lên làm Tổng thống. Tôn Trung Sơn buộc phải từ chức (tháng 2 – 1913). Trên thực tế, cách mạng đến đây chấm dứt. Các thế lực phong kiến quân phiệt lên nắm chính quyền.

Câu 5 : Nêu kết quả của Cách mạng Tân Hợi. Vì sao gọi cuộc cách mạng này là cuộc cách mạng tư sản không triệt để ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Kết quả :

+ Đã lật đổ triều đình phong kiến Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại lâu đời ở Trung Quốc.

+ Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Trung Quốc.

- Vì sao :

+ Cách mạng chỉ lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến lâu đời, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, có ảnh hưởng nhất định đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á.

+ Song Cách mạng Tân Hợi đã không thủ tiêu thực sự giai cấp phong kiến, không đụng chạm đến các nước đế quốc xâm lược và không giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Câu 6 : Lập bảng kê các sự kiện chính trong phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc từ Chiến tranh thuốc phiện đến Cách mạng Tân Hợi.

** Hướng dẫn trả lời :*

Thời gian	Sự kiện
Năm 1851 – 1864	Phong trào nông dân Thái Bình Thiên Quốc (1851 – 1864). Nhân dân Trung Quốc đã tiến hành đấu tranh mạnh mẽ chống đế quốc, phong kiến.
Năm 1898	Cuộc vận động Duy Tân do hai nhà nho yêu nước là Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi chủ trương cải cách chính trị thay thế chế độ quân chủ chuyên chế bằng chế độ quân chủ lập hiến. Phong trào Duy Tân tồn tại được 103 ngày thì thất bại vì lực lượng phái Duy Tân yếu, các thế lực bảo thủ quá mạnh.
Năm 1900	Phong trào Nghĩa Hòa đoàn bùng nổ ở Sơn Đông. Phong trào nhanh chóng lan rộng ra vùng Sơn Tây và Đông Bắc Trung Quốc. Nghĩa quân tiến vào Bắc Kinh tấn công các sứ quán nước ngoài.
Năm 1911	Cuộc cách mạng Tân Hợi lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến lâu đời, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, có ảnh hưởng nhất định đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á.

Câu 7 : Hãy nhận xét về phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

**Hướng dẫn trả lời :*

- Ngay từ nửa sau thế kỉ XIX, phong trào diễn ra sôi nổi, quyết liệt với nhiều hình thức đấu tranh phong phú. Trong khi triều đình phong kiến Mãn Thanh nhu nhược, bảo thủ, từng bước nhượng bộ các nước đế quốc thì nhân dân Trung Quốc liên tục đấu tranh chống xâm lược, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc, cuộc vận động Duy tân và phong trào Nghĩa Hoà đoàn.

- Đầu thế kỉ XX, phong trào tiếp tục phát triển, giai cấp tư sản đã bước lên vũ đài chính trị, nắm lấy vai trò lãnh đạo cách mạng. Tiêu biểu là cuộc Cách mạng Tân Hợi năm 1911.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Hãy trình bày nguyên nhân và tiến trình xâm lược của các nước phương Tây đối với Trung Quốc từ thế kỉ XVIII đến thế kỉ XIX.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nguyên nhân :

+ Trung Quốc là một nước rộng lớn và đông dân nhất châu Á.

+ Giàu tài nguyên khoáng sản.

+ Có nền văn hoá lâu đời.

Vì vậy, từ thế kỉ XVIII và nhất là sang thế kỉ XIX, Trung Quốc trở thành "miếng mồi" cho các đế quốc phân chia, xâu xé.

- *Tiến trình xâm lược :*

+ Các nước tư bản phương Tây, trước tiên là Anh, tìm mọi cách đòi chính quyền Mãn Thanh phải "mở cửa", đòi tự do buôn bán thuốc phiện – món hàng mang lại lợi nhuận lớn cho bọn tư bản.

+ Viện cớ chính quyền Mãn Thanh tịch thu và đốt thuốc phiện của các tàu buôn Anh, thực dân Anh đã tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc. Cuộc chiến tranh thuốc phiện bắt đầu từ tháng 6 – 1840 và kết thúc vào tháng 8 – 1842. Chính quyền Mãn Thanh phải kí Hiệp ước Nam Kinh, chấp nhận các điều khoản theo yêu cầu của thực dân Anh.

+ Sau chiến tranh thuốc phiện, các nước đế quốc từng bước xâu xé Trung Quốc. Đến cuối thế kỉ XIX, Đức đã chiếm tỉnh Sơn Đông ; Anh chiếm vùng châu thổ sông Dương Tử ; Pháp chiếm vùng Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông; Nga, Nhật chiếm đóng vùng Đông Bắc...

Câu 2 : Hãy trình bày nguyên nhân, diễn biến và ý nghĩa của phong trào nông dân Thái bình Thiên quốc (1851 – 1864).

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Nguyên nhân :* Trước nguy cơ xâm lược của các nước đế quốc và sự hèn yếu của triều đình Mãn Thanh, từ giữa thế kỉ XIX nhân dân Trung Quốc tiếp tục nổi dậy đấu tranh chống thực dân, phong kiến. Tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc.

- *Diễn biến :* Dưới sự lãnh đạo của Hồng Tú Toàn, phong trào nổ ra ngày 1 – 1 – 1851 ở Kim Điền – Quảng Tây, sau đó lan rộng ra khắp các địa phương trong cả nước. Đây là một phong trào nông dân lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc. Cuộc khởi nghĩa kéo dài suốt 14 năm, từ năm 1851 đến năm 1864, đã xây dựng được một chính quyền ở Thiên Kinh và thi hành nhiều chính sách tiến bộ.

- *Ý nghĩa :* Lần đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, chính sách ruộng đất bình quân, chính sách xã hội, thực hiện nam nữ bình đẳng được đề ra.

Câu 3 : Lập bảng thống kê về phong trào Duy tân hãy theo yêu câu sau đây:

1. Nguyên nhân	....
2. Lãnh đạo	....
3. Tóm tắt diễn biến	....
4.Tính chất	....

* *Hướng dẫn trả lời :*

1. Nguyên nhân	- Cuối thế kỉ XIX, các nước đế quốc tăng cường xâu xé Trung Quốc. - Một số người tiến bộ thuộc giai cấp phong kiến Trung Quốc chủ trương tiến hành cải cách để hòng cứu vãn tính thế.
2. Lãnh đạo	Hai nhà nho yêu nước Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu.
3. Tóm tắt diễn biến	- Phong trào hoạt động chủ yếu trong các tầng lớp quan lại, sĩ phu có ý thức tiếp thu tư tưởng tiến tiến mà không đi sâu vào quần chúng nhân dân lao động, không dựa vào lực lượng nhân dân. Vì vậy, cuộc vận động Duy tân đã nhanh chóng thất bại khi nó vấp lại sự chống đối mạnh mẽ của phái thủ cựu trong giai cấp phong kiến, do Từ Hi Thái hậu cầm đầu. - Ngày 21 – 9 – 1898, khi phong trào Duy tân mới diễn ra hơn 100 ngày, Từ Hi Thái hậu làm cuộc chính biến, ra lệnh bắt vua Quang Tự, tịch thu ấn tín ; bắt và xử tử những người lãnh đạo phái Duy tân.
4. Tính chất	Phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, chống phong kiến không triệt để.

Câu 4 : Những nét chính về phong trào Nghĩa Hoà đoàn.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Sự hình thành và phát triển phong trào: Bùng nổ ở Sơn Đông, phong trào nhanh chóng lan rộng ra Trực Lệ, Sơn Tây.

- Mục tiêu : Nghĩa quân tấn công các sứ quán nước ngoài ở Bắc Kinh. Ngay sau đó, liên quân tám nước (Anh, Nhật, Đức, Mĩ, Nga, Pháp, Áo – Hung, I-ta-li-a) tiến vào Bắc Kinh đàn áp phong trào. Nghĩa Hoà đoàn đã anh dũng chiến đấu chống quân xâm lăng, nhưng cuối cùng đã bị đánh bại vì thiếu sự lãnh đạo, thiếu vũ khí.

- Thái độ của nhà Mãn Thanh : Một lần nữa đầu hàng đế quốc, kí Hiệp ước Tân Sửu (1901). Trung Quốc phải trả một khoản tiền lớn để bồi thường chiến tranh và buộc phải để cho các nước đế quốc được quyền đóng quân ở Bắc Kinh. Với Hiệp ước Tân Sửu, Trung Quốc đã thực sự biến thành nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.

Câu 5 : Hãy trình bày hoàn cảnh, cương lĩnh, mục tiêu và tác dụng của tổ chức Trung Quốc Đồng minh hội.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Hoàn cảnh :* Đầu năm 1905, phong trào đấu tranh chống đế quốc, chống phong kiến của nhân dân Trung Quốc đã lan rộng khắp các tỉnh. Hoa kiều ở nước ngoài cũng nhiệt liệt hưởng ứng phong trào. Trước tình hình đó, Tôn Trung Sơn từ châu Âu về Nhật Bản, thống nhất lực lượng thành một chính đảng. Tháng 8-1905, Trung Quốc đồng minh hội – chính đảng của giai cấp tư sản ra đời.

- *Cương lĩnh chính trị của Đồng minh hội :* Dựa trên học thuyết Tam dân của Tôn Trung Sơn là "Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc".

- *Mục tiêu của Hội :* Đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc, thực hiện quyền bình đẳng về ruộng đất cho dân cày.

- *Tác dụng :* Dưới sự lãnh đạo của Đồng minh hội, phong trào cách mạng Trung Quốc phát triển theo con đường dân chủ tư sản. Tôn Trung Sơn và nhiều nhà hoạt động cách mạng khác đã tích cực chuẩn bị mọi mặt cho một cuộc khởi nghĩa vũ trang.

Câu 6 : Trình bày tính chất và ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi.

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Tính chất :* Là cuộc cách mạng dân chủ tư sản không triệt để.

- *Ý nghĩa lịch sử:*

+ Lật đổ triều đại Mẩn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến lâu đời, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, có ảnh hưởng nhất định đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á.

+ Song Cách mạng Tân Hợi đã không thủ tiêu thực sự giai cấp phong kiến, không đụng chạm đến các nước đế quốc xâm lược và không giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Bài 18

CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á
(CUỐI THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CÓ SẴN TRONG SÁCH GIÁO KHOA

Câu 1 : Trình bày quá trình xâm lược của các nước đế quốc ở Đông Nam Á.

** Hướng dẫn trả lời :*

Từ giữa thế kỉ XIX, các nước thực dân phương Tây mở rộng và hoàn thành việc xâm lược các nước Đông Nam Á.

- Ở In-đô-nê-xi-a, ngay từ thế kỉ XV, XVI thực dân tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan, đã có mặt và từng bước chiếm lĩnh thị trường. Đến thế kỉ XIX, Hà Lan hoàn thành việc xâm chiếm và thiết lập ách thống trị thực dân trên đất nước này.

- Phi-líp-pin bị thực dân Tây Ban Nha thống trị ngay từ thế kỉ XVI. Sau cuộc chiến tranh với Tây Ban Nha năm 1898, đế quốc Mĩ liền tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Phi-líp-pin (1899 – 1902) và biến quần đảo này thành thuộc địa của Mĩ.

- Ở Miến Điện (nay là Mi-an-ma), thực dân Anh đã tiến hành ba cuộc chiến tranh xâm lược. Năm 1885, Anh thôn tính Miến Điện rồi sát nhập nước này thành một tỉnh của Ấn Độ thuộc Anh.

- Mã Lai (nay là Ma-lai-xi-a) sớm bị các nước tư bản nhòm ngó, can thiệp. Đến đầu thế kỉ XX, Mã Lai hoàn toàn trở thành thuộc địa của Anh.

- Ba nước : Việt Nam, Lào, Cao Miên (Cam-pu-chia) là đối tượng xâm lược của thực dân Pháp. Đến cuối thế kỉ XIX, Pháp đã hoàn thành quá trình xâm lược và bắt đầu thi hành chính sách bóc lột, khai thác thuộc địa.

- Vương quốc Xiêm (Thái Lan) trong nửa sau thế kỉ XIX trở thành vùng tranh chấp của đế quốc Anh và Pháp. Với chính sách ngoại giao mềm dẻo, khôn khéo của vua Ra-ma V, Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á giữ được nền độc lập tương đối về chính trị.

Câu 2 : Lập bảng so sánh những điểm giống và khác nhau giữa hai xu hướng đấu tranh ở Phi-líp-pin vào cuối thế kỉ XIX.

** Hướng dẫn trả lời :*

	Xu hướng cải cách của Hô-xê Ri-dan	**Xu hướng bạo động của Bô-ni-pha-xi-ô**
Khác nhau	- Thể hiện rõ chủ trương cải cách thể hiện tính chất ôn hoà của tư sản dân tộc và trí thức tư sản. - Không có cơ sở trong quần chúng nên yếu ớt.	- Thể hiện tính bạo động, khởi nghĩa vũ trang của quần chúng nhân dân. - Được quần chúng ủng hộ, phát triển thành cuộc cách mạng tư sản chống đế quốc.
Giống nhau	- Cả hai xu hướng đều thể hiện tinh thần dân tộc, đấu tranh đòi các quyền lợi cho nhân dân Phi-lip-pin. - Cả hai xu hướng đều chuẩn bị cho cao trào cách mạng sau này.	

Câu 3 : Nêu diễn biến chính của cuộc Cách mạng năm 1896 ở Phi-líp-pin.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Ngày 18 – 8 – 1896, Bô-ni-pha-xi-ô phát lệnh khởi nghĩa với khẩu hiệu "Chiến thắng hay là chết !", được nhân dân hưởng ứng nhiệt liệt. Phong trào kháng chiến chống thực dân lan rộng toàn quần đảo. Nhiều vùng giải phóng đã thiết lập chính quyền nhân dân do KATIPUNAN lãnh đạo, chia ruộng đất cho nông dân, tiến tới thành lập nền cộng hòa. Nhưng sau đó, Bô-ni-pha-xi-ô bị sát hại, KATIPUNAN tan rã.

- Cuộc cách mạng năm 1896 ở Phi-líp-pin là cuộc cách mạng mang tính chất tư sản chống đế quốc đầu tiên ở Đông Nam Á, đánh dấu sự thức tỉnh của nhân dân Phi-líp-pin trong cuộc đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc.

Câu 4 : Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ đối với Phi-líp-pin như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Tháng 4 – 1898, Mĩ gây chiến với Tây Ban Nha dưới danh nghĩa ủng hộ cuộc đấu tranh chống thực dân của nhân dân Phi-líp-pin.
- Tháng 6 – 1898, Mĩ đưa A-ghi-nan-đô lên làm Tổng thống nước cộng hòa Phi-líp-pin. Sau khi Tây Ban Nha thua trận, quân Mĩ đổ bộ chiếm Ma-ni-la và nhiều nơi trên quần đảo. Nghĩa quân Phi-líp-pin chuyển mũi nhọn đấu tranh sang chống Mĩ xâm lược.
- Như vậy, Mĩ thực hiện âm mưu xâm lược Phi-lip-pin bằng chính sách thực dân mới nhằm biến Phi-lip-pin trở thành một trong những nước chư hầu của Mĩ và là bàn đạp để tấn công các nước ở Đông Nam Á.

Câu 5 : Trình bày những nét chính các cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp của nhân dân Cam-pu-chia.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Vào thế kỉ XIX, trong quá trình tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp đã từng bước xâm chiếm Cam-pu-chia và Lào.
- Năm 1863, Pháp gây áp lực buộc vua Cam-pu-chia là Nô-rô-đôm phải chấp nhận quyền bảo hộ của chúng. Sau khi gạt bỏ ảnh hưởng của Xiêm đối với triều đình Phnôm Pênh, Pháp buộc vua Nô-rô-đôm phải kí Hiệp ước 1884, biến Cam-pu-chia thành thuộc địa của Pháp.
- Ách thống trị của thực dân Pháp đã gây nên nỗi bất bình trong hoàng tộc và các tầng lớp nhân dân. Nhiều cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp diễn ra sôi nổi trong cả nước .
- Mở đầu là cuộc khởi nghĩa lớn của Hoàng thân Si-vô-tha, kéo dài hơn 30 năm (1861 – 1892).
- Cuộc khởi nghĩa của A-cha-xoa (1863 – 1866) diễn ra ở các tỉnh giáp với biên giới Việt Nam, đã gây cho thực dân Pháp nhiều tổn thất to lớn.
- Cuộc khởi nghĩa của Pu-côm-bô (1866 – 1867) không chỉ thể hiện tinh thần anh dũng, bất khuất của nhân dân Cam-pu-chia mà còn biểu tượng về liên minh chiến đấu của nhân dân hai nước Việt Nam và Cam-pu-chia trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược.

Câu 6 : Sự đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Cam-pu-chia được biểu hiện như thế nào trong các cuộc khởi nghĩa A-cha-Xoa và Pu-côm-pô?

** Hướng dẫn trả lời :*

a. Khởi nghĩa A-cha-Xoa :

- Cuộc khởi nghĩa của A-cha-xoa (1863 – 1866) diễn ra ở các tỉnh giáp với biên giới Việt Nam, đã gây cho thực dân Pháp nhiều tổn thất to lớn.
- A-cha Xoa lúc đầu tham gia khởi nghĩa của Si-vô-tha ; bị đàn áp, ông và nhiều nghĩa quân phải phiêu bạc sang Việt Nam. Số phận của người dân Việt Nam lúc này cũng giống như người dân Khơ-me, nên cuộc vận động khởi nghĩa của A-cha Xoa gặp nhiều thuận lợi. Nhân dân Việt Nam đã sẵn sàng giúp đỡ A-cha-Xoa, chống lại thực dân Pháp và triều đình Khơ-me.
- Từ vùng núi Thất Sơn, A-cha Xoa lấy Châu Đốc, Hà Tiên làm bàn đạp đánh về Cam-pu-chia. Năm 1864, có lần nghĩa quân đã chiếm được tỉnh Cam-pốt và áp sát Phnôm Pênh. Hoạt động của nghĩa quân trong các năm 1864 – 1865 càng mạnh mẽ. Biên giới Việt Nam – Cam-pu-chia biến thành vùng căn cứ cho cuộc khởi nghĩa A-cha Xoa.

b. Khởi nghĩa Pu-côm-pô:

- Cuộc khởi nghĩa của Pu-côm-bô (1866 – 1867) không chỉ thể hiện tinh thần anh dũng, bất khuất của nhân dân Cam-pu-chia mà còn biểu tượng về liên minh chiến đấu của nhân dân hai nước Việt Nam và Cam-pu-chia trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược.
- Năm 1866, Pu-côm-pô phát động cuộc khởi nghĩa chống Pháp và lập căn cứ ở Tây Ninh. Nghĩa quân bao gồm người Khơ-me, người Chăm, người Xtiêng, người Kinh. Trương Quyền và Võ Duy Dương đã liên kết với nghĩa quân Pu-côm-pô trong những trận đánh Pháp. Khi lực lượng lớn mạnh, Pu-côm-pô tiến quân về nước, kiểm soát Pa-man, tiến công kinh đô U-đông (17 – 12 – 1866). Nhân dân Việt Nam ở ba tỉnh miền Tây Nam Kì thường xuyên cung cấp lương thực, vũ khí cho nghĩa quân.

Câu 6 : Lập bảng thống kê các sự kiện tiêu biểu trong phong trào chống Pháp của nhân dân Lào.

** Hướng dẫn trả lời :*

Thời gian	Sự kiện tiêu biểu
1901 – 1903	Cuộc khởi nghĩa của nhân dân Lào dưới sự chỉ huy của Pha-ca-đuốc. Phong trào giải phóng Xa-van-na-khét, mở rộng sang vùng biên giới Việt – Lào.
1901 – 1937	Cuộc khởi nghĩa trên cao nguyên Bô-lô-ven do Ong Kẹo và Com-ma-đam chỉ huy, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Câu 7 : Cuộc khởi nghĩa của Ong Kẹo và Com-ma-đam diễn ra như thế nào ?

**Hướng dẫn trả lời :*

- Cuộc khởi nghĩa trên cao nguyên Bô-lô-ven kéo dài 37 năm (1901-1937) do Ong kẹo và Com-ma-đam chỉ huy. Thực hiện chiến thuật đánh du kích, nghĩa quân của hai ông đã gây cho địch nhiều tổn thất.
- Không thể đàn áp cuộc khởi nghĩa, thực dân Pháp giở trò "đàm phán". Ong Kẹo nhận lời đến họp để thăm dò thái độ của địch. Theo quy định không ai được mang vũ khí đến vào cuộc họp. Ong Kẹo đã bị mắc mưu kẻ thù và bị chúng sát hại vào ngày 31 – 10 – 1907.
- Sau khi Ong Kẹo mất, Com-ma-đam tiếp tục chỉ huy nghĩa quân chiến đấu. Tháng 9 – 1936, ông bị thương và hi sinh trong một trận đánh lớn ở

Phù Luông. Ba người con của Com-ma-đam vẫn cùng nghĩa quân chiến đấu cho đến tháng 7 – 1937 mới bị bắt.

Câu 8 : Hãy nêu những chính sách cải cách của Ra-ma V. Ý nghĩa của chính sách cải cách đó đối với sự phát triển của Vương quốc Xiêm.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Năm 1868, Chu-la-long-con lên ngôi (Ra-ma V, ở ngôi từ năm 1868 – 1910) ra lệnh xóa bỏ hoàn toàn chế độ nô lệ vì nợ, giải phóng số đông người lao động được tự do làm ăn sinh sống. Đồng thời, xóa bỏ cho nông dân nghĩa vụ lao dịch ba tháng trên các công trường nhà nước, giảm nhẹ thuế ruộng. Những biện pháp trên đã có tác dụng tích cực đối với sản xuất nông nghiệp : nâng cao năng suất lúa, tăng nhanh lượng gạo xuất khẩu. Việc xuất khẩu gỗ tếch cũng được đẩy mạnh.

- Nhà nước khuyến khích tư nhân bỏ vốn kinh doanh công thương nghiệp, xây dựng nhà máy xay xát lúa gạo, nhà máy cưa, mở hiệu buôn bán và ngân hàng.

- Năm 1892, Ra-ma V đã tiến hành hàng loạt cải cách theo khuôn mẫu của các nước phương Tây như cải cách hành chính, cải cách tài chính, quân đội, trường học..., tạo cho nước Xiêm một bộ mặt mới theo hướng phát triển tư bản chủ nghĩa.

- Ra-ma V đặc biệt quan tâm đến hoạt động ngoại giao. Nhờ chính sách ngoại giao mềm dẻo, nước Xiêm vừa lợi dụng được vị trí nước "đệm" giữa hai thế lực đế quốc Anh – Pháp, vừa cắt nhượng một số vùng đất phụ thuộc để giữ gìn chủ quyền của đất nước. Nhờ vậy, Xiêm không bị rơi vào tình trạng trở thành thuộc địa như các nước trong khu vực, vẫn giữ được độc lập mặc dù chịu sự lệ thuộc về chính trị, kinh tế vào Anh và Pháp.

- *Ý nghĩa :*

  + Đưa nước Xiêm phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, có ý nghĩa tích cực trong việc bảo vệ độc lập.

  + Song trong tình hình lúc bấy giờ, Xiêm cũng không thoát khỏi sự lệ thuộc về chính trị, kinh tế vào Anh, trở thành nước "đệm" của hai thực dân : Anh và Pháp.

Câu 9 : Hãy nêu những nét chính về tình hình các nước Đông Nam Á vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Vào cuối thế kỉ XIX, ở Đông Nam Á chế độ phong kiến vẫn giữ địa vị thống trị, nhưng lâm vào cuộc khủng hoảng triền miên về chính trị, kinh tế, xã hội. Nhân cơ hội này, các nước thực dân phương Tây mở rộng và hoàn thành việc xâm lược các nước Đông Nam Á.

- Hầu hết các nước ở Đông Nam Á (trừ Xiêm) trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.

- Sự xâm lược và đô hộ của thực dân phương Tây đã gây nên những biến chuyển lớn trong xã hội các nước Đông Nam Á, đưa đến những phong trào đấu tranh mạnh mẽ vì độc lập và tiến bộ xã hội.

- Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước Đông Nam Á phát triển theo hai khuynh hướng chủ yếu : phong trào đấu tranh tự phát của nông dân (cuối thế kỉ XIX) và phong trào đấu tranh của tư sản (đầu thế kỉ XX) với những phong trào tiêu biểu ở Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a và ba nước Đông Dương.

Câu 10 : Nhận xét về hình thức đấu tranh giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cuối thế kỉ XIX, hình thức đấu tranh của nhân dân các nước Đông Nam Á diễn ra chủ yếu bằng khởi nghĩa vũ trang, tự phát. Lực lượng khởi nghĩa gồm đông đảo nông dân.

- Đầu thế kỉ XX, hình thức đấu tranh bước đầu có tổ chức, lãnh đạo phát triển theo khuynh hướng tư sản.

Câu 11 : Vì sao trong khu vực Đông Nam Á, Xiêm là nước duy nhất không trở thành thuộc địa của các nước phương Tây ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Năm 1892, Ra-ma V đã tiến hành hàng loạt cải cách theo khuôn mẫu của các nước phương Tây như cải cách hành chính, cải cách tài chính, quân đội, trường học..., tạo cho nước Xiêm một bộ mặt mới theo hướng phát triển tư bản chủ nghĩa.

  + Xoá bỏ chế độ nô lệ vì nợ ; xoá bỏ chế độ tạp dịch của nông dân đối với địa chủ, quý tộc và nhà nước phong kiến, giải phóng số đông người lao động. Cải cách chế độ thuế khoá, giảm nhẹ thuế ruộng.

  + Cải tổ chính trị, cải cách tài chính, quân đội, trường học theo kiểu phương Tây.

- Ra-ma V đặc biệt quan tâm đến hoạt động ngoại giao. Nhờ chính sách ngoại giao mềm dẻo, nước Xiêm vừa lợi dụng được vị trí nước "đệm" giữa hai thế lực đế quốc Anh – Pháp, vừa cắt nhượng một số vùng đất phụ thuộc để giữ gìn chủ quyền của đất nước. Nhờ vậy, Xiêm không bị rơi vào tình trạng trở thành thuộc địa như các nước trong khu vực, vẫn giữ được độc lập mặc dù chịu sự lệ thuộc về chính trị, kinh tế vào Anh và Pháp.

II. CÂU HỎI, BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX diễn ra như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ngay khi bị thực dân xâm lược, nhân dân các nước Đông Nam Á đã kiên quyết đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Thực dân thi hành chính sách cai trị hà khắc.

- Điểm chung của chính sách cai trị thuộc địa của thực dân phương Tây là : Vơ vét tài nguyên, không mở mang công nghiệp, tăng các loại thuế, mở đồn điền, bắt lính, đàn áp phong trào yêu nước.

- Cuộc đấu tranh chống xâm lược giải phóng dân tộc của nhân dân các nước Đông Nam Á phát triển liên tục, rộng khắp.

+ Ở In-đô-nê-xi-a : Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX nhiều tổ chức yêu nước của trí thức tư sản tiến bộ ra đời.

Năm 1905 nhiều tổ chức công đoàn được thành lập và truyền bá chủ nghĩa Mác vào In-đô-nê-xi-a.

+ Ở Phi-líp-pin : Cuộc cách mạng năm 1896 – 1898 bùng nổ đánh dấu sự ra đời của nước Cộng hòa Phi-lip-pin.

Sau đó Mĩ nhảy vào, phong trào kháng chiến chống Mĩ phát triển song thất bại.

+ Ở Cam-pu-chia : Năm 1863 – 1866, A-cha Xoa lãnh đạo khởi nghĩa ở Ta Keo, năm 1866 – 1867 Pu-côm-pô chỉ huy khởi nghĩa ở Cra-chê.

+ Ở Lào : Năm 1901 Pha-ca-đuốc lãnh đạo nhân dân Xa-van-na-khét đấu tranh vũ trang ; khởi nghĩa cao nguyên Bô-lô-ven (1901 – 1907).

+ Ở Miến Điện : Năm 1885, nhân dân kháng chiến anh dũng chống thực dân Anh.

+ Ở Việt Nam : Có phong trào Cần Vương, khởi nghĩa nông dân Yên Thế (1884 – 1913).

Các phong trào đấu tranh chống xâm lược, giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á thất bại vì chưa có đường lối cứu nước đúng đắn.

Câu 2 : Phong trào đấu tranh của nhân dân In-đô-nê-xi-a chống thực dân Hà Lan diễn ra như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ở In-đô-nê-xi-a, sau cuộc khởi nghĩa do Đi-pô-nê-gô-rô lãnh đạo trong những năm 1825 – 1830 bị thất bại, nhân dân đảo A-chê đã anh dũng chiến đấu chống lại 3.000 quân Hà Lan đổ bộ lên vùng này vào tháng 10 – 1873.

- Phong trào đấu tranh của nông dân nổ ra mạnh mẽ. Điển hình là cuộc khởi nghĩa nông dân do Sa-min lãnh đạo vào khoảng năm 1890.

- Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, xã hội In-đô-nê-xi-a có nhiều biến đổi. Việc đầu tư bóc lột của tư bản Hà Lan ngày càng mạnh mẽ, về khách quan đã tạo nên những tiền đề xã hội cho giai cấp công nhân và giai cấp tư sản ra đời. Ý thức dân tộc phát triển.

- Phong trào công nhân cũng sớm hình thành với sự ra đời của các tổ chức : Hiệp hội công nhân đường sắt (1905), Hiệp hội công nhân xe lửa (1918)... tháng 12 – 1914, Liên minh xã hội dân chủ In-đô-nê-xi-a ra đời nhằm tuyên truyền chủ nghĩa Mác trong công nhân, đặt cơ sở cho Đảng Cộng sản ra đời (tháng 5 – 1920). Giai cấp tư sản dân tộc, tầng lớp trí thức tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản châu Âu đóng vai trò nhất định trong phong trào yêu nước ở In-đô-nê-xi-a đầu thế kỉ XX.

Câu 3 : Hãy nêu hai xu hướng cách mạng ở Phi-líp-pin những năm 90 thế kỉ XIX.

** Hướng dẫn trả lời :*

Đến những năm 90 của thế kỉ XIX, ở Phi-líp-pin xuất hiện hai xu hướng chính trong phong trào giải phóng dân tộc.

- Thứ nhất, là xu hướng cải cách của Hô-xê Ri-dan. Năm 1892, Hô-xê Ri-dan thành lập "Liên minh Phi-líp-pin", thu nạp nhiều trí thức yêu nước, địa chủ và tư sản tiến bộ cùng một số dân nghèo. Hoạt động của Liên minh đã thức tỉnh tinh thần dân tộc trong các tầng lớp nhân dân, có ý thức như một sự chuẩn bị tư tưởng cho cao trào cách mạng sau này.

- Thứ hai, là xu hướng bạo động của Bô-ni-pha-xi-ô. Tháng 7 – 1892, Bô-ni-pha-xi-ô tách khỏi Liên minh Phi-líp-pin, thành lập "Liên hiệp những người con yêu qúy của nhân dân" – viết tắt là KATIPUNAN.

Câu 4 : Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân Lào đầu thế kỉ XIX diễn ra như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Năm 1865, nhiều đoàn thám hiểm người Pháp đi ngược sông Mê Công lên thượng nguồn để thăm dò khả năng xâm nhập Lào, gây sức ép buộc triều đình Luông Pha-bang phải công nhận nền thống trị của Pháp. Tiến hành đàm phán với Xiêm thừa nhận quyền cai trị của Pháp ở Lào. Như vậy, Lào thực sự biến thành thuộc địa của Pháp từ năm 1893. Ngay từ đầu thế kỉ XX, nhân dân Lào đã tiến hành nhiều cuộc đấu tranh bất khuất trên toàn lãnh thổ để chống lại ách nô dịch tàn bạo của thực dân Pháp.

- Mở đầu là cuộc khởi nghĩa của nhân dân Lào dưới sự chỉ huy của Pha-ca-đuốc (1901 – 1903). Phong trào đã phát triển nhanh chóng, giải phóng Xa-van-na-khét, mở rộng sang cả đường 9, biên giới Lào – Việt.

- Đặc biệt kiên cường là cuộc khởi nghĩa trên cao nguyên Bô-lô-ven kéo dài 37 năm (1901 – 1937) do Ong kẹo và Com-ma-đam chỉ huy. Thực hiện chiến thuật đánh du kích, nghĩa quân của hai ông đã gây cho địch nhiều tổn thất.

- Sau khi Ong Kẹo mất, Com-ma-đam tiếp tục chỉ huy nghĩa quân chiến đấu. Tháng 9 – 1936, ông bị thương và hi sinh trong một trận đánh lớn ở Phù Luông. Ba người con của Com-ma-đam vẫn cùng nghĩa quân chiến đấu cho đến tháng 7 – 1937 mới bị bắt.

- Cuộc khởi nghĩa của Chậu Pa-chay diễn ra trên địa bàn Bắc Lào và Tây Bắc Việt Nam, kéo dài hơn bốn năm (1918 – 1922).

Câu 5 : Lập niên biểu về các cuộc đấu tranh của nhân các nước Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

Tên nước	Thời gian	Các cuộc đấu tranh tiêu biểu	Kết quả

** Hướng dẫn trả lời :*

Tên nước	Thời gian	Các cuộc đấu tranh tiêu biểu	Kết quả
1. In-đô-nê-xi-a	1905 – 1908	- Thành lập nghiệp đoàn xe lửa. - Thành lập Hội liên hiệp công nhân.	Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a được thành lập.
2. Phi-lip-pin	1896 – 1898	Cách mạng bùng nổ và lan rộng nhiều nơi.	Nước Cộng hoà Phi-lip-pin ra đời.
3. Cam-pu-chia	1863 – 1868	Khởi nghĩa Ta-keo, khởi nghĩa Cra-chê.	Gây cho Pháp nhiều tổn thất, bước đầu thành lập liên minh chống Pháp.
4. Lào	1901 – 1907	- Đấu tranh vũ trang ở Xa-van-na-khét. - Khởi nghĩa ở cao nguyên Bô-lô-ven.	Gây cho Pháp nhiều tổn thất, bước đầu thành lập liên minh chống Pháp.
5) Việt Nam	- 1885 – 1896 - 1884 – 1913	- Phong trào Cần vương. - Khởi nghĩa nông dân Yên Thế.	Bước đầu thành lập liên minh chống Pháp.
6) Miến Điện	1885	Kháng chiến chống thực dân Anh.	Chưa thu được kết quả.

Chương V

CÁC NƯỚC CHÂU PHI, MĨ LA-TINH THỜI CẬN ĐẠI

Bài 19

CHÂU PHI

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Các nước đế quốc đua nhau xâm lược châu Phi trong những năm 70 – 80 thế kỉ XIX như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Vào những năm 70 – 80 thế kỉ XIX, các nước tư bản phương Tây đua nhau xâu xé châu Phi :

+ Năm 1882, Anh độc chiếm Ai Cập, kiểm soát kênh đào Xuy-ê, chiếm Nam Phi, Ni-giê-ri-a...

+ Năm 1883, Pháp chiếm Tuy-ni-di và Nam Ca-mơ-run, Xa-ha-ra...

+ Năm 1884, Đức chiếm Bắc Ca-mơ-run, Tô-gô, Tây Nam Phi...

- Đến đầu thế kỉ XX, việc phân chia thuộc địa giữa các đế quốc ở châu Phi, căn bản hoàn thành.

Câu 2 : Hãy trình bày những cuộc đấu tranh tiêu biểu của nhân dân châu Phi chống chủ nghĩa thực dân.

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Ở An-giê-ri :* Cuộc khởi nghĩa của Áp-đen Ca-đê kéo dài từ năm 1830 đến năm 1847. Thực dân Pháp phải mất nhiều thời gian mới chinh phục được nước này.

- *Ở Ai Cập :* Từ năm 1879 – 1882, diễn ra phong trào "Ai Cập trẻ". Các nước đế quốc phải can thiệp mạnh mới ngăn chặn được cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Ai Cập.

- *Ở Xu-đăng:* Từ năm 1877 – 1898, diễn ra cuộc khởi nghĩa của Mô-ha-mét. Thực dân Anh được các nước đế quốc giúp đỡ mới dập tắt được phong trào.

- Ở Ê-ti-ô-pi, Từ năm 1885 – 1896, đã đấu tranh chống thực dân I-ta-li-a và là một trong những nước giữ được độc lập ở châu Phi.

Câu 3 : Nhận xét về phong trào đấu tranh chống thực dân của nhân dân châu Phi trong thế kỉ XIX.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của nhân dân châu Phi diễn ra sôi nổi, thể hiện tinh thần yêu nước cao.

- Trình độ tổ chức của các phong trào còn ở mức thấp, sự chênh lệch về lực lượng khá rõ ràng nên bị các nước phương Tây đàn áp.

- Mặc dầu bị thất bại, các phong trào đấu tranh vẫn tiếp tục và phát triển trong thế kỉ XX.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Nêu những nét khái quát về tình hình châu Phi trước khi bị thực dân xâm lược.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Là lục địa lớn, giàu tài nguyên, có nền văn hoá lâu đời. Thời cận đại, châu Phi có hai miền chính : Bắc Phi và Nam Phi.

+ Bắc Phi kéo dài từ Bắc Xa-ha-ra đến Địa Trung Hải, theo đạo Hồi, có một số nơi vẫn còn chế độ bộ lạc, quan hệ phong kiến.

+ Nam Phi bao gồm vùng đất từ Nam Xa-ha-ra đến mũi Hảo Vọng. Quan hệ phong kiến là chủ yếu. Nhiều nơi còn tàn tích của chế độ bộ lạc và nô lệ.

- Từ nửa sau thế kỉ XIX, cuộc sống yên ổn, tài nguyên phong phú và nền văn hoá lâu đời của họ đã bị thực dân châu Âu xâm phạm, phá hoại, cướp bóc và đàn áp.

Câu 2 : Hãy thống kê diện tích ở châu Phi bị các nước đế quốc xâm chiếm trong những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX sau đây:

Tên các nước đế quốc	Diện tích xâm chiếm ở châu Phi
1. Đế quốc Pháp	
2. Đế quốc Anh	
3. Đế quốc I-ta-li-a	
4. Đế quốc Đức	
5. Đế quốc Bỉ	
6. Đế quốc Bồ Đào Nha	
7. Các đế quốc khác	

** Hướng dẫn trả lời :*

Tên các nước đế quốc	Diện tích xâm chiếm ở châu Phi
1. Đế quốc Pháp	35%
2. Đế quốc Anh	30%
3. Đế quốc I-ta-li-a	8%
4. Đế quốc Đức	7,5%
5. Đế quốc Bỉ	7,5%
6. Đế quốc Bồ Đào Nha	6,5%
7. Các đế quốc khác	5,5%

Bài 20

KHU VỰC MĨ LA-TINH

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Trình bày những nét cơ bản về sự xâm lược của thực dân châu Âu vào khu vực Mĩ La-tinh theo yêu cầu sau đây :

Thời gian	Tên các nước phương Tây	Tên các nước Mĩ La-tinh bị xâm lược
Thế kỉ XV		
Thế kỉ XIX		

** Hướng dẫn trả lời :*

Thời gian	Tên các nước phương Tây	Tên các nước Mĩ La-tinh bị xâm lược
Thế kỉ XV	Tây Ban Nha	Trung Nam Mĩ
	Bồ Đào Nha	Bra-xin
	Anh, Pháp	Một số vùng biển Ca-ri-bê
	Anh, Pháp, Hà Lan	Chia cắt Guy-a-na
Thế kỉ XIX	Tây ban Nha, Bồ Đào Nha	Chiếm hầu các nước Mĩ La-tinh

Câu 2 : Vì sao vùng Trung, Nam Mĩ và một phần Bắc Mĩ (Mê-hi-cô) được gọi là khu vực Mĩ La-tinh?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Châu Mĩ La-tinh là khu vực thuộc Trung và Nam Mĩ, phần lớn cư dân ở đây nói tiếng Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha. Cư dân bản địa lâu đời là người In-đi-an, chủ nhân của nền văn hoá May-a, văn hoá In-ca, A-dơ-tếch.

- Từ thế kỉ XV, thực dân châu Âu – chủ yếu là Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đã làm chủ hầu hết vùng này.

- Thực dân phương Tây tàn sát dân bản địa, dồn đuổi và rừng sâu, chiếm đất lập đồn điền để trồng lúa mì, ngô, khoai tây, cà phê, thuốc lá... Thực dân châu Âu đưa người nô lệ da đen từ châu Phi sang đây lao động trong các đồn điền. Trải qua vài ba chục thế kỉ, trên châu lục này đã xuất hiện những cộng đồng người da trắng, da đen và thổ dân da đỏ.

- Những cộng đồng dân tộc này cùng chung sống trên một lãnh thổ và hình thành những dân tộc riêng biệt ở Trung, Nam Mĩ và một phần Bắc Mĩ (Mê-hi-cô), nói tiếng Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha thuộc ngữ hệ La-tinh nên gọi vùng này là khu vực Mĩ La-tinh.

Câu 3 : Nêu ý nghĩa cuộc đấu tranh chống thực dân Anh, Pháp của nhân dân Ha-i-ti

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cuộc đấu tranh chống thực dân Anh, Pháp của nhân dân Ha-i-ti thắng lợi buộc chúng phải công nhận nền độc lập của Ha-i-ti.

- Với thắng lợi này, Ha-i-ti trở thành nước cộng hoà da đen đầu tiên ở Mĩ La-tinh.

- Ha-i-ti đã xoá bỏ được chế độ nô lệ và thực hiện quyền bình đẳng giữa người da đen và da trắng.

- Nó có tác dụng cổ vũ phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở khu vực Mĩ La-tinh.

Câu 4 : Lập niên biểu về phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của các nước châu Mĩ La-tinh theo yêu cầu sau đây. Rút ra nhận xét chung.

Niên đại	Tên nước	Tên phong trào	Năm giành độc lập

** Hướng dẫn trả lời:*

Niên đại	Tên nước	Tên phong trào	Năm giành độc lập
1791	Ha-i-ti	Phong trào đấu tranh của người da đen do Tút-xanh Lu-véc-tuy-a lãnh đạo	1803
1810	Mê-hi-cô	Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc do Mi-sen Hi-đan-gô lãnh đạo	1821
1810	Ác-hen-ti-na	Khởi nghĩa vũ trang	1816
1822	Bra-xin	Đấu tranh chống thực dân Bồ Đào Nha	1822

Nhận xét: Qua hai thập niên đầu thế kỉ XIX đấu tranh sôi nổi quyết liệt, các quốc gia ở Mĩ La-tinh lần lượt hình thành. Đây là một thắng lợi to lớn của nhân dân Mĩ La-tinh trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân.

Câu 5 : Trình bày chính sách bành trướng của Mĩ đối với khu vực Mĩ La-tinh.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Năm 1823, Mĩ đưa ra học thuyết Mơn-rô : "Châu Mĩ của người châu Mĩ".

- Năm 1889, tổ chức "Liên minh dân tộc các nước cộng hoà châu Mĩ" được thành lập, gọi tắt là "Liên Mĩ".

- Năm 1898, Mĩ gây chiến với Tây Ban Nha, chiếm Ha-oai, Cuba, Pu-éc-tô Ri-cô.

- Từ thế kỉ XIX, Mĩ áp dụng chính sách "cái gậy lớn" và "Ngoại giao đồng đôla" để chiếm kênh đào Pa-na-ma và một số nước ở Mĩ La-tinh. Chính quyền Oa-sinh-tơn biến châu Mĩ La-tinh thành "sân sau" của nước Mĩ.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Hãy trình bày tình hình các nước châu Mĩ Latinh sau khi giành được độc lập.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Sau khi giành được độc lập, nhân dân Mĩ La-tinh thành lập các nước cộng hoà độc lập và phát triển nhanh chóng.

+ Bra-xin trồng nhiều bông, cao su và cung cấp một nửa số cà phê trên thị trường thế giới.

+ Ác-hen-ti-na sản xuất len, da cừu và thịt bò xuất khẩu sang Anh.

+ Các nước Trung Mĩ và Ca-ri-bê xuất khẩu cà phê, chuối, mía...

+ Bô-li-vi-a khai thác mỏ bạc và nhiều kim loại khác.

- Các nước Mĩ La-tinh phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, song nhân dân lao động, chủ yếu là người da đen và người In-đi-an, vẫn không thoát khỏi nghèo khổ.

- Đế quốc Mĩ muốn biến các nước ở Mĩ La-tinh thành "sân sau" của chúng để khống chế khu vực này.

Câu 2 : Thực chất của học thuyết Mơnrô "châu Mĩ của người châu Mĩ" là gì ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Đây là âm mưu của Mĩ nhằm gạt bỏ thực dân châu Âu khỏi vùng Mĩ La-tinh và thay vào đó là sự thống trị độc quyền của Mĩ, biến khu vực này thành "sân sau" của Mĩ.

- Học thuyết Mơnrô thể hiện trên ba phương diện:

+ Mĩ phải quan tâm đến cuộc tranh chấp ở khu vực Mĩ La-tinh.

+ Vì lí do an ninh của nước Mĩ, Mĩ sẽ có hành động can thiệp vào các cuộc xung đột hoặc chiến tranh giữa các nước với nhau cũng như chiến tranh giữa họ với các nước bên ngoài. Mĩ cũng sẽ tham gia vào các cuộc tranh chấp kinh tế, chính trị ở châu Mĩ.

+ Mĩ tự cho rằng phải có "trách nhiệm bảo vệ" an ninh của cả châu lục và sự nhòm ngó từ bên ngoài.

Chương VI

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914-1918)

Bài 21

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914-1918)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Nêu những đặc điểm nổi bật trong quan hệ quốc tế cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Sự phát triển không đều về kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX đã làm thay đổi sâu sắc so sánh lực lượng giữa các nước đế quốc.

- Các “đế quốc già” (Anh, Pháp) với hệ thống thuộc địa mênh mông, các “đế quốc trẻ” (Mĩ, Đức, Nhật) đang vươn lên mạnh mẽ về kinh tế nhưng lại có quá ít thuộc địa.

- Mâu thuẫn giữa các đế quốc về vấn đề thuộc địa là không tránh khỏi và ngày càng trở nên gay gắt. Vì vậy, ngay từ cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, các cuộc chiến tranh giành thuộc địa đã nổ ra ở nhiều nơi.

- Trong cuộc đua giành giật thuộc địa, đế quốc Đức là kẻ hung hăng nhất vì Đức có tiềm lực kinh tế và quân sự nhưng lại ít thuộc địa. Thái độ của Đức đã làm quan hệ quốc tế ở châu Âu ngày càng căng thẳng, đặc biệt là quan hệ giữa các nước đế quốc với nhau.

Câu 2 : Hãy cho biết nguyên nhân sâu xa và duyên cớ trực tiếp dẫn đến cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nguyên nhân sâu xa :

+ Do sự phát riển không đồng đều, đặc biệt là sự tranh chấp thuộc địa của các nước đế quốc Đức, Áo- Hung, I-ta-li-a và Anh, Pháp, Nga.

+ Cả hai tập đoàn đều ôm mộng xâm lược, cướp đoạt lãnh thổ và thuộc địa của nhau, điên cuồng chạy đua vũ trang. Chính mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa, mà trước tiên là giữa đế quốc Anh và đế quốc Đức, là nguyên nhân cơ bản dẫn đến chiến tranh.

+ Tình hình căng thẳng ở Ban-căng từ năm 1912 đến năm 1913 tạo cơ hội cho chiến tranh bùng nổ.

- Duyên cớ chiến tranh :

+ Ngày 28 – 6 – 1914, Thái tử Áo – Hung bị một người Xéc-bi ám sát tại Bô-xni-a. Giới quân phiệt Đức, Áo bèn chớp cơ hội đó để gây ra chiến tranh.

+ Ngày 28 – 7 – 1914, Áo – Hung tuyên chiến với Xéc-bi. Ngày 1 – 8, Đức tuyên chiến với Nga; ngày 3 – 8, tuyên chiến với Pháp. Ngày 4 – 8, Anh tuyên chiến với Đức. Chiến tranh đế quốc đã bùng nổ và nhanh chóng lan rộng thành chiến tranh thế giới.

Câu 3 : Trình bày diễn biến chính giai đoạn thứ nhất của chiến tranh. Theo em giai đoạn này có đặc điểm gì nổi bật.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Diễn biến :

+ Đức tập trung phần lớn binh lực ở mặt trận phía Tây và ngay trong đêm 3 – 8 đã tràn vào Bỉ, rồi đánh thọc sang Pháp. Pa-ri bị uy hiếp, quân Pháp có nguy cơ bị tiêu diệt.

+ Năm 1915, Đức dồn binh lực sang mặt trận phía Đông cùng quân Áo – Hung tấn công Nga quyết liệt, định đè bẹp Nga.

+ Trong năm thứ hai của cuộc chiến tranh (1915), cả hai bên đều ở thế cầm cự.

+ Năm 1916, thấy không tiêu diệt được quân Nga, Đức lại chuyển trọng tâm hoạt động về mặt trận phía Tây, mở chiến dịch Vec-đoong. Quân Đức vẫn không hạ nổi thành Véc-đoong.

+ Chiến cuộc năm 1916 không đem lại ưu thế cho bên nào mà vẫn duy trì thế cầm cự. Từ cuối năm 1916 trở đi, Đức, Áo từ thế chủ động đã chuyển sang phòng ngự ở hai mặt trận.

- Đặc điểm nổi bật :

+ Cả hai bên tham chiến đều ở thế cầm cự, chưa phân thắng bại.

+ Tình trạng khốn cùng của nhân dân lao động tăng lên không ngừng.

+ Đói, rét, bệnh tật và những tai hoạ do chiến tranh đem đến ngày càng nhiều.

+ Mâu thuẫn xã hội trong các nước tham chiến trở nên vô cùng gay gắt.

+ Chỉ mới hơn hai năm chiến tranh, đã có gần 6 triệu người chết và hơn 10 triệu người bị thương.

+ Phong trào công nhân, phong trào quần chúng phản đối chiến tranh phát triển nhanh chóng.

Câu 4 : Nét nổi bật trong giai đoạn thứ hai của Chiến tranh thế giới thứ nhất là gì ? Vì sao Mĩ tham gia chiến tranh muộn ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nét nổi bật :

+ Tháng 2 – 1917, cuộc cách mạng dân chủ tư sản thành công. Chế độ Nga hoàng bị lật đổ nhưng Chính phủ lâm thời trong tay giai cấp tư sản vẫn tiếp tục theo đuổi chiến tranh.

+ Lúc này, Đức gây ra cuộc “chiến tranh tàu ngầm” làm cho Anh nhiều thiệt hại. Viện cớ tàu ngầm Đức tấn công cả tàu buôn cập bến các nước phe Hiệp ước, Mĩ nhảy vào vòng chiến.

+ Ngày 2 – 4 – 1917, Mĩ tuyên chiến với Đức. Sự tham chiến của Mĩ có lợi hơn cho phe Anh – Pháp – Nga.

+ Tháng 10 – 1917 (theo lịch Nga), nhân dân Nga dưới sự lãnh đạo của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích đứng lên làm cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước Xô viết ra đời. Để đối phó với các thế lực đế quốc đang bao vây, nhà nước Xô viết buộc phải kí với Đức Hoà ước Bơ-rét Li-tốp (ngày 3 – 3 – 1918). Nước Nga ra khỏi chiến tranh đế quốc.

+ Đầu năm 1918, tranh thủ thời cơ quân Mĩ chưa sang đến châu Âu, quân Đức mở liên tiếp bốn đợt tấn công với quy mô lớn trên mặt trận Pháp. Một lần nữa, chính phủ Pháp chuẩn bị rời khỏi Pa-ri.

+ Tháng 7 – 1918, 65 vạn quân Mĩ đổ bộ vào châu Âu, Mĩ trực tiếp tham chiến khi cả hai phe bị thiệt hại quá nhiều, hết sức mệt mỏi. Mĩ trở thành người đứng đầu phe Hiệp ước thay Anh. Pháp và Anh quay lại phản công mạnh mẽ quân Đức trên các mặt trận.

+ Từ cuối tháng 9 – 1918, quân Đức liên tiếp thất bại, bỏ chạy khỏi lãnh thổ Pháp và Bỉ. Các nước đồng minh của Đức cũng bị tấn công liên tiếp, buộc phải đầu hàng: Bun-ga-ri (ngày 29 – 9), Thổ Nhĩ Kì (ngày 30 – 10), Áo – Hung (ngày 2 – 11).

+ Ngày 11 – 11 – 1918, Đức kí Hiệp định đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh kết thúc bằng sự thất bại của phe Liên minh.

- *Vì sao Mĩ tham gia muộn :* Lúc đầu Mĩ giữ thái độ trung lập, nhưng khi các nước tham chiến suy yếu và phong trào cách mạng nổ ra ở nhiều nước, Mĩ quyết định tham gia vào chiến tranh nhằm thu lợi nhuận và ngăn chặn phong trào cách mạng lan rộng.

Câu 5 : Chiến tranh thế giới thứ nhất đã gây ra những hậu quả như thế nào ?

* Hướng dẫn trả lời :

- Chiến tranh thế giới thứ nhất đã gây nên những thảm hoạ hết sức nặng nề đối với nhân loại :

+ Có 38 nước với tổng số quân là 37 triệu người và 1,5 tỉ dân bị lôi cuốn vào vòng khói lửa.

+ Cuộc chiến tranh đã làm cho 10 triệu người chết, trên 20 triệu người bị thương.

+ Nhiều thành phố, làng mạc, đường sá, cầu cống, nhà máy bị phá huỷ. Số tiền của các nước tham chiến chi phí cho chiến tranh lên tới 85 tỉ đô la. Các nước châu Âu đều biến thành con nợ của Mĩ.

- Chiến tranh không những không giải quyết được mâu thuẫn giữa các nước đế quốc trong việc tranh giành thuộc địa mà còn làm cho mâu thuẫn đó tăng lên.

Câu 6 : Lập niên biểu về diễn biến của Chiến tranh thế giới thứ nhất theo yêu cầu sau đây :

Thời gian	Mặt trận phía Tây	Mặt trận phía Đông
Giai đoạn 1 : 1914 – 1916		
Giai đoạn 2 : 1917 – 1918		

* Hướng dẫn trả lời :

Thời gian	Mặt trận phía Tây	Mặt trận phía Đông
Giai đoạn1 : 1914 – 1916	- Tháng 8 – 1914, Đức tấn công Bỉ, Bỉ bị Đức chiếm đóng. Đức tấn công Pháp, Pa-ri bị uy hiếp, quân Pháp đang có nguy cơ bị tiêu diệt. - Cuối năm 1914, hai bên cầm cự dai dẳng. - Năm 1916, Đức mở chiến dịch Véc-đoong. Đức bị thất bại và tổn thất nặng nề. - Cuối năm 1916, hai bên cầm cự.	- Tháng 8 – 1914, Nga tấn công Đông Phổ, cứu nguy cho Pháp. - Tháng 9 – 1914, Nga tấn công Áo – Hung. - Cuối năm 1914, hai bên cầm cự dai dẳng. - Năm 1915, Đức, Áo – Hung tấn công Nga. Đức bị thất bại. Hai bên chuyển sang thế cầm cự. - Năm 1916, Nga tấn công Áo – Hung. Nga thắng Áo – Hung. - Cuối năm 1916, hai bên cầm cự.
Giai đoạn 2 : 1917 – 1918	- Tháng 4 – 1917, Mĩ tham chiến, phe Hiệp ước có thêm Mĩ, chiếm ưu thế. - Tháng 7 – 1918, Anh, Pháp phản công. Tháng 9 – 1918, Anh, Pháp, Mĩ tổng tấn công. Các đồng minh của Đức lần lượt đầu hàng. - Tháng 11 – 1918, Cách mạng bùng nổ ở Đức. Nền quân chủ Đức bị lật đổ, nền cộng hoà được thành lập. Chiến tranh kết thúc.	- Tháng 2 năm 1917, cách mạng dân chủ Nga thắng lợi. - Tháng 11 – 1917, Nga làm cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi. - Tháng 3 – 1918, Nga Xô viết kí hoà ước Bơ-rét-li-tốp với Đức. Nga rút khỏi chiến tranh.

Câu 8 : Trình bày tính chất và kết cục của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Tính chất :*

+ Đây là cuộc chiến tranh giành thuộc địa giữa các nước đế quốc, chỉ đem lại lợi nhuận cho giai cấp tư sản cầm quyền.

+ Là cuộc chiến tranh xâm lược nhằm cướp đoạt lãnh thổ và thuộc địa của đối phương.

+ Là cuộc chiến tranh phi nghĩa đối với cả hai phe tham chiến.

- *Kết cục :*

+ Tổn thất về sức người và của : khoảng 1.500 triệu người dân bị lôi cuốn vào vòng khói lửa, 10 triệu người chết, trên 20 triệu người bị thương, nền kinh tế châu Âu bị kiệt quệ.

+ Mĩ được hưởng nhiều lợi, nhiều nước tư bản đế quốc trở thành con nợ của Mĩ.

+ Cách mạng tháng Mười Nga và việc thành lập Nhà nước Xô viết, đánh dấu bước chuyển lớn trong cục diện chính trị thế giới

II. CÂU HỎI, BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Sự hình thành hai khối quân sự trước khi Chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Năm 1882, Đức cùng Áo – Hung và I-ta-li-a thành lập liên minh tay ba, được gọi là *phe Liên minh.* Sau này, I-ta-li-a rời khỏi liên minh chống lại Đức.

- Đối phó với âm mưu của Đức, Anh, Pháp, Nga tuy có tranh chấp về thuộc địa nhưng phải nhân nhượng lẫn nhau, kí những bản hiệp ước tay đôi : Pháp-Nga (1890), Anh – Pháp (1904), Anh – Nga (1907), hình thành *phe Hiệp ước.*

- Như vậy, đến đầu thế kỉ XX, ở châu Âu đã hình thành hai khối quân sự đối đầu nhau.

+ Phe Liên minh (1882) gồm Đức, Áo – Hung, I-ta-li-a >< Phe Hiệp ước (1890 – 1907) gồm Anh, Pháp, Nga.

Câu 2 : *Nêu những chiến sự dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất.*

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ngày 28 – 7 – 1914, Áo – Hung tuyên chiến với Xéc-bi.
- Ngày 1 – 8, Đức tuyên chiến với Nga, ngày 3 – 8 tuyên chiến với Pháp.
- Ngày 4 – 8, Anh tuyên chiến với Đức.

Chiến tranh bùng nổ và nhanh chóng trở thành Chiến tranh thế giới.

Câu 3 : Lập niên biểu diễn biến chiến sự Chiến tranh thế giới thứ nhất theo mẫu sau :

Thời gian	Sự kiện chính
1.	
2.	
3.	
4.	
5.	
6.	
7.	
8.	
9.	

** Hướng dẫn trả lời :*

Thời gian	Sự kiện chính
1. 28 – 7 đến 4 – 8 – 1914	Áo –Hung tuyên chiến với Xéc-bi. Đức tuyên chiến với Nga, Pháp. Anh tuyên chiến với Đức.
2. Cuối năm 1914	Ưu thế thuộc về phe Liên minh.
3. Cuối năm 1915	Nga tấn công Đức ở phía Đông, kế hoạch đánh nhanh của Đức bị thất bại.
4. Năm 1916	Cả hai phe chuyển sang thế phòng ngự.
5. Năm 1917	Ưu thế thuộc về phe Hiệp ước, chiến sự chủ yếu ở mặt trận phía Tây.
6. 7 – 11 – 1917	Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi. Nước Nga Xô viết ra khỏi cuộc chiến tranh.
7. 7 – 1918	Phe Hiệp ước phản công, các đồng minh Đức đầu hàng.
8. 9 – 11 – 1918	Cách mạng bùng nổ ở Đức, chế độ quân chủ bị lật đổ, chế độ cộng hoà được thành lập.
9. 11 – 11 – 1918	Chính phủ Đức đầu hàng không điều kiện, chiến tranh kết thúc.

Chương VII

NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ THỜI CẬN ĐẠI

Bài đọc thêm

NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ THỜI CẬN ĐẠI

Câu 1 : Hãy nêu bối cảnh lịch sử về sự phát triển văn hoá trong buổi đầu thời cận đại.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Từ thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII, chế độ phong kiến đang trên đà suy tàn, giáo lí của Kitô giáo đã trở nên lỗi thời, gây cản trở cho sự phát của xã hội. Điều đó đã tạo điều kiện để các ngành văn học, nghệ thuật, tư tưởng mới lần lượt ra đời, có vai trò nhất định trong việc tấn công vào dinh luỹ của chế độ phong kiến : phê phán mạnh mẽ nhà thờ Kitô giáo và tố cáo những tội ác, sự suy đồi của nền quân chủ chuyên chế ; đồng thời hình thành quan điểm, tư tưởng của con người tư sản, góp phần vào cuộc đấu tranh nhằm lật đổ chế độ phong kiến.

- Những nhà văn hoá tiến bộ trong thời kì này trở thành những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận văn hoá, tư tưởng chống chế độ phong kiến.

Câu 2 : Trình bày những thành tựu của văn hoá trong buổi đầu thời cận đại.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Về văn học :

+ Pi-e Coóc-nây, đại biểu xuất sắc của nền bi kịch cổ điển Pháp. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là Lơ Xít, đề cập đến cuộc đấu tranh giữa dục vọng và lí trí, giữa tình cảm và nghĩa vụ...

+ La Phông-ten, là nhà thơ Pháp nổi tiếng. Các tác phẩm ngụ ngôn của ông có ý nghĩa giáo dục đối với mọi lứa tuổi, mọi thời đại.

+ Mô-li-ê là tác giả hài kịch nổi tiếng của chủ nghĩa cổ điển Pháp.

- Về âm nhạc :

+ Có Bét-tô-ven nhà soạn nhạc thiên tài người Đức.

+ Có Mô-da nhà soạn nhạc vĩ đại người Áo.

- Về hội hoạ : có nhà hoạ sĩ, hoạ đồ nổi tiếng Rem-bran người Hà Lan.

- Về tư tưởng : có trào lưu tư tưởng Ánh sáng, có vai trò quan trọng đối với thắng lợi của Cách mạng tư sản Pháp.

Câu 3 : Lập bảng thống kê những thành tựu văn học, nghệ thuật từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

** Hướng dẫn trả lời :*

- Về văn học :

Tác giả	Tác phẩm nổi tiếng	Nội dung
Vích-to Huy-gô	Nhà thờ Đức Bà Pa-ri, Những người khốn khổ.	Thể hiện lòng yêu thương vô hạn đối với những người đau khổ, mong tìm những giải pháp đem lại hạnh phúc cho họ.
Lép Tôn-xtôi	Chiến tranh và Hoà bình, An-na Ka-rê-ni-a, Phục sinh.	Phê phán trật tự xã hội Nga hoàng, ca ngợi phẩm chất của nhân dân Nga trong cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
Gô-gôn	Những linh hồn chết.	Phản ánh đầy đủ, chân xác tình hình nước Nga phong kiến.
Mác Tuên	Những người I-nô-xăng đi du lịch, Những cuộc phiêu lưu cửa Tôm Xoay-ơ.	Miêu tả cuộc sống chân thực của xã hội Mĩ thế kỉ XIX, thể hiện lòng yêu thương con người, trước hết là nhân dân lao động nghèo khổ.
Lỗ Tấn	Nhật kí người điên, AQ chính truyện.	Chống lễ giáo và đạo đức phong kiến.
Hô-xê Ri-dan	Đừng đụng vào tôi.	Tố cáo tội ác của kẻ xâm lược và miêu tả cuộc kháng chiến giành độc lập của nhân dân Phi-líp-pin.

- Về nghệ thuật :

+ Cung điện Véc-xai được hoàn thành vào năm 1708, trở thành một công trình kiến trúc đặc sắc.

+ Nhiều tác phẩm mĩ thuật nổi tiếng được trưng bày ở các bảo tàng lớn đều được xây dựng vào thời cận đại.

+ Nhiều hoạ sĩ, điêu khắc nổi tiếng thời kì này như : Rô-danh, Rơ-noa...

- Về âm nhạc : nổi bật là Trai-cốp-xki, một trong những nhà điển hình của nền âm nhạc hiện thực thế giới lúc bấy giờ.

Câu 4 : Những nét chính về trào lưu tư tưởng tiến bộ và sự ra đời, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Hoàn cảnh :

+ Từ giữa thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản bước vào giai đoạn phát triển, gây ra nhiều đau khổ cho nhân dân lao động. Một số nhà tư tưởng tiến bộ đương thời đã nghĩ đến xây dựng một xã hội mới, không có tư hữu, không có bóc lột... tiêu biểu là Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê, Ô-oen. Song họ chỉ là những nhà không tưởng.

+ Tiếp đó là sự xuất hiện của các hà triết học Hê-ghen và Phoi-ơ-bách đã có ảnh hưởng nhất định đến Mác và Ăng-ghen.

+ Học thuyết kinh tế – chính trị tư sản cổ điển Anh cũng có tác động mạnh đến tư tưởng của Mác và Ăng-ghen.

+ Cùng với sự phát triển của phong trào công nhân, học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời, do Mác, Ăng-ghen sáng lập.

- *Cơ sở hình thành chủ nghĩa xã hội khoa học :*

+ Thành tự khoa học xã hội và khoa học tự nhiên của loài người.

+ Nổi bật nhất là định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng, học thuyết về tế bào, định luật tiến hoá của các giống loài, các trào lưu triết học cổ điển Đức, học thuyết kinh tế – chính trị ở Anh và lí luận về chủ nghĩa xã hội ở Pháp.

Bài 22

ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Nêu những sự kiện cơ bản chứng tỏ sự cản trở của chế độ phong kiến đối với sự phát triển chủ nghĩa tư bản ở Hà Lan, Anh, Bắc Mĩ, Pháp, Đức, I-ta-li-a, Nga, Nhật Bản.

** Hướng dẫn trả lời :*

Tên nước	Sự cản trở của chế độ phong kiến
1/ Hà Lan	Sự cản trở của chế độ phong kiến ở Hà Lan chủ yếu là thế lực phong kiến Tây Ban Nha. Vua Tây Ban Nha đàn áp những người chống lại đạo Thiên Chúa. Hàng hoá nhập vào Nê-đéc-lan phải đóng thuế cao, thương nhân Nê-đéc-lan bị hạn chế buôn bán với các nước thuộc địa của Tây Ban Nha.
2/ Anh	Dưới thời vua Sác-lơ I, Anh là nước quân chủ chuyên chế. Ruộng đất thuộc quyền sở hữu của quý tộc địa chủ. Nhà nước phong kiến dựa vào quý tộc và Giáo hội Anh để cản trở việc kinh doanh của tư sản và quý tộc mới, nhiều thứ thuế mới đặt ra, nhà nước nắm độc quyền thương mại. Mâu thuẫn giữa quý tộc mới và tư sản với chế độ quân chủ trở nên gay gắt.
3/ Bắc Mĩ	Các thuộc địa ở Bắc Mĩ đều đặt dưới quyền của vua Anh. Các thuộc địa này là nguồn cung cấp nguyên liệu và là thị trường tiêu thụ hàng hoá của chính quốc. Người dân Bắc Mĩ phải tuân theo các đạo luật khắt khe do Chính phủ Anh đề ra. Chính sách khai thác thuộc địa của Anh đã cản trở sự phát triển của xã hội Bắc Mĩ, gây mâu thuẫn ngày càng sâu sắc giữa nhân dân thuộc địa với chế độ thực dân.
4/ Pháp	Trước cách mạng tư sản, Pháp là một nước quân chủ chuyên chế, với chế độ đẳng cấp rất hà khắc. Xã hội chia thành ba đẳng cấp : Tăng lữ, Quý tộc và Đẳng cấp thứ ba. Hai đẳng cấp đầu đại diện cho quyền lợi của chế độ phong kiến và Giáo hội, hưởng nhiều đặc quyền, đặc lợi. Mâu thuẫn giữa quý tộc phong kiến, nhà thờ với các tầng lớp nhân dân trong Đẳng cấp thứ ba ngày một gay gắt.
5/ Đức	Dưới thời phong kiến, Đức bị chia cắt thành nhiều quốc gia là một sự cản trở lớn cho sự phát triển chủ nghĩa tư bản. Một yêu cầu cấp thiết đặt ra là nước Đức phải làm cuộc cách mạng, xoá bỏ chế độ phong kiến thành lập nước cộng hoà thống nhất.
6/ I-ta-li-a	Sau năm 1815, I-ta-li-a bị chia xẻ thành 7 nước lớn, nhỏ theo chế độ quân chủ chuyên chế và phần lớn phụ thuộc vào Áo. Yêu cầu phải đấu tranh xoá bỏ chế độ phong kiến và thống nhất đất nước nhằm đưa I-ta-li-a phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa trở nên cấp thiết.
7/ Nga	Nửa đầu thế kỉ XIX, Nga là nước phong kiến lạc hậu. Quan hệ phong kiến – nông nô chiếm địa vị thống trị. Hầu hết ruộng đất trong tay quý tộc địa chủ và nhà nước chuyên chế. Công nghiệp không phát triển vì thiếu nhân công tự do và thị trường trong nước bị bó hẹp. Do vậy, cuộc cải cách nông nô ở Nga tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển là yêu cầu cấp thiết.
8/ Nhật Bản	Đến giữa thế kỉ XIX, Nhật vẫn là nước phong kiến. Dưới chế độ Mạc phủ Tô-ku-ga-oa, chế độ phong kiến Nhật rơi vào tình trạng bế tắc, suy thoái, không đáp ứng được nhu cầu phát triển xã hội, không đủ sức chống lại sự xâm nhập của các nước đế quốc Âu – Mĩ. Cuộc Duy tân Minh Trị nhằm xoá bỏ chế độ Mạc phủ, đưa Nhật tiến lên con đường tư bản chủ nghĩa là tất yếu.

Câu 2 : Trình bày hình thức, diễn biến của các cuộc cách mạng tư sản đã học.

** Hướng dẫn trả lời :*

Các cuộc cách mạng tư sản	Hình thức	Diễn biến
Cách mạng tư sản Hà Lan	Chiến tranh giải phóng dân tộc	Giai đoạn 1566 – 1572 : Nhân dân tấn công, đập phá nhà thờ Thiên Chúa giáo. Giai đoạn 1572 – 1648 : Hội nghị U-trếch, Tây Ban Nha công nhận độc lập của Hà Lan.
Cách mạng tư sản Anh	Nội chiến	Giai đoạn 1642 – 1649 : - 22 – 8 – 642 : Sác-lơ I tuyên chiến với Quốc hội, nội chiến bắt đầu. - 14– 6 – 1645 : Quân Quốc hội thắng lớn; 31 – 1 – 1649, xử vua Sác-lơ I, tuyên bố thành lập nền cộng hoà. Cách mạng đạt đến đỉnh cao.

		Giai đoạn 1649 – 1689: - Chế độ độc tài quân sự Crôm-oen (1653 – 1658). - Sự phục hồi Vương triều Xtiu-ớt (1660). - Thiết lập chế độ quân chủ lập hiến (1689).
Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ	Chiến tranh giành độc lập	- Tháng 10 – 1773, nhân dân Bắc Mĩ tấn công cảng Bô-xtơn, đến đầu năm 1776, nghĩa quân chiếm được Bô-xtơn. - 17 – 10 – 1777, chiến thắng lớn ở Xa-ra-tô-ga. Năm 1781, chiến thắng I-oóc-tao, quân Anh suy yếu dần, chiến tranh kết thúc.
Cách mạng tư sản Pháp	Nội chiến và chiến tranh chống xâm lược	- 14 – 7 – 1789, quần chúng đánh chiếm ngục Ba-xti. Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế. - 10 – 8 – 1792, nhân dân khởi nghĩa lật đổ chính quyền đại tư sản. Thiết lập nền cộng hoà, - 2 – 6 – 1793, quần chúng cách mạng lật đổ chính quyền Gi–rông–đanh. Phái Gia–cô–banh lên nắm chính quyền, lập nên nền chuyên chính dân chủ Gia–cô–banh.

Câu 3 : Trình bày những kết quả của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu.

* *Hướng dẫn trả lời :*

Các cuộc cách mạng tiêu biểu	Kết quả
Cách mạng tư sản Anh	Thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.
Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ	Lật đổ ách thống trị của thực dân Anh, thành lập nước Hoa Kì với nền cộng hoà. Tư sản và chủ nô nắm quyền, theo chế độ Tổng thống.
Cách mạng tư sản Pháp	Thành lập chế độ cộng hoà, giai cấp tư sản nắm quyền.

Câu 4 : Sự phát triển kinh tế diễn ra như thế nào ở các nước tư bản Anh, Pháp, Đức, Mĩ ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

Các nước tư bản	Sự phát triển kinh tế
Nước Anh	Là "công xưởng của thế giới". Làm chủ mặt biển. Là ngân hàng quốc tế. Có hệ thống thuộc địa rộng lớn trên thế giới, được mệnh danh "Mặt trời không bao giờ lặn trên đế quốc Anh".
Nước Pháp	Có 2/3 tư bản nắm trong tay 5 ngân hàng lớn. Là nước xuất khẩu tư bản, cho vay tài chính. Pháp trở thành "đế quốc cho vay nặng lãi".
Nước Đức	Có thị trường rộng lớn, thống nhất. Nhận được 5 tỉ phrăng bồi thường chiến phí. Giữa thế kỉ XIX, Đức đã có một số cơ sở kinh tế công, thương nghiệp với tốc độ tăng trưởng nhanh.
Nước Mĩ	Áp dụng được thành tựu khoa học – kĩ thuật tiên tiến vào sản xuất. Xuất hiện các nhà tư bản tài chính lớn, được gọi là "vua công nghiệp". Mĩ vươn lên vị trí hàng đầu trong các cường quốc tư bản.

Câu 5 : Hãy nêu những thành tựu của khoa học – kĩ thuật có tác dụng thúc đẩy sản xuất xã hội.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Trong công nghiệp :* Từ nửa sau thế kỉ XVIII sản xuất máy móc được tiến hành ở Anh, sau lan sang các nước Âu – Mĩ. Kĩ thuật luyện kim được cải tiến làm tăng nhanh sản xuất thép. Cuối thế kỉ XIX phát minh ra phương pháp sản xuất nhôm nhanh, rẻ, nhiều máy chế tạo công cụ ra đời ; nhiên liệu mới được sử dụng như dầu hỏa, than đá. Sắt trở thành nguyên liệu chủ yếu để chế tạo máy móc, xây dựng đường sắt. Máy hơi nước được sử dụng rộng rãi.

- *Giao thông vận tải :*

+ Năm 1807, Phơn-tơn đóng được tàu thủy chạy bằng động cơ hơi nước.

+ Năm 1802, người Anh chế tạo được đầu máy xe lửa chạy trên đường sắt kéo nhiều toa, tốc độ nhanh.

+ Giữa thế kỉ XIX, máy điện tín được phát minh ở Nga và Mĩ, Moóc-xơ sáng chế bảng chữ cái cho điện tín.

- *Trong nông nghiệp :* Máy kéo chạy bằng hơi nước, máy cày nhiều lưỡi, máy gặt đập, phân bón hóa học được sử dụng rộng rãi.

- *Trong lĩnh vực quân sự :* Nhiều loại vũ khí mới được sản xuất như đại bác, súng trường bắn nhanh và xa, chiến hạm vỏ bọc thép chạy bằng chân vịt trọng tải lớn, ngư lôi bắt đầu được sử dụng; khí cầu dùng để trinh sát trận địa..

- *Trong lĩnh vực khoa học tự nhiên :*

+ Đầu thế kỉ XVIII, nhà bác học Niu-tơn (Anh) tìm ra thuyết vạn vật hấp dẫn.

+ Giữa thế kỉ XVIII, nhà bác học Lô-mô-nô-xốp (Nga) tìm ra định luật bảo toàn vật chất và năng lượng.

+ Năm 1837, nhà bác học Puốc-kin-giơ (Séc) khám phá bí mật của sự phát triển của thực vật và đời sống của mô động vật.

+ Năm 1859, nhà bác học Đác-uyn (Anh) nêu lên thuyết tiến hóa và di truyền.

+ Những phát minh trên chứng tỏ rằng vạn vật biến chuyển, vận động theo quy luật, chúng tấn công mạnh mẽ vào giáo lí thần học cho rằng Thượng đế sinh ra muôn loài.

Câu 6 : Tìm hiểu một số thành tựu của khoa học xã hội và nhân văn góp phần thúc đẩy sự phát triển lịch sử loài người.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng được xây dựng với các đại biểu là Phoi-ơ-bách và Hê-ghen.
- Chính trị kinh tế học tư sản ra đời với các đại biểu là Xmít và Ri-các-đô.
- Chủ nghĩa xã hội không tưởng với các tên tuổi Xanh-xi-mông, Phu-ru-ê, Ô-oen.
- Phát minh lớn nhất về khoa học xã hội là sự ra đời của học thuyết Chủ nghĩa xã hội khoa học do Mác và Ăng-ghen đề xướng. Đây là cuộc cách mạng trong lịch sử tư tưởng của loài người.
- Vai trò của khoa học xã hội đến với đời sống xã hội loài người trong các thế kỉ XVIII – XIX là đã phá ý thức hệ phong kiến, tấn công vào nhà thờ, giải thích rõ qui luật vận động của thế giới và thúc đẩy xã hội phát triển.

Câu 7 : Trình bày các hình thức đấu tranh của vô sản chống tư sản trước năm 1848.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Trong xã hội tư bản, mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản là mâu thuẫn cơ bản nhất. Để giải quyết mâu thuẫn này, ngay từ đầu giai cấp vô sản đã đứng lên đấu tranh chống lại giai cấp tư sản. Hình thức đấu tranh chủ yếu là : cuộc tranh chấp giữa chủ và thợ, từ việc đập phá máy móc, đến các phong trào đình công, bãi công.
- Những cuộc đấu tranh trong thời kì đầu diễn ra chủ yếu đòi các quyền lợi về kinh tế như đòi tăng lương, giảm giờ làm, cải thiện điều kiện làm việc và điều kiện sống.

Câu 8 : Lập bảng thống kê các sự kiện chính trong phong trào đấu tranh của công nhân thế giới nửa sau thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

** Hướng dẫn trả lời :*

Sự kiện chính	Nội dung
Công xã Pa-ri 1871	- Sáng 18 – 3 – 1871, Chính phủ do Chi-e đứng đầu cho quân đánh chiếm đồi Mông-mác, nơi tập trung đại bác của Quốc dân quân. Quần chúng hỗ trợ cho Quốc dân quân bao vây quân Chính phủ. Âm mưu chiếm đồi Mông-mác của Chính phủ bị thất bại. - Trưa 18 – 3, các tiểu đoàn tập trung vào trung tâm thủ đô, chiếm các cơ quan Chính phủ, nhà ga, sở Cảnh sát và toà Thị chính. - Chiều 18 – 3, cờ đỏ phất phới bay trên nóc hầm toà Thị chính. Tàn quân của Chính phủ phải rút về Véc-xai để củng cố lực lượng. - Ngày 26 – 3, tổ chức bầu cử Hội đồng Công xã. Ngày 28 – 3, Hội đồng Công xã làm lễ ra mắt, đánh dấu cuộc cách mạng thắng lợi.
Cuộc đấu tranh của công nhân Si-ca-gô Mĩ 1 – 5 – 1886	Ngày 1 – 5 – 1886, gần 40 vạn công nhân cả nước Mĩ đình công, xuống đường biểu tình đòi ngày làm 8 giờ. Cuộc đình công lan ra trên 11000 nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ. Tiêu biểu là cuộc đình công, biểu tình của công nhân Si-ca-gô. Cuộc chiến đấu anh dũng và thắng lợi bước đầu của công nhân Mĩ được giai cấp công nhân quốc tế chào mừng. Từ năm 1889, ngày 1 – 5 được ghi vào lịch sử loài người – ngày Quốc tế lao động.
Cách mạng Nga 1905 – 1907	- Ngày 9 – 1 – 1905, 14 vạn công nhân Pê-tec-bua và gia đình không vũ khí đến Cung điện Mùa Đông để thỉnh cầu Nga hoàng cải thiện đời sống nhưng họ bị đàn áp. Đó là "Ngày Chủ nhật đẫm máu". - Mùa hè 1905, phong trào lan rộng, lôi cuốn cả binh lính và nông dân. - Tháng 6 – 1905, thuỷ thủ trên chiến hạm "Pô-tem-kin" ở Ô-đéc-xa khởi nghĩa, làm chủ chiến hạm. Nông dân lại nổi dậy đưa yêu sách chính trị. Nhiều nơi các Xô viết đại biểu công nhân được thành lập. - Tại Mat-xcơ-va, 12 – 1905 cuộc tổng bãi công biến thành khởi nghĩa vũ trang song bị thất bại. - Đến cuối năm 1907, phong trào trong cả nước bị thất bại hoàn toàn.

Câu 9 : Lập bảng so sánh những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chủ nghĩa cơ hội về cuộc đấu tranh của công nhân.

** Hướng dẫn trả lời :*

Chủ nghĩa	Quan điểm
Chủ nghĩa Mác – Lê-nin	- Chủ trương đấu tranh giai cấp. - Lật đổ chủ nghĩa tư bản, giành chính quyền về tay giai cấp công nhân.
Chủ nghĩa cơ hội	- Thủ tiêu đấu tranh giai cấp. - Đấu tranh nghị trường, thoả hiệp với giai cấp tư sản.

Câu 10 : Những nguyên nhân nào làm cho phong trào chống xâm lược và giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX không thành công ?

** Hướng dẫn trả lời :*

Ngay từ khi đế quốc xâm lược, nhân dân các nước bị xâm lược đã chiến đấu ngoan cường chống lại chúng. Phong trào giải phóng dân tộc diễn ra liên tục, rầm rộ ở các nước nhưng cuối cùng bị thất bại, do :

- Thiếu đường lối đấu tranh đúng đắn.
- Chưa có giai cấp tiên tiến lãnh đạo.
- Vẫn còn các thế lực phong kiến bảo thủ, phản động, đi theo đế quốc.

Câu 11 : Lập niên biểu về các sự kiện cơ bản của lịch sử thế giới cận đại theo yêu cầu sau đây :

Thời gian	Sự kiện	Kết quả
8 – 1566		
1640 – 1688		
1775 – 1783		
1789 – 1794		
Những năm 60 thế kỉ XVIII		
2 – 1848		
28 – 9 – 1864		
1871		
Cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX		
1911		
1 – 1868		
1914 – 1918		

** Hướng dẫn trả lời :*

Thời gian	Sự kiện	Kết quả
8 – 1566	Cách mạng Hà Lan	Lật đổ ách thống trị của Vương quốc Tây Ban Nha.
1640 – 1688	Cách mạng tư sản Anh	Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, đem lại quyền lợi cho quí tộc mới và tư sản.
1775 – 1783	Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ.	Giành độc lập, Hợp chúng quốc Hoa Kì ra đời.
1789 – 1794	Cách mạng tư sản Pháp	Lật đổ chế độ phong kiến, đưa giai cấp tư sản lên cầm quyền, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
Những năm 60 thế kỉ XVIII	Cách mạng công nghiệp.	Máy móc ra đời.
2 – 1848	Tuyên ngôn Đảng Cộng sản.	Là văn kiện quan trọng của chủ nghĩa xã hội khoa học.
28 – 9 – 1864	Quốc tế thứ nhất thành lập.	Truyền bá học thuyết Mác.
1871	Công xã Pa-ri.	Nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới.
Cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX	- Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. - Phong trào công nhân quốc tế - Cách mạng 1905 – 1907 ở Nga.	- Sự hình thành các công ti độc quyền. - Các tổ chức chính trị độc lập của công nhân các nước ra đời. Quốc tế hai ra đời. - Thất bại.
1911	Cách mạng Tân Hợi (Trung Quốc).	Thành lập Trung Hoa Dân quốc.
1 – 1868	Cuộc Duy tân Minh Trị.	Nhật Bản phát triển tư bản chủ nghĩa.
1914 – 1918	Chiến tranh thế giới thứ nhất.	Thuộc địa thế giới được chia lại.

Câu 12 : Cách mạng tư sản có tác dụng tích cực và hạn chế như thế nào đối với sự phát triển lịch sử.

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Tích cực :*

+ Xoá bỏ chế độ phong kiến, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

+ Tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế, khoa học – kĩ thuật.

+ Đưa loài người bước vào nền văn minh mới : văn minh công nghiệp.

- *Hạn chế :*

+ Thay thế hình thức bóc lột này bằng hình thức bóc lột khác.

+ Làm nẩy sinh những mâu thuẫn mới trong xã hội. Các cuộc đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra ở các nước tư bản chủ nghĩa.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Hãy nêu nguyên nhân bùng nổ các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại. Hình thức đấu tranh của cách mạng như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Nguyên nhân :*

+ Sự hình thành mầm mống của lực lượng sản xuất chủ nghĩa tư bản trong lòng chế độ phong kiến.

+ Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa với quan hệ sản xuất phong kiến ngày càng gay gắt.

- *Hình thức của các cuộc cách mạng không giống nhau :*

+ Chiến tranh giải phóng dân tộc (Hà Lan).

+ Nội chiến (Cách mạng tư sản Anh).

+ Chiến tranh cách mạng bảo vệ Tổ quốc (Bắc Mĩ).

+ Đấu tranh thống nhất đất nước (Đức, I-ta-li-a).

+ Cải cách (Nga, Nhật Bản)...

Câu 2 : Trình bày những mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản chủ nghĩa. Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản của giai cấp công nhân diễn ra như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Những mâu thuẫn cơ bản :

+ Mâu thuẫn giữa tư sản, các tầng lớp nhân dân với chế độ phong kiến ngày càng gay gắt dẫn đến những cuộc cách mạng tư sản.

+ Mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản.

- Phong trào đấu tranh của công nhân :

+ Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời đã dẫn dắt phong trào đấu tranh của công nhân ngày càng giành được thắng lợi.

+ Những năm cuối thế kỉ XIX, phong trào công nhân thế giới phát triển với các cuộc đấu tranh mạnh mẽ diễn ra ở nhiều nước tư bản, sự ra đời của các tổ chức quần chúng và các đảng của giai cấp công nhân, việc thành lập và hoạt động của Quốc tế thứ nhất, Quốc tế thứ hai... đã đưa đến thắng lợi trong Công xã Pa-ri, phong trào công nhân Si-ca-gô ở Mĩ, Cách mạng 1905 – 1907 ở Nga, đỉnh cao là Cách mạng tháng Mười Nga 1917.

Câu 3 : Hãy ghi tóm tắt nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới cận đại.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa ra đời và phát triển ; mâu thuẫn giữa tư sản, các tầng lớp nhân dân với chế độ phong kiến ngày càng gay gắt dẫn đến những cuộc cách mạng tư sản.

- Các cuộc cách mạng Hà Lan, Anh, Mĩ đưa đến nhiều kết quả tác động đến sự phát triển của xã hội.

- Cách mạng tư sản Pháp là cuộc cách mạng triệt để nhất, ảnh hưởng lớn đến lịch sử châu Âu.

- Cách mạng tư sản diễn ra dưới hình thức khác nhau ở nhiều nước, đánh dấu chủ nghĩa tư bản đã thắng lợi trên phạm vi thế giới, một số nước chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

- Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, các nước phương Tây đẩy mạnh xâm lược các nước phương Đông.

- Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa diễn ra sôi nổi, liên tục.

- Cuộc đấu tranh của công nhân ngày càng mạnh mẽ. Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời. Các tổ chức quốc tế của công nhân thành lập.

- Văn học nghệ thuật, khoa học – kĩ thuật đạt được những thành tựu lớn.

- Mâu thuẫn không thể điều hòa của các nước đế quốc dẫn đến Chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ, gây nhiều tai họa cho nhân loại.

PHẦN HAI

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

(1917-1945)

Chương VIII

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917 VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ

(1921 – 1941)

Bài 23

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917 VÀ CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ CÁCH MẠNG (1917 – 1921)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Hãy nêu nhận xét tình cảnh người dân Nga trước cách mạng.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nông dân, công nhân bị áp bức bóc lột nặng nề, bị bần cùng hoá.

- Nạn đói và nạn thất nghiệp ngày càng trầm trọng.

- Số người chết, người bị thương ngoài mặt trận tăng cao.

- Người dân Nga trước cách mạng không thể chấp nhận sống dưới ách thống trị của chế độ Nga hoàng được nữa, phong trào phản đối chiến tranh, đòi lật đổ chế độ Nga hoàng lan rộng khắp nơi.

Câu 2 : Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai năm 1917 đã giải quyết được những nhiệm vụ gì ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai năm 1917 đã lật đổ chế độ Nga hoàng tồn tại lâu đời trên đất nước Nga, chấm dứt thời kì thống trị của chế độ quân chủ chuyên chế ở Nga.

- Sau cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga hình thành cục diện hai chính quyền song song tồn tại : Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản và các Xô viết của giai cấp vô sản.

- Hai chính quyền này đại diện cho lợi ích của các giai cấp khác nhau nên không thể cùng tồn tại và xung đột giữa chúng là không thể tránh khỏi. Trong bối cảnh đó, Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích đã chuẩn bị kế hoạch tiếp tục làm cách mạng lật đổ Chính phủ tư sản lâm thời.

Câu 3 : Luận cương tháng Tư của Lê-nin có ý nghĩa như thế nào đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Tháng 4 – 1917, Lê-nin trình bày trước Trung ương Đảng Bôn-sê-vích bản báo cáo quan trọng "Nhiệm vụ của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng hiện nay" (Luận cương tháng Tư).

- Luận cương tháng Tư có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga:

+ Luận cương đã chỉ ra mục tiêu và đường lối để chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

+ Luận cương đã xác định cụ thể các bước chuyển từ cách mạng tháng Hai sang Cách mạng tháng Mười.

Câu 4 : Vì sao ở nước Nga năm 1917 lại có hai cuộc cách mạng ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cuộc cách mạng lần thứ nhất bùng nổ vào tháng Hai 1917 đã lật đổ chế độ Nga hoàng và dẫn tới tình trạng hai chính quyền song song tồn tại. Đó là cuộc cách mạng dân chủ tư sản.

- Cuộc cách mạng thứ hai do Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích lãnh đạo, lật đổ Chính phủ lâm thời tư sản, thiết lập chính quyền thống nhất trong toàn quốc của Xô viết. Đó là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới.

Sở dĩ nước Nga năm 1917 có hai cuộc cách mạng như vậy vì : ở Nga năm 1917 có hai chính quyền còn tồn tại, đó là Chính phủ Nga hoàng và Chính phủ lâm thời của tư sản. Cách mạng tháng Hai nhằm lật đổ chế độ Nga hoàng, xoá bỏ chế độ phong kiến tồn tại lâu đời trên đất nước Nga ; tiếp theo đó Cách mạng tháng Mười nhằm lật đổ Chính phủ lâm thời tư sản, đưa nước Nga bước vào thời kì cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 5 : Lập bảng thống kê các sự kiện từ Cách mạng tháng Hai đến Cách mạng tháng Mười 1917.

** Hướng dẫn trả lời :*

Thời gian	Sự kiện	Kết quả, ý nghĩa
23 – 2 – 1917	9 vạn nữ công nhân Pê-tơ-rơ-grát biểu tình.	Thúc đẩy công nhân toàn quốc đấu tranh.
27 – 2 – 1917	Tổng bãi công chính trị – Khởi nghĩa vũ trang ở Pê-tơ-rơ-grát.	Chế độ quân chủ chuyên chế sụp đổ, hai chính quyền tồn tại.
24 – 10 – 1917	Khởi nghĩa vũ trang ở Pê-tơ-rơ-grát.	Chiếm thành phố Pê-tơ-rơ-grát.
25 – 10 – 1917	Tấn công Cung điện Mùa Đông.	Chính phủ lâm thời tư sản bị lật đổ.

Câu 6 : Những việc làm của Chính quyền Xô viết đem lại lợi ích cho ai ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Chính quyền Xô viết đã thông qua Sắc lệnh hoà bình và Sắc lệnh ruộng đất.

- Thực hiện các biện pháp nhằm thủ tiêu tàn tích của chế độ phong kiến, xoá bỏ sự phân biệt đẳng cấp, những đặc quyền của Giáo hội ; thực hiện nam nữ bình quyền.

- Thành lập các cơ quan trung ương và các Xô viết ở các địa phương ; chính quyền tư sản, địa chủ các cấp đều bãi bỏ. Hồng quân công nông được thành lập để bảo vệ chính quyền mới.

- *Công bố Tuyên ngôn về quyền các dân tộc ở Nga*, khẳng định những nguyên tắc cơ bản về quyền dân tộc tự quyết, bình đẳng và chủ quyền của tất cả các dân tộc ở Nga.

- Quốc hữu hoá các nhà máy, xí nghiệp của giai cấp tư sản.

Tất cả các việc làm của Chính quyền Xô viết đem lại lợi ích cho toàn thể nhân dân lao động và các dân tộc ở Nga. Đáp ứng được yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân Nga.

Câu 7 : Vì sao nhân dân Xô viết phải thực hiện Chính sách cộng sản thời chiến ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và sự ra đời của Nhà nước Xô viết làm cho các nước đế quốc lo lắng, tìm cách tập hợp lực lượng để tiêu diệt nước Cộng hoà Xô viết non trẻ. Tình hình nước Nga Xô viết cực kì khó khăn.

- Cuối năm 1918, quân đội 14 nước đế quốc cấu kết với lực lượng phản cách mạng trong nước mở cuộc tấn công vũ trang nhằm tiêu diệt nước Nga Xô viết non trẻ. Trong suốt ba năm (1918 – 1920), nhân dân Xô viết đã tập trung toàn bộ sức lực tiến hành cuộc chiến đấu chống thù trong, giặc ngoài trong những điều kiện vô cùng khó khăn để giữ vững Chính quyền Xô viết.

- Từ năm 1919 nước Nga thực hiện *Chính sách cộng sản thời chiến* nhằm huy động tối đa mọi nguồn của cải, nhân lực của đất nước phục vụ cho cuộc chiến đấu chống thù trong, giặc ngoài. Vừa chiến đấu, vừa xây dựng, Hồng quân và nhân dân Xô viết đã từng bước đẩy lùi các cuộc tấn công của lực lượng phản cách mạng trong và ngoài nước. Năm 1920, chiến sự chấm dứt, Nhà nước Xô viết được bảo vệ và giữ vững.

Câu 8 : Nêu ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cách mạng tháng Mười đã làm thay đổi hoàn toàn vận mệnh đất nước và số phận của hàng triệu con người ở Nga. Một kỉ nguyên mới đã mở ra cho lịch sử nước Nga : Giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc được giải phóng khỏi mọi ách áp bức, bóc lột, đứng lên làm chủ đất nước và vận mệnh của mình.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười đã làm thay đổi cục diện thế giới cổ vũ mạnh mẽ và để lại nhiều bài học quý giá cho phong trào cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

Câu 9 : Vì sao nhân dân Xô viết bảo vệ được thành quả Cách mạng tháng Mười.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nhờ sự lãnh đạo tài tình của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích với đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo.

- Nhờ thực hiện Chính sách Cộng sản thời chiến, huy động tối đa nhân tài, vật lực của đất nước, sức mạnh và sự ủng hộ của nhân dân.

- Nhờ phát huy lòng yêu nước của nhân dân để bảo vệ chế độ mới.

- Nhờ sự chiến đấu vô cùng anh dũng của Hồng quân Liên Xô.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Vì sao đến đầu thế kỉ XX, nước Nga đã tiến sát tới một cuộc cách mạng ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Đầu thế kỉ XX, Nga vẫn là một nước quân chủ chuyên chế, đứng đầu là Nga hoàng Ni-cô-lai II.

- Sự tồn tại của chế độ quân chủ và những tàn tích phong kiến đã kìm hãm nặng nề sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga.

- Năm 1914, Nga hoàng đã đẩy nhân dân Nga vào cuộc chiến tranh đế quốc, gây nên những hậu quả nghiêm trọng cho đất nước.

- Phong trào phản đối chiến tranh, đòi lật đổ chế độ Nga hoàng lan rộng khắp trong nước. Chính phủ Nga hoàng ngày càng tỏ ra bất lực, không còn khả năng tiếp tục thống trị được nữa. Nước Nga đã tiến sát tới một cuộc cách mạng.

Câu 2 : Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai năm 1917 diễn ra như thế nào ? Kết quả của cách mạng.

** Hướng dẫn trả lời :*

** Diễn biến :*

- Tháng 2 – 1917 (theo lịch Nga), cuộc cách mạng dân chủ tư sản bùng nổ ở Nga.

+ Cuộc biểu tình ngày 23 – 2 của 9 vạn nữ công nhân ở thủ đô Pê-tơ-rô-grát.

+ Ngày 27 – 2, phong trào nhanh chóng lan rộng toàn thành phố và chuyển từ tổng bãi công chính trị sang khởi nghĩa vũ trang. Quân khởi nghĩa chiếm được các công sở, bắt các tướng tá của Nga hoàng. Chế độ quân chủ chuyên chế sụp đổ.

- Tin thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở thủ đô đã bay nhanh khắp trong nước. Chỉ trong vòng 8 ngày, trên phạm vi cả nước, quần chúng nhân dân đã vùng dậy lật đổ chế độ cũ. Nước Nga trở thành nước cộng hòa.

** Kết quả:*

- Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai thắng lợi với việc lật đổ chế độ Nga hoàng. Cuộc cách mạng do đông đảo quần chúng tiến hành dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản. Cách mạng tháng Hai vì thế là một cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

- Tuy nhiên, một tình hình chính trị phức tạp chưa từng có đã diễn ra ở nước Nga. Đó là tình trạng hai chính quyền song song tồn tại : Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản và Chính quyền Xô viết của giai cấp vô sản.

- Hai chính quyền này đại diện cho lợi ích của các giai cấp khác nhau nên không thể cùng tồn tại. Trước tình hình đó, Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích đã chuẩn bị kế hoạch tiếp tục làm cách mạng, lật đổ Chính phủ tư sản lâm thời.

Câu 3 : Lập bảng so sánh cách mạng dân chủ tư sản với Cách mạng tháng Hai năm 1917.

Nội dung so sánh	Cách mạng dân chủ tư sản	Cách mạng tháng Hai 1917
Tính chất nhiệm vụ		
Giai cấp lãnh đạo		
Động lực cách mạng		
Chính quyền nhà nước		
Xu hướng phát triển		

** Hướng dẫn trả lời:*

Nội dung so sánh	Cách mạng dân chủ tư sản	Cách mạng tháng Hai 1917
Tính chất nhiệm vụ	Đánh đổ chế độ phong kiến. Xoá bỏ tàn tích phong kiến. Thực hiện dân chủ.	Đánh đổ chế độ phong kiến Nga Hoàng. Xoá bỏ tàn tích phong kiến.
Giai cấp lãnh đạo	Giai cấp tư sản.	Giai cấp vô sản
Động lực cách mạng	Tư sản và nông dân.	Công nhân, nông dân và binh lính.
Chính quyền nhà nước	Chuyên chính tư sản.	Chuyên chính công nông.
Xu hướng phát triển	Xây dựng chủ nghĩa tư bản.	Tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 4 : Vì sao Cách mạng tháng Mười Nga 1917 được đánh giá là một sự kiện lịch sử vĩ đại nhất trong lịch sử nước Nga và lịch sử nhân loại ở thế kỉ XX ?

** Hướng dẫn trả lời :*

Cách mạng tháng Mười đưa đến việc thành lập Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, có ý nghĩa to lớn đối với nước Nga và thế giới.

- Đối với nước Nga :

+ Mở ra một kỉ nguyên mới cho nước Nga, làm thay đổi vận mệnh đất nước và số phận hàng triệu con người ở Nga.

+ Lần đầu tiên trong lịch sử, giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc được giải phóng, thoát khỏi mọi xiềng xích nô lệ, làm chủ vận mệnh đất nước.

+ Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa đã đưa nhân dân lên nắm chính quyền ở một nước chiếm 1/6 diện tích thế giới.

- *Đối với thế giới :*

+ Có ảnh hưởng đến phong trào cách mạng thế giới, đặc biệt phong trào đấu tranh giành độc lập của các nước thuộc địa và phụ thuộc.

+ Cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế, chỉ ra cho họ con đường đi đến thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản.

Câu 5 : Công cuộc xây dựng chính quyền Xô viết ở Nga diễn ra như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Ngay trong đêm 25 – 10 – 1917 (7 – 11), Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai khai mạc ở Điện Xmô-nư đã tuyên bố thành lập Chính quyền Xô viết do Lê-nin đứng đầu. Nhiệm vụ hàng đầu của Chính quyền Xô viết là đập tan bộ máy nhà nước cũ của giai cấp tư sản và địa chủ, khẩn trương xây dựng bộ máy nhà nước mới của những người lao động.
- Các cơ quan trung ương và Xô viết các địa phương được thành lập, chính quyền tư sản, địa chủ các cấp đều bị bãi bỏ.
- Cuối tháng 11 – 1917, chính quyền Xô viết bước đầu quốc hữu hoá các nhà máy, xí nghiệp của giai cấp tư sản. Tháng 12 – 1917, Hội đồng Kinh tế quốc dân tối cao được thành lập.

Câu 6 : Những nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền Xô viết.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cuối năm 1918, quân đội 14 nước đế quốc cấu kết với lực lượng phản cách mạng trong nước mở cuộc tấn công vũ trang nhằm tiêu diệt nước Nga Xô viết non trẻ. Trong suốt ba năm (1918 – 1920), nhân dân Xô viết đã tập trung toàn bộ sức lực tiến hành cuộc chiến đấu chống thù trong, giặc ngoài trong những điều kiện vô cùng khó khăn để giữ vững Chính quyền Xô viết.
- Từ năm 1919, nước Nga thực hiện Chính sách Cộng sản thời chiến nhằm huy động tối đa mọi nguồn của cải, nhân lực của đất nước phục vụ cho cuộc chiến đấu chống thù trong, giặc ngoài, vừa chiến đấu, vừa xây dựng. Hồng quân và nhân dân Xô viết đã từng bước đẩy lùi các cuộc tấn công của lực lượng phản cách mạng trong và ngoài nước. Năm 1920, chiến sự chấm dứt. Nhà nước Xô viết được bảo vệ và giữ vững.

Câu 7 : Lê-nin đóng vai trò như thế nào đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga 1917 ?

** Hướng dẫn trả lời :*

Lê-nin đóng vai trò quan trọng lãnh đạo trực tiếp, quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga :

- Lê-nin cùng Đảng Bôn-sê-vích đã chuẩn bị kế hoạch tiếp tục làm cách mạng lật đổ Chính phủ lâm thời tư sản
- Lê-nin soạn thảo Luận cương tháng Tư, chỉ ra mục tiêu và đường lối chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- Lê-nin vạch kế hoạch, trực tiếp chỉ huy cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Pê-tơ-rơ-grat, tuyên bố thành lập Chính phủ Xô viết.

Bài 24

LIÊN XÔ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1921-1941)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Nước Nga Xô viết gặp phải những khó khăn gì về kinh tế, chính trị ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Năm 1921, nước Nga Xô viết bước vào thời kì hòa bình xây dựng đất nước trong hoàn cảnh cực kì khó khăn :

+ Gánh chịu hậu quả nặng nề do bốn năm chiến tranh đế quốc và ba năm nội chiến.

+ Nền kinh tế quốc dân bị tàn phá nghiêm trọng với tổng thiệt hại lên đến 39 tỉ rúp.

- Bên cạnh khó khăn về kinh tế là những thách thức nghiêm trọng về chính trị :

+ Tình hình chính trị không ổn định, các lực lượng phản cách mạng điên cuồng chống phá, gây bạo loạn ở nhiều nơi.

+ Tình trạng đói kém làm phân tán và suy giảm tinh thần đội ngũ công nhân.

+ Nông dân bất bình với chính sách trưng thu lương thực thừa.

- Nước Nga rơi vào tình trạng khủng hoảng về kinh tế – chính trị, đe doạ sự tồn tại của Chính quyền Xô viết.

Câu 2 : Nêu nhận xét về tình hình kinh tế nước Nga năm 1921 so với năm 1913 – năm phát triển cao nhất của nước Nga Sa hoàng – qua bảng kê trên đây.

** Hướng dẫn trả lời :*

Sản phẩm	Năm 1913	Năm 1921
Ngũ cốc (triệu tấn)	81,63	37,6
Gang (triệu tấn)	4,8	0,1
Thép (triệu tấn)	5,2	0,2
Vải sợi (triệu mét)	2582,0	105,0
Điện (triệu kw/h)	1,9	0,55

Nhận xét :

- So với năm 1913 thì sản lượng các sản phẩm ở Nga giảm sút nghiêm trọng, điều đó chứng tỏ rằng kinh tế nước Nga Xô viết đang gặp rất nhiều khó khăn.

- Những khó khăn, thử thách đó đặt ra cho nước Nga Xô viết cần phải có chính sách về kinh tế cho phù hợp để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.

Câu 3 : Vì sao việc thực hiện Chính sách kinh tế mới lại bắt đầu từ nông nghiệp ?

** Hướng dẫn trả lời :*

Chính sách kinh tế mới ở Nga bắt đầu từ nông nghiệp, mà quan trọng nhất là thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa bằng chế độ thuế lương thực. Sở dĩ như vậy vì :

- Đối với nước Nga lúc này để thoát ra khỏi khủng hoảng, nông nghiệp là khâu căn bản, từ đó có thể kéo theo toàn bộ dây chuyền của cuộc phát triển lực lượng sản xuất.

- Việc nông dân được tự do bán lương thực ra thị trường sau khi nộp đủ thuế sẽ làm cho họ phấn khởi sản xuất, nâng cao năng suất lao động, sản xuất nông nghiệp phục hồi nhanh chóng.

- Trên cơ sở được cung cấp lương thực và nguyên liệu từ nông nghiệp, sản xuất công nghiệp được phục hồi và phát triển.

Câu 4 : Dựa vào số liệu năm 1921 và năm 1923 trong bảng kê dưới đây, hãy nêu tác dụng của Chính sách kinh tế mới đối với nền kinh tế.

** Hướng dẫn trả lời :*

Sản phẩm	Năm 1921	Năm 1923
Ngũ cốc (triệu tấn)	37,6	56,6
Gang (triệu tấn)	0,1	0,3
Thép (triệu tấn)	0,2	0,7
Vải sợi (triệu mét)	105,0	691,0
Điện (triệu kw/h)	0,55	1,1

** Tác dụng :*

- Phục hồi, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân.

- Nước Nga đã đẩy mạnh được sản xuất và lưu thông hàng hoá.

- Tạo cơ sở kinh tế, chính trị cho Liên Xô bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 5 : Liên bang Xô viết được thành lập như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của V. I. Lê-nin, Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang diễn ra cuối tháng 12 – 1922 đã tuyên bố thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên xô), gồm bốn nước Cộng hòa Xô viết đầu tiên là Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và Ngoại Cáp-ca-đơ.

- Mặc dù có sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, về diện tích và dân số giữa các nước cộng hoà, nhưng tư tưởng chỉ đạo cơ bản của Lê-nin là sự bình đẳng về mọi mặt và quyền tự quyết của các dân tộc, sự giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển vì mục tiêu chung là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

- Đến cuối năm 1925, nhờ sự nỗ lực của các nước cộng hoà, Liên Xô đã hoàn thành về cơ bản công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh.

Câu 6 : Vai trò của V. I. Lê-nin trong công cuộc khôi phục kinh tế và phát triển đất nước sau chiến tranh.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Sau chiến tranh, nước Nga Xô viết gặp rất nhiều khó khăn, để khắc phục khủng hoảng, nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh và phát triển kinh tế, Lê-nin đã đề ra Chính sách kinh tế mới. Nhờ chính sách này đã đưa nước Nga vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị.

- Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đòi hỏi các dân tộc phải liên minh chặt chẽ với nhau nhằm tăng cường sức mạnh về mọi mặt. Chính Lê-nin là người chỉ đạo trực tiếp Đại hội lần thứ nhất các xô viết toàn Liên bang và tuyên bố thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô).

- Sau khi thành lập Liên bang Xô viết, Lê-nin còn chỉ đạo các nước cộng hoà phải thực hiện quyền bình đẳng, quyền dân tộc tự quyết và giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển vì mục tiêu chung là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

- Nhờ những công lao to lớn của Lê-nin cùng với sự nỗ lực của các nước cộng hoà mà Liên Xô đã hoàn thành về cơ bản công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh.

Câu 7 : Hãy cho biết vì sao để xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân Liên Xô phải thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Sau khi hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế, Liên Xô chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất lạc hậu, với nền nông nghiệp chiếm trên 2/3 tổng sản phẩm quốc dân.

- Liên Xô phải thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá để biến Liên Xô từ một nước nông nghiệp thành một nước công nghiệp.

Câu 8 : Nêu những thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô qua hai kế hoạch 5 năm.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Qua hai kế hoạch 5 năm, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đưa Liên Xô từ một nước nông nghiệp lạc hậu trở thành một cường quốc công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Năm 1937, sản lượng công nghiệp chiếm 77,4% tổng sản lượng quốc dân.

- Trong nông nghiệp, công cuộc tập thể hóa nông nghiệp đã đưa 93% số nông hộ với trên 90% diện tích canh tác vào nền nông nghiệp tập thể hóa, có quy mô sản xuất lớn và cơ sở vật chất – kĩ thuật được cơ giới hóa.

- Về văn hóa – giáo dục, Liên xô đã thanh toán nạn mù chữ, xây dựng hệ thống giáo dục thống nhất, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học trong cả nước và thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở các thành phố.

- Cùng với những biến đổi về kinh tế, cơ cấu giai cấp xã hội cũng thay đổi. Các giai cấp bóc lột bị xóa bỏ, chỉ còn lại hai giai cấp lao động là công nhân, nông dân tập thể và tầng lớp trí thức mới xã hội chủ nghĩa.

- Từ năm 1937, nhân dân Liên xô tiếp tục thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ ba, nhưng công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tạm thời bị gián đoạn bởi cuộc chiến tranh xâm lược của phát xít Đức tháng 6 – 1941.

Câu 9 : Từ năm 1922 đến năm 1933, Liên Xô đã đạt được những kết quả gì trong quan hệ ngoại giao ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Sau cách mạng tháng Mười, Chính quyền Xô viết đã từng bước xác lập quan hệ ngoại giao với một số nước láng giềng ở chấu Á và châu Âu.

- Tuy nhiên, tồn tại trong vòng vây thù địch của chủ nghĩa tư bản thế giới, Liên Xô đã kiên trì và bền bỉ đấu tranh trong quan hệ q[illegible] vỡ chính sách bao vây, cô lập về kinh tế và ngoại giao của các nước đế quốc.

Câu 10 : Lập bảng so sánh "Chính sách cộng sản thời chiến" và "Chính sách kinh tế mới" theo mẫu dưới đây:

Tiêu chí so sánh	Chính sách cộng sản thời chiến	Chính sách kinh tế mới
Hoàn cảnh		
Nội dung		
Tác dụng		

**Hướng dẫn trả lời:*

Tiêu chí so sánh	Chính sách cộng sản thời chiến	Chính sách kinh tế mới
Hoàn cảnh	1918 – 1920, tiến hành chiến tranh cách mạng thù trong giặc ngoài.	1921 – 1925, khó khăn khi đất nước bước vào thời kì hòa bình, xây dựng xã hội chủ nghĩa.
Nội dung	- Trưng thu lương thực thừa. - Quốc hữu hóa toàn bộ xí nghiệp. - Nhà nước nắm độc quyền về quản lí, phân phối lương thực, thực phẩm. - Thi hành chế độ lao động bắt buộc.	- Bãi bỏ chế độ trưng thu lương thực, thay bằng thuế lương thực. - Tự do buôn bán, mở lại các chợ. - Cho phép tư nhân mở các xí nghiệp nhỏ. - Khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư kinh doanh ở Nga.
Tác dụng	- Tập trung toàn bộ sức người, sức của để chống thù trong giặc ngoài - Bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Mười.	- Phục hồi, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân. - Tạo cơ sở kinh tế, chính trị cho Liên Xô bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Trình bày hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa của Chính sách kinh tế mới.

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Hoàn cảnh :*

+ Năm 1921, nước Nga Xô viết bước vào thời kì hòa bình xây dựng đất nước trong hoàn cảnh cực kì khó khăn : Nền kinh tế quốc dân bị tàn phá nghiêm trọng. Tình hình chính trị không ổn định, các lực lượng phản cách mạng điên cuồng chống phá, gây bạo loạn ở nhiều nơi.

+ Nước Nga rơi vào tình trạng khủng hoảng về kinh tế – chính trị, đe doạ sự tồn tại của Chính quyền Xô viết.

+ Nhằm khắc phục khủng hoảng, nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh và phát triển kinh tế. Đại hội lần thứ X Đảng Bôn-sê-vích vào tháng 3 – 1921 quyết định chuyển *Chính sách Cộng sản thời chiến* sang *Chính sách kinh tế mới.*

- *Nội dung Chính sách kinh tế mới :*

+ Thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực.

+ Cho phép tư nhân xây dựng những xí nghiệp nhỏ, khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư kinh doanh ở Nga.

+ Nhà nước nắm các mạch máu kinh tế.

+ Tư nhân được tự do buôn bán, trao đổi.

- *Ý nghĩa:*

+ Đưa nước Nga thoát khỏi khủng hoảng về kinh tế – chính trị.

+ Thể hiện sự chuyển đổi kịp thời, đầy sáng tạo từ nền kinh tế mà Nhà nước nắm độc quyền về mọi mặt sang nền kinh tế nhiều thành phần và tự do buôn bán.

+ Chính sách kinh tế mới còn mang ý nghĩa quốc tế sâu sắc đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một số nước trên thế giới.

Câu 2 : Sự thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết diễn ra như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của V. I. Lê-nin, Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang diễn ra cuối tháng 12 – 1922 đã tuyên bố thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên xô), gồm bốn nước cộng hòa Xô viết đầu tiên là Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và Ngoại Cáp-ca-đơ.

- Ngày 21-1-1924, V. I.Lê-nin, lãnh tụ vĩ đại của giai cấp vô sản, người đứng đầu Đảng và Nhà nước Xô viết, qua đời. Đó là một tổn thất to lớn đối với nhân dân Liên xô, giai cấp công nhân quốc tế và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Sau khi Lê-nin mất, Xta-lin lên thay, tiếp tục lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước Liên xô trong những năm 1924 – 1953.

Câu 3 : Em có nhận xét gì về "Chính sách kinh tế mới"? Theo hiểu biết của em Đảng Cộng sản Việt Nam có vận dụng chính sách này trong thời kì đổi mới không ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Có thể xem "Chính sách kinh tế mới" là một bước lùi nhưng là một bước lùi cần thiết để Liên Xô vượt qua những khó khăn thử thách, tạo đà vững bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội, thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Bôn-sê-vích đứng đầu là Lê-nin.
- Đảng ta đã vận dụng kinh nghiệm này vào điều kiện cụ thể của Việt Nam trong thời kì đổi mới là phát triển nền kinh tế sản xuất hàng hóa nhiều thành phần có sự định hướng của nhà nước.

Câu 4 : Chính sách kinh tế mới đã đem lại những kết quả to lớn gì cho đất nước ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Các ngành kinh tế được phục hồi nhanh chóng.
- Đời sống nhân dân được cải thiện.
- Đã tạo điều kiện để dẫn đến sự thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết 12 - 1922

Câu 5 : Ghi sự kiện lịch sử vào cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A dưới đây :

A	B
1. 3 - 1921	
2. 12 - 1922	
3. 1940	
4. 1926 - 1929	
5. 1928 - 1932	
6. 1933 - 1937	
7. 1936	
8. 6 - 1941	

** Hướng dẫn trả lời:*

A	B
1. 3 - 1921	Đảng Bôn-sê-vích thực hiện chính sách kinh tế mới.
2. 12 - 1922	Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết thành lập.
3. 1940	Nâng tổng số 15 nước gia nhập Liên Xô.
4. 1926 - 1929	Tiến hành công nghiệp hóa.
5. 1928 - 1932	Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.
6. 1933 - 1937	Kế hoạch 5 năm lần thứ hai.
7. 1936	Sản lượng công nghiệp đứng đầu châu Âu.
8. 6 - 1941	Đức tấn công Liên Xô.

Chương VII

CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

Bài 25

KHÁI QUÁT CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Trình bày các giai đoạn phát triển chính của chủ nghĩa tư bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939).

** Hướng dẫn trả lời:*

- Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, các nước tư bản tổ chức Hội nghị Véc-xai (1919-1920) và Hội nghị Oa-sinh-tơn để phân chia quyền lợi. Trật tự Véc-Oa hình thành.
- Mười năm sau chiến tranh, các nước tư bản phát triển qua 2 giai đoạn :

  + Giai đoạn 1918 - 1923: Các nước tư bản (trừ Mĩ) lâm vào trình trạng khủng hoảng kinh tế, chính trị, biểu hiện ở sự suy sụp về kinh tế và cao trào cách mạng bùng lên mạnh mẽ.

  + Giai đoạn 1924 - 1929: Các nước tư bản bước vào thời kì ổn định về chính trị và đạt mức tăng trưởng về kinh tế. Nhưng sự phát triển không đồng đều giữa các nước.

Câu 2 : Nêu những nét nổi bật của cao trào cách mạng 1918 - 1923 ở các nước tư bản châu Âu.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Những năm 1918 - 1923, một phong trào cách mạng đã bùng nổ ở các nước tư bản.
- *Nguyên nhân :*

  + Do hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất, châu Âu là chiến trường chính, toàn bộ gánh nặng của chiến tranh đè lên vai những người lao động.

  + Do ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga.
- *Đặc điểm nổi bật của phong trào :*

  + Mang tính quần chúng rộng lớn.

  + Không dừng lại ở yêu sách kinh tế.

  + Thể hiện tính tích cực về chính trị, thành lập các nước Cộng hoà Xô viết.
- Những năm 1924 - 1929, phong trào công nhân tạm thời lắng xuống. Tuy thế các cuộc đấu tranh đòi cải thiện điều kiện làm việc, chế độ tiền lương, đòi tự do dân chủ vẫn tiếp diễn.

Câu 3 : Qua các nội dung hoạt động của Đại hội II và Đại hội VII, hãy nhận xét vai trò của Quốc tế Cộng sản đối với phong trào cách mạng thế giới.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Đại hội II (1920) giữ một vị trí nổi bật trong lịch sử hoạt động của Quốc tế Cộng sản với việc thông qua Luận cương về vai trò của Đảng Cộng sản, Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa, do Lê-nin khởi thảo.

+ Qua Luận cương về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã chỉ ra cho cách mạng thế giới, nhất là cách mạng vô sản muốn đấu tranh giành được thắng lợi phải có chính đảng của giai cấp vô sản. Nó trở thành nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng vô sản.

+ Qua Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê-nin đã chỉ ra cho giai cấp vô sản và các dân tộc thuộc địa muốn đấu tranh giành thắng lợi phải liên minh, liên kết với nhau, thực hiện khẩu hiệu của Lê-nin : "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại".

- Đại hội lần VII (1935), Quốc tế Cộng sản đã chỉ rõ nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và kêu gọi các Đảng Cộng sản tích cực đấu tranh thành lập các mặt trận thống nhất công nhân và các lực lượng tiến bộ nhằm mục tiêu chống phát xít, chống chiến tranh.

+ Nhờ có chủ trương của Quốc tế Cộng sản tại Đại hội VII mà các nước đã lần lượt thành lập mặt trận nhân dân chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình.

+ Mặt trận nhân dân các nước ra đời đã tập hợp được một lực lượng cách mạng đông đảo làm nhiệm vụ chống phát xít, bảo vệ độc lập dân tộc.

Câu 4 : Nguy cơ cuộc một cuộc chiến tranh thế giới mới xuất hiện như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Tháng 10 – 1929, khủng hoảng nổ ra ở Mĩ, sau đó lan ra toàn bộ thế giới tư bản, chấm dứt thời kì ổn định và tăng trưởng của chủ nghĩa tư bản. Đây là cuộc khủng hoảng thừa, khủng hoảng trầm trọng nhất, kéo dài nhất trong lịch sử các nước tư bản chủ nghĩa.

- Cuộc khủng hoảng đã tàn phá kinh tế, gây ra hậu quả nghiêm trọng về chính trị xã hội.

+ Hàng chục vạn công nhân thất nghiệp, nông dân mất ruộng đất, sống trong cảnh nghèo đói, túng quẫn.

+ Nhiều cuộc đấu tranh của những người thất nghiệp diễn ra ở khắp các nước.

+ Đe doạ sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản.

- Để giải quyết khủng hoảng :

+ Đối với Anh, Pháp, Mĩ : tiến hành cải cách kinh tế – xã hội, đổi mới quá trình quản lí, tổ chức sản xuất.

+ Đối với Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản tìm kiếm lối thoát bằng hình thức thống trị mới. Đó là thiết lập các chế độ độc tài phát xít - nền chuyên chính khủng bố công khai của những thế lực phản động nhất, hiếu chiến nhất. Khi chủ nghĩa phát xít hình thành nguy cơ chiến tranh thế giới mới bùng nổ.

Câu 5 : Mặt trận nhân dân Pháp đã giành được thắng lợi như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Thắng lợi của Mặt trận nhân dân Pháp trong những năm 1936 – 1939 là sự kiện nổi bật trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít.

- Trong cuộc tổng tuyển cử tháng 5 – 1936, Mặt trận Nhân dân Pháp giành được thắng lợi, lên nắm chính quyền ở Pháp và thành lập chính phủ do Lê-ông Bơ-lum đứng đầu.

- Phong trào Mặt trận Nhân dân đã bảo vệ được nền dân chủ, đưa nước Pháp vượt qua hiểm họa chủ nghĩa phát xít.

- Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (1935) đề cao việc thành lập Mặt trận Nhân dân Pháp, coi đó là kinh nghiệm cần phổ biến rộng rãi cho các nước trong cuộc đấu tranh chống phát xít và nguy cơ chiến tranh.

Câu 6 : Nêu những hậu quả về chính trị, xã hội của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933) đối với các nước tư bản.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Tàn phá kinh tế, gây ra hậu quả nghiêm trọng về chính trị xã hội.

- Hàng chục vạn công nhân thất nghiệp, nông dân mất ruộng đất, sống trong cảnh nghèo đói, túng quẫn.

- Nhiều cuộc đấu tranh của những người thất nghiệp diễn ra ở khắp các nước.

- Đe doạ sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản.

Câu 7 : Phong trào Mặt trận Nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh diễn ra như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Tháng 7 – 1935, Quốc tế Cộng sản tiến hành Đại hội lần thứ VII chỉ đạo cho các Đảng Cộng sản thành lập Mặt trận nhân dân chống phát xít.

- Thực hiện chủ trương của Quốc tế Cộng sản, Mặt trận Nhân dân chống phát xít được thành lập ở Pháp, I-ta-li-a, Tiệp Khắc, Hi Lạp, Tây Ban Nha...

+ Mặt trận Nhân dân Tây Ban Nha thành lập vào tháng 2 – 1936.

+ Mặt trận Nhân dân Pháp thành lập 5 – 1936.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Trình bày nguyên nhân và đặc điểm của phong trào cách mạng (1918 – 1929) ở các nước tư bản.

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Nguyên nhân :*

+ Do hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất, châu Âu là chiến trường chính, toàn bộ gánh nặng của chiến tranh đè lên vai những người lao động.

+ Do ảnh hưởng của cách mạng tháng Mười Nga.

- Đặc điểm nổi bật của phong trào :

+ Mang tính quần chúng rộng lớn.

+ Không dừng lại ở yêu sách kinh tế.

+ Thể hiện tính tích cực về chính trị, thành lập các nước Cộng hoà Xô viết.

Câu 2 : Hoàn cảnh ra đời và quá trình hoạt động của Quốc tế Cộng sản.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Hoàn cảnh :*

+ Trong những năm 1918 – 1923, các Đảng Cộng sản lần lượt được thành lập ở các nước.

+ Sự phát triển nhanh chóng của phong trào cách mạng thế giới.

+ Trước tình đó, đòi hỏi phải có một tổ chức quốc tế để tập hợp lực lượng và chỉ đạo phong trào theo một đường lối đúng đắn.

+ Đáp ứng yêu cầu đó, tháng 3 năm 1919, Đại hội thành lập Quốc tế Cộng sản được tiến hành tại Mát-xcơ-va.

- *Hoạt động :*

+ Quốc tế Cộng sản tồn tại và hoạt động từ năm 1919 đến năm 1943.

+ Quốc tế Cộng sản tiến hành bảy đại hội, đề ra đường lối cách mạng phù hợp với từng thời kì phát triển của cách mạng thế giới. Tiểu biểu là hai đại hội:

* Đại hội lần II (1920), thông qua Luận cương về vai trò của Đảng Cộng sản, Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa do Lê-nin khởi thảo.

* Đại hội lần VII (1935), chỉ rõ nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và kêu gọi các đảng cộng sản thành lập mặt trận thống nhất nhằm đấu tranh chống phát xít, chống chiến tranh.

- Năm 1943, Quốc tế Cộng sản tuyên bố giải tán.

Câu 3 : Nguyên nhân, diễn biến của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Nguyên nhân :*

+ Do sản xuất ào ạt, chạy đua theo lợi nhuận, hàng hoá ế thừa, ứ đọng.

+ Nhu cầu và sức mua của người dân không gia tăng tương ứng.

+ Cung vượt quá xa cầu, sự mất cân bằng về kinh tế trong nội bộ từng nước và sự phát triển không đồng đều giữa các nước tư bản chủ nghĩa.

- *Diễn biến :*

+ Tháng 10 – 1929, khủng hoảng nổ ra ở Mĩ, sau đó lan ra toàn bộ thế giới tư bản.

+ Đây là cuộc khủng hoảng thừa, khủng hoảng trầm trọng nhất, kéo dài nhất trong lịch sử các nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 4 : Các nước tư bản chủ nghĩa giải quyết khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 như thế nào ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

+ Đối với Anh, Pháp, Mĩ : tiến hành cải cách kinh tế – xã hội, đổi mới quá trình quản lí, tổ chức sản xuất.

+ Đối với Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản tìm kiếm lối thoát bằng hình thức thống trị mới. Đó là thiết lập các chế độ độc tài phát xít – nền chuyên chính khủng bố công khai của những thế lực phản động nhất, hiếu chiến nhất.

Câu 5 : Tại sao Quốc tế Cộng sản quyết định thành lập Mặt trận Nhân dân chống Phát xít ở mỗi nước? Sự ra đời của Mặt trận Nhân dân Pháp có tác dụng như thế nào đến cách mạng Việt Nam?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 và sự xuất hiện chủ nghĩa phát xít đe dọa sự ổn định, hòa bình và an ninh nhân loại.

- Yêu cầu thành lập một Mặt trận Nhân dân để đoàn kết nhân dân các nước chống kẻ thù chung là chủ nghĩa phát xít là cần thiết.

- Sự ra đời của Mặt trận Nhân dân Pháp (1936) có tác dụng tích cực đến cách mạng Việt Nam vì: Mặt trận có nhiều chính sách tiến bộ thực hiện ở các thuộc địa, thả tù chính trị, tự do hội họp...tạo điều kiện cho lực lượng cách mạng ở nước ta phục hồi sau thời kì bị thực dân Pháp khủng bố.

Bài 26

NƯỚC ĐỨC GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI

(1918 – 1939)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Em có nhận xét gì về tình hình nước Đức trong những năm 1918 – 1939 ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, nước Đức bại trận hoàn toàn suy sụp về kinh tế, chính trị và quân sự. Mâu thuẫn xã hội ngay càng gay gắt dẫn tới sự bùng nổ cuộc cách mạng dân chủ tư sản tháng 11 – 1918.

- Tháng 6 – 1919, Chính phủ Đức phải kí Hòa ước Véc-xai với những điều kiện hết sức nặng nề. Việc thực hiện những điều khoản của Hòa ước làm cho đất nước vốn đã kiệt quệ sau bốn năm chiến tranh trở nên hoàn toàn rối loạn.

- Để giải quyết những khó khăn trên, Đức nhanh chóng lao vào con đường phát xít hoá bộ máy nhà nước để gây chiến tranh thế giới.

Câu 2 : Nêu những điểm nổi bật của tình hình nước Đức trong những năm 1924 – 1929.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cuối năm 1923, nước Đức đã vượt qua được thời kì khủng hoảng kinh tế và chính trị sau chiến tranh.

- Về chính trị, chế độ Cộng hòa Vai-ma được củng cố, quyền lực của giới tư bản độc quyền được tăng cường. Chính phủ tư sản thi hành chính sách đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân. Các đảng tư sản công khai tuyên truyền tư tưởng phục thù cho nước Đức.

- Về đối ngoại, vị trí quốc tế của nước Đức dần dần được phục hồi với việc nước này tham gia Hội Quốc liên, kí kết một số hiệp ước với các nước tư bản châu Âu và Liên Xô.

Câu 3 : Vì sao chủ nghĩa phát xít thắng thế ở Đức ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933, nền kinh tế Đức bị kiệt quệ. Mâu thuẫn và cuộc đấu tranh của quần chúng lao động đã dẫn tới cuộc khủng hoảng về chính trị. Giai cấp tư sản không đủ sức duy trì chế độ cộng hoà, không thể đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.

- Trong bối cảnh đó Đảng Quốc xã tăng cường hoạt động, mở rộng ảnh hưởng trong quần chúng. Đảng Quốc xã đã kích động chủ nghĩa phục thù, chủ nghĩa chống cộng và chủ trương phát xít hoá bộ máy nhà nước.

- Trong khi giới đại tư bản ngày càng ủng hộ lực lượng phát xít, Đảng Cộng sản Đức đã kêu gọi quần chúng đấu tranh để thành lập Mặt trận thống nhất chống chủ nghĩa phát xít. Tuy nhiên, Đảng Xã hội dân chủ đã từ chối hợp tác với những người cộng sản. Điều đó đã tạo điều kiện cho các thế lực phát xít lên cầm quyền ở Đức.

- Ngày 30 – 1 – 1933, Tổng thống Hin-đen-bua chỉ định Hít-le làm Thủ tướng và thành lập chính phủ mới, mở ra một thời kì đen tối trong lịch sử nước Đức.

Câu 4 : Chính sách đối ngoại của Hit-le được thể hiện như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Chính quyền Hít-le tăng cường các hoạt động chuẩn bị chiến tranh :

  + Tháng 10 – 1933, nước Đức tuyên bố rút khỏi Hội Quốc liên để được tự do hành động.

  + Năm 1935, Hít-le ban hành lệnh tổng động viên quân dịch, tuyên bố thành lập đội quân thường trực và bắt đầu triển khai các hoạt động quân sự ở châu Âu.

  + Đến năm 1938, với đội quân 1,5 triệu người cùng 30000 xe tăng và khoảng 4000 máy bay, nước Đức đã trở thành một trại lính khổng lồ, đủ sức tiến hành các kế hoạch gây chiến tranh xâm lược.

Như vậy, Hít-le đã ráo riết chuẩn bị tiến tới cuộc chiến tranh thế giới. Đức là thủ phạm châm ngòi cho cuộc chiến tranh thế giới đầu tiên trong lịch sử nhân loại.

Câu 5 : Lập bảng hệ thống kiến thức về các giai đoạn phát triển của nước Đức giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1929).

** Hướng dẫn trả lời :*

Lĩnh vực	Nước Đức 1918 – 1923	Nước Đức 1924 – 1929
Kinh tế	Hoàn toàn suy sụp về kinh tế.	Cuối năm 1923, nước Đức đã vượt qua được thời kì khủng hoảng kinh tế và chính trị sau chiến tranh. Chính quyền tư sản đã đẩy lùi phong trào cách mạng của quần chúng, từng bước khắc phục tình trạng hỗn loạn về tài chính, tạo đà cho nền kinh tế khôi phục và phát triển.
Chính trị, xã hội	Mâu thuẫn xã hội ngay càng gay gắt dẫn tới sự bùng nổ cuộc cách mạng dân chủ tư sản tháng 11 – 1918.	Chế độ Cộng hòa Vai-ma được củng cố, quyền lực của giới tư bản độc quyền được tăng cường. Chính phủ tư sản thi hành chính sách đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân. Các đảng tư sản công khai tuyên truyền tư tưởng phục thù cho nước Đức. Về đối ngoại, vị trí quốc tế của nước Đức dần dần được phục hồi với việc nước này tham gia Hội Quốc liên, kí kết một số hiệp ước với các nước tư bản châu Âu và Liên xô.

Câu 6 : Hít-le lên nắm quyền ở Đức trong bối cảnh như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nước Đức bị khủng hoảng kinh tế, giai cấp tư sản cầm quyền không đủ mạnh để duy trì chế độ cộng hoà tư sản, đưa nước Đức vượt qua khủng hoảng. Chủ nghĩa phát xít có cơ hội hoạt động.

- Đảng Quốc xã tăng cường hoạt động, mở rộng ảnh hưởng trong quần chúng. Đảng Quốc xã đã kích động chủ nghĩa phục thù, chủ nghĩa chống cộng và chủ trương phát xít hoá bộ máy nhà nước.

- Đảng Cộng sản Đức đã kêu gọi quần chúng đấu tranh để thành lập Mặt trận thống nhất chống chủ nghĩa phát xít nhưng không thành. Điều đó đã tạo điều kiện cho các thế lực phát xít lên cầm quyền ở Đức.

- Ngày 30 – 1 – 1933, Tổng thống Hin-đen-bua chỉ định Hít-le làm Thủ tướng và thành lập chính phủ mới, mở ra một thời kì đen tối trong lịch sử nước Đức.

Câu 7 : Trình bày những chính sách lớn của Đức trong những năm 1933 – 1939.

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Về đối nội :*

  + Thực hiện quân sự hoá nền kinh tế để chuẩn bị chiến tranh, sự tăng cường khống chế toàn bộ nền kinh tế của chính quyền phát xít.

  + Chuẩn bị cơ sở vật chất cho cuộc chiến tranh xâm lược sắp tới.

- Về đối ngoại :

Tăng cường lực lượng quân sự, thực hiện chính sách đối ngoại hiếu chiến của chính quyền Hít-le đối với châu Âu và thế giới:

+ Tháng 10 – 1933, nước Đức tuyên bố rút khỏi Hội Quốc liên để được tự do hành động.

+ Năm 1935, Hít-le ban hành lệnh tổng động viên quân dịch, tuyên bố thành lập đội quân thường trực và bắt đầu triển khai các hoạt động quân sự ở châu Âu.

+ Đến năm 1938, với đội quân 1,5 triệu người cùng 30000 xe tăng và khoảng 4000 máy bay, nước Đức đã trở thành một trại lính khổng lồ, đủ sức tiến hành các kế hoạch gây chiến tranh xâm lược.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Khái quát về cao trào cách mạng 1918 – 1923 ở Đức.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Sau chiến tranh, phong trào cách mạng tiếp tục dâng cao trong những năm 1919 – 1923.

- Đảng Cộng sản Đức (thành lập tháng 12 – 1918) đã trực tiếp lãnh đạo phong trào. Đỉnh cao của phong trào là cuộc nổi dậy của công nhân vùng Ba-vi-e tháng 4 – 1919, dẫn đến sự thành lập nước Cộng hòa Xô viết Ba-vi-e.

- Cuộc khởi nghĩa vũ trang của công nhân Hăm-buốc tháng 10 – 1923 là âm hưởng cuối cùng của cơn bão táp cách mạng vô sản ở Đức.

Câu 2 : Đảng Quốc xã lên cầm quyền ở Đức trong hoàn cảnh nào ? Tình hình nước Đức trong thời kì Đảng Quốc xã cầm quyền.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Hoàn cảnh :

+ Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới cuối năm 1929 đã giáng đòn nặng nề vào nền kinh tế Đức. Năm 1932, sản xuất công nghiệp giảm 47% so với trước khủng hoảng. Hàng ngàn nhà máy, xí nghiệp phải đóng cửa. Số người thất nghiệp lên tới hơn 5 triệu người. Mâu thuẫn xã hội và cuộc đấu tranh của quần chúng lao động đã dẫn tới cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng.

+ Giai cấp tư sản cầm quyền không đủ sức mạnh để duy trì chế độ cộng hòa tư sản, đưa đất nước vượt qua cuộc khủng hoảng đó. Trong bối cảnh đó, Đảng Quốc xã lên cầm quyền ở Đức.

- Tình hình nước Đức :

+ Đảng Quốc xã ngày càng mở rộng ảnh hưởng trong quần chúng. Các thủ lĩnh của đảng này, đứng đầu là Hít-le, ra sức tuyên truyền kích động chủ nghĩa phục thù, chủ nghĩa chống cộng và phân biệt chủng tộc. Chúng chủ trương phát xít hóa bộ máy nhà nước, thiết lập chế độ độ độc tài khủng bố công khai.

+ Trong khi giới đại tư bản ngày càng ủng hộ lực lượng phát xít, Đảng Cộng sản Đức đã kêu gọi quần chúng đấu tranh để thành lập Mặt trận thống nhất chống chủ nghĩa phát xít. Tuy nhiên, Đảng Xã hội dân chủ đã từ chối hợp tác với những người cộng sản. Điều đó đã tạo điều kiện cho các thế lực phát xít lên cầm quyền ở Đức.

+ Ngày 30 – 1 – 1933, Tổng thống Hin-đen-bua chỉ định Hít-le làm Thủ tướng và thành lập chính phủ mới, mở ra một thời kì đen tối trong lịch sử nước Đức.

Câu 3 : Nêu những nét cơ bản về nước Đức trong thời kì phát xít Hít-le (1933 – 1939).

** Hướng dẫn trả lời :*

- Từ năm 1933, Chính phủ Hít-le ráo riết thiết lập nền chuyên chính độc tài, công khai khủng bố các đảng phái dân chủ tiến bộ, trước hết là Đảng Cộng sản Đức. Tháng 2 – 1933, chính quyền phát xít vu cáo những người cộng sản đốt cháy nhà Quốc hội, đặt Đảng Cộng sản ra ngoài pháp luật và bắt giam 10 vạn đảng viên cộng sản. Năm 1934, Hin-đen-bua qua đời, Hít-le tuyên bố hủy bỏ Hiến pháp Vai-ma, tự xưng là Quốc trưởng suốt đời. Nền cộng hòa Vai-ma hoàn toàn sụp đổ.

- Về kinh tế, chính quyền phát xít tiến hành tổ chức nền kinh tế theo hướng tập trung, mệnh lệnh, phục vụ nhu cầu quân sự. Tháng 7 – 1933, Hít-le thành lập Tổng Hội đồng kinh tế để điều hành hoạt động của các ngành kinh tế. Các ngành công ngiệp dần dần được phục hồi và hoạt động hết sức khẩn trương, đặc biệt là công nghiệp quân sự. Các ngành giao thông vận tải, xây dựng đường sá được tăng cường để giải quyết nạn thất nghiệp và phục vụ nhu cầu quân sự. Nền kinh tế Đức đã thoát khỏi khủng hoảng. Năm 1938, tổng sản lượng công nghiệp tăng 28% so với trước khủng khoảng và vượt qua một số nước tư bản châu Âu.

- Về đối ngoại, chính quyền Hít-le tăng cường các hoạt động chuẩn bị chiến tranh. Tháng 10 – 1933, nước Đức tuyên bố rút khỏi Hội Quốc liên để được tự do hành động. Năm 1935, Hít-le ban hành lệnh tổng động viên quân dịch, tuyên bố thành lập đội quân thường trực và bắt đầu triển khai các hoạt động quân sự ở châu Âu. Đến năm 1938, với đội quân 1,5 triệu người cùng 30000 xe tăng và khoảng 4000 máy bay, nước Đức đã trở thành một trại lính khổng lồ, đủ sức tiến hành các kế hoạch gây chiến tranh xâm lược.

Bài 27

NƯỚC MĨ GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI

(1918 – 1939)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Hãy nêu nhận xét về nền kinh tế Mĩ trong những năm 20 của thế kỉ XIX.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, Mĩ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất. Cùng với lợi thế đó, việc cải tiến kĩ thuật, thực hiện phương pháp sản xuất dây chuyền và mở rộng quy mô sản xuất đã đưa nền kinh tế Mĩ bước vào thời kì phồn vinh trong thập niên 20 của thế kỉ XX.

- Mặc dù đạt mức tăng trưởng cao nhưng sự phát triển kinh tế chạy theo lợi nhuận, theo công nghiệp tự do thái quá đã đưa đến sự phát triển không đồng bộ giữa các ngành công nghiệp, giữa công nghiệp với nông nghiệp, và nói chung, không có kế hoạch dài hạn cho sự cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng.

Câu 2: Vì sao phong trào công nhân vẫn diễn ra ngay trong thời kì phồn vinh của kinh tế Mĩ?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Trong thời kì phồn vinh của kinh tế Mĩ, công nhân vẫn phải đối mặt với nạn thất nghiệp, bất công trong xã hội.

- Đời sống của người lao động nói chung và công nhân nói riêng ngày càng giảm sút.

- Phong trào đấu tranh của công nhân diễn ra sôi nổi trong các ngành công nghiệp than, luyện thép, vận tải đường sắt... Tháng 5 – 1921, Đảng Cộng sản Mĩ được thành lập trên cơ sở hợp nhất Đảng Cộng sản công nhân Mĩ và Đảng Cộng sản Mĩ ra đời trước đó (1919), đánh dấu bước phát triển của phong trào công nhân Mĩ.

Câu 3 : Nội dung chủ yếu của "Chính sách láng giềng thân thiện" của Mĩ

* *Hướng dẫn trả lời :*

- "Chính sách láng giềng thân thiện" của Tổng thống Mĩ Ru-dơ-ven nhằm cải thiện quan hệ với các nước Mĩ La-tinh, vốn được Mĩ coi là "sân sau" của mình và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.

- Đối với các nước Mĩ La-tinh: Từ năm 1934, Chính phủ Ru-dơ-ven chấm dứt cuộc can thiệp vũ trang, tiến hành thương lượng, hứa hẹn trao trả độc lập, nhằm xoa dịu cuộc đấu tranh chống Mĩ và củng cố vị trí của Mĩ ở khu vực này.

- Đối với Liên Xô : Từ năm 1933 Chính phủ Ru-dơ-ven đã chính thức công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô. Việc làm này xuất phát từ những lợi ích của Mĩ. Trên thực tế, chính quyền Ru-dơ-ven vẫn không từ bỏ lập trường chống cộng sản.

Câu 4 : Vì sao kinh tế Mĩ bùng phát trong thập niên 20 của thế kỉ XX?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Nước Mĩ có điều kiện tự nhiên thuận lợi, giàu tài nguyên.

- Mĩ không bị ảnh hưởng của Chiến tranh thế giới lần thứ nhất mà ngược lại giành được được nhiều nguồn lợi trong Chiến tranh thế giới thứ nhất do bán hàng hoá, vũ khí.

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất Mĩ có có ưu thế là nước thắng trận, trở thành chủ nợ của châu Âu.

- Mĩ sớm áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật vào trong sản xuất.

- Mĩ biết sử dụng phương pháp quản lí sản xuất tiến tiến, mở rộng quy mô và chuyên môn hoá trong sản xuất.

Câu 5 : Những điểm cơ bản trong chính sách thoát khỏi khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933) của Mĩ là gì ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Để đưa nước Mĩ thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng, Tổng thống Ph. Ru-dơ-ven đã thực hiện chính sách mới. Chính sách mới đã giải quyết được một số vấn đề cơ bản của nước Mĩ trong cơn khủng hoảng nguy kịch. Nhà nước tư sản đã tăng cường vai trò của mình trong việc cứu trợ người thất nghiệp, tạo thêm nhiều việc làm mới, khôi phục sản xuất, xoa dịu mâu thuẫn giai cấp và góp phần làm cho nước Mĩ duy trì được chế độ dân chủ tư sản. Chính vì thế, Ph. Ru-dơ-ven là Tổng thống duy nhất trong lịch sử nước Mĩ suốt bốn nhiệm kì.

- Về đối ngoại, Chính phủ Ru-dơ-ven đề ra *Chính sách láng giềng thân thiện* nhằm cải thiện quan hệ với các nước Mĩ La-tinh, vốn được Mĩ coi là "sân sau" của mình, và thiết lập ngoại giao với Liên xô.

- Đối với các vấn đề quốc tế, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh bao trùm toàn thế giới, Quốc hội Mĩ đã thông qua hàng loạt đạo luật để giữ vai trò trung lập trong các cuộc xung đột quân sự bên ngoài nước Mĩ. Chính sách đó đã góp phần khuyến khích chủ nghĩa phát xít tự do hành động, gây ra cuộc chiến tranh thế giới thứ hai.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Hãy nêu tóm tắt tình hình kinh tế và chính trị, xã hội của Mĩ trong những năm 1918 – 1923. Rút ra nhận xét chung về nước Mĩ trong thời kì này.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Kinh tế :*

+ Chiến tranh thế giới thứ nhất đã đem lại "những cơ hội vàng" cho nước Mĩ. Với nền kinh tế đạt mức tăng trưởng cao trong suốt những năm trong và sau chiến tranh, Mĩ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất.

+ Cùng với lợi thế đó, việc cải tiến kĩ thuật, thực hiện phương pháp sản xuất dây chuyền và mở rộng quy mô sản xuất đã đưa nền kinh tế Mĩ bước vào thời kì phồn vinh trong thập niên 20 của thế kỉ XX.

+ Sự phát triển kinh tế chạy theo lợi nhuận, theo công nghiệp tự do thái quá đã đưa đến sự phát triển không đồng bộ giữa các ngành công nghiệp, giữa công nghiệp với nông nghiệp, và nói chung, không có kế hoạch dài hạn cho sự cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng.

- *Chính trị, xã hội :*

+ Thời kì tăng trưởng cao của kinh tế Mĩ trong thập niên 20 gắn liền với sự cầm quyền của các tổng thống thuộc Đảng Cộng hòa. Chính phủ của Đảng Cộng hòa một mặt đề cao sự phồn vinh của nền kinh tế, mặt khác thi hành chính sách ngăn chặn công nhân đấu tranh, đàn áp những tư tưởng tiến bộ trong phong trào công nhân.

+ Phong trào đấu tranh của công nhân diễn ra sôi nổi trong các ngành công nghiệp than, luyện thép, vận tải đường sắt... Tháng 5 – 1921, Đảng Cộng sản Mĩ được thành lập trên cơ sở hợp nhất Đảng Cộng sản công nhân Mĩ và Đảng Cộng sản Mĩ ra đời trước đó (1919), đánh dấu bước phát triển của phong trào công nhân Mĩ.

- *Nhận xét chung :* Đây là thời kì "hoàng kim" của nước Mĩ, song trong lòng nó đã chứa đựng những mầm mống của sự khủng hoảng. Mặc dầu kinh tế phát triển nhưng đời sống của công nhân và nhân dân lao động vẫn khổ sở, nhiều cuộc đấu tranh của công nhân bùng nổ.

Câu 2 : Vì sao cuộc khủng hoảng kinh tế nổ ra đầu tiên ở Mĩ ? Cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933) ở Mĩ diễn ra như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Vì sao :*

Ngay trong thời kì phồn thịnh, nền kinh tế của Mĩ đã bộc lộ những hạn chế : nhiều ngành công nghiệp chỉ sử dụng 60% đến 80% công suất, nạn thất nghiệp thường xuyên xảy ra, sản xuất ồ ạt, chạy theo lợi nhuận, phát triển không đồng bộ giữa các ngành, mất cân đối giữa cung và cầu. Đó chính là nguyên nhân dẫn tới cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933).

- *Khủng hoảng diễn ra :*

+ Cuối tháng 10 – 1929, nước Mĩ lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế chưa từng thấy : Hàng nghìn ngân hàng, công ti công nghiệp và thương mại bị phá sản.

+ Đến cuối mùa hè năm 1932, sản xuất công nghiệp Mĩ giảm 2 lần so với năm 1929, 75% dân trại bị phá sản, hàng triệu người thất nghiệp.

Câu 3 : Biện pháp khắc phục của Tổng thống Mĩ Ru-dơ-ven.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cuối tháng 10 – 1929, nước Mĩ lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế chưa từng thấy : Hàng nghìn ngân hàng, công ty công nghiệp và thương mại bị phá sản. Đến cuối mùa hè năm 1932, sản xuất công nghiệp Mĩ giảm 2 lần so với năm 1929, 75% dân trại bị phá sản, hàng triệu người thất nghiệp.

- Để đưa nước Mĩ thoát khỏi khủng hoảng năm 1932, Ru-dơ-ven đắc cử Tổng thống, đã thực hiện *Chính sách mới.*

+ Chính sách mới của Ru-dơ-ven bao gồm các biện pháp nhằm giải quyết nạn thất nghiệp, nông nghiệp và ngân hàng với những qui định chặt chẽ, đặt dưới sự kiểm soát của Nhà nước. Nhà nước tăng cường vai trò trong việc cải tổ hệ thống ngân hàng, tổ chức lại sản xuất, cứu trợ người thất nghiệp, tạo thêm nhiều việc làm mới và ổn định tình hình xã hội.

+ Chính sách mới đã cứu nguy cho chủ nghĩa tư bản Mĩ, giải quyết phần nào khó khăn cho người lao động, góp phần làm cho nước Mĩ duy trì chế độ dân chủ tư sản.

Câu 4 : Nêu những điểm cơ bản trong chính sách đối ngoại của Tổng thống Mĩ Ph. Ru-dơ-ven với các nước Mĩ Latinh, với Liên Xô và quốc tế.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Về đối ngoại, Chính phủ Ru-dơ-ven đề ra *Chính sách láng giềng thân thiện* nhằm cải thiện quan hệ với các nước Mĩ La-tinh, vốn được Mĩ coi là "sân sau" của mình, và thiết lập ngoại giao với Liên Xô.

- Đối với các vấn đề quốc tế, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh bao trùm toàn thế giới, Quốc hội Mĩ đã thông qua hàng loạt đạo luật để giữ vai trò trung lập trong các cuộc xung đột quân sự bên ngoài nước Mĩ. Chính sách đó đã góp phần khuyến khích chủ nghĩa phát xít tự do hành động, gây ra cuộc chiến tranh thế giới thứ hai.

Bài 28

NHẬT BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Tình hình nước Nhật trong những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ nhất như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nước Nhật là nước thứ hai sau Mĩ thu được nhiều lợi trong Chiến tranh thế giới thứ nhất. Lợi dụng sự suy giảm khả năng kinh tế của các nước tư bản châu Âu trong chiến tranh. Nhật Bản đã tăng cường sản xuất hàng hóa và xuất khẩu. Nhờ những đơn đặt hàng quân sự, sản xuất công nghiệp của Nhật tăng trưởng rất nhanh. Trong khi đó nông nghiệp bị kìm hãm bởi tàn dư phong kiến. Đời sống của người lao động không được cải thiện.

- Phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân bùng lên mạnh mẽ những năm sau chiến tranh.

+ Mùa thu 1918, quần chúng nhân dân nổi dậy đánh phá các kho thóc, mở đầu cuộc "Bạo động lúa gạo".

+ Những cuộc bãi công của công nhân cũng lan rộng ở các trung tâm công nghiệp lớn như Kô-bê, Na-gôi-a, Ô-xa-ka ... Chỉ riêng năm 1919 đã có 2388 cuộc bãi công của công nhân.

+ Trên cơ sở sự phát triển của phong trào công nhân, tháng 7 – 1922 Đảng Cộng sản Nhật Bản được thành lập.

Câu 2 : Tình hình Nhật Bản trong những năm 1918 – 1929 có điểm gì khác nhau so với tình hình nước Mĩ cùng thời gian này ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Kinh tế Nhật Bản phát triển bấp bênh, không ổn định, chỉ phát triển trong thời gian ngắn rồi lại lâm vào khủng hoảng.

- Sức cạnh tranh của Nhật yếu hơn so với Mĩ.

- Nhật phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài nên không chủ động trong sản xuất.

- Công nghiệp của Nhật trong thời gian này không được cải thiện, nông nghiệp trì trệ, kĩ thuật lạc hậu, trong khi đó, kinh tế Mĩ phát triển hết sức nhanh chóng do cải tiến kĩ thuật, đổi mới quản lí sản xuất, sức cạnh tranh cao, nguồn nguyên liệu dồi dào, nguồn vốn lớn.

Câu 3 : Nêu tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1930 đối với nước Nhật.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) đã giáng một đòn nặng nề vào kinh tế Nhật.

+ Sản xuất công nghiệp giảm sút.

+ Khủng hoảng xảy ra nghiêm trọng nhất là trong nông nghiệp.

+ Thị trường trong và ngoài nước bị thu hẹp.

- Khủng hoảng kinh tế đẩy mạnh quá trình tập trung sản xuất, tăng cường quyền lực của các tập đoàn tư bản lớn.

Câu 4 : Nhân dân Nhật Bản đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Trong những năm 1929 – 1939, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt của nhân dân Nhật Bản mà hạt nhân lãnh đạo là Đảng Cộng sản diễn ra sôi nổi dưới nhiều hình thức. Từ những cuộc biểu tình phản đối chính sách xâm lược của giới cầm quyền đã dẫn đến phong trào thành lập Mặt trận Nhân dân, tập hợp đông đảo các tầng lớp xã hội. Cuộc đấu tranh của nhân dân Nhật Bản đã góp phần làm chậm lại quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước ở nước này.

- Từ năm 1929, những cuộc bãi công của công nhân đã bùng nổ ở những khu công nghiệp lớn và trở thành cuộc chiến chống chính phủ. Giới cầm quyền đàn áp dã man phong trào cách mạng.

- Vào giữa những năm 30, phong trào thành lập Mặt trận Nhân dân phát triển rộng khắp. Phong trào đã lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, có cả binh lính và sĩ quan Nhật. Năm 1939, đã diễn ra trên 40 cuộc đấu tranh chống chiến tranh của binh sĩ trong quân đội Nhật.

Câu 5 : Lập bảng thống kê về các giai đoạn phát triển chính của Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

** Hướng dẫn trả lời :*

Các giai đoạn	Sự kiện chính
1918 – 1929	- 1918 – 1923 : Khác với Mĩ, Nhật bước vào thời kì ổn định tạm thời và phát triển bấp bênh. Nhiều phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân bùng nổ. - 1924 – 1929 : Kinh tế, chính trị ổn định, song đã bắt đầu nảy sinh mầm mống của khủng khoảng.
1929 – 1939	- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) đã giáng một đòn nặng nề vào kinh tế Nhât. - Nhật thực hiện quá trình quân phiệt hoá bộ máy nhà nước, thực hiện chính sách đối nội phản động và đối ngoại hiếu chiến. - Phong trào đấu tranh chủ nghĩa quân phiệt ở Nhật diễn ra sôi nổi, rộng khắp.

Câu 6 : Vì sao sự ổn định của Nhật Bản những năm 1924 – 1929 chỉ là tạm thời và bấp bênh ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nền công nghiệp chủ yếu dựa vào xuất khẩu của Nhật ngày càng gặp khó khăn trong việc cạnh tranh với Mĩ và các nước Tây Âu.

- Nhật lại thiếu nguyên liệu và thị trường.

- Công nghiệp của Nhật không được cải thiện, nông nghiệp còn trì trệ, lạc hậu.

- Nhật chưa áp dụng thành tựu khoa học tiên tiến vào trong sản xuất.

Câu 7 : Nêu những đặc điểm của quá trình quân phiệt hóa ở Nhật Bản.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nhằm khắc phục những hậu quả của cuộc khủng hoảng và giải quyết khó khăn do thiếu nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa, giới cầm quyền Nhật chủ trương quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, gây chiến tranh xâm lược, bành trướng ra bên ngoài.

- Ở Nhật do đã có sẵn chế độ chuyên chế Thiên hoàng nên quá trình quân phiệt hoá diễn ra thông qua *việc quân phiệt hoá bộ máy nhà nước và tiến hành chiến tranh xâm lược thuộc địa.* Quá trình này kéo dài trong những năm 30 của thế kỉ XX do có những mâu thuẫn giữa phái "sĩ quan trẻ" với phái "sĩ quan già". Cuộc đấu tranh diễn ra quyết kiệt, cuối cùng phái "sĩ quan trẻ" thất bại.

- Từ năm 1937, giới cầm quyền Nhật đã chấm dứt cuộc đấu tranh nội bộ, tập trung vào quá trình quân phiệt hoá bộ máy nhà nước.

- Cùng với việc quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, tăng cường chạy đua vũ trang, giới cầm quyền Nhật Bản đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Những biểu hiện về sự ổn định tạm thời của Nhật Bản trong những năm 1924 – 1929.

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Về kinh tế :*

+ Năm 1926, sản lượng công nghiệp mới phục hồi trở lại và vượt mức trước chiến tranh. Nhưng chưa đầy một năm sau, mùa xuân 1927, cuộc khủng hoảng tài chính lại bùng nổ ở thủ đô Tô-ki-ô làm 30 ngân hàng phá sản.

+ Nền công nghiệp chủ yếu dựa vào xuất khẩu của Nhật ngày càng gặp khó khăn trong việc cạnh tranh với Mĩ và các nước Tây Âu.

- *Về chính trị :*

+ Những năm đầu thập niên 20 của thế kỉ XX, Chính phủ Nhật đã thi hành một số cải cách chính trị (như ban hành luật bầu cử phổ thông cho nam giới, cắt giảm ngân sách quốc phòng...) và giảm bớt căng thẳng trong quan hệ với các cường quốc bên ngoài.

+ Trong những năm cuối thập niên 20, Chính phủ của Tướng Ta-na-ca đã thực hiện chính sách đối nội và đối ngoại hiếu chiến.

Câu 2 : Trong thập niên 20 của thế kỉ XX, kinh tế Mĩ và Nhật Bản có điểm gì giống nhau và khác nhau ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Giống nhau :* Cũng là nước thắng trận, thu được nhiều lợi, không bị mất mát gì nhiều trong chiến tranh.

- *Khác nhau :*

+ Kinh tế Mĩ phát triển cực kỳ nhanh chóng do cải tiến kĩ thuật, thực hiện phương pháp sản xuất dây chuyền, tăng cường tốc độ bóc lột công nhân.

+ Ở Nhật phát triển không đều, mất cân đối (trong vòng mấy năm đầu) rồi lại lâm vào khủng hoảng, công nghiệp không có sự cải thiện, nông nghiệp trì trệ lạc hậu, kinh tế phát triển chậm chạp, bấp bênh.

Câu 3 : Để thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 Mĩ và Nhật Bản giải quyết khác nhau như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Mĩ giải quyết khủng hoảng bằng cải cách kinh tế, xã hội, thực hiện *Chính sách mới* của Ru-dơ-ven : bao gồm các biện pháp nhằm giải quyết nạn thất nghiệp, nông nghiệp và ngân hàng với những qui định chặt chẽ, đặt dưới sự kiểm soát của Nhà nước. Nhà nước tăng cường vai trò trong việc cải tổ hệ thống ngân hàng, tổ chức lại sản xuất, cứu trợ người thất nghiệp, tạo thêm nhiều việc làm mới và ổn định tình hình xã hội.

- Nhật giải quyết khủng hoảng bằng cách tăng cường *chính sách quân sự hóa đất nước*, phát xít hóa bộ máy thống trị, gây chiến tranh, bành trướng ra bên ngoài.

Câu 4 : Vì sao giới cầm quyền Nhật Bản chọn Trung Quốc là điểm đến đầu tiên trong chính sách xâm lược của mình vào thập niên 20 của thế kỉ XX ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nhằm thực hiện tham vọng mở ra phạm vi ảnh hưởng của đế quốc Nhật ở vùng Đông Bắc Á, một vùng có ý nghĩa chiến lược.

- Đáp ứng yêu cầu của Nhật về việc thiếu nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa – thị trường Trung Quốc rộng lớn luôn luôn là đối tượng mà Nhật muốn chiếm giữ từ lâu, đặt biệt là vùng Đông Bắc.

Chương IX

CÁC NƯỚC CHÂU Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

Bài 29

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ (1918 – 1939)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Từ các khẩu hiệu đấu tranh nêu trong bài, em thấy phong trào Ngũ tứ có điểm gì mới so với các phong trào đấu tranh nửa sau thế kỉ XIX ở Trung Quốc ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Các khẩu hiệu đấu tranh trong phong trào Ngũ tứ : "Trung Quốc của người Trung Quốc", "Xoá bỏ 21 điều" (là hiệp ước các nước đế quốc đưa ra, nhằm xâu xé Trung Quốc), "Giết hết bọn bán nước"...

- Các khẩu hiệu đấu tranh đó thể hiện phong trào mang tính dân tộc và dân chủ rất cao, tức là phong trào chống đế quốc và phong kiến được thể hiện rõ nét.

- Các phong trào đấu tranh nửa sau thế kỉ XIX ở Trung Quốc chỉ đề ra mục tiêu đấu tranh chống phong kiến mà không đụng chạm gì đến đế quốc.

Câu 2 : Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập như thế nào ? Ý nghĩa của sự kiện này.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập :

+ Từ sau phong trào Ngũ tứ, việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Trung Quốc phát triển nhanh chóng, sâu rộng.

+ Tầng lớp trí thức tiến bộ, tiêu biểu là Lí Đại Châu đã tích cực tuyên truyền, phổ biến chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Trung Quốc, tạo điều kiện cho sự thành lập Đảng Cộng sản.

+ Năm 1920, một số nhóm cộng sản đã ra đời với sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản.

+ Tháng 7 – 1921, Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập.

- *Ý nghĩa :*

+ Đánh dấu bước ngoặt quan trọng của cách mạng Trung Quốc.

+ Từ đây, giai cấp vô sản Trung Quốc đã có chính đảng của mình để từng bước nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng.

Câu 3 : Nêu diễn biến chính của cách mạng Trung Quốc những năm 1926 – 1937.

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Chiến tranh Bắc phạt :*

+ Trong những năm 1926 – 1927, Đảng Cộng sản hợp tác với Quốc dân đảng đã tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng nhằm đánh đổ các tập đoàn quân phiệt Bắc Dương, đang chia nhau thống trị các vùng khác nhau ở miền Bắc Trung Quốc (trong lịch sử thường gọi là Chiến tranh Bắc phạt).

+ Quân cách mạng đã giải phóng vùng đất rộng lớn, chiếm các thành phố Nam Kinh, Thượng Hải. Sau đó, Tưởng Giới Thạch tiến hành cuộc chính biến ở Thượng Hải, rồi thành lập chính phủ tại Nam Kinh. Đến tháng 7 – 1927, chính quyền rơi vào tay Tưởng Giới Thạch. Cuộc chiến tranh Bắc phạt thất bại.

- *Cuộc Nội chiến Quốc – Cộng :*

+ Sau Chiến tranh Bắc phạt, quần chúng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tiến hành cuộc chiến đấu chống Chính phủ Quốc dân đảng, được gọi là Nội chiến Quốc – Cộng, diễn ra trong những năm 1927 – 1937.

+ Quân đội Tưởng Giới Thạch đã tổ chức bốn lần vây quét lớn nhằm tiêu diệt căn cứ địa cách mạng của Đảng Cộng sản, nhưng đều bị thất bại.

+ Để bảo toàn lực lượng, tháng 10 – 1934 Hồng quân công nông phải tiến hành cuộc phá vây, rút khỏi căn cứ địa cách mạng, tiến lên phía bắc, trong lịch sử gọi là cuộc *Vạn lí trường chinh*. Trên đường trường chinh, tại Hội nghị Tuân Nghĩa (tháng 1 – 1935), Mao Trạch Đông trở thành người lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc.

+ Tháng 7 – 1937, Nhật xâm lược Trung Quốc, Đảng Cộng sản đề nghị Quốc dân đảng đình chỉ nội chiến để chống Nhật.

Câu 4 : Nêu những diễn biến chính của phong trào cách mạng ở Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, chính quyền thực dân tăng cường bóc lột thuộc địa, ban hành những đạo luật phản động nhằm củng cố bộ máy thống trị của mình, đã làm cho những mâu thuẫn xã hội ngày càng căng thẳng. Một làn sóng đấu tranh chống thực dân Anh dâng cao khắp Ấn Độ trong những năm 1918 – 1922.

- Phong trào đấu tranh diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nông dân, công nhân và thị dân tham gia. Giữ vai trò lãnh đạo phong trào là Đảng Quốc đại, đứng đầu là M. Gan-đi. Ông kêu gọi đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân bằng các biện pháp hòa bình. Phong trào bất bạo động, bất hợp tác do M. Gan-đi và Đảng Quốc đại lãnh đạo, được các tầng lớp nhân dân Ấn Độ hưởng ứng.

- Tháng 12 – 1925, Đảng Cộng sản Ấn Độ được thành lập, góp phần thúc đẩy phong trào đấu tranh chống thực dân Anh diễn ra mạnh mẽ.

Câu 5 : Nội dung chủ yếu của phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ vào những năm 30 của thế kỉ XIX.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Những hậu quả nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) đã làm bùng lên làn sóng đấu tranh mới của nhân dân Ấn Độ. Phong trào kéo dài trong suốt những năm 30 thông qua các chiến dịch bất hợp tác với thực dân Anh, do M. Gan-đi và Đảng Quốc đại khởi xướng.

- Tháng 9 – 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Chính quyền Anh tuyên chiến ở châu Âu và tuyên bố Ấn Độ là một bên tham chiến. Phong trào cách mạng ở Ấn Độ chuyển sang một thời kì mới.

Câu 6 : Vì sao nói phong trào Ngũ tứ (4 – 5 – 1919) mở đầu cuộc cách mạng chống đế quốc và chống phong kiến ở Trung Quốc ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Phong trào Ngũ tứ nhằm phản đối âm mưu xâu xé Trung Quốc của các nước đế quốc.

- Phong trào Ngũ tứ thực hiện các khẩu hiệu đấu tranh : "Trung Quốc của người Trung Quốc", "Xoá bỏ 21 điều" (là hiệp ước các nước đế quốc đưa ra, nhằm xâu xé Trung Quốc), "Giết hết bọn bán nước"...

- Qua phong trào Ngũ tứ, lần đầu tiên giai cấp công nhân Trung Quốc xuất hiện trên vũ đài chính trị như một lực lượng cách mạng độc lập. Phong trào Ngũ tứ đánh dấu bước chuyển của cách mạng Trung Quốc từ cách mạng dân chủ cũ sang cách mạng dân chủ mới.

- Từ sau phong trào Ngũ tứ, việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào Trung Quốc phát triển nhanh chóng, sâu rộng. Tháng 7 – 1921 Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập, đánh dấu bước ngoặt quan trọng của cách mạng Trung Quốc. Từ đây, giai cấp vô sản Trung Quốc đã có chính đảng của mình để từng bước nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng.

Câu 7 : Nêu những điểm khác nhau về giai cấp lãnh đạo, con đường và phương pháp đấu tranh của phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ so với Trung Quốc trong những năm giữa hai cuộc chiến tranh thế giới ?

** Hướng dẫn trả lời :*

Tiêu chí so sánh	Cách mạng Ấn Độ	Cách mạng Trung Quốc
Giai cấp lãnh đạo	Giai cấp tư sản mà đại diện là Đảng Quốc đại.	Giai cấp vô sản mà đại diện là Đảng Cộng sản.
Con đường	Cách mạng dân chủ tư sản	Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
Phương pháp	Bất bạo động, bất hợp tác	Bạo động kết hợp với sự nổi dậy của quần chúng.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Diễn biến và ý nghĩa của phong trào Ngũ tứ ở Trung Quốc.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Diễn biến :

+ Ngày 4 – 5 – 1919, hơn 3000 sinh viên yêu nước ở Bắc Kinh đã đứng lên đấu tranh phản đối quyết định bãi công của các nước đế quốc về việc chuyển giao những đặc quyền của Đức ở tỉnh Sơn Đông cho Nhật Bản.

+ Phong trào lan rộng khắp 22 tỉnh và 150 thành phố trong cả nước, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, đặc biệt là giai cấp công nhân. Phong trào giương cao các khẩu hiệu đấu tranh : "Trung Quốc của người Trung Quốc", "Xoá bỏ 21 điều", "Giết hết bọn giặc bán nước". Những cuộc bãi công chính trị to lớn của công nhân Thượng Hải, Nam Kinh, Thiên Tân... đã đưa phong trào nhanh chóng giành được thắng lợi.

- Ý nghĩa :

+ Phong trào Ngũ tứ đã mở đầu cao trào cách mạng chống đế quốc và chống phong kiến ở Trung Quốc.

+ Lần đầu tiên giai cấp công nhân Trung Quốc xuất hiện trên vũ đài chính trị như một lực lượng cách mạng độc lập. Phong trào Ngũ tứ đánh dấu bước chuyển của cách mạng Trung Quốc từ cách mạng dân chủ cũ sang cách mạng dân chủ mới.

Câu 2 : Hãy điền sự kiện cho phù hợp với các mốc thời gian trong bảng sau về lịch sử Trung Quốc những năm 1919 – 1939.

Thời gian	Sự kiện
Ngày 4 – 5 – 1919	
Tháng 7 – 1921	
Từ 1926 đến 1927	
Từ 1927 đến 1937	
Tháng 10 – 1934	
Tháng 1 – 1935	
Tháng 7 – 1937	

** Hướng dẫn trả lời :*

Trung Quốc những năm 1919 – 1939.

Thời gian	Sự kiện
Ngày 4 – 5 – 1919	Phong trào Ngũ tứ nhằm phản đối âm mưu xâu xé Trung Quốc của các nước đế quốc.
Tháng 7 – 1921	Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập, đánh dấu bước ngoặt quan trọng của lịch sử Trung Quốc.
Từ 1926 đến 1927	Đảng Cộng sản hợp tác với Quốc dân đảng tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng nhằm đánh đổ các tập đoàn quân phiệt Bắc Dương, gọi là Chiến tranh Bắc phạt.

Từ 1927 đến 1937	Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc chiến đấu chống Chính phủ Quốc dân đảng, gọi là Nội chiến Quốc – Cộng.
Tháng 10 – 1934	Hồng quân công nông tiến hành cuộc Vạn lí trường chinh.
Tháng 1 – 1935	Mao Trạch Đông trở thành người lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.
Tháng 7 – 1937	Quân phiệt Nhật phát động cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc. Trung Quốc bước vào thời kì chống Nhật.

Câu 3 : Nêu tóm tắt phong trào dân tộc ở Ấn Độ qua hai thời kì 1918 – 1929 và 1929 – 1939 theo bảng thống kê dưới đây :

Thời gian	Nội dung sự kiện
1918 – 1929	
1929 – 1939	

** Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	Nội dung sự kiện
1918 – 1929	- Phong trào đấu tranh diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nông dân, công nhân và thị dân tham gia. Giữ vai trò lãnh đạo phong trào là Đảng Quốc đại, đứng đầu là M. Gan-đi. Là lãnh tụ có uy tín lớn, M. Gan-đi có ảnh hưởng sâu rộng đối với nhân dân Ấn Độ. Ông kêu gọi đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân bằng các biện pháp hòa bình, không sử dụng bạo lực (như biểu tình hòa bình, bãi công ở các nhà máy, công sở, bãi khóa ở các trường học, tẩy chay hàng hóa Anh, không nộp thuế ...). - Phong trào bất bạo động, bất hợp tác do M. Gan-đi và Đảng Quốc đại lãnh đạo, được các tầng lớp nhân dân Ấn Độ hưởng ứng.
1929 – 1939	- Những hậu quả nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) đã làm bùng lên làn sóng đấu trang mới của nhân dân Ấn Độ. Phong trào kéo dài trong suốt những năm 30 thông qua các chiến dịch bất hợp tác với thực dân Anh, do M. Gan-đi và Đảng Quốc đại khởi xướng. - Tháng 9 – 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Chính quyền Anh tuyên chiến ở châu Âu và tuyên bố Ấn Độ là một bên tham chiến. Phong trào cách mạng ở Ấn Độ chuyển sang một thời kì mới.

Bài 30

CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Hãy nêu những chuyển biến chủ yếu của các nước Đông Nam Á trong những thập niên đầu thế kỉ XX.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, chính sách khai thác và bóc lột thuộc địa của thực dân phương Tây đã tác động mạnh mẽ đến tình hình các nước Đông Nam Á. Những chuyển biến quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội đã diễn ra ở hầu khắp các nước trong khu vực.

+ Về kinh tế : Trở thành thị trường tiêu thụ hàng hoá, cung cấp nguyên liệu cho các nước chính quốc.

+ Về chính trị : Bị chính quyền thực dân khống chế. Các quyền hành nắm trong tay chính quyền thực dân.

+ Về xã hội : Phân hoá giai cấp ngày càng sâu sắc. Giai cấp tư sản dân tộc lớn mạnh, giai cấp nông dân chiếm đa số, gia cấp công nhân dần dần trưởng thành.

- Cùng với những chuyển biến trong nước, thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và cao trào cách mạng thế giới đã tác động mạnh mẽ đến phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.

Câu 2 : Phong trào dân tộc ở Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1919 – 1939) có những điểm gì mới ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Hoàn cảnh lịch sử mới :

+ Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, chính sách khai thác và bóc lột thuộc địa của thực dân phương Tây đã tác động mạnh mẽ đến tình hình các nước Đông Nam Á. Những chuyển biến quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội đã diễn ra ở hần khắp các nước trong khu vực.

+ Cùng với những chuyển biến trong nước, thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và cao trào cách mạng thế giới đã tác động mạnh mẽ đến phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.

- Phong trào đấu tranh mới :

+ Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào độc lập dân tộc phát triển ở hầu khắp các nước Đông Nam Á. So với những năm đầu thế kỉ XX, phong trào dân tộc tư sản có những bước tiến rõ rệt cùng với sự lớn mạnh của giai cấp tư sản dân tộc.

+ Mục tiêu đấu tranh dân tộc được đề xuất rõ ràng : đòi quyền tự chủ về chính trị, quyền tự do trong kinh doanh, quyền dùng tiếng mẹ đẻ trong giáo dục...

+ Một số chính đảng tư sản được thành lập và có ảnh hưởng xã hội rộng lớn như Đảng Dân tộc In-đô-nê-xi-a, tổ chức phong trào Tha-kin ở Miến Điện, Đại hội toàn Mã Lai...

+ Từ thập niên 20, giai cấp vô sản trẻ tuổi ở Đông Nam Á bắt đầu trưởng thành. Hàng loạt các Đảng Cộng sản được thành lập, mở đầu là Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a (tháng 5 – 1920). Tiếp theo, trong năm 1930, các đảng cộng sản lần lượt ra đời ở Việt nam, Mã Lai, Xiêm và Phi-líp-pin.

Câu 3 : Biện pháp đấu tranh của Đảng Dân tộc có điểm gì khác so với Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Đảng Cộng sản ở In-đô-nê-xi-a sử dụng biện pháp đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc bằng khởi nghĩa vũ trang.

- Đảng Dân tộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc bằng cách đoàn kết các lực lượng dân tộc, tiến hành đấu tranh giành độc lập bằng biện pháp hoà bình và bằng phong trào bất hợp tác với chính quyền thực dân. Biện pháp đấu tranh của Đảng Dân tộc ở In-đô-nê-xi-a phù hợp với hoàn cảnh lịch sử và điều kiện cụ thể của In-đô-nê-xi-a nên đã nhanh chóng giành được uy tín chính trị và trở thành lực lượng dẫn dắt phong trào giải phóng dân tộc ở In-đô-nê-xi-a.

Câu 4 : Nêu những diễn biến chính của phong trào độc lập dân tộc ở In-đô-nê-xi-a giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, sự phát triển của phong trào công nhân và việc truyền bá chủ nghĩa Mắc-Lê nin vào In-đô-nê-xi-a đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a vào tháng 5 – 1920.

- Đảng Cộng sản đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Gia-va và Xu-ma-tơ-ra trong những năm 1926 – 1927. Cuộc khởi nghĩa thất bại nhưng đã làm rung chuyển nền thống trị của thực dân Hà Lan ở In-đô-nê-xi-a.

- Từ năm 1927, sau thất bại của Đảng Cộng sản, quyền lãnh đạo phong trào cách mạng chuyển vào tay Đảng Dân tộc của giai cấp tư sản, đứng đầu là Ác-mét-xu-các-nô. Với chủ trương đoàn kết các lực lượng dân tộc, chống đế quốc, đấu tranh bằng con đường hòa bình, bằng phong trào bất hợp tác với chính quyền thực dân, Đảng Dân tộc đã nhanh chóng trở thành lực lượng dẫn dắt phong trào giải phóng dân tộc ở In-đô-nê-xi-a.

- Đầu thập niên 30, phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan tiếp tục bùng nổ lan rộng khắp các đảo In-đô-nê-xi-a, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của các thủy binh ở cảng Su-ra-bay-a vào năm 1933.

- Sau khi khủng bố tàn khốc những người khởi nghĩa, chính quyền thực dân tăng cường đàn áp, bắt giữ các lãnh tụ Đảng Dân tộc và đặt Đảng ra ngoài vòng pháp luật.

- Cuối thập niên 30, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít, những người cộng sản đã kết hợp với Đảng In-đô-nê-xi-a, thành lập Mặt trận thống nhất chống phát xít với tên gọi Liên minh chính trị In-đô-nê-xi-a.

Câu 5 : Nêu những diễn biến chính của phong trào cách mạng ở Lào và Cam-pu-chia trong thời gian giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp tăng cường chính sách khai thác thuộc địa ở Lào và Cam-pu-chia, nên nhân Lào và Cam-pu-chia đứng lên đấu tranh chống Pháp.

+ Ở Lào, cuộc khởi nghĩa của Ong Kẹo và Com-ma-đam diễn ra trong hơn 30 năm đầu thế kỉ XX. Cuộc khởi nghĩa của người Mèo do Chậu Pa-chay lãnh đạo kéo dài trong những năm 1918 – 1922 ở Bắc Lào và Tây Bắc Việt Nam.

+ Ở Cam-pu-chia, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của nông dân thuộc huyện Rô-lê-phan ở Công-pông Chơ-năng.

- Từ năm 1930, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 10 – 1930 là Đảng Cộng sản Đông Dương) đã mở ra thời kì mới của phong trào cách mạng ở Lào và Cam-pu-chia.

- Trong những năm 1936 – 1939, phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương đã tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân vào cuộc đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa, chống phát xít và chống chiến tranh. Trong điều kiện đó, một số cơ sở cách mạng của Đảng đã được xây dựng và củng cố ở các thành phố lớn như Viêng Chăn, Phnôm Pênh. Cuộc vận động dân chủ Đông Dương đã kích thích sự phát triển của phong trào đấu tranh dân chủ ở Lào và Cam-pu-chia cho đến khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

Câu 6 : Phong trào giải phóng dân tộc ở Mã Lai và Miến Điện diễn ra như thế nào ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Ở Mã Lai :*

+ Từ đầu thế kỉ XX phong trào đấu tranh chống thực dân Anh đã lan rộng trên khắp bán đảo Mã Lai. Ách áp bức bóc lột nặng nề của chủ nghĩa thực dân, gánh nặng nợ nần chồng chất đã làm bùng nổ những cuộc đấu tranh của nông dân người Mã Lai bản địa và người Mã Lai gốc Hoa, gốc Ấn. Giai cấp tư sản dân tộc thông qua tổ chức Đại hội toàn Mã Lai đã lên tiếng đấu tranh đòi dùng tiếng Mã Lai trong nhà trường, đòi thực hiện tự do dân chủ trong kinh doanh. Nhiều cuộc bãi công lớn của công nhân bùng nổ đòi tăng lương, cải thiện điều kiện làm việc.

+ Tháng 4 – 1930, Đảng Cộng sản Mã Lai được thành lập. Sự kiện này đã tác động đến sự phát triển của phong trào công nhân. Trong những năm 1934 – 1936, các cuộc tổng bãi công của công nhân liên tiếp dẫn ra, chính quyền thực dân buộc phải đi đến thỏa thuận tăng lương cho công nhân.

- Ở Miến Điện :

+ Vào đầu thế kỉ XX, các nhà sư trẻ đứng đầu là Ốt-ta-ma đã khởi xướng phong trào bất hợp tác, không đóng thuế và tẩy chay hàng hóa Anh. Phong trào lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

+ Trong thập niên 30, học sinh, sinh viên Miến điện đã phát động Phong trào Tha-kin (phong trào của những người làm chủ đất nước) đòi cải cách quy chế đại học, thành lập trường học riêng cho Miến Điện, đòi tách Miến Điện ra khỏi Ấn Độ và được quyền tự trị. Trước áp lực đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng, năm 1937 Miến Điện được tách ra khỏi Ấn Độ, chấm dứt hơn nửa thế kỉ là một tỉnh của Ấn Độ thuộc Anh.

Câu 7 : Sự liên minh chiến đấu chống Pháp của nhân dân ba nước Đông Dương được thể hiện qua những sự kiện tiêu biểu nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp tăng cường chính sách khai thác thuộc địa, nhất là ở các nước Đông Dương, chính sách khai thác tàn bạo và chế độ thuế khóa, lao dịch nặng nề đã làm bùng nổ phong trào đấu tranh chống Pháp ở các nước Đông Dương.

- Từ năm 1930, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 10 – 1930 là Đảng Cộng sản Đông Dương) đã mở ra thời kì mới của phong trào cách mạng ở Đông Dương. Những cơ sở bí mật đầu tiên của Đảng đã được thành lập ở Lào và Cam-pu-chia. Sau thất bại của phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh ở Việt Nam, thực dân Pháp tập trung lực lượng, đàn áp dã man những người cộng sản, phá vỡ các cơ sở cách mạng ở hai nước này.

- Trong những năm 1936 – 1939, Mặt trận dân chủ Đông Dương được thành lập, tập hợp các tầng lớp nhân dân đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh.

Câu 8 : Hãy nhận xét về cuộc cách mạng năm 1932 ở Xiêm.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Mặc dù là nước duy nhất ở Đông Nam Á không bị rơi vào tình trạng thuộc địa, nhưng trên thực tế nước Xiêm cũng không giữ được trọn vẹn nền độc lập của mình và phải phụ thuộc về nhiều mặt vào Anh và Pháp. Sự bất mãn của các tầng lớp trong xã hội đối với chế độ quân chủ Ra-ma VII ngày một tăng.

- Mùa hè năm 1932, một cuộc cách mạng đã nổ ra ở Băng Cốc dưới sự lãnh đạo của giai cấp tư sản, đứng đầu là Phi-đi Pha-nô-mi-ông.

- Cách mạng năm 1932 đã thay thế chế độ quân chủ chuyên chế bằng chế độ quân chủ lập hiến, tạo điều kiện tiến hành các cải cách theo hướng tư sản, mở ra một thời kì phát triển mới của Xiêm.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Phong trào độc lập dân tộc trong thập niên 30 của thế kỉ XX ở Đông Nam Á diễn ra như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Đầu thập niên 30, phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan tiếp tục bùng nổ lan rộng khắp các đảo In-đô-nê-xi-a, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của các thủy binh ở cảng Su-ra-bay-a vào năm 1933.

- Sau khi khủng bố tàn khốc những người khởi nghĩa, chính quyền thực dân tăng cường đàn áp, bắt giữ các lãnh tụ Đảng Dân tộc và đặt Đảng ra ngoài vòng pháp luật.

- Cuối thập niên 30, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít, những người cộng sản đã kết hợp với Đảng In-đô-nê-xi-a, thành lập Mặt trận thống nhất chống phát xít với tên gọi Liên minh chính trị In-đô-nê-xi-a.

Câu 2 : Nhận xét về phong trào đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Phong trào diễn ra sôi nổi với những hình thức phong phú phong trào lên cao, lan rộng khắp các quốc gia. Giai cấp vô sản trưởng thành và tham gia lãnh đạo phong trào.

- Đặc biệt ở Đông Dương, Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo nhân dân ba nước (Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia) đấu tranh chống Pháp tạo bước ngoặt cho phong trào.

- Phong trào dân chủ tư sản tiếp tục phát triển, chưa có phong trào nào thắng lợi, nhưng đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân chống kẻ thù chung, từ 1940 trở đi lần lượt chống chủ nghĩa phát xít.

Câu 3 : Nêu đặc điểm của phong trào dân tộc ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Phát triển ở hầu khắp các nước Đông Nam Á.

- Có những bước tiến rõ rệt cùng với sự lớn mạnh của giai cấp tư sản dân tộc.

- Mục tiêu giành độc lập được đề xuất rõ ràng.

- Một số chính đảng tư sản được thành lập và có ảnh hưởng xã hội sâu rộng.

Câu 4 : Tóm tắt phong trào giải phóng dân tộc ở In-đô-nê-xi-a trong thập niên 20 của thế kỉ XXvà thập niên 30 của thế kỉ XX theo bảng kê dưới đây :

Thời gian	Nội dung sự kiện

** Hướng dẫn trả lời :*

Thời gian	Nội dung sự kiện
Thập niên 20 của thế kỉ XX	- Phong trào công nhân và việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê nin vào In-đô-nê-xi-a đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a vào tháng 5 – 1920. - Đảng Cộng sản đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Gia-va và Xu-ma-tơ-ra trong những năm 1926 – 1927. Cuộc khởi nghĩa thất bại nhưng đã làm rung chuyển nền thống trị của thực dân Hà Lan ở In-đô-nê-xi-a. - Từ năm 1927, lãnh đạo phong trào cách mạng chuyển vào tay Đảng Dân tộc của giai cấp tư sản, đứng đầu là Ác-mét-xu-các-nô. Đảng Dân tộc đã nhanh chóng trở thành lực lượng dẫn dắt phong trào giải phóng dân tộc ở In-đô-nê-xi-a.
Thập niên 30 của thế kỉ XX	- Đầu thập niên 30, phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan tiếp tục bùng nổ lan rộng khắp các đảo In-đô-nê-xi-a, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của các thủy binh ở cảng Su-ra-bay-a vào năm 1933. - Cuối thập niên 30, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít, những người cộng sản đã kết hợp với Đảng In-đô-nê-xi-a, thành lập Mặt trận thống nhất chống phát xít với tên gọi Liên minh chính trị In-đô-nê-xi-a.

Câu 5 : Hãy điền sự kiện lịch sử vào các mốc thời gian ở bảng kê dưới đây :

Thời gian	Sự kiện
Tháng 5 – 1920	
Năm 1926 – 1927	
Năm 1927	
Tháng 12 – 1939	
Năm 1933	
Trong 30 năm đầu thế kỉ XX	
Tháng 9 –1940	
Tháng 4 – 1940	
Năm 1937	Miến Điện được tách ra khỏi Ấn Độ.

** Hướng dẫn trả lời :*

Thời gian	Sự kiện
Tháng 5 – 1920	Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a thành lập.
Năm 1926 – 1927	Đấng Công sản In-đô-nê-xi-a phát động khởi nghĩa ở Gia-va và Xu-ma-tơ-ra.
Năm 1927	Đảng Dân tộc đứng đầu là Ác-mét Xu-các-nô nắm quyền lãnh đạo phong trào đấu tranh ở In-đô-nê-xi-a.
Tháng 12 – 1939	Liên minh chính trị In-đô-nê-xi-a triệu tập Đại hội đại biểu nhân dân.
Năm 1933	Cuộc khởi nghĩa của thuỷ binh ở cảng Su-ra-bay-a ở In-đô-nê-xi-a.
Trong 30 năm đầu thế kỉ XX	Khởi nghĩa của Ong Kẹo và Com-ma-đom ở Lào.
Tháng 9 – 1940	Phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, phong trào cách mạng ở Lào và Cam-pu-chia chuyển sang thời kì đấu tranh chống phát xít Nhật.
Tháng 4 – 1940	Đảng Cộng sản Mã Lai được thành lập.
Năm 1937	Miến Điện được tách ra khỏi Ấn Độ.

Chương X

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 - 1945)

Bài 31

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 - 1945)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Qua các sự kiện diễn ra trong quá trình dẫn đến chiến tranh, hãy phân tích nguyên nhân bùng nổ của Chiến tranh thế giới thứ hai.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Do mâu thuẫn về quyền lợi giữa các nước đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ nhất lại tiếp tục nảy sinh.

- Do cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đã dẫn đến sự ra đời và lên cầm quyền của chủ nghĩa phát xít ở Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản nhằm gây chiến tranh để chia lại thế giới.

- Do chính sách thoả hiệp, "dung dưỡng" của các nước phương Tây đã tạo điều kiện cho bọn phát xít phát động chiến tranh.

- Các nước đế quốc hình thành hai khối đối lập nhau :

  + Anh, Pháp, Mĩ thi hành chính sách thoả hiệp nhượng bộ nhằm đẩy khối phát xít tấn công Liên xô, đỉnh cao của chính sách này là Hiệp ước Muy-nich, "bán đứng" Tiệp Khắc cho Đức. Tuy vậy, thấy chưa đủ sức tấn công Liên xô, Hít-le tấn công các nước châu Âu trước.

  + Ngày 1 - 9 - 1939, phát xít Đức tấn công Ba Lan, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

Câu 2 : Vì sao Đức có thể xâm chiếm Ba Lan một cách nhanh chóng ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Đức có ưu thế tuyệt đối về sức mạnh quân sự, quân Đức áp dụng chiến lược "Chiến tranh chớp nhoáng", sử dụng yếu tố bất ngờ để tấn công Ba Lan.

- Chính phủ Ba Lan bị bất ngờ trước cuộc chiến tranh xâm lược chớp nhoáng của Đức không trở tay kịp.

- Các nước Anh, Pháp theo đuổi chính sách thoả hiệp nên đã án binh bất động, bỏ mặc cho Đức thôn tính Ba Lan với hi vọng Đức sẽ quay mũi nhọn chiến tranh về phía Liên Xô.

Câu 3 : Hãy trình bày quá trình hình thành và củng cố liên minh phát xít. Ba nước Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản đã phân chia phạm vi thống trị trên thế giới như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Từ cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933), các nước phát xít Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản đã liên kết với nhau thành Liên minh phát xít, còn được gọi là trục Bec-lin - Rô-ma - Tô-ki-ô. Khối này vừa chống lại Quốc tế Cộng sản, vừa gây chiến tranh chia lại thế giới. Sự hình thành phe Trục phát xít vào năm 1937 chỉ là sự liên minh vì mục đích chung.

- Tháng 9 - 1940, nhằm củng cố khối liên minh phát xít, Hiệp ước Tam cường Đức - I-ta-li-a - Nhật Bản được kí kết tại Béc-lin, phân chia phạm vi thống trị của Đức, I-ta-li-a ở châu Âu, cho Nhật Bản ở Viễn Đông. Hiệp ước Tam cường năm 1940 đã phân chia cụ thể phạm vi thống trị cuả ba nước, vạch rõ nghĩa vụ trợ giúp lẫn nhau giữa ba nước phát xít.

Câu 4 : Chiến lược "Chiến tranh chớp nhoáng" của Đức bị bị thất bại như thế nào? Tại sao chiến lược đó bị thất bại trong cuộc tấn công Liên Xô ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ngày 22 - 6 - 1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô bất chấp Hiệp định Xô - Đức. Đức sử dụng chiến thuật "Chiến tranh chớp nhoáng" đánh vào Liên Xô theo ba hướng :

  + Đạo quân phía Bắc đánh vào Lê-nin-grát.

  + Đạo quân trung tâm tiến vào ngoại vi Thủ đô Mát-xcơ-va.

  + Đạo quân phía nam chiếm Ki-ép và phần lớn U-crai-na.

- Quân đội và nhân dân Liên Xô kiên quyết chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Tháng 12 - 1941, Hồng quân Liên Xô do Tướng Giu-cốp chỉ huy đã phản công quyết liệt, đẩy lùi quân Đức ra khỏi cửa ngõ Thủ đô. Chiến tranh Mát-xcơ-va đã làm phá sản chiến lược "Chiến tranh chớp nhoáng" của Hít-le.

- Sau thất bại ở Mát-xcơ-va, quân Đức chuyển mũi nhọn tấn công xuống phía nam nhằm đánh chiếm Xta-lin-grát. Cuộc chiến đấu kéo dài hơn hai tháng nhưng quân Đức không thể chiếm được thành phố này.

- Từ tháng 11 - 1942 đến tháng 2 - 1943, diễn ra trận phản công tại Xta-lin-grát của quân đội Liên Xô đã tạo nên bước ngoặt của cuộc chiến tranh thế giới. Trong trận đánh vĩ đại này, Hồng quân Liên Xô đã tấn công, bao vây, chia cắt để tiêu diệt và bắt sống toàn bộ đội quân tinh nhuệ của Đức gồm 33 vạn người do Thống chế Pao-lút chỉ huy. Bắt đầu từ đây, Liên Xô và phe Đồng minh chuyển sang tấn công đồng loạt trên các mặt trận.

- Nguyên nhân thất bại của Đức :

  + Cuộc chiến tranh xâm lược của Đức vào lãnh thổ Liên Xô là chiến tranh phi nghĩa, cuộc chiến tranh ấy vấp phải sự phản kháng quyết liệt của nhân dân Liên Xô.

  + Mặc dầu Đức tổ chức tấn công Liên Xô bất ngờ nhưng Hồng quân Liên Xô đã chuẩn bị sẵn sàng để chống trả ác liệt cuộc tấn công của quân đội Đức.

  + Mặc dầu Đức thực hiện "Chiến tranh chớp nhoáng" nhưng trên thực tế khi đánh vào Liên Xô, Đức phải chấp nhận một cuộc chiến tranh kéo dài, dàn trải ở nhiều mặt trận.

Câu 5 : Tại sao Nhật Bản khai chiến với Mĩ – Anh ở Thái Bình Dương ? Hãy tường thuật việc khai chiến, quá trình xâm lược và bành trướng của Nhật trên lược đồ châu Á – Thái Bình Dương.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Tại sao :

+ Để thực hiện việc bành trướng ở châu Á – Thái Bình Dương, mục tiêu chiến lược của Nhật Bản là chiếm vùng Đông Nam Á. Với mục tiêu này, Nhật bản sẽ phải đối đầu với Mĩ – Anh và các cường quốc phương Tây.

+ Khi Nhật Bản nhảy vào Đông Dương (9 – 1940), quan hệ Nhật – Mĩ trở nên căng thẳng đến mức không giải quyết được trên bàn hội nghị, mà phải dùng chiến tranh.

+ Nhật Bản hiểu rằng sức mạnh chủ yếu của Mĩ dựa vào hàm đội Thái Bình Dương đóng tại Trân Châu cảng. Do đó muốn nhanh chóng đánh bại Mĩ thì phải bí mật, bất ngờ tiêu diệt hạm đội Mĩ ở Trân Châu cảng.

- Tường thuật : Dựa vào lược đồ để tường thuật sau đó chốt lại các ý :

+ Ngày 7 – 12 – 1941, quân Nhật bất ngờ tấn công Trân Châu cảng – căn cứ hải quân chủ yếu của Mĩ ở Thái Bình Dương. Hạm đội Mĩ bị thiệt hại nặng nề. Cùng lúc đó, Nhật đổ bộ ở Nam Thái Bình Dương và Bắc Mã Lai. Nhật tuyên chiến với Mĩ – Anh.

+ Ngày 1 – 1 – 1942, Liên Xô, Mĩ, Anh kí bản Tuyên ngôn Liên hiệp quốc, khẳng định quyết tâm chống phát xít.

+ Khi chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, Nhật tiến hành đánh chiếm khu vực Đông Nam Á : Chiếm Thái Lan, Mã Lai, Xin-ga-po.

+ Nhật mở rộng chiến tranh Thái Bình Dương. Đến năm 1942, Nhật đã bành trướng tối đa ở Đông Á, Đông Nam Á và Tây Thái Bình Dương.

Câu 6 : Khối Đồng minh chống phát xít được hình thành như thế nào ? Tại sao ba nước Mĩ, Anh, Liên Xô trước chiến tranh không có đường lối hành động chung, nhưng trong chiến tranh lại liên kết được với nhau ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ngày 1 – 1 – 1942, tại Oa-sinh-tơn, 26 quốc gia (đứng đầu là ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh) đã kí bản Tuyên ngôn Liên hiệp quốc, khẳng định quyết tâm chiến đấu đến cùng chống chủ nghĩa phát xít. Với bản Tuyên ngôn này, khối Đồng minh chống phát xít đã chính thức hình thành. Cuối tháng 11 – 1943, nguyên thủ của ba cường quốc là Xta-lin (Liên Xô), Ru-dơ-ven (Mĩ) và Sốc-sin (Anh) đã họp tại Tê-hê-ran để thống nhất đường lối tiến hành chiến tranh.

- Ba nước Mĩ, Anh, Liên Xô trước chiến tranh không có đường lối hành động chung, nhưng trong chiến tranh lại liên kết được với nhau, vì :

+ Trước chiến tranh, Mĩ và Anh có mâu thuẫn với Liên Xô. Khi chiến tranh mới bắt đầu bùng nổ, Mĩ, Anh muốn hướng cuộc tấn công của chủ nghĩa phát xít vào lãnh thổ Liên Xô.

+ Riêng Mĩ, trước chiến tranh, Mĩ không muốn tham chiến ngay từ đầu, vì Mĩ muốn thực hiện chính sách "toạ sơn quan hổ đấu".

+ Khi chiến tranh bùng nổ và đến giai đoạn quyết liệt, Đức mở các cuộc tấn công vào các nước Đông, Nam, Tây Âu đã đụng chạm đến quyền lợi của Anh, Pháp. Đặc biệt là khi Nhật bành trướng ở Thái Bình Dương, khai chiến với Mĩ, Anh. Nhất là khi Nhật đánh Mĩ ở Trân Châu cảng, buộc Mĩ phải tuyên chiến với Nhật, Mĩ chấm dứt chính sách biệt lập để tham gia chiến tranh thế giới thứ hai.

+ Khi Hồng quân Liên Xô lần lượt đánh bại phát xít Đức ở Mặt trận Liên Xô, sau đó giúp các nước Đông Âu đánh bại chủ nghĩa phát xít, lúc này ưu thế thuộc về phe Đồng minh đã thúc đẩy Mĩ, Anh liên kết với nhau để chống phát xít mạnh hơn nữa.

Câu 7 : Hãy trình bày về "trật tự mới" của phe Trục ở châu Âu và châu Á. Em có suy nghĩ gì về trật tự mới đó ?

** Hướng dẫn trả lời :*

** "Trật tự mới" của phe Trục :*

- Ở châu Âu : Sự thống trị của Đức Quốc xã đã tạo ra cái gọi là "trật tự mới" ở đây

+ Đối với các nước bị chiếm đóng, Đức thống trị bằng bạo lực và khủng bố. Hít-le thực hiện chính sách phân biệt chủng tộc cực kì tàn bạo.

+ Đối với người Do Thái, Hít-le dành cho "giải pháp cuối cùng" nghĩa là tiêu diệt toàn bộ.

- Ở châu Á : Nhật Bản tuyên bố "Khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á" với khẩu hiệu "Châu Á của người châu Á". Nhưng Nhật thiết lập ở đây ách thống trị tàn bạo và khủng bố.

** Suy nghĩ :*

- Đây là một trật tự giết người của phát xít Đức và Nhật. Chúng đã dùng mọi cực hình để tiêu diệt con người, nhất là dân Do Thái.

- Trật tự này đã gây căm phẫn cho nhân loại và đó là căn nguyên dẫn đến phong trào đấu tranh chống phát xít diễn ra mạnh mẽ, quyết liệt ở nhiều nước.

Câu 8 : Phong trào kháng chiến ở những nước bị phát xít chiếm đóng diễn biến ra sao ?

**Hướng dẫn trả lời :*

- Tại Pháp, Đảng Cộng sản và nhiều tổ chức khác đã thành lập lực lượng kháng chiến trong nước.

- Tại Nam Tư, phong trào kháng chiến của Đảng Cộng sản diễn ra mạnh mẽ.

- Tại Ba Lan, Đảng Cộng sản thành lập "Quân đội nhân dân", "Quân đội trong nước" để chống phát xít.

- Tại Liên Xô, chiến tranh du kích trong vùng bị địch chiếm đã làm rung chuyển hậu phương quân đội Đức.

- Phong trào kháng chiến ở Đông Nam Á cũng lên cao, nhất là ở Trung Quốc, Việt Nam, Phi-lip-pin, Mã Lai, Miến Điện...

Câu 9 : Dựa vào lược đồ, tường thuật diễn biến của trận phản công Xta-lin-grát.

**Hướng dẫn trả lời :*

Dựa vào lượt đồ trong sách giáo khoa, các em tự tìm hiểu trận phản công Xta-lin-grát ở Liên Xô, sau đó chốt lại mấy ý :

- Trận phản công tại Xta-lin-grát (từ tháng 11 – 1942 đến tháng 2 – 1943) của quân đội Liên Xô đã tạo nên bước ngoặt của cuộc chiến tranh thế giới.

- Trong trận đánh vĩ đại này, Hồng quân Liên Xô đã tấn công, bao vây, chia cắt để tiêu diệt và bắt sống toàn bộ đội quân tinh nhuệ của Đức gồm 33 vạn người do Thống chế Pao-lút chỉ huy.

- Từ đây, Liên Xô và phe Đồng minh chuyển sang tấn công đồng loạt trên các mặt trận.

Câu 10 : Hãy tường thuật diễn biến cuộc đổ bộ vào Noóc-măng-đi và nêu ý nghĩa của việc mở mặt trận thứ hai ở Tây Âu.

**Hướng dẫn trả lời :*

- Diễn biến:

+ Cuộc đổ bộ vào Noóc-măng-đi (Bắc Pháp) từ ngày 6 – 6 – 1944 của liên quân Mĩ – Anh và Đồng minh mở "Mặt trận thứ hai".

+ Quân đổ bộ tiến vào nước Pháp. Ngày 15 – 8 – 1944, quân Mĩ và quân Pháp Tự do lại đổ bộ ở Prô-văng-xơ (Nam Pháp). Hai cách quân này đuổi quân Đức về biên giới. Lực lượng kháng chiến trong nước Pháp cũng nổi dậy khởi nghĩa, giải phóng nhiều vùng rộng lớn, làm chủ Thủ đô. Cánh quân Mĩ của Tướng Pát-tơn tiến vào Pa-ri ngày 25 – 8. Chính phủ Lâm thời Pháp do tướng ĐờGôn đứng đầu được thành lập, chính quyền Pê-tanh bị giải tán. Toàn bộ nước Pháp được giải phóng vào tháng 9 – 1944. Tiếp theo đó quân Đồng minh đổ bộ tiến vào giải phóng các nước Pháp, Bỉ, Hà Lan và chuẩn bị tấn công nước Đức.

- Ý nghĩa của việc mở mặt trận thứ hai :

+ Đây là hoạt động quân sự lớn nhất của Mĩ, Anh trên chiến trường châu Âu.

+ Thể hiện đúng sự thoả thuận của ba nước Liên Xô, Mĩ, Anh trong việc quyết tâm tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.

+ Thể hiện sức mạnh và sự liên kết của các nước Đồng minh chống phát xít, đứng đầu là Liên Xô, Mĩ, Anh.

+ Đẩy Đức lâm vào tình thế nguy ngập, buộc Đức phải chiến đấu cùng một lúc trên cả hai mặt trận phía Đông và phía Tây.

Câu 11 : Cuộc phản công của quân Đồng minh trong giai đoạn cuối của chiến tranh (từ tháng 6 – 1944 đến tháng 8 – 1945) để đánh bại Nhật Bản diễn ra như thế nào ?

**Hướng dẫn trả lời :*

- Ở mặt trận Thái Bình Dương, từ năm 1944, liên quân Mĩ – Anh đã triển khai các cuộc tấn công đánh chiếm Miến Điện và quần đảo Phi-líp-pin. Quân Mĩ tăng cường uy hiếp, đánh phá các thành phố lớn của nước Nhật bằng không quân.

- Ngày 6 – 8 – 1945, Mĩ mém quả bom nguyên tử đầu tiên xuống thành phố Hi-rô-si-ma. Ngày 8 – 8, Liên Xô tuyên chiến với Nhật và tấn công đạo quân quan Đông ở Mãn Châu. Ngày 9 – 8, Mĩ ném tiếp quả bom nguyên tử thứ hai hủy diệt thành phố Na-ga-xa-ki. Ngày 15 – 8, Nhật Bản chấp nhận đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Câu 12 : Nêu kết cục và ảnh hưởng của Chiến tranh thế giới thứ hai.

**Hướng dẫn trả lời :*

- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc với sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa phát xít Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản. Thắng lợi vĩ đại thuộc về các dân tộc trên thế giới đã kiên cường chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít. Trong cuộc chiến đấu ấy, ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh là lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.

- Ảnh hưởng của chiến tranh là vô cùng nặng nề đối với nhân loại. Hơn 70 quốc gia với 1700 triệu người đã bị lôi cuốn vào vòng chiến, khoảng 60 triệu người chết, 90 triệu người bị tàn phế.

- Chiến tranh kết thúc đã dẫn đến những biến đổi căn bản của tình hình thế giới.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Những hoạt động chuẩn bị tiến tới gây chiến tranh của phát xít Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Từ cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933), các nước phát xít Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản đã liên kết với nhau thành Liên minh phát xít, còn được gọi là trục Bec-lin – Rô-ma – Tô-ki-ô. Khối này vừa chống lại Quốc tế Cộng sản, vừa gây chiến tranh chia lại thế giới.

- Trong bối cảnh đó, các cường quốc tư bản và Liên Xô lại không có đường lối hành động chung. Các nước phát xít đã lợi dụng tình hình đó để thực hiện mục tiêu gây chiến tranh xâm lược của mình.

- Trước hết Hít-le quyết định sáp nhập Áo vào nước Đức, rồi tiến hành xâm lược các nước khác. Tiếp đó, Hít-le yêu cầu chính phủ Tiệp Khắc chuyển giao xứ Xuy-đét cho người Đức.

- Ngày 29 – 9 – 1938, Hội nghị Muy-ních được triệu tập với sự tham gia của người đứng đầu các chính phủ Anh, Pháp, Đức và I-ta-li-a. Một hiệp định đã được kí kết, theo đó Anh, Pháp trao vùng Xuy-đét của Tiệp Khắc cho Đức để đổi lấy sự cam kết của Hít-le về việc chấm dứt mọi cuộc thôn tính ở châu Âu. Đại biểu Tiệp Khắc được mời đến Muy-ních chỉ để tiếp nhận và thi hành hiệp định.

- Sau khi chiếm Xuy-đét, Hít-le thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc (tháng 3 – 1939). Không dừng lại ở đó, Hít-le bắt đầu gây hấn và chuẩn bị tiến hành chiến tranh với Ba Lan.

Câu 2: Diễn biến chính của Chiến tranh thế giới thứ hai từ năm 1939 đến mùa hè 1941.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Rạng sáng ngày 1 – 9 – 1939 quân đội Đức tấn công Ba Lan. Hai ngày sau, Anh và Pháp buộc phải tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu. Với ưu thế tuyệt đối về sức mạnh, quân Đức áp dụng chiến lược "Chiến tranh chớp nhoáng" và chiếm được Ba Lan sau gần một tháng.

- Liên quân Anh – Pháp dàn trận dọc biên giới phía tây nước Đức, nhưng không tấn công Đức.

- Liên Xô tiến hành một số hoạt động quân sự và chính trị để giành lại lãnh thổ của Nga cũ.

- Tháng 4 – 1940, quân Đức chuyển hướng tấn công từ phía đông sang phía tây, chiếm hầu hết các nước tư bản châu Âu như Đan Mạch, Na Uy, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua và đánh thẳng vào nước Pháp.

- Tháng 9 – 1940, nhằm củng cố khối liên minh phát xít, Hiệp ước Tam cường Đức – I-ta-li-a – Nhật Bản được kí kết tại Béc-lin, thừa nhận sự thống trị của Đức và I-ta-li-a ở châu Âu.

- Từ tháng 10 – 1940, Hít-le chuyển sang thôn tính các nước Đông và Nam châu Âu. Các nước Ru-ma-ni, Hung-ga-ri, Bun-ga-ri trở thành chư hầu của Đức và bị quân Đức chiếm đóng. Bằng vũ lực, quân Đức và I-ta-li-a thôn tính Nam Tư và Hi Lạp. Đến mùa hè năm 1941, phe phát xít đã thống trị phần lớn châu Âu.

Câu 3 : Chiến sự tại Bắc Phi gắn với số phận của phát xít I-ta-li-a như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ngay từ tháng 9 – 1940 quân đội I-ta-li-a đã tấn công Ai Cập. Cuộc chiến ở đây diễn ra trong thế giằng co, không phân thắng bại giữa liên quân Đức – I-ta-li-a với liên quân Anh – Mĩ.

- Tháng 10 – 1942, liên quân Anh – Mĩ giành thắng lợi trong trận En A-la-men (Ai Cập), giành lại ưu thế ở Bắc Phi và chuyển sang phản công trên toàn mặt trận.

- Tiếp đó Đồng minh chiếm đảo Xi-xi-li-a (7 – 1943), chính phủ phát xít I-ta-li-a bị lật đổ, phải kí kết đầu hàng Đồng minh (3 – 9 – 1943).

Câu 4 : Chủ nghĩa phát xít Đức lần lượt bị đánh bại như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Từ ngày 6 – 6 – 1944, cuộc đổ bộ vào Noóc-măng-đi (Bắc Pháp) của liên quân Mĩ – Anh và Đồng minh mở "Mặt trận thứ hai" ở Tây Âu.

- Quân đổ bộ tiến vào giải phóng các nước Pháp, Bỉ, Hà Lan và chuẩn bị tấn công nước Đức.

- Sau khi đẩy lùi quân đội Đức ra khỏi lãnh thổ, từ tháng 7 – 1944 đến tháng 10 – 1944, Hồng quân Liên Xô tiến quân vào Đông Âu, giúp nhân dân Đông Âu tiêu diệt phát xít Đức, giải phóng hàng loạt các nước Đông Âu.

- Từ tháng 1 – 1945, Hồng quân Liên Xô cũng bắt đầu cuộc tấn công nước Đức ở mặt trận phía Đông.

- Tháng 2 – 1945, ở mặt trận phía tây, Mĩ – Anh và các nước Đồng minh khác vượt sông Ranh tràn vào nước Đức.

- Từ 16 – 4 đến 2 – 5 – 1945, Hồng quân Liên Xô đã đập tan sự kháng cự của quân phát xít Đức. Ngày 9 – 5 – 1945, Đức kí hiệp định đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh chấm dứt ở châu Âu.

Câu 5 : Phát xít Nhật gây chiến và bị thất bại ở mặt trận châu Á – Thái Bình Dương như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ngày 7 – 12 – 1941, quân Nhật bất ngờ tấn công Trân Châu cảng – căn cứ hải quân chủ yếu của Mĩ ở Thái Bình Dương. Hạm đội Mĩ bị thiệt hại nặng nề. Cùng lúc đó, Nhật đổ bộ ở Nam Thái Bình Dương và Bắc Mã Lai. Nhật tuyên chiến với Mĩ – Anh.

- Khi chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, Nhật tiến hành đánh chiếm khu vực Đông Nam Á : Chiếm Thái Lan, Mã Lai, Xin-ga-po.

- Đến năm 1942, Nhật đã bành trướng tối đa ở Đông Á, Đông Nam Á và Tây Thái Bình Dương.

- Ở mặt trận Thái Bình Dương, từ năm 1944, liên quân Mĩ – Anh đã triển khai các cuộc tấn công đánh chiếm Miến Điện và quần đảo Phi-líp-pin. Quân Mĩ tăng cường uy hiếp, đánh phá các thành phố lớn của nước Nhật bằng không quân.

- Ngày 6 – 8 – 1945, Mĩ ném quả bom nguyên tử đầu tiên xuống thành phố Hi-rô-si-ma. Ngày 8 – 8, Liên Xô tuyên chiến với Nhật và tấn công đạo quân Quan Đông ở Mãn Châu. Ngày 9 – 8, Mĩ ném tiếp quả bom nguyên tử thứ hai hủy diệt thành phố Na-ga-xa-ki. Ngày 15-8, Nhật Bản chấp nhận đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Câu 6 : Lập bảng thống kê về diễn biến chính của Chiến tranh thế giới thứ hai.

** Hướng dẫn trả lời :*

Thời gian	Chiến sự
Từ 1 – 9 – 1939 đến đầu năm 1943.	- Bằng chiến thuật chớp nhoáng, phát xít Đức đánh chiếm hầu hết châu Âu. Ngày 22 – 6 – 1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô và tiến vào lãnh thổ Xôviết. - Ở Thái Bình Dương. Ngày 7 – 12 – 1941, Nhật Bản tấn công hạm đội Mĩ ở Trân Châu cảng. Quân Nhật chiếm toàn bộ Đông Nam Á và một số đảo Thái Bình Dương. - Ở Bắc Phi, tháng 9 – 1940, quân I-ta-li-a tấn công Ai Cập. Chiến tranh lan rộng khắp thế giới. - Tháng 1 – 1942, Mặt trận Đồng minh chống phát xít thành lập.
Từ đầu năm 1943 đến tháng 8 – 1945.	- Trận phản công của quân đội Liên xô ở Xta-lin-grát (2 – 1943) đã tạo ra bước ngoặt của chiến tranh thế giới, Hồng quân Liên xô và quân Đồng minh chuyển sang phản công khắp các mặt trận. - Mặt trận Xô-Đức : đến cuối 1944 Hồng quân Liên xô quét sạch quân Đức khỏi lãnh thổ Xô viết. Trên đường truy kích phát xít Đức, Hồng quân giúp đỡ nhân dân các nước Đông Âu lật đổ ách thống trị phát xít. - Mặt trận Bắc Phi : quân Anh, Mĩ tấn công mạnh mẽ, tháng 5-1943, quân Đức và I-ta-li-a phải hạ vũ khí. - Mặt trận Tây Âu : ngày 6 – 6 – 1944, quân Anh, Mĩ đổ bộ lên miền Bắc nước Pháp, mở Mặt trận thứ hai. - Sau thắng lợi của Hồng quân Liên xô ở chiến dịch công phá Bec-lin, ngày 9 – 5 – 1945, chính phủ mới của Đức đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh kết thúc ở châu Âu. - Mặt trận châu Á –Thái Bình Dương, Hồng quân Liên xô đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật; ngày 6 và 9 – 8 Mĩ thả hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản làm chết hơn 20 vạn người. - Ngày 15 – 8 – 1945, Nhật Bản đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Câu 7 : Lập niên biểu những sự kiện chính của Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)

Niên đại	Sự kiện chính
1 – 9 – 1939	
9 – 1940	
26 – 6 – 1941	
7 – 12 – 1941	
1 – 1942	
2 – 2 – 1943	
6 – 6 – 1944	
9 – 5 – 1945	
15 – 8 – 1945	

**Hướng dẫn trả lời:*

Niên đại	Sự kiện chính
1 – 9 – 1939	Đức tấn công Ba Lan chiến tranh bùng nổ.
9 – 1940	I-ta-li-a tấn công Ai Cập
26 – 6 – 1941	Đức tấn công Liên Xô.
7 – 12 – 1941	Nhật tấn công Mĩ ở Ha-oai.
1 – 1942	Mặt trận Đồng minh chống phát xít thành lập.
2 – 2 – 1943	Chiến thắng Xta-lin-grát.
6 – 6 – 1944	Anh-Mĩ đổ bộ vào Bắc Pháp.
9 – 5 – 1945	Phát xít Đức đầu hàng.
14 – 8 – 1945	Nhật đầu hàng Đồng minh, chiến tranh kết thúc.

Câu 8 : Nguyên nhân bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ hai. So với Chiến tranh thế giới thứ nhất có điểm gì giống và khác nhau ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nguyên nhân :

+ Mâu thuẫn về quyền lợi giữa các nước đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ nhất lại tiếp tục nảy sinh.

+ Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 đã dẫn đến sự ra đời và lên cầm quyền của chủ nghĩa phát xít ở Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản nhằm gây chiến tranh để chia lại thế giới.

+ Chính sách thoả hiệp, "dung dưỡng" của các nước phương Tây đã tạo điều kiện cho bọn phát xít phát động chiến tranh.

+ Các nước đế quốc hình thành hai khối đối lập nhau.

- *Điểm giống nhau :* Cả hai cuộc chiến tranh đều nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thị trường và thuộc địa.

- *Điểm khác nhau :* Chiến tranh thế giới thứ hai còn nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với Liên Xô, nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

Bài 32

ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917 – 1945)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Hãy lựa chọn một trong số các sự kiện lịch sử cơ bản của lịch sử thế giới hiện đại (những năm từ 1917 đến năm 1945) và trình bày sự kiện đó theo cách hiểu biết của mình.

** Hướng dẫn trả lời :*

Học sinh có thể chọn một hoặc một vài sự kiện tiêu biểu để trả lời, chẳng hạn như Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Sau đây là một số gợi ý :

- Trình bày vài nét về cuộc cách mạng tháng Hai năm 1917 :

+ Tổng bãi công chính trị ở Pê-tơ-rô-grát và khởi nghĩa vũ trang lật đổ chế độ Nga Hoàng Ni-cô-lai II.

+ Cách mạng tháng Hai đã hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân chủ tư sản. Nhưng sau khi cách mạng thắng lợi, cục diện hai chính quyền song song tồn tại đó là : các Xô viết của giai cấp vô sản và Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản. Nhiệm vụ của cách mạng ở Nga là phải chuyển toàn bộ chính quyền về tay các Xô viết.

- Tiếp đó, trình bày về cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 :

+ Nêu quá trình chuyển từ cách mạng tháng Hai sang cách mạng tháng Mười bằng phương pháp hoà bình và phương pháp đấu tranh vũ trang. Trong đấu tranh vũ trang, chú ý đến sự kiện khởi nghĩa vũ trang ở Pê-tơ-rô-grát, tấn công Cung điện Mùa Đông, bắt giữ Chính phủ lâm thời tư sản. Cách mạng thắng lợi trong cả nước.

+ Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười có ý nghĩa và tác dụng như thế nào đối với nước Nga và các nước trên thế giới.

Câu 2 : Trình bày tóm tắt nội dung chính của lịch sử thế giới hiện đại (những năm từ năm 1917 đến năm 1945)

** Hướng dẫn trả lời :*

- Thời kì này đã diễn ra những chuyển biến quan trọng trong nền sản xuất vật chất của nhân loại :

+ Những tiến bộ về khoa học – kĩ thuật đã thúc đẩy kinh tế thế giới phát triển với một tốc độ cao.

+ Sự tăng trưởng của kinh tế thế giới đã làm thay đổi đời sống chính trị – xã hội, văn hóa của các quốc gia, dân tộc và thế giới nói chung.

- Chủ nghĩa xã hội được xác lập ở một số nước đầu tiên trên thế giới, nằm giữa vòng vây của chủ nghĩa tư bản.

+ Cách mạng bùng nổ ở Nga trong năm 1917 : Cách mạng tháng Hai lật đổ chế độ Nga hoàng ; Cách mạng tháng Mười lật đổ Chính phủ lâm thời của tư sản, đưa nước Nga thành một nước vô sản đầu tiên trên thế giới.

+ Sau Cách mạng tháng Mười, nước Nga bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh hết sức khó khăn và đã đạt được những thành tựu to lớn. Từ đó Liên Xô trở thành một cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới và có vị trí quan trọng trên trường quốc tế.

- Phong trào cách mạng thế giới bước sang một thời kì phát triển mới từ sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và sự kết thúc cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.

+ Cao trào cách mạng 1918 – 1923; Quốc tế Cộng sản ra đời.

+ Phong trào cách mạng trong những năm khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933).

+ Mặt trận nhân dân chống phát xít, chống chiến tranh (1936 – 1939).

+ Cuộc đấu tranh chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945).

- Chủ nghĩa tư bản không còn là hệ thống duy nhất trên thế giới và trải qua những bước phát triển thăng trầm đầy biến động.

+ Trong 10 năm (1919 – 1929), các nước tư bản từng bước ổn định.

+ Trong 10 năm (1929 – 1939), các nước tư bản lâm vào tình trạng khủng hoảng.

+ Các nước Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản giải quyết khủng hoảng bằng cách phát xít hoá bộ máy nhà nước, đi đến gây Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử nhân loại.

+ Các quốc gia có chế độ chính trị khác nhau đã phối hợp trong khối Đồng minh chống phát xít.

+ Liên Xô, Mĩ, Anh đóng vai trò quan trong trong việc đánh bại chủ nghĩa phát xít, kết thúc chiến tranh.

Câu 3 : Nêu một ví dụ về mối liên hệ giữa lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam trong những năm 1917 – 1945 mà em biết.

** Hướng dẫn trả lời :*

Có nhiều sự kiện lịch sử thế giới có mối quan hệ với lịch sử Việt Nam trong thời kì 1917 – 1945, ở đây chúng ta có thể chọn một sự kiện đó là việc thành lập Mặt trận nhân dân Pháp và Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936 – 1939).

- Để giải quyết khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933), các nước Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản đã tiến hành phát xít hoá bộ máy nhà nước, chuẩn bị gây chiến tranh thế giới.

- Trước nguy cơ chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Quốc tế Cộng sản đã chủ trương cho các nước phải thành lập Mặt trận Nhân dân để chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình.

- Thực hiện chủ trương của Quốc tế Cộng sản, Mặt trận Nhân dân lần lượt được thành lập ở các nước như Trung Quốc, Tây Ban Nha và Pháp. Đặc biệt, tại Pháp vào năm 1936, Mặt trận Nhân dân Pháp giành thắng lợi trong cuộc Tổng tuyển cử và lên nắm chính quyền ở Pháp. Sau khi nắm chính quyền, Mặt trận Nhân dân Pháp đề ra một số chính sách có lợi cho các nước thuộc địa như : thực hiện các quyền tự do dân chủ và ân xá tù chính trị cho các nước thuộc địa.

- Lợi dụng tình hình đó, Đảng Cộng sản Đông Dương phát động quần chúng thực hiện cuộc vận động dân chủ trong những năm 1936 – 1939. Trong cuộc vận động này, Đảng Cộng sản Đông Dương đã thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương để đoàn kết các lực lượng yêu nước đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ, cơm áo, hoà bình.

Câu 4 : Tìm hiểu về tiểu sử một số nhân vật lịch sử thuộc thời kì lịch sử này.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Tiểu sử của M. Gan-đi (1869 – 1948)

M. Gan-đi, nhà yêu nước Ấn Độ, được suy tôn là Ma-hát-ma, có nghĩa là "Tâm hồn vĩ đại". Nhân dân gọi ông là Thánh – M. Gan-đi là lãnh tụ Đảng Quốc đại, người lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ theo đường lối bạo động, bất hợp tác.

Sinh ra trong một gia đình khá giả ở Tây Ấn Độ, ông tốt nghiệp đại học Luật ở Anh, sau đó làm cố vấn pháp luật cho một công ti ở Nam Phi, tham gia những hoạt động chống chế độ phân biệt chủng tộc và chủ nghĩa thực dân. Đầu năm 1915 ông về nước, vận động cuộc đấu tranh chống thực dân Anh. Ông bị thực dân Anh bắt giam hai lần vào các năm 1922 và 1930. Sau khi Ấn Độ được tra trả độc lập (15 – 8 – 1947) M. Gan-đi đã tiếp tục đấu tranh ngăn chặn cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn giữa người Hồi giáo và Ấn Độ giáo. Ngày 30 – 1 – 1948, M. Gan- đi bị một phần tử phản động sát hại.

- Tiểu sử của Xu-các-nô (1901 – 1970), lãnh tụ phong trào giải phóng dân tộc In-đô-nê-xi-a.

Xu-các-nô sinh ngày 6 – 6 – 1901 tại Bli-ta thành phố Sa-ra-bay-a thuộc Đông Gia-va, con một nhà giáo. Ông tốt nghiệp đại học y khoa. Năm 1927, ông sáng lập Đảng Dân chủ In-đô-nê-xi-a. Với tư cách chủ tịch Đảng, Xu-các-nô nhiều lần tuyên bố đòi thực dân Hà Lan trao trả độc lập cho In-đô-nê-xi-a. Cuối năm 1929, Xu-các-nô và các nhà lãnh đạo Đảng Dân tộc bị chính quyền thực dân bắt giam. Tháng 8 – 1930, thực dân Hà Lan mở phiên toà xét xử Xu-các-nô. Với tài hùng biện, ông đã tự bào chữa trước toà bằng bài phát biểu nổi tiếng "In-đô-nê-xi-a tố cáo", lên án tội ác và sự thống trị của thực dân Hà Lan. Bất chấp dư luận phản đối trong và ngoài nước, chính quyền thực dân kết án Xu-các-nô 4 năm tù giam. Do cuộc đấu tranh của nhân dân In-đô-nê-xi-a và bạn bè quốc tế, ngày 31 – 12 – 1931, ông được ra tù trước thời hạn và tiếp tục lãnh đạo phong trào độc lập dân tộc ở In-đô-nê-xi-a.

Tháng 8 – 1933, Xu-các-nô bị thực dân Hà Lan bắt và lưu đầy tại đảo Kê-xin, sau đó là đảo Ben-cu-len.

Xu-các-nô là Tổng thống đầu tiên của nước Cộng hoà In-đô-nê-xi-a (1945 – 1965). Ông là nhà hoạt động chính trị, lãnh tụ xuất sắc của phong trào giải phóng dân tộc In-đô-nê-xi-a.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Hãy nêu những sự kiện chính của nước Nga – Liên Xô trong những năm 1917 – 1941.

** Hướng dẫn trả lời:*

Niên đại	Sự kiện	Diễn biến chính	Kết quả, ý nghĩa
2 – 1917	Nước Nga – Liên Xô: Cách mạng dân chủ tư sản Nga	-Tổng bãi công chính trị ở Pê-tơ-rô-grát. -Khởi nghĩa vũ trang. -Nga Hoàng thoái vị.	- Lật đổ chế độ Nga hoàng. - Hai chính quyền song song tồn tại. - Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
10 – 1917	Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười thắng lợi	Khởi nghĩa vũ trang ở Pê-tơ-rô-grát, tấn công Cung điện Mùa Đông.	Thành lập chính quyền Xô viết Nga. Tác dụng to lớn đến phong trào cách mạng thế giới.
1918 – 1921	Cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền Xô viết.	Xây dựng nhà nước mới, đập tan bộ máy nhà nước cũ, đánh thắng thù trong, giặc ngoài.	Bảo vệ thành quả Cách mạng tháng Mười Nga, giữ chính quyền Xô viết, đập tan âm mưu chống phá cách mạng.
1921 – 1941	Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội.	Công nghiệp hoá XHCN, tập thể hoá nông nghiệp, thực hiện hai kế hoạch 5 năm.	Từ nước nông nghiệp lạc hậu trở thành cường quốc công nghiệp. Đạt được những thành tựu to lớn.

Câu 2: Các sự kiện chính của các nước tư bản chủ nghĩa từ năm 1918 đến 1939.

** Hướng dẫn trả lời:*

Niên đại	Sự kiện	Diễn biến chính	Kết quả, ý nghĩa
1918 – 1923	Cao trào cách mạng ở châu Âu. Khủng hoảng kinh tế chính trị ở phần lớn các nước tư bản.	Cao trào cách mạng bùng nổ, lan rộng lên cao ở Đức, Hung, Pháp... Tiêu biểu là cách mạng dân chủ tư sản 11 – 1918 ở Đức.	Các Đảng Cộng sản và Quốc tế Cộng sản thành lập và lãnh đạo phong trào.
1924 – 1929	Thời kì ổn định và tăng trưởng của CNTB.	Sản xuất tăng trưởng nhanh. Phong trào công nhân tạm thời lắng xuống.	Kinh tế phát triển, tình hình chính trị ổn định.
1929 – 1933	Khủng hoảng kinh tế trong thế giới TBCN.	Kinh tế suy sụp, công nghiệp đình đốn, tài chính hỗn loạn.	Thất nghiệp tăng cao, mất ổn định chính trị, mâu thuẫn xã hội gay gắt. Khủng hoảng chính trị.
1933 – 1939	Các nước tư bản tìm cách thoát khỏi khủng hoảng.	- Cải cách kinh tế, xã hội, tiêu biểu là chính sách mới của Mĩ. - Phát xít hoá gây chiến tranh xâm lược (Đức, I-ta-li-a, Nhật)	Vượt qua khủng hoảng, kinh tế phục hồi và tiếp tục phát triển. Nguy cơ chiến tranh, xuất hiện ba lò lửa chiến tranh thế giới.

Câu 3 : Tóm tắt các sự kiện chính ở châu Á từ năm 1918 đến 1945.

** Hướng dẫn trả lời :*

Niên đại	Sự kiện	Diễn biến chính	Kết quả, ý nghĩa
Thập niên 20	Phong trào giải phóng dân tộc lên cao sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.	- Phong trào dân tộc tư sản có bước tiến mới về tổ chức, phạm vi. - Xuất hiện xu hướng vô sản.	Giai cấp tư sản nắm lấy quyền lãnh đạo phong trào cách mạng một số nước. Các Đảng Cộng sản thành lập.
Thập niên 30	Phong trào Mặt trận Nhân dân chống phát xít, chống chiến tranh.	Thành lập Mặt trận Dân tộc chống phát xít. Hợp tác giữa các Đảng Cộng sản và các đảng phái khác.	Tập hợp đông đảo các lực lượng cách mạng. Các Đảng Cộng sản trưởng thành.
1939-1945	Chiến tranh thế giới thứ hai.	Diễn ra khắp các mặt trận Tây Âu, Xô – Đức, Bắc Phi, châu Á – Thái Bình Dương, 72 nước trong tình trạng chiến tranh.	Chủ nghĩa phát xít thất bại. Đồng minh thắng lợi. Làm thay đổi căn bản cục diện thế giới.

Câu 4 : Lập bảng thống kê theo mẫu sau đây về những sự kiện chính của lịch sử thế giới (1917 – 1945)

Thời gian	Sự kiện (a)	Kết quả (b)
Nước Nga – Liên Xô		
Tháng 2 – 1917		
7 – 11 – 1917		
1918 – 1920		
1921 – 1941		
Các nước khác		
1918 – 1923		
1924 – 1929		
1929 – 1933		
1933 – 1939		
1939 – 1945		

** Hướng dẫn trả lời :*

1. a. CM dân chủ tư sản Nga thắng lợi

   b. Lật đổ chế độ Nga hoàng, 2 chính quyền song song tồn tại.

2. a. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga thắng lợi

   b. + Lật đổ Chính phủ lâm thời tư sản

   + Thành lập nước Cộng hòa Xô viết và Chính phủ Xô viết.

   + Xoá bỏ chế độ người bóc lột người.

3. a. Cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền Xô viết

   b. Xây dựng hệ thống chính trị, nhà nước mới, đánh thắng thù trong giặc ngoài.

4. a. Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội.

   b. Công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, tập thể hóa nông nghiệp.

5. a. Cao trào cách mạng ở châu Âu, châu Á.

   b. Đảng Cộng Sản thành lập, Quốc tế Cộng sản ra đời.

6. a. Thời kì ổn định và phát triển của chủ nghĩa tư bản.

   b. Sản xuất công nghiệp phát triển nhanh chóng, chính trị ổn định.

7. a. Cuộc khủng hoảng kinh tế nổ ra ở Mĩ và lan khắp các nước tư bản.

   b. Kinh tế giảm sút nghiêm trọng, chính trị khủng hoảng.

8. a. Các nước tư bản tìm cách thoát khỏi khủng hoảng.

   b. Khối Đức, I-ta-li-a, Nhật, phát xít hóa chế độ chính trị chuẩn bị chiến tranh.

   + Khối Anh, Pháp, Mĩ thực hiện cải cách kinh tế chính trị, duy trì chế độ dân chủ tư sản.

9. a. Chiến tranh thế giới thứ hai.

b. 72 nước trong tình trạng chiến tranh. Phe phát xít thất bại, thắng lợi thuộc về Liên Xô, các nước Đồng minh và nhân loại tiến bộ trên thế giới.

Câu 5 : Trong số các sự kiện lịch sử từ 1917 đến năm 1945, em hãy chọn 5 sự kiện tiêu biểu nhất và nêu lí do vì sao em chọn sự kiện đó.

**Hướng dẫn trả lời :*

- Năm sự kiện tiêu biểu nhất :

1. Cách mạng XHCN tháng Mười Nga năm 1917.
2. Cao trào Cách mạng ở châu Âu 1918 – 1923.
3. Phong trào độc lập dân tộc ở châu Á.
4. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933.
5. Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Lí do :

1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga, lần đầu tiên chủ nghĩa xã hội đã trở thành hiện thực ở một nước, nó mở ra một thời kì mới trong lịch sử của nhân loại : độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội.

2. Cao trào cách mạng 1918 – 1923 có bước chuyển biến mới : giai cấp công nhân trưởng thành, nhiều Đảng Cộng sản ra đời, dẫn tới Quốc tế Cộng sản thành lập, lãnh đạo phong trào cách mạng đi theo con đường Cách mạng tháng Mười.

3. Phong trào độc lập dân tộc ở các nước thuộc địa phụ thuộc là đòn tấn công vào tư bản chủ nghĩa, trong phong trào đó, giai cấp vô sản trưởng thành và tham gia lãnh đạo phong trào.

4. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 đẩy các nước tư bản vào cuộc khủng hoảng chưa từng có dẫn đến hậu quả chủ nghĩa phát xít thắng thế và đẩy nhân loại đứng trước nguy cơ một cuộc chiến tranh mới.

5. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) là cuộc chiến tranh gây ra những tổn thất khủng khiếp nhất trong lịch sử nhân loại, kết thúc một thời kì phát triển của lịch sử thế giới hiện đại.

PHẦN BA

LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858-1918)

Chương I

VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX

Bài 33

VIỆT NAM TRƯỚC NGUY CƠ BỊ PHÁP XÂM LƯỢC

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Tình hình Việt Nam giữa thế kỉ XIX có điều gì đáng chú ý ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Trước khi thực dân Pháp xâm lược, Việt Nam là nước độc lập, kinh tế có những bước phát triển, nhưng đã bộc lộ những suy yếu.

- Thời nhà Nguyễn, kinh tế công, nông, thương nghiệp sa sút. Nhà Nguyễn thực hiện đường lối đối ngoại thiển cận khiến cho Việt Nam bị cô lập.

- Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra.

- Khả năng phòng thủ đất nước giảm sút, quốc phòng yếu kém đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc chống lại sự xâm lược của tư bản phương Tây.

Câu 2 : Nguyên nhân nào thúc đẩy các nước phương Tây xâm lược phương Đông thế kỉ XIX ? Tình thế của Việt Nam trong bối cảnh đó.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nguyên nhân :

+ Vào thế kỉ XIX, nền kinh tế công nghiệp của các nước phương Tây phát triển mạnh, đặt ra nhu cầu thị trường, nguyên liệu, nhân công để đáp ứng yêu cầu phát triển đó.

+ Ở phương Đông, nơi có đất rộng, người đông, nhất là Ấn Độ và Trung Quốc, lại giàu tài nguyên thiên nhiên. Phương Đông đã trở thành miếng mồi béo bở cho các nước phương Tây.

- Tình thế Việt Nam :

+ Trong khi các nước phương Tây xâm lược phương Đông, Việt Nam cũng không tránh khỏi bị dòm ngó, vì Việt Nam cũng có những đặc điểm giống với các nước phương Đông.

+ Trên thực tế, trong cuộc chạy đua giữa các thế lực tư bản chủ nghĩa phương Tây, tư bản Pháp đã bám sâu vào Việt Nam, rồi lần lượt tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Câu 3 : Hãy nhận xét tình hình Việt Nam trước khi bị thực dân Pháp xâm lược.

- Kinh tế ngày càng suy yếu, xã hội chứa nhiều mâu thuẫn, tạo điều kiện cho phương Tây xâm lược Việt Nam.

- Triều Nguyễn không đủ khả năng phòng thủ đất nước trước hoạ xâm lược của phương Tây.

- Trong các thế kỉ XVI – XVII, thương gia của các nước Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh... đã tới Việt Nam buôn bán. Thậm chí Anh còn có ý định chiếm đảo Côn Lôn.

- Người Pháp tuy đến sau nhưng thông qua Hội truyền giáo đã dần dần bám sâu vào Việt Nam để chuẩn bị âm mưu xâm lược.

Câu 4 : Thực dân Pháp chuẩn bị xâm lược Việt Nam như thế nào ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Cuối thế kỉ XV đầu thế kỉ XVI, những cuộc phát kiến địa lí lớn đã báo hiệu "buổi bình minh của thời đại tư bản chủ nghĩa". Liền sau đó, để thỏa mãn nhu cầu sản xuất và kinh doanh, tư bản các nước đã tỏa đi khắp thế giới để tìm kiếm thị trường và nguyên liệu.

- Trong cuộc chạy đua sang phương Đông, tư bản Pháp đã lợi dụng đạo Thiên Chúa như là một công cụ xâm lược.

- Cuối thế kỉ XVIII, khi phong trào nông dân Tây Sơn nổ ra, giám mục Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine) đã chớp cơ hội cho tư bản Pháp can thiệp vào Việt Nam khi Nguyễn Ánh cầu cứu các thế lực ngoại bang giúp ông ta giành lại quyền lực.

- Đến giữa thế kỉ XIX, nước Pháp tiến nhanh trên con đường công nghiệp hóa. Lúc này Pháp ráo riết tìm cách tiến đánh Việt Nam để tranh giành ảnh hưởng với Anh ở khu vực châu Á.

- Năm 1857, Na-pô-nê-ông III lập ra Hội đồng Nam Kì để bàn cách can thiệp vào nước ta ; tiếp đó cho sứ thần tới Huế đòi được "tự do buôn bán và truyền đạo". Cùng lúc, Bộ trưởng Bộ Hải quân thuộc địa Pháp tăng viện cho hạm đội Pháp ở Thái Bình Dương để cùng Anh – Mĩ xâm lược Trung Quốc và lệnh cho Phó Đô đốc Giơ-nuy chỉ huy cho hạm đội Pháp đánh Việt Nam ngay sau khi chiếm được Quảng Châu (Trung Quốc).

- Sau khi liên quân Anh – Pháp đánh chiếm xong Quảng Châu (Trung Quốc), buộc triều Mãn Thanh kí Điều ước Thiên Tân (27 – 6 – 1858), chiều 31 – 8 – 1858 liên quân Pháp – Tây Ban Nha kéo tới cửa biển Đà Nẵng, chuẩn bị nổ súng xâm lược Việt Nam.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Hãy ghi sự kiện lịch sử vào bảng thống kê sau đây :

Thời gian	Sự kiện
1. 3 – 1847	
2. 4 – 1847	
3. 9 – 1856	
4. 1 – 1857	
5. 7 – 1857	
6. 27 – 6 – 1858	
7. 31 – 8 – 1858	

* *Hướng dẫn trả lời :*

Thời gian	Sự kiện
1. 3 – 1847	A. Hai tàu chiến Pháp tới Đà Nẵng.
2. 4 – 1847	B. Tàu chiến Pháp đánh vào Đà Nẵng phá chiến thuyền của triều đình Huế.
3. 9 – 1856	B. Pháp cho tàu chiến đến Đà Nẵng đưa quốc thư cho triều đình Huế.
4. 1 – 1857	C. Pháp lại tới xin được truyền đạo và buôn bán tại Việt Nam, cũng bị triều đình Huế từ chối.
5. 7 – 1857	D. Na-pô-lê-ông III quyết định đưa quân tới Việt Nam.
6. 27 – 6 – 1858	E. Điều ước Thiên Tân được kí kết.
7. 31 – 8 – 1858	F. Liên quân Pháp – Tây Ban Nha kéo đến Đà Nẵng chuẩn bị xâm lược Việt Nam.

Câu 2 : Trình bày nguyên nhân và duyên cớ của việc thực dân dân Pháp xâm lược Việt Nam.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Nguyên nhân :*

+ Đầu thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản phương Tây đã phát triển với tốc độ nhanh. Để thu được nhiều lợi nhuận, các nước tư bản một mặt bóc lột nhân dân lao động trong nước, mặt khác đẩy mạnh xâm chiếm thuộc địa nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá, vơ vét nguyên liêu liệu, bóc lột đội ngũ công nhân rẻ mạt... Ở phương Đông, trong đó có Việt Nam, đất rộng, người đông, tài nguyên phong phú, nhưng còn bị chìm đắm trong vòng chế độ phong kiến chuyên chế đã suy tàn. Đây là đối tượng trong sự dòm ngó của phương Tây, đặc biệt là Pháp.

+ Đến giữa thế kỉ XIX, Pháp xúc tiến việc xâm lược Việt Nam vì lúc này, chủ nghĩa tư bản Pháp chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và cuộc chạy đua giành giật thị trường ở phương Đông, nhất là Việt Nam trở nên gay gắt và quyết liệt.

- *Duyên cớ :*

Lấy cớ triều đình Huế không nhận quốc thư, làm nhục quốc thể nước Pháp và bênh vực đạo Thiên Chúa đang bị khủng bố ở Việt Nam, thực dân Pháp phối hợp với Tây Ban Nha đem tàu chiến đến bắn phá Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược nước ta (31 – 8 – 1858).

Bài 34

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC

(1858 – 1884)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Pháp có âm mưu gì khi mở cuộc tấn công Đà Nẵng năm 1858 ? Chúng đã bị thất bại như thế nào trong việc thực hiện kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh" ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Âm mưu :

+ Đánh Đà Nẵng làm bàn đạp để đánh vào nội địa rồi tấn công lên Huế, nhanh chóng buộc triều đình nhà Nguyễn đầu hàng.

+ Thực hiện âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh".

- Thất bại của Pháp :

+ Sáng 1 – 9 – 1858, Pháp gửi tối hậu thư đòi triều đình Huế phải trả lời trong hai giờ. Chưa hết hẹn, chúng đã nã đạn lên bờ rồi đổ bộ chiếm bán đảo Sơn Trà.

+ Triều đình Nguyễn cử Nguyễn Tri Phương làm tổng chỉ huy trận Quảng Nam. Sau 5 tháng tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược, quân Pháp vẫn không mở rộng được phạm vi chiếm đóng.

+ Tháng 2 – 1859, Pháp quyết định đem phần lớn lực lượng vào Gia Định.

Câu 2 : Những khó khăn của quân Pháp khi tổ chức đánh chiếm Gia Định là gì ? Tại sao chúng vẫn đứng được ở Gia Định để đánh chiếm các nơi khác ?

**Hướng dẫn trả lời :*

- Những khó khăn :

+ Chúng bị nhân dân ở đây kết hợp với quân triều đình chống lại chúng, vì ngay từ những năm đầu khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhà Nguyễn vẫn còn ý định tổ chức kháng chiến chống Pháp, do đó vẫn được sự hỗ trợ của nhân dân trong chừng mực nhất định.

+ Khi đánh chiếm Gia Định, Pháp còn gặp phải khó khăn mới như mâu thuẫn giữa "chiếm đóng" và "bình định", chúng bị sa lầy vào cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

+ Trong lúc đánh chiếm Gia Định, Pháp còn bị sa lầy ở các chiến trường I-ta-li-a, Trung Quốc. Pháp phải đưa một phần lực lượng quân đội sang ứng chiến cho chiến trường Trung Quốc.

- Tại sao :

Mặc dầu gặp nhiều khó khăn trong quá trình đánh chiếm Gia Định nhưng Pháp vẫn đứng được ở Gia Định vì :

+ Triều đình nhà Nguyễn thiếu tin tưởng vào cuộc kháng chiến của nhân dân ta, tỏ ra lúng túng, rồi đi vào con đường thoả hiệp, đầu hàng.

+ Do tư tưởng ngại địch, sợ địch của một số quan lại cấp cao của triều đình Huế.

Câu 3 : Vì sao triều đình Huế kí Hiệp ước Nhâm Tuất (5 – 6 – 1862). Nội dung cơ bản và hậu quả của Hiệp ước là gì ?

**Hướng dẫn trả lời :*

- Vì sao :

+ Nhà Nguyễn nhân nhượng với Pháp để bảo vệ quyền lợi của giai cấp và dòng họ.

+ Rảnh tay ở phía Nam để đối phó với phong trào nông dân khởi nghĩa ở Trung Kì và Bắc Kì.

- Nội dung :

+ Nhượng hẳn cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kì (Gia Định, Định Tường, Biên Hoà) và đảo Côn Lôn.

+ Mở cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên cho Pháp vào tự do buôn bán.

+ Bồi thường chiến phí và kèm theo nhiều nhượng bộ nặng nề khác về chính trị, quân sự.

- Hậu quả : Hiệp ước đã vi phạm chủ quyền dân tộc : cắt đất cho giặc.

Câu 4 : Trước và sau Hiệp ước 1862, phong trào kháng chiến của nhân dân ta đã phát triển như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Trước Hiệp ước :

+ Tháng 3 – 1860, Nguyễn Tri Phương được điều vào chỉ huy mặt trận Gia Định. Ông đã huy động lực lượng, xây dựng hệ thống phòng ngự kiên cố, lấy đồn Chí Hòa làm trung tâm.

+ Ngày 23 – 2 – 1861, quân Pháp nổ súng tấn công Đại đồn Chí Hòa, tại đây cuộc chiến đấu diễn ra hết sức ác liệt trong hai ngày liên tiếp, Nguyễn Tri Phương buộc phải rút lui. Sau đó, quân Pháp thừa thắng đánh chiếm Định Tường (12 – 4 – 1861), Biên Hòa (18 – 12 – 1861) và Vĩnh Long (23 – 3 – 1862). Đến tháng 4 – 1861, ba tỉnh miền Đông và một số tỉnh miền Tây Nam Kì bị giặc chiếm.

+ Nhân dân Nam Kì đã đứng lên kháng chiến. Ngày 10 – 12 – 1861, nghĩa quân Nguyễn Trung Trực đánh chìm tàu chiến Pháp trên sông Vàm Cỏ Đông.

- Sau Hiệp ước :

+ Với Hiệp ước 1862 làm cho nhiều sĩ phu bất bình. Trong đó tiêu biểu nhất là Trương Định đã cùng nhân dân đứng lên chống Pháp.

+ Được sự ủng hộ của nhân dân, Trương Định đã không nhận chức lãnh binh ở An Giang theo lệnh triều đình mà quyết tâm ở lại cùng nhân dân kháng chiến. Lá cờ "Bình Tây Đại nguyên soái" của ông đã củng cố niềm tin trong nhận dân, khiến cho bọn cướp nước và bán nước phải khiếp sợ. Căn cứ Tân Hoà (Gò Công) trở thành đại bản doanh của phong trào toàn miền.

+ Ngày 20 – 8 – 1864, nhờ có tay sai dẫn đường, thực dân Pháp dò ra nơi ở của Trương Định, chúng mở cuộc tập kích bất ngờ vào căn cứ Tân Hòa. Nghĩa quân chống trả quyết liệt. Trương Định bị thương nặng. Ông đã rút gươm tự sát để bảo toàn khí tiết.

Câu 5 : Cuộc khởi nghĩa của Trương Định có những nét đặc sắc gì ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Phong trào đã quy tụ thành những trung tâm kháng chiến lớn, tổ chức ngày càng chặt chẽ.
- Khởi nghĩa đã bất chấp lệnh giải tán của triều đình, cùng nhân dân chống giặc.
- Khởi nghĩa đã giương cao được ngọn cờ "Bình Tây Đại nguyên soái", tạo thêm niềm tin của nhân dân, đồng thời làm cho bè lũ cướp nước và bán nước khiếp sợ.
- Khởi nghĩa thể hiện tinh thần chiến đấu vô cùng quả cảm của Trương Định cũng như lực lượng tham gia khởi nghĩa.

Câu 6 : Cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở ba tỉnh miền Tây Nam Kì diễn biến ra sao ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Từ ngày 20 đến ngày 24 – 6 – 1867, thực dân Pháp đã chiếm nốt ba tỉnh miền Tây Nam Kì.
- Trước hành động của Pháp và sự bạc nhược của triều đình, nhân dân ba tỉnh miền Tây Nam Kì đã anh dũng đứng lên chống giặc.

+ Phan Văn Trị dùng thơ văn làm vũ khí đấu tranh.

+ Hai anh em Phan Tôn, Phan Liêm chỉ huy nghĩa quân hoạt động mạnh ở Bến Tre, Vĩnh Long, Sa Đéc, Trà Vinh trong hai năm 1867 – 1868.

+ Nghĩa quân của Nguyễn Trung Trực đánh chiếm và làm chủ Rạch Giá (6 – 1867).

+ Nguyễn Hữu Huân tiếp tục chống Pháp ở Tân An, Mĩ Tho.

- Phong trào kháng chiến ở miền Tây vừa chống ngoại xâm kết hợp với chống triều đình phong kiến được đông đảo quần chúng nhân dân hưởng ứng. Đến năm 1875, phong trào bị thất bại.

Câu 7 : Âm mưu của Pháp sau khi chiếm được Nam Kì như thế nào ? Tình hình xã hội trong giai đoạn này có gì nổi bật ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Chiếm xong Nam Kì, thực dân Pháp gấp rút chuẩn bị đánh Bắc Kì và Trung Kì :

+ Củng cố bộ máy chính quyền từ trên xuống dưới.

+ Thực hiện phương châm "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".

- Buộc triều đình Huế vẫn tiếp tục thương thuyết : Bồi thường chiến phí cho Pháp.
- Nét nổi bật của tình hình xã hội :

+ Về nội trị : Nhà Nguyễn tăng cường vơ vét bóc lột nhân dân vừa để thoả mãn chi dùng, vừa để có tiền bồi thường chiến phí cho Pháp, tiếp tục khước từ những đề nghị cải cách. Các ngành nông nghiệp, công thương – nghiệp đều bị bỏ bê. Tài chính thêm thiếu hụt. Đời sống nhân dân ngày càng sa sút. Một loạt cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra.

+ Về đối ngoại : Nhà Nguyễn vẫn muốn dùng con đường thương lượng nhằm hạn chế sự "chém cắt" của thực dân Pháp.

Câu 8 : Kế hoạch đánh chiếm Hà Nội năm 1873 được Pháp thực hiện như thế nào ? Nội dung, tính chất của Hiệp ước 1874.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Kế hoạch đánh chiếm Hà Nội :

+ Thực dân Pháp tung gián điệp đội lốt giáo sĩ hoặc thương nhân ra do thám tình hình Bắc Kì, bắt liên lạc với lái buôn Đuy-puy lúc đó đang hoạt động ở vùng biển Trung Quốc – Việt Nam và tích cực gây dựng cơ sở nội ứng trong một bộ phận dân chúng.

+ Lấy cớ giải quyết "vụ Đuy-puy" theo yêu cầu của triều đình Huế, thực dân Pháp ở Sài Gòn đã phái Gác-ni-ê đưa quân ra Bắc.

+ Cho quân khiêu khích. Rồi gửi tối hậu thư yêu cầu Nguyễn Tri Phương nộp thành Hà Nội cho chúng. Sau đó tổ chức đánh vào thành Hà Nội.

- Nội dung :

+ Triều đình Huế chính thức thừa nhận chủ quyền của Pháp ở sáu tỉnh Nam Kì.

+ Mở các cửa biển Thị Nại (Quy Nhơn), Ninh Hải (Hải Phòng), Hà Nội và sông Hồng cho Pháp vào buôn bán.

+ Pháp có quyền mở mang công nghệ, xây dựng kho tàng, thuê mướn nhân công, đặt lãnh sự có quân lính bảo vệ ở những nơi chúng được vào buôn bán.

+ Nền ngoại giao của Việt Nam lệ thuộc vào đường lối ngoại giao của Pháp.

- Tính chất :

+ Đây là Hiệp ước bất bình đẳng giữa triều Nguyễn và Pháp.

+ Hiệp ước đã làm mất một phần quan trọng chủ quyền độc lập của Việt Nam. Từ nay nước ta đã bị biến thành thị trường riêng của tư bản Pháp.

Câu 9 : Tình hình Việt Nam sau Hiệp ước 1874 đến trước khi thực dân Pháp đánh Bắc Kì lần thứ hai (1882) có những điểm gì đáng chú ý ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra, vừa chống thực dân Pháp, vừa phản đối triều Nguyễn đầu hàng. Tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa ở Nghệ An, Hà Tĩnh do Trần Tấn, Đặng Như Mai, Nguyễn Huy Điển.
- Ở ngoài Bắc thường xuyên xảy ra nạn giặc giã, gây khó khăn cho triều đình. Đất nước rơi vào tình trạng rối ren cực độ.
- Nhiều sĩ phu yêu cầu duy tân đất nước nhưng triều đình đã khước từ. Đất nước ngày càng suy yếu thêm.

- Từ năm 1878, các nước Anh, Đức, Tây Ban Nha đẩy mạnh việc giao thiệp với triều đình Huế. Tình hình đó càng thôi thúc thực dân Pháp nhanh tay hành động để chiếm lấy nước ta.

Câu 10 : Vì sao từ sau năm 1874, thực dân Pháp lại quyết tâm chiếm bằng được Bắc Kì ? Thực dân Pháp thực hiện âm mưu đánh chiếm Bắc Kì lần thứ hai như thế nào ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Vì sao :*

+ Từ những năm 70 của thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản Pháp bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Nền kinh tế Pháp có những đòi hỏi ngày càng lớn về thị trường, nhân công và nguyên liệu. Thực dân Pháp đã lao vào cuộc chạy đua quyết liệt để giành giật thuộc địa.

+ Việc xâm lược Bắc Kì và toàn bộ Việt Nam lúc này không còn là mưu đồ của một nhóm thực dân hiếu chiến, mà trở thành chủ trương chung của giới tư bản tài phiệt đang nắm quyền ở Pháp.

+ Đối với Pháp, Bắc Kì là nơi có dân đông, nhiều tài nguyên, nhất là than đá, là miếng mồi ngon không thể bỏ qua.

- *Thực hiện âm mưu đánh Bắc Kì lần hai :*

+ Thực hiện ý đồ chiếm đóng toàn bộ Việt Nam, viện cớ nhà Nguyễn không thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của Hiệp ước 1874, Pháp đưa quân thêm ra Bắc Kì.

+ Ngày 3 – 4 – 1882, Ri-vi-e chỉ huy một đạo quân Pháp từ Sài Gòn kéo ra Hà Nội. Sau khi giở trò khiêu khích, chúng nổ súng đánh thành (25 – 4 – 1882). Quan trấn thủ thành Hà Nội là Hoàng Diệu chỉ huy quân sĩ kiên quyết chống cự, nhưng cuối cùng bị thất bại.

+ Triều đình Huế tiếp tục hoang mang và khiếp nhược, cầu cứu nhà Thanh, nhà Thanh đưa quân sang nước ta rồi bí mật thương thuyết với Pháp để chia nhau quyền lợi ở Việt Nam.

+ Về phía Pháp, tháng 3 – 1883, Ri-vi-e cho quân chiếm đóng vùng mỏ Hồng Gai, Quảng Yên, rồi kéo quân từ Hà Nội xuống đánh chiếm Nam Định. Lần thứ hai, hầu hết các tỉnh thành lớn ở vùng đồng bằng Bắc Kì rơi vào tay giặc.

Câu 11 : Nhân dân Hà Nội và các tỉnh đồng bằng sông Hồng đã anh dũng kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai như thế nào ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Cuộc kháng chiến ở Hà Nội và các tỉnh đồng bằng sông Hồng :*

Khi quân Pháp đánh Bắc Kì lần thứ hai, nhân dân ta đã anh dũng chiến đấu chống Pháp :

+ Ở Hà Nội, dọc sông Hồng nhân dân tạo bức tường lửa làm chậm bước tiến của địch.

+ Những nơi khác dân chúng nổi trống, mõ, khua chiêng, cổ vũ nhân dân chiến đấu.

- Chiếm được Hà Nội, giặc mở rộng phạm vi đánh chiếm các tỉnh đồng bằng, nhưng tới đâu chúng cũng vấp phải sức chiến đấu của quân dân địa phương.

- Tháng 5 – 1883, trên chiến trường Cầu Giấy, quân ta lại một lần nữa giáng cho giặc một đòn nặng nề, giết tên Tổng chỉ huy Hăng-ri Ri-vi-e.

- Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai thể hiện rõ ý chí quyết tâm sẵn sàng tiêu diệt giặc của nhân dân ta. Tuy nhiên, triều đình Huế vẫn nuôi ảo tưởng thu hồi Hà Nội bằng con đường thương thuyết.

Câu 12 : Trình bày diễn biến của trận Cầu Giấy tháng 5 – 1883, kết quả và ý nghĩa của chiến thắng đó.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Diễn biến :*

+ Tháng 5 – 1883, trên chiến trường Cầu Giấy, quân dân ta lại một lần nữa giáng cho giặc một đòn nặng nề.

+ Ngày 19 – 5 – 1883, Ri-vi-e huy động 550 quân có đại bác yểm trợ, mở cuộc hành quân đánh ra Hà Nội theo đường Hà Nội đi Sơn Tây.

+ Nắm được ý đồ của giặc, quân dân ta cùng đội quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc tổ chức phục kích tại Cầu Giấy. Quân Pháp đại bại, nhiều sĩ quan, binh lính địch bị chết và bị thương. Ri-vi-e cũng phải bỏ mạng. Tàn quân Pháp tháo chạy về Hà Nội.

- *Kết quả và ý nghĩa chiến thắng Cầu Giấy :*

+ Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai làm nức lòng nhân dân cả nước, bồi đắp thêm ý chí quyết tâm tiêu diệt giặc của nhân dân ta.

+ Làm cho thực dân Pháp hết sức hoang mang, dao động.

+ Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta đánh đuổi quân giặc.

Câu 13 : Nội dung của Hiệp ước Hác-măng (1883) và Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884) có những điểm gì giống và khác nhau ? Nêu nhận xét các Hiệp ước đó.

* *Hướng dẫn trả lời :*

	Hiệp ước Hác-măng	**Hiệp ước Pa-tơ-nốt**
Giống nhau	Đều thừa nhận quyền “bảo hộ” của thực dân Pháp ở Bắc Kì và Trung Kì. Đều thể hiện thái độ của triều Nguyễn biến sự mất nước không tất yếu trở thành tất yếu.	
Khác nhau	Khu vực cai quản của triều đình Huế bị thu hẹp lại từ Khánh Hoà đến Đèo Ngang.	Khu vực cai quản của triều đình Huế được mở rộng đến Bình Thuận và Thanh - Nghệ - Tĩnh. Đây là âm mưu xoa dịu sự công phẫn của nhân dân.

Nhận xét :

- Các Hiệp ước trên đều thể hiện sự nhu nhược của triều đình Huế, không dám cùng nhân dân đứng lên chống Pháp.

- Các hiệp ước trên đã tạo điều kiện cho thực dân Pháp đặt ách thống trị lâu dài nước ta.

Câu 14 : Lập bảng thống kê các bước xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.

** Hướng dẫn trả lời :*

Các bước	Thời gian	Sự kiện
Bước 1	Từ năm 1858 đến 1862	Đánh chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kì, buộc triều Nguyễn kí Hiệp ước Nhâm Tuất 1862.
Bước 2	Từ năm 1863 đến năm 1867	Chiếm nốt ba tỉnh miền Tây Nam Kì.
Bước 3	Từ 1867 đến 1874	Đánh chiếm Bắc Kì lần thứ nhất, buộc triều Nguyễn kí Hiệp ước 1874.
Bước 4	Từ 1875 đến 1884	Đánh chiếm Bắc Kì lần thứ hai, buộc triều Nguyễn kí các Hiệp ước Hác-măng và Pa-tơ-nốt, hoàn thành việc xâm lược Việt Nam.

Câu 15 : Thái độ của thực dân Pháp trong hai lần đưa quân ra đánh Bắc Kì có gì khác nhau ? Tại sao có sự khác nhau đó ?

- *Lần thứ nhất :*

+ Thực dân Pháp tung gián điệp đội lốt giáo sĩ hoặc thương nhân ra do thám tình hình Bắc Kì, bắt liên lạc với lái buôn Đuy-puy lúc đó đang hoạt động ở vùng biển Trung Quốc – Việt Nam và tích cực gây dựng cơ sở nội ứng trong một bộ phận dân chúng.

+ Lấy cớ giải quyết "vụ Đuy-puy" theo yêu cầu của triều đình Huế, thực dân Pháp ở Sài Gòn đã phái Gác-ni-ê đưa quân ra Bắc.

+ Cho quân khiêu khích. Rồi gửi tối hậu thư yêu cầu Nguyễn Tri Phương nộp thành Hà Nội cho chúng. Sau đó tổ chức đánh vào thành Hà Nội.

- *Lần thứ hai :*

+ Thực hiện ý đồ chiếm đóng toàn bộ Việt Nam, viện cớ nhà Nguyễn không thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của Hiệp ước 1874, Pháp đưa quân thêm ra Bắc Kì.

+ Ngày 3 - 4 - 1882, Ri-vi-e chỉ huy một đạo quân Pháp từ Sài Gòn kéo ra Hà Nội. Sau khi giở trò khiêu khích, chúng nổ súng đánh thành (25 - 4 - 1882). Quan trấn thủ thành Hà Nội là Hoàng Diệu chỉ huy quân sĩ kiên quyết chống cự, nhưng cuối cùng bị thất bại.

+ Triều đình Huế tiếp tục hoang mang và khiếp nhược, cầu cứu nhà Thanh, nhà Thanh đưa quân sang nước ta rồi bí mật thương thuyết với Pháp để chia nhau quyền lợi ở Việt Nam.

+ Về phía Pháp, tháng 3 – 1883, Ri-vi-e cho quân chiếm đóng vùng mỏ Hồng Gai, Quảng Yên, rồi kéo quân từ Hà Nội xuống đánh chiếm Nam Định. Lần thứ hai, hầu hết các tỉnh thành lớn ở vùng đồng bằng Bắc Kì rơi vào tay giặc.

- Tại sao có sự khác nhau đó : Vì lần thứ hai ý đồ của Pháp muốn chiếm toàn bộ Việt Nam, trên cơ sở đó biến nước ta thành thuộc địa của Pháp.

Câu 16 : Thông qua bài học, hãy so sánh thái độ của nhân dân và của triều đình Huế trong cuộc đấu tranh chống Pháp xâm lược.

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Thái độ của nhân dân :* Mặc dầu trước sự bất lực của triều đình Huế ngay từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta nhưng nhân dân đã chủ động, sáng tạo, kiên quyết, đoàn kết đứng lên chống xâm lược.

- *Thái độ của triều đình :* Triều đình luôn bị động, máy móc, thiếu sáng tạo, thiếu quyết tâm, dẫn đến xa rời cuộc kháng chiến của dân tộc và kết cục thất bại của cuộc kháng chiến.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Chiến sự ở Gia Định từ năm 1859 đến 1862 diễn ra như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ngày 9 – 2 – 1859, quân Pháp tập trung ở Vũng Tàu, đến ngày 16 – 2 – 1859 quân Pháp đến Gia Định.

- Sáng 17 – 2 – 1859, Pháp nổ súng đánh thành Gia Định. Tuy chiếm được thành Gia Định nhưng quân Pháp gặp rất nhiều khó khăn bởi các hoạt động ráo riết của nghĩa quân. Sau đó, chúng chỉ để lại một số ít quân ở Gia Định để chốt giữ, số còn lại thì cấp tốc hành quân ra cứu viện cho mặt trận Đà Nẵng.

- Tháng 3 – 1860, Nguyễn Tri Phương được điều vào chỉ huy mặt trận Gia Định. Ông đã huy động lực lượng, xây dựng hệ thống phòng ngự kiên cố, lấy đồn Chí Hòa làm trung tâm.

- Ngày 23 – 2 – 1861, quân Pháp nổ súng tấn công Đại đồn Chí Hòa, tại đây cuộc chiến đấu diễn ra hết sức ác liệt trong hai ngày liên tiếp, Nguyễn Tri Phương buộc phải rút lui. Sau đó, quân Pháp thừa thắng đánh chiếm Định Tường (12 – 4 – 1861), Biên Hòa (18 – 12 – 1861) và Vĩnh Long (23 – 3 – 1862). Đến tháng 4 – 1861, ba tỉnh miền Đông và một số tỉnh miền Tây Nam Kì bị giặc chiếm.

- Nhân dân Nam Kì đã đứng lên kháng chiến. Ngày 10 – 12 – 1861, nghĩa quân Nguyễn Trung Trực đánh chìm tàu chiến Pháp trên sông Vàm Cỏ Đông.

Câu 2 : Nguyên nhân nào khiến nhà Nguyễn kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất (1802), Hiệp ước đã vi phạm điều gì ?

**Hướng dẫn trả lời :*

- Nhà Nguyễn nhân nhượng với Pháp để bảo vệ quyền lợi của giai cấp và dòng họ.

- Rảnh tay ở phía Nam để đối phó với phong trào nông dân khởi nghĩa ở Trung Kì và Bắc Kì.

- Hiệp ước đã vi phạm chủ quyền dân tộc : cắt đất cho giặc.

Câu 3 : So sánh hai thái độ, hai kiểu hành động nhân dân và triều đình Huế trước sự xâm lược của thực dân Pháp.

** Hướng dẫn trả lời :*

	Thái độ	Hành động
Nhân dân	- Kiên quyết chống xâm lược ngay từ khi Pháp nổ súng xâm lược nước ta. - Kiên quyết chống trả khi địch tấn công Gia Định và các tỉnh Nam Bộ.	- Anh dũng chống trả chúng tại Đà Nẵng dẫn đến làm thất bại kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh" của địch. - Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra quyết liệt chống sự mở rộng chiếm đóng của thực dân Pháp và chống sự nhu nhược của triều đình.
Triều đình	- Không kiên quyết động viên nhân dân chống Pháp. - Bỏ lỡ thời cơ để hành động. - Nhu nhược, ươn hèn, ích kỉ vì quyền lợi của dòng họ bán rẻ dân tộc.	- Bỏ lỡ thời cơ khi địch đánh Gia Định. - Kí Hiệp ước 1862 để mất ba tỉnh miền Đông Nam Kì. - Để mất ba tỉnh miền Tây (1867). - Đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân.

Câu 4: Lập niên biểu những sự kiện chính trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta từ 1858 – 1873, theo mẫu sau :

Thời gian	Nội dung chính

** Hướng dẫn trả lời :*

Thời gian	Nội dung chính
1. 1 – 9 – 1858.	A. Pháp tấn công Đà Nẵng.
2. 17 – 2 – 1859	B. Pháp tấn công Gia Định.
3. 10 – 12 – 1861	C. Pháp tấn công Đại đồn Chí Hòa.
4. 24 – 2 – 1861	D. Nguyễn Trung Trực đốt cháy tàu giặc trên sông Vàm Cỏ Đông.
5. 5 – 6 – 1862	E. Hệp ước Nhâm Tuất.
6. 2 – 1863	F. Pháp tấn công căn cứ Tân Hòa (Gò Công).
7. 20 – 8 – 1864	G. Trương Định hi sinh.
8. 24 – 6 – 1867	H. Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây.
9. 1867 – 1875	I. Hàng loạt các cuộc khởi nghĩa chống Pháp nổ ra ở Nam Kì.

Câu 5 : Nhận xét về phong trào chống Pháp của nhân dân Nam Kì theo thứ tự sau : Hoàn cảnh, số lượng, qui mô, kết quả.

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Hoàn cảnh :* Cuộc kháng chiến càng ngày càng khó khăn vì thái độ bạc nhược, cấu kết với giặc của triều đình Huế để đàn áp phong trào của nhân dân.

- *Số lượng người tham gia :* Đông đảo, nhiều tầng lớp nhân dân tham gia, đặc biệt là nông dân.

- *Quy mô :* Rộng khắp 6 tỉnh Nam Kì.

- *Kết quả :* Thất bại.

Câu 6 : Em hãy so sánh thái độ và hành động của nhân dân và triều đình Huế trong việc Pháp đánh Bắc Kì lần thứ nhất.

	Thái độ	Hành động
Nhân dân Hà Nội và các tỉnh Bắc Kì		
Triều đình		

** Hướng dẫn trả lời:*

	Thái độ	Hành động
Nhân dân Hà Nội và các tỉnh Bắc Kì	Kiên quyết chống giặc.	Nhân dân anh dũng đứng lên kháng chiến ở Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ.
Triều đình	Không liên quyết chống giặc, cầm chừng, chủ yếu thiên về thương thuyết.	Tạo điều kiện cho Pháp ra Bắc Kì. Làm thất thủ thành Hà Nội. Kí Hiệp ước Giáp Tuất (15 – 3 – 1874)

Câu 7 : Vì sao triều đình Huế kí Hiệp ước Giáp Tuất 1874 ? Em có nhận xét gì về Hiệp ước 1874 so với Hiệp ước Nhâm Tuất 1862 ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Hiệp ước 1874 là một sự tính toán thiểu cận của triều đình Huế, xuất phát từ ý thức bảo vệ quyền lợi của giai cấp và dòng họ triều đình Huế trượt dài trên con đường đi đến đầu hàng hoàn toàn. Chủ quyền dân tộc bị xâm phạm nhiều hơn, tạo điều kiện để Pháp thực hiện âm mưu lược tiếp theo.

- So với Hiệp ước 1862, Hiệp ước 1874 ta mất thêm 3 tỉnh Nam Kì, mất thêm một phần quan trọng chủ quyền lãnh thổ, ngoại giao và thương mại của Việt Nam.

Câu 8 : Cuộc chiến đấu bảo vệ thành Hà Nội năm 1882 có gì khác năm 1873 ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Tăng cường phòng thủ.
- Cuộc chiến đấu có sự phối hợp trong ngoài.

- Một số người chủ trương trình triều đình thực hiện kế sách chiến đấu lâu dài, dựa vào rừng núi như không được triều đình chấp nhận.

Câu 9 : Đường lối kháng chiến của triều đình Nguyễn có gì thay đổi sau chiến thắng Cầu Giấy 12 – 1873 ?

** Hướng dẫn trả lời :*

Đường lối kháng chiến của triều đình Nguyễn không có gì thay đổi vì vậy đã không phát huy được chiến thắng Cầu Giấy (12 – 1873), mà chỉ coi đây là một cơ hội để điều đình, thương lượng với Pháp. Hiệp ước cắt đất cầu hòa lần thứ hai (thừa nhận cho Pháp chiếm cả 6 tỉnh Nam Kì) do đó đã nhanh chóng được kí kết vào ngày 15 – 3 – 1874.

Câu 10 : Chủ trương của Pháp sau trận Cầu Giấy lần thứ hai (5 – 1883), có gì khác với trận Cầu Giấy thứ nhất (12 – 1873) ? Kết quả của việc Pháp thực hiện chủ trương đó ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Không giống như trận Cầu Giấy lần thứ nhất, lần này chủ trương thôn tính toàn bộ Việt Nam đã trở thành đường lối chung của Nhà nước thực dân Pháp.
- Vì vậy : Pháp quyết định đem quân đánh thẳng Thuận An, sát kinh thành Huế, Hiệp ước Hác-măng (1883) và sau đó là Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884) đã được kí kết, chấm dứt sự tồn tại độc lập của triều đình phong kiến nhà Nguyễn. Nền "bảo hộ" của Pháp được xác lập trên toàn bộ đất nước Việt Nam.

Câu 11 : Lập bảng thống kê về các Hiệp ước mà triều đình Huế đã kí với Pháp theo yêu cầu sau :

- Hoàn cảnh kí kí kết.
- Nội dung cơ bản.
- Hậu quả của nó.

** Hướng dẫn trả lời :*

Các Hiệp ước	Hoàn cảnh	Nội dung	Hậu quả
1. Hiệp ước Nhâm Tuất (5 – 6 – 1862)	Giữa lúc cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Kì bùng nổ và dâng cao (tiêu biểu nhất là khởi nghĩa của Trương Định) thì triều đình Huế kí Hiệp ước với Pháp.	Nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kì (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) và đảo Côn Lôn; mở cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên cho Pháp tự do buôn bán, bồi thường chiến phí và kèm theo nhiều nhượng bộ khác về chính trị, quân sự.	- Tạo điều kiện cho Pháp mở rộng địa bàn chiếm đóng ở Nam Kì. - Gây nên nhiều nổi bất bình trong nhân dân.
2. Hiệp ước Giáp Tuất (15 – 3 – 1874)	Khi quân dân ta giành chiến thắng ở Cầu Giấy làm cho quân Pháp ở Hà Nội và các tỉnh run sợ. Thực dân Pháp ở Nam Kì cũng hoảng hốt. Tạo ra thời cơ thuận lợi để đánh đuổi quân giặc.	Triều đình Huế chính thức thừa nhận chủ quyền của Pháp ở sáu tỉnh Nam Kì, cam kết mở cửa biển Thị Nại (Quy Nhơn), Ninh Hải (Hải Phòng), Hà Nội và sông Hồng cho Pháp vào buôn bán. Ở những nơi đó Pháp có quyền mở mang công nghệ, xây dựng kho tàng, thuê mướn nhân công. Ngoại giao của ta lệ thuộc vào ngoại giao của Pháp.	- Đã làm mất một phần quan trọng về chủ quyền độc lập của Việt Nam. - Nước ta bị biến thành thị trường riêng của Pháp.
3) Hiệp ước Hác-măng (25 – 8 – 1883)	Ngày 17 – 7 – 1883, vua Tự Đức qua đời. Lợi dụng triều đình đang bận rộn với công việc chọn người kế vị vua, Pháp đem quân đánh Thuận An, sát kinh thành Huế. Triều đình Huế xin đình chiến. Lúc đó Cao ủy Pháp là Hác-măng đến Huế đưa ra bản hiệp ước đã thảo sẵn, buộc triều đình Huế phải chấp nhận.	- Triều đình Huế chính thức thừa nhận quyền "bảo hộ" của Pháp ở Bắc Kì và Trung Kì. - Triều đình Huế chỉ được cai quản từ Khánh Hòa đến Đèo Ngang. - Bình Thuận sáp nhập vào Nam Kì thuộc Pháp ; Thanh – Nghệ – Tĩnh sáp nhập vào Bắc Kì. - Khâm sứ Pháp ở Trung Kì trực tiếp điều khiển công việc nội trị và ngoại giao của triều đình. Công sứ Pháp ở Bắc Kì thường xuyên kiểm soát công việc của quan chức sở tại. Mọi việc giao thiệp với nước ngoài do người Pháp nắm. Triều đình Huế rút toàn bộ quân ở Bắc Kì về, Pháp được đóng quân ở những nơi xét thấy cần thiết.	- Làm cho chủ quyền độc lập của dân tộc ta bị vi phạm một cách trắng trợn. Tiếp tục gây nên nổi bất bình trong nhân dân. Nguy cơ mất nước đang đến gần.

4. Hiệp ước Pa-tơ-nốt (6-6-884)	Sau hiệp ước Hác-măng, tại Bắc Kì Pháp còn phải đối phó với quân Mãn Thanh và phong trào tự động kháng chiến của nhân dân ta. Tháng 5 – 1884, Hiệp ước Thiên Tân được kí kết, nhà Thanh rút quân khỏi Bắc Kì. Nhưng phong trào đấu tranh của nhân dân ta vẫn tiếp diễn. Để buộc triều đình Huế phục vụ đắc lực cho Pháp, chúng đã sửa đổi Hiệp ước 1883 thành Hiệp ước Pa-tơ-nốt 1884.	- Về cơ bản giống Hiệp ước Hác- măng. - Sửa đổi điều khoản là giao Bình Thuận và ba tỉnh Thanh – Nghệ – Tĩnh về lại Trung Kì cho triều đình Huế cai quản.	- Thủ tiêu độc lập thống nhất của nước ta. - Biến sự mất nước không tất yếu trở thành tất yếu.

Bài 35

TRÀO LƯU CẢI CÁCH, DUY TÂN Ở VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Các sĩ phu yêu nước tiến bộ đưa ra các đề nghị cải cách duy tân trong bối cảnh lịch sử nước ta như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Trong nửa sau thế kỉ XIX, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng : nông nghiệp sa sút, thủ công và thương nghiệp bế tắc, tài chính kiệt quệ.

- Triều đình nhà Nguyễn tăng cường bóc lột nhân dân. Bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương trở nên sâu mọt.

- Nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân và bạo loạn chống lại triều đình nổ ra.

- Mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân với giai cấp thống trị ngày càng trở nên sâu sắc, thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị mở rộng xâm lược nước ta.

- Đứng trước vận nước nguy nan, các quan lại, sĩ phu yêu nước và tiến bộ đưa ra đề nghị cải cách, duy tân đất nước.

Câu 2 : Nêu những nội dung cơ bản của các đề nghị cải cách cuối thế kỉ XIX.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Những cải cách đề cập đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội của nước ta lúc đó, phản ánh tâm tư muốn thoát khỏi khuôn khổ chật hẹp của chế độ phong kiến đương thời, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng lạc hậu, có thể đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.

- Những cải cách muốn đưa đất nước đi theo con đường Duy tân của Nhật Bản.

- Những cải cách còn muốn biệt đãi người phương Tây, học tập cách làm của phương Tây để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng trì trệ, lạc hậu.

- Cải cách muốn chấn chỉnh lại bộ máy quan lại, phát triển công thương, chấn chỉnh võ bị, ngoại giao, cải tổ giáo dục.

Câu 3 : Những đề nghị cải cách cuối thế kỉ XIX có những ưu, nhược điểm gì ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ưu điểm :

+ Nhìn thấy rõ sự điêu tàn về kinh tế và sự bất ổn định về chính trị, xã hội lúc bấy giờ.

+ Nhìn thấy sự tồn tại quá lâu đời của ý thức hệ phong kiến là sự cản trở cho việc canh tân đất nước.

+ Thể hiện lòng yêu nước, muốn duy tân đất nước, đưa đất nước phát triển để có điều kiện chống kẻ thù xâm lược.

+ Những đề nghị cải cách đã vượt qua những định kiến, ghen ghét của chế độ phong kiến đương thời để những mong làm cho đất nước phát triển.

- Nhược điểm :

+ Những cải cách chưa đề ra được biện pháp cụ thể để canh tân đất nước.

+ Phần lớn các sĩ phu vẫn còn chấp nhận sự tồn tại của chế độ phong kiến.

+ Những cải cách còn mang tư tưởng chủ quan.

Câu 4 : Các sĩ phu đề nghị cải cách duy tân đất nước xuất phát từ động cơ nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Xuất phát từ động cơ yêu nước, thương dân.

- Muốn nước ta cường thịnh bằng các nước xung quanh, đủ sức đối phó với cuộc xâm lược của Pháp.

- Muốn canh tân đất nước theo hướng Duy tân của Nhật Bản và các nước phương Tây.

Câu 5 : Tại sao hầu hết những đề nghị cải cách này lại không được thực hiện ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cuộc cải cách duy tân là một yêu cầu khách quan của lịch sử ; muốn tồn tại và phát triển, nhất thiết phải duy tân.

- Muốn cho cuộc duy tân, đổi mới trở thành hiện thực và đạt kết quả như mong muốn thì phải có những điều kiện như : sự đồng thuận từ trên xuống dưới ; quyết tâm của người lãnh đạo, ủng hộ của quần chúng nhân dân; phải có những điều kiện thuận lợi đảm bảo cho công cuộc cải cách giành thắng lợi. Ngoài ra, những đề nghị cải cách còn phải hợp với hoàn cảnh đất nước.

- Xuất phát từ các yêu cầu đó, chúng ta thấy rằng, cuộc cải cách duy tân cuối thế kỉ XIX thiếu sự quyết tâm của triều đình, do triều đình Nguyễn còn tỏ thái độ bảo thủ, muốn khép kín cửa không quan hệ với bên ngoài, không chịu thay đổi trước những biến đổi của thời đại. Hơn nữa, những đề nghị cải cách chưa đủ khả năng thắng tư tưởng bảo thủ.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Nêu một số cải cách, duy tân tiêu biểu trong thời kì này.

- Những người đi tiên phong trong công cuộc cải cách, duy tân: Nguyễn Hiệp, Lê Đình, Phạm Phú Thứ, Đặng Đức Tuấn, Đặng Huy Trứ, Bùi Viện, Nguyễn Lộ Trạch, Đinh Văn Điền, Nguyễn Trường Tộ.

- Quan điểm của họ : nhìn thấy rõ sự trì trệ của đất nước, sự bảo thủ của giới hủ nho và tác hại của chính sách "đóng cửa khoá nước", sự quay lưng với những tiến bộ kĩ thuật phương Tây. Họ muốn đi theo con đường Duy tân Nhật Bản.

- Một số quan điểm cụ thể :

+ Đinh Văn Điền đề nghị mở mang việc khai mỏ, đóng tàu, biệt đãi người phương Tây, khai thông buôn bán, học tập binh thư, binh pháp, huấn luyện quân đội theo lối mới.

+ Nguyễn Trường Tộ đề nghị chấn chỉnh bộ máy quan lại, phát triển công thương, tài chính, chấn chỉnh võ bị, ngoại giao, cải tổ giáo dục...

Câu 2 : Kết cục của những đề nghị cải cách duy tân cuối thế kỉ XIX.

- Hầu hết các đề nghị cải cách duy tân không được thực hiện vì triều đình Nguyễn bảo thủ, cố chấp, không chịu thay đổi.

- Dù không được thực hiện, nhưng trào lưu đòi cải cách cuối thế kỉ XIX đã có tác dụng tấn công vào những tư tưởng bảo thủ và chuẩn bị cho sự ra đời của phong trào Duy tân sôi nổi, rộng khắp ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.

Bài 36

PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Nội bộ triều đình Huế sau hai Hiệp ước 1883 và 1884 ra sao ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Hai Hiệp ước Hác-măng (1883) và Pa-tơ-nốt (1884) đã chấm dứt sự tồn tại của nhà nước phong kiến Việt Nam độc lập. Tuy vậy, phái chủ chiến do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết đứng đầu vẫn nuôi hi vọng sẽ khôi phục lại chủ quyền.

- Dựa vào phong trào kháng chiến của nhân dân, phái chủ chiến trong triều đình Huế mà đại diện là Tôn Thất Thuyết (Thượng thư Bộ Binh) và Nguyễn Văn Tường (Thượng thư Bộ Lại) mạnh tay hành động.

- Tình hình đó buộc thực dân Pháp phải tăng thêm lực lượng quân sự, xiết chặt bộ máy kìm kẹp và tìm mọi cách để loại trừ phái chủ chiến ra khỏi triều đình. Biết được âm mưu của Pháp, Tôn Thất Thuyết và lực lượng chủ chiến quyết định nổ súng để giành thế chủ động.

Câu 2 : Nêu diễn biến cuộc phản công của phái chủ chiến ở kinh thành Huế (7 – 1885). Trình bày nội dung cơ bản và ý nghĩa của chiếu Cần vương.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Diễn biến :

+ Đêm mùng 4 rạng ngày 5 – 7 – 1885, trong khi tên Toàn quyền về chính trị và quân sự Pháp tại Việt Nam là Cuốc-xi (De Cuorcy) đang mải mê yến tiệc tại toà Khâm sứ Pháp tại Huế, Tôn Thất Thuyết đã hạ lệnh cho các đạo quân của mình tấn công. Một số tên Pháp bị tiêu diệt tại đồn Mang Cá, tòa Khâm sứ. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, song do chuẩn bị vội vã, thiếu chu đáo nên sức chiến đấu của quân ta nhanh chóng giảm sút. Sáng 6 – 7, quân Pháp phản công. Chúng cướp bóc và tàn sát nhân dân ta vô cùng man rợ.

+ Tôn Thất Thuyết phải đưa Vua Hàm Nghi và Tam cung ra khỏi Hoàng thành, rồi chạy ra sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị). Ngày 13 – 7 – 1885, Tôn Thất Thuyết mượn danh Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương, kêu gọi văn thân, sĩ phụ và nhân dân cả nước đứng lên, vì vua mà kháng chiến.

- Nội dung của chiếu Cần vương :

+ Tố cáo âm mưu xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.

+ Lên án sự phản bội của một số quan lại, tính bất hợp pháp của triều đình Đồng Khánh do Pháp mới dựng lên.

+ Khích lệ sĩ phu, văn thân và nhân dân cả nước quyết tâm kháng chiến chống Pháp đến cùng.

- Ý nghĩa :

+ Chiếu Cần vương đã nhanh chóng thổi bùng ngọn lửa yêu nước của nhân dân ta.

+ Tạo thành phong trào vũ trang chống Pháp diễn ra sôi nổi, liên tục kéo dài 12 năm, đến cuối thế kỉ XIX mới chấm dứt.

Câu 3 : Tóm lược các giai đoạn phát triển của phong trào Cần vương.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Giai đoạn một : từ năm 1885 đến tháng 11 – 1888

+ Phong trào được đặt dưới sự chỉ huy của Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.

+ Hàng trăm cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ đã nổ ra trên phạm vi cả nước, từ Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Định cho tới Khánh

Hòa, Phú Yên. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng ở Bình Định. Cùng nổi dậy với ông có Bùi Điền, Nguyễn Đức Nhuận, Đào Doãn Địch, Nguyễn Duy Cung ...

+ Lúc này, phò tá cho Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết còn có nhiều văn thân, sĩ phu và tướng lĩnh khác như Trần Xuân Soạn, Tôn Thất Đàm, Tôn Thất Thiệp (hai con của Tôn Thất Thuyết), Phạm Tường, Trần Văn Định. Bộ chỉ huy của phong trào đóng tại vùng rừng núi phía tây hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh.

+ Cuối năm 1888, do sự phản bội của Trương Quang Ngọc, vua Hàm Nghi rơi vào tay giặc. Nhà vua đã hiên ngang cự tuyệt mọi sự dụ dỗ của Pháp, chịu án lưu đày sang An-giê-ri (Bắc Phi).

- Giai đoạn hai : từ năm 1888 đến năm 1895

+ Ở giai đoạn này không còn sự chỉ huy của triều đình kháng chiến, nhưng phong trào vẫn tiếp tục phát triển và quy tụ dần thành các trung tâm lớn, tồn tại bền bỉ và ngày càng có xu hướng đi vào chiều sâu.

+ Trước những cuộc hành quân càn quét dữ dội của thực dân Pháp, phong trào ở vùng đồng bằng ngày càng bị thu hẹp và chuyển trọng tâm hoạt động lên vùng trung du và miền núi. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa : Hùng Lĩnh do Cao Điền và Tống Duy Tân lãnh đạo, hoạt động ở vùng rừng núi phía tây tỉnh Thanh Hóa ; khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng và Cao Thắng lãnh đạo.

+ Khi tiếng súng kháng chiến đã im trên núi Vụ Quang (Hương Khê – Hà Tĩnh) vào cuối năm 1895, phong trào Cần vương coi như chấm dứt.

Câu 4 : Nêu những đặc điểm về tổ chức và hoạt động của nghĩa quân Bãi Sậy.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Khởi nghĩa Bãi Sậy dựa vào địa thế thuận lợi, nghĩa quân đã sử dụng lối đánh du kích độc đáo, lợi hại phân tán trong nhân dân thành nhóm nhỏ, khi ẩn, khi hiện, bất thường luôn chủ động phục kích giặc trên đường đi hoặc tập kích các đồn, đường giao thông tiếp tế và vận tải của chúng.

- Phương thức tổ chức và hoạt động tác chiến của nghĩa quân trên địa hình đồng bằng, đất hẹp, người đông.

- Việc xây dựng căn cứ thể hiện sự sáng tạo của nghĩa quân, cho nên khởi nghĩa tồn tại được lâu hơn khởi nghĩa Ba Đình.

Câu 5 : Dựa vào lược đồ, hãy miêu tả công sự phòng thủ ở căn cứ Ba Đình. So sánh chiến thuật của nghĩa quân Ba Đình với chiến thuật của nghĩa quân Bãi Sậy.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Miêu tả : Dựa vào lược đồ trong sách giáo khoa để miêu tả theo các ý sau đây :

+ Xác định căn cứ Ba Đình được xây dựng trên vùng đất thuộc ba làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

+ Cách xây dựng căn cứ Ba Đình khá độc đáo : lợi dụng ngay các lũy tre làng và vùng đất lầy thụt làm chiến tuyến tự nhiên.

+ Phía trong thành có hệ thống giao thông hào dùng để vận chuyển và tiếp tế khi chiến đấu. Ở những nơi xung yếu đều có công sự vững chắc. các hầm chiến đấu được đào theo kiểu chữ "chi". Các ngôi đình của ba làng được biến thành các chốt đóng quân, nối với nhau bằng chiến hào, có thể hỗ trợ cho nhau.

+ Ngoài căn cứ Ba Đình còn có các căn cứ khác, tiêu biểu nhất là căn cứ Mã Cao ở phía tây bắc Ba Đình. Tuy nhiên, căn cứ Ba Đình cũng có những điểm bất lợi : nằm giữa cánh đồng bằng phẳng, ngập nước, dễ bị phát hiện, nếu bị tấn công khó thoát ra ngoài.

- So sánh :

Cuộc khởi nghĩa	Chiến thuật
Bãi Sậy	- Hoạt động đánh địch trên các tuyến giao thông hoặc trên các con sông lớn như sông Thái Bình, sông Hồng, sông Đuống. - Nghĩa quân được chia thành từng toán nhỏ, trà trộn với dân để hoạt động và tiến hành đánh du kích chớp nhoáng hoặc phục kích chặn đường giao thông tiếp tế của địch.
Ba Đình	- Bắt đầu từ hoạt động nhỏ : tập kích, phục kích những toán quân, những đoàn xe vận tải của Pháp trên đường bộ và đường sông, rồi tiến lên những trận đánh lớn, đẩy lùi các cuộc tiến công lớn của địch khi chúng đánh vào căn cứ Ba Đình.

Câu 6 : Cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh diễn ra như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Sau khi căn cứ Ba Đình thất thủ, ở Hùng Lĩnh (Vĩnh Lộc – Thanh Hoá) lại hình thành một trung tâm kháng chiến thứ hai, mở rộng từ vùng đồng bằng lên miền rừng núi phía tây, sát biên giới Việt – Lào, lãnh đạo chính của khởi nghĩa là Tống Duy Tân và một thủ lĩnh người Thái là Cầm Bá Thước.

- Ngoài căn cứ chính, nghĩa quân còn mở rộng địa bàn hoạt động, phối hợp chiến đấu với Đề Kiều, Đốc Ngữ ở vùng hạ lưu sông Đà và với nghĩa quân Phan Đình Phùng ở vùng rừng núi Nghệ An – Hà Tĩnh.

- Trong vòng hai năm (1889 – 1890), nghĩa quân đã chiến đấu anh dũng, gây cho Pháp nhiều thiệt hại, nổi tiếng nhất là trận Vân Đồn (Nông Cống) đầu năm 1889 và trận Yên Lăng (Xuân Yên – Thọ Xuân) tháng 3 – 1890.

- Thực dân Pháp tập trung lực lượng truy quét, nghĩa quân phải vừa chống đỡ, vừa rút dần lên miền Tây Thanh Hoá. Lực lượng suy yếu dần.

- Do có kẻ chỉ điểm, tháng 10 – 1892, Tống Duy Tân bị Pháp bắt, Cao Điền phải trốn ra Bắc. Khởi nghĩa đến đây coi như thất bại.

Câu 7 : Trình bày những hoạt động chủ yếu của nghĩa quân Hương Khê qua 2 giai đoạn của cuộc khởi nghĩa. Hãy so sánh khởi nghĩa Hương Khê với các cuộc khởi nghĩa Cần vương khác.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Trình bày những hoạt động :

+ Lãnh đạo Phan Đình Phùng, bên cạnh có các tướng tài nổi bật là Cao Thắng.

+ Địa bàn hoạt động : Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quãng Bình.

+ Từ năm 1885 – 1888, nghĩa quân lo tổ chức, huấn luyện xây dựng công sự, rèn đúc vũ khí và tích trữ lương thực.

+ Từ năm 1888 đến 1896, nghĩa quân dựa vào rừng núi, đẩy lùi nhiều cuộc hành quân càn quét của địch.

+ Để đối phó, thực dân Pháp tập trung binh lực và xây dựng hệ thống đồn bốt dày đặt nhằm bao vây cô lập nghĩa quân. Đồng thời mở nhiều cuộc hành quân tấn công qui mô vào Ngàn Trươi, căn cứ chính của nghĩa quân.

+ Lực lượng nghĩa quân suy yếu dần, sau khi Phan Đình Phùng hi sinh (28 – 12 – 1895), các thủ lĩnh còn lại tiếp tục chiến đấu thêm một thời gian. Đến năm 1896, phong trào tan rã.

- So sánh :

+ Về địa bàn hoạt động : Đại bàn của khởi nghĩa Hương Khê rộng hơn các cuộc khởi nghĩa khác, đó là : địa bàn gồm bốn tỉnh – Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, thậm chí có lúc sang cả địa phận nước Lào.

+ Người lãnh đạo : Phan Đình Phùng và Cao Thắng là những người có uy tín trong văn thân sĩ phu, tính thanh liêm, cương trực thẳng thắng, có uy thế về tuổi trẻ, sáng tạo. Hai vị thủ lĩnh này lại có sự phối hợp nhịp nhàng trong quá trình lãnh đạo khởi nghĩa.

+ Lực lượng : Lực lượng nghĩa quân Hương Khê bao gồm đông đảo nông dân, các dân tộc thiểu số ở miền núi Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

+ Trình độ tổ chức : Khởi nghĩa Hương Khê có trình độ tổ chức cao nhất trong phong trào Cần Vương cuối thế kỉ XIX.

+ Thời gian : Khởi nghĩa Hương Khê kéo dài 10 năm (1885 – 1895), dài nhất trong các cuộc khởi nghĩa Cần Vương. Trong mười năm đó, nghĩa quân đã biết sử dụng những phương thức tác chiến linh hoạt, chủ động, sáng tạo trong quá trình chuẩn bị lực lượng cũng như trong khi giao chiến với kẻ thù.

Như vậy, khởi nghĩa Hương Khê là đỉnh cao nhất trong phong trào Cần Vương cuối thế kỉ XIX, kéo dài trong mười năm, có quy mô rộng lớn, tổ chức tương đối chặt chẽ, lập được nhiều chiến công, gây cho địch tổn thất nặng nề.

Câu 8 : Hãy nêu những nét chính về các giai đoạn của cuộc khởi nghĩa Yên Thế.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Giai đoạn 1884 – 1892, nghĩa quân hoạt động riêng lẻ, chưa có sự chỉ huy thống nhất, thủ lĩnh uy tín nhất là Đề Nắm. Sau khi Đề Nắm mất, Đề Thám trở thành thủ lĩnh của phong trào.

- Giai đoạn 1893 – 1897, nghĩa quân vừa chiến đấu vừa xây dựng cơ sở.

+ Thấy tương quan lực lượng chênh lệch, Đề Thám tìm cách giảng hoà.

+ Sau khi phục kích bắt được tên điền chủ người Pháp Sét-nay, Đề Thám đồng ý thả tên này với điều kiện Pháp phải rút khỏi Yên Thế, Đề Thám cai quản bốn tổng Nhã Nam, Mục Sơn, Yên Lễ, Hữu Thượng.

+ Thời gian giãn hoà không kéo dài, thực dân Pháp tấn công trở lại. Lực lượng của Đề Thám bị tổn thất, suy yếu nhanh chóng. Để cứu vãn tình thế, Đề Thám xin giãn hoà lần thứ hai.

- Giai đoạn 1898 – 1908, tranh thủ thời gian hoà hoãn, Đề Thám cho khai khẩn đồn điền Phồn Xương, tích trữ lương thực, xây dựng đội quân tinh nhuệ, sẵn sàng chiến đấu.

- Giai đoạn 1909 – 1913, phát hiện thấy Đề Thám có dính líu đến vụ đầu độc trại lính Pháp ở Hà Nội. Thực dân Pháp tập trung lực lượng tấn công qui mô lên Yên Thế. Lực lượng nghĩa quân hao mòn dần. Ngày 10 – 2 – 1913, Đề Thám bị sát hại, phong trào tan rã.

Câu 9 : Phong trào đấu tranh của đồng bào miền núi và các dân tộc thiểu số diễn ra như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ở miền Trung, tiêu biểu là cuộc đấu tranh do Hà Văn Mao và Cầm Bá Thước cầm đầu.

- Ở Tây Nguyên các tù trưởng Nơ-trang Gư, Ama Con, Ama Giơ-hao kêu gọi nhân dân rào làng chiến đấu từ 1889 – 1905.

- Ở Tây Bắc, đồng bào các dân tộc Thái, Mường, Mông... tập hợp dưới ngọn cờ của Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Văn Giáp lập căn cứ chống Pháp ở Lai Châu, Sơn La, hoạt động mạnh trên vùng sông Đà.

- Hoạt động của các toán quân người Thái dưới sự chỉ huy của Đèo Văn Trì, Nông Văn Quang, Cầm Văn Thanh, Cầm Văn Hoan kéo dài từ 1884 đến 1890.

- Đèo Chính Lục, Đặng Phúc Thành cầm đầu đồng bào Thái ở Sơn La phục kích quân Pháp ở nhiều nơi.

- Đồng bào Mông ở Hà Giang do Hà Quốc Trượng lãnh đạo nổi dậy chống Pháp từ năm 1894 đến năm 1896.

- Tại vùng Đông Bắc bùng nổ phong trào của người Dao, người Hoa tiêu biểu nhất là đội quân của Lưu Kì.

Câu 10 : Nguyên nhân bùng nổ của phong trào Cần vương chống Pháp.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Với Hiệp ước Hác-măng (1883) và Pa-tơ-nốt (1884), mà thực dân Pháp buộc triều đình Huế kí kết, đã chấm dứt sự tồn tại của nhà nước phong kiến Việt Nam độc lập. Thực dân Pháp đã áp đặt chế độ đô hộ trên toàn bộ nước Việt Nam.

- Nhân dân và quan lại yêu nước vừa bất bình với sự hèn yếu của triều đình vừa căm thù thực dân Pháp nên họ quyết tâm đấu tranh chống bọn cướp nước và bán nước.

- Sau cuộc phản công của phái chủ chiến ở kinh thành Huế (7 – 1885) bị thất bại. Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa Hàm Nghi hạ chiếu Cần vương.

Câu 11 : Những nguyên nhân nào khiến cho các cuộc khởi nghĩa chống Pháp cuối thế kỉ XIX thất bại ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Về chủ quan :*

+ Giai cấp lãnh đạo là tầng lớp sĩ phu xuất thân từ nông dân, tầng lớp này không đại diện cho lực lượng sản xuất tiến tiến, không còn đủ khả năng nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng ở Việt Nam.

+ Đường lối đấu tranh trong phong trào Cần vương đi theo con đường lối phong kiến cũng trở nên lạc hậu. Những cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương đi theo con đường này diễn ra lẻ tẻ, rời rạc nên dễ bị cô lập và đán áp.

+ Chiến lược và chiến thuật của phong trào Cần vương còn non yếu, chưa phù hợp với thực tiễn của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp. Chủ yếu dựa vào chiến tranh du kích nhỏ,.lẻ.

+ Cuộc khởi nghĩa chưa huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn dân, chưa thực hiện chiến tranh nhân dân.

- *Về khách quan :*

+ Do hoàn cảnh lịch sử và điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội ở Việt Nam chưa chín muồi, chưa đáp ứng được yêu cầu của thời đại.

+ Do tương quan lực lượng giữa ta và Pháp còn chênh lệch : Pháp mạnh, ta yếu.

Câu 12 : Hệ thống kiến thức về phong trào đấu tranh vũ trang chống Pháp cuối thế kỉ XIX theo bảng sau đây:

Tên cuộc khởi nghĩa	Thời gian tồn tại	Người lãnh đạo chủ chốt	Địa bàn hoạt động	Những trận đánh tiêu biểu	Nguyên nhân thất bại

** Hướng dẫn trả lời:*

Tên cuộc khởi nghĩa	Thời gian tồn tại	Người lãnh đạo chủ chốt	Địa bàn hoạt động	Những trận đánh tiêu biểu	Nguyên nhân thất bại
Khởi nghĩa Bãi Sậy	1883 – 1892	Nguyễn Thiện Thuật	Hưng Yên, Hải Dương	Trên địa bàn các tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình, Quảng Yên.	Thực dân Pháp mạnh, lực lượng nghĩa quân còn non yếu. Địa bàn ở đồng bằng, đất hẹp.
Khởi nghĩa Ba Đình	1886 – 1887	Phạm Bành, Đinh Công Tráng	Ba làng : Mĩ Khê, Mậu Thịnh, Thượng Thọ (Nga Sơn – Thanh Hoá)	Tại Ba Đình vào tháng 12 – 1886 đẩy lùi cuộc tấn công của quân Pháp.	Chiến thuật phòng ngự bị động với việc lập chiến tuyến cố thủ tại một vùng đồng chiêm trũng, địa bàn chật hẹp.
Khởi nghĩa Hùng Lĩnh	1887 – 1892	Tống Duy Tân, Cao Điển.	Căn cứ Hùng Lĩnh ở thượng nguồn sông Mã (Thanh Hoá).	Trận Vân Đồn (Nông Cống) đầu năm 1889 và trận Yên Lãng (Xuân Yên – Thọ Xuân) tháng 3 – 1890.	Do bị chỉ điểm nên Tống Duy Tân bị bắt, Cao Điển phải trốn ra Bắc, làm cho khởi nghĩa không có người lãnh đạo.
Khởi nghĩa Hương Khê	1885 – 1896	Phan Đình Phùng, Cao Thắng.	Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.	Trận Vụ Quang ngày 17 – 10 – 1894 tiêu hao nhiều sinh lực địch.	Do nghĩa quân chưa biết liên kết, tập hợp lực lượng, phát triển thành phong trào trong toàn quốc.
Phong trào nông dân Yên Thế	1884 – 1913	Hoàng Hoa Thám	Căn cứ Yên Thế ở phía tây tỉnh Bắc Giang.	Ở Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Vĩnh Yên.	Thực dân Pháp tập trung lực lượng quá mạnh để đàn áp phong trào.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Trong cuộc khởi nghĩa Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê cuộc khởi nghĩa nào điển hình nhất trong phong trào Cần vương ? Vì sao ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Khởi nghĩa Hương Khê là điển hình nhất.

- Bởi vì :

+ Đây là cuộc khởi nghĩa có quy mô lớn, địa bàn rộng.

+ Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa là văn thân các tỉnh Thanh – Nghệ – Tĩnh.

+ Thời gian tồn tại 10 năm.

+ Tính chất ác liệt (chiến đấu cam go) chống Pháp và triều đình phong kiến bù nhìn. Tính chất của cuộc khởi nghĩa đã có sự thay đổi : đó là sự xung đột giữa nhân dân Việt Nam với đế quốc Pháp và phong kiến tay sai, tức nội dung dân tộc của cuộc khởi nghĩa đã thể hiện rõ, chứ không còn đơn thuần chỉ là xung đột giữa đế quốc và phong kiến.

Câu 2 : Hãy trình bày tóm tắt cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy theo yêu cầu sau :

Địa bàn	
Lãnh đạo	
Diễn biến	
Ý nghĩa	
Bài học kinh nghiệm	

* *Hướng dẫn trả lời :*

Địa bàn	Vùng lau lách rậm rạp thuộc huyện Văn Lâm, Văn Giang, Khoái Châu, Yên Mĩ (Hưng Yên). Ngoài ra còn có căn cứ ở Hai Sông (Kinh Môn).
Lãnh đạo	Từ năm 1883, do Đinh Gia Quế lãnh đạo. Từ năm 1885 vai trò lãnh đạo thuộc về Nguyễn Thiện Thuật.
Diễn biến	- Từ năm 1885 đến 1887, bẻ gãy nhiều cuộc tấn công của Pháp đánh vào căn cứ Bãi Sậy. - Năm 1888, Pháp tập trung lực lượng, quyết tiêu diệt bằng được khởi nghĩa. Nghĩa quân vẫn được duy trì và đẩy mạnh nhiều hoạt động, đánh một số trận lớn như trận Liêu Thăng, trận Lang Tài (Bắc Ninh). - Tháng 7 – 1889, cuộc khởi nghĩa suy yếu rõ rệt, Nguyễn Thiện Thuật phải tìm đường sang Trung Quốc. - Cuối 7 – 1889, căn cứ Hai Sông bị Pháp tấn công. Đến năm 1892, khởi nghĩa bị thất bại hoàn toàn.
Ý nghĩa	Là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất của nhân dân ta ở vùng châu thổ Bắc Bộ cuối thế kỉ XIX.
Bài học kinh nghiệm	Bài học về phương thức tổ chức hoạt động và tác chiến trên địa bàn đồng bằng, đất hẹp, người đông. Bài học về chiến tranh du kích.

Câu 3 : Hãy nêu những đặc điểm về tổ chức và hoạt động của nghĩa quân Bãi Sậy.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Tổ chức trên diện rộng, dựa vào địa bàn các tỉnh đồng bằng, nơi có nhiều tuyến giao thông quan trọng chạy qua.

- Hoạt động đánh địch trên các tuyến giao thông hoặc trên các con sông lớn như sông Thái Bình, sông Hồng, sông Đuống.

- Nghĩa quân được chia thành từng toán nhỏ, trà trộn với dân để hoạt động và tiến hành đánh du kích chớp nhoáng hoặc phục kích chặn đường giao thông tiếp tế của địch.

Câu 4 : Căn cứ Ba Đình được xây dựng như thế nào ? So sánh chiến thuật của nghĩa quân Ba Đình với nghĩa quân Bãi Sậy.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Ba Đình là vùng đất thuộc ba làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê huyện Nga Sơn – Thanh Hóa.

- Căn cứ Ba Đình được xây dựng rất độc đáo : lợi dụng các lũy tre làng và vùng đất lầy thụt làm chiến tuyến tự nhiên.

- Ngoài Ba Đình còn có một số căn cứ khác ở xung quanh, đóng vai trò hỗ trợ cho căn cứ chính như căn cứ Phi Lai, căn cứ Quảng Hóa, đáng chú ý nhất là căn cứ Mã Cao.

Câu 5 : Qua cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh, hãy nêu :

- Địa bàn khởi nghĩa.
- Người lãnh đạo.
- Tóm tắt diễn biến.

Dưới dạng bảng thống kê.

* *Hướng dẫn trả lời :*

Địa bàn khởi nghĩa	Ở Hùng Lĩnh – Vĩnh Lộc (Thanh Hóa), lan rộng từ đồng bằng lên miền núi phía tây sát biên giới Việt – Lào. Ngoài ra, nghĩa quân còn mở rộng địa bàn hoạt động, phối hợp chiến đấu với nghĩa quân ở hạ lưu sông Hồng và các vùng núi Nghệ An.
Người lãnh đạo	Lãnh đạo chính là Tống Duy Tân và Cầm Bá Thước (người Thái).
Tóm tắt diễn biến	- Trong hai năm (1889 – 1890) nghĩa quân đã gây cho Pháp nhiều thiệt hại, nổi tiếng nhất là trận Vân Đồn (Nông Cống) đầu năm 1889 và trận Yên Lăng (Xuân Yên – Thọ Xuân) tháng 3 – 1890. - Tháng 10 –1890, Tống Duy Tân bị bắt, Cao Điền phải trốn ra Bắc. Phong trào thất bại.

Câu 6 : Hãy tóm tắt diễn biến của khởi nghĩa Yên Thế theo yêu cầu sau đây :

Thời gian	Sự kiện chính
1. 1884 – 1892	
2. 1893 – 1897	
3. 1898 – 1908	
4. 1909 – 1913	

** Hướng dẫn trả lời :*

Thời gian	Sự kiện chính
1. 1884 – 1892	Nghĩa quân còn hoạt động lẻ tẻ, chưa có sự lãnh đạo và chỉ huy thống nhất. Nghĩa quân đã đẩy lùi được nhiều trận càn của Pháp.
2. 1893 – 1897	Nghĩa quân mở rộng địa bàn hoạt động ra nhiều vùng thuộc Bắc Giang, Bắc Ninh và xây dựng căn cứ Hố Chuối. Nghĩa quân hai lần giảng hòa với Pháp.
3. 1898 – 1908	Suốt 11 năm đình chiến, nghĩa quân vẫn giữ vững tinh thần chiến đấu.
4. 1909 - 1913	Thực dân Pháp tấn công trở lại. Phong trào bước vào giai đoạn cuối, suy yếu dần rồi thất bại.

Câu 7 : Hãy nêu tích tính chất, ưu điểm và nhược điểm của phong trào đấu tranh chống Pháp cuối thế kỉ XIX.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Tính chất :

+ Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân, chủ yếu là nông dân nổ ra lẻ tẻ, tự phát.

+ Tầng lớp sĩ phu là lực lượng đứng ra lãnh đạo cuộc đấu tranh. Mục đích của họ là đánh đuổi quân xâm lược để khôi phục nhà nước phong kiến đã sụp đổ.

- Ưu điểm :

+ Nổ ra kịp thời, sôi nổi vì một động cơ chung là đánh Pháp, cứu tổ quốc.

+ Quy mô phong trào rộng lớn, lực lượng tham gia đông đảo.

+ Nghĩa quân biết lợi dụng điều kiện địa lí hiểm yếu và dùng chiến thuật du kích để đối phó với một lực lượng lớn mạnh hơn gấp nhiều lần.

- Nhược điểm :

+ Thiếu tổ chức và lãnh đạo không thống nhất.

+ Hậu cần thiếu thốn, trang bị vũ khí thô sơ.

+ Thiếu một lực lượng lãnh đạo kiên định, tiên tiến dẫn đường.

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta cuối thế kỉ XIX mặc dầu hết sức oanh liệt nhưng cuối cùng bị thất bại. Tuy vậy, phong trào đã thể hiện tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh bất khuất của dân tộc ta.

Câu 8 : So sánh những điểm giống và khác nhau về khởi nghĩa Bãi Sậy, Ba Đình, Hương Khê trong các cuộc khởi nghĩa của phong trào Cần vương theo yêu cầu sau đây :

**Hướng dẫn trả lời :*

	Khởi nghĩa Bãi Sậy	Khởi nghĩa Ba Đình	Khởi nghĩa Hương Khê
Giống nhau	Cả ba cuộc khởi nghĩa đều do các văn thân, sĩ phu yêu nước lãnh đạo, hưởng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi. Đều thể hiện tinh thần đấu tranh chống xâm lược để bảo vệ tổ quốc.		
Khác nhau	- Không có công sự nổi như Ba Đình mà có cạm bẫy ngầm. Nổi bật là chiến thuật du kích bất ngờ. - Được dân chúng ủng hộ tích cực nên tồn tại giữa vùng đồng bằng từ năm 1883 đến 1892. - Pháp phải dùng thủ đoạn "tát nước bắt cá" mới dập tắt được khởi nghĩa.	- Căn cứ nằm trên vị trí chiến lược án ngữ đường giao thông từ Bắc vào Nam ; có công sự kiên cố ; đã giành được nhiều chiến công vang dội.	- Có quy mô lớn nhất, trình độ tổ chức cao nhất, tồn tại lâu nhất. - Khởi nghĩa lập được nhiều chiến công vang dội : tập kích nhà lao Hà Tĩnh năm 1892 ; trận Vụ Quang năm 1894.

Bài 37

SỰ CHUYỂN BIẾN VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ TƯ TƯỞNG Ở VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XX

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Thực dân Pháp tiến hành khai thác lần thứ nhất trong hoàn cảnh nào ? Cuộc khai thác ấy tác động đến tình hình kinh tế – xã hội ở Việt Nam đầu thế kỉ XX như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Hoàn cảnh :

+ Sau khi thực dân Pháp bình định xong về quân sự, chúng tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam.

+ Cuộc khai thác này diễn ra trong bối cảnh nước Việt Nam đã trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến, nên công cuộc khai thác chủ yếu trên lĩnh vực nông nghiệp.

- *Tác động :* Cuộc khai thác này đã bước đầu làm cho cơ cấu kinh tế thay đổi. Kinh tế Việt Nam phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa, chuyển nền kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam vẫn là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, què quặt và lệ thuộc vào kinh tế Pháp. Từ những biến đổi về kinh tế, dẫn đến những chuyển biến của xã hội:

+ Nông dân bị mất ruộng đất ngày càng nhiều và phải chịu nhiều loại thuế, khổ cực trăm bề.

+ Công nhân, chủ yếu xuất thân từ nông dân bị tước đoạt ruộng đất.

+ Tầng lớp tư sản dân tộc ra đời nhưng bị thực dân Pháp chèn ép nên số lượng còn ít, thế lực yếu ớt.

+ Tầng lớp tiểu tư sản như những người buôn bán nhỏ, chủ xưởng nhỏ... cũng ra đời với sự mở rộng khai thác của thực dân Pháp.

+ Các sĩ phu có nhiều chuyển biến về tư tưởng chính trị.

Câu 2 : Tại sao đầu thế kỉ XX các sĩ phu yêu nước cho rằng việc cứu nước phải gắn liền với duy tân đất nước ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ngay trong lúc nước ta bị thực dân Pháp đô hộ, thống trị, hàng loạt phong trào đấu tranh chống Pháp nổ ra sôi nổi, rộng khắp nhưng cuối cùng bị thất bại do khủng hoảng về đường lối cách mạng.

- Lúc này những trào lưu tư tưởng cách mạng mới như : Cải cách của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu ở Trung Quốc, tư tưởng của cách mạng Pháp với những tác phẩm của Rút-xô, Mông-te-xki-ơ được dịch sang tiếng Hán du nhập vào nước ta. Cách mạng Tân Hợi (1911) nổ ra ở Trung Quốc... đã ảnh hưởng đến tư tưởng của các sĩ phu Việt Nam.

- Đặc biệt là cuộc cải cách Minh Trị ở Nhật Bản năm 1868 đã đưa nước Nhật thoát khỏi số phận một nước thuộc địa của phương Tây.

- Chính những tác động đó làm cho các sĩ phu yêu nước ở Việt Nam thấy rằng muốn cứu nước phải tiến hành duy tân đất nước. Họ coi đó là một yêu cầu hợp với xu thế và là điều kiện để giành độc lập cho dân tộc.

Câu 3 : Tại sao các sĩ phu Việt Nam lại noi gương Nhật Bản ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nhật Bản đã tiến hành cải cách Minh Trị năm 1868 đưa nước Nhật thoát khỏi thuộc địa của các nước phương Tây và từ đó Nhật tiến lên con đường tư bản chủ nghĩa.

- Trong cuộc chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905), Nhật đã đánh bại nước Nga Sa hoàng.

- Hơn nữa, Nhật là nước được coi là "đồng chủng, đồng văn" với Việt Nam, có thể dựa vào để đánh Pháp.

Câu 4 : Nêu những nét mới về kinh tế, xã hội ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Về kinh tế :*

+ Ruộng đất, trong đó có cả ruộng đất công làng xã bị chiếm đoạt, trở thành đồn điền của các địa chủ người Pháp.

+ Công nghiệp khai thác mỏ và công nghiệp phục vụ đời sống được triển khai.

+ Giao thông gồm đường sắt, đường bộ, cầu, cảng được xây dựng.

+ Thương nghiệp do người Pháp độc quyền.

- *Về xã hội :* Xuất hiện các giai cấp và tầng lớp xã hội mới :

+ Công nhân : Một bộ phận nông dân bị phá sản vì đế quốc và địa chủ phong kiến cướp mất ruộng đất, phải bỏ làng xóm ra thành thị, đến nhà máy, đồn điền, hầm mỏ xin việc làm và trở thành công nhân.

+ Tư sản dân tộc : Một số người đứng ra hoạt động công thương nghiệp, kêu gọi mở cửa hiệu buôn bán hoặc lập xưởng sản xuất.

+ Tiểu tư sản : Những người buôn bán nhỏ, chủ xưởng nhỏ, viên chức trong các công sở, trí thức, học sinh, sinh viên... cũng ngày một đông cùng với sự mở rộng khai thác của thực dân Pháp.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Ảnh hưởng của trào lưu dân chủ tư sản từ bên ngoài vào Việt Nam.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Phong trào cải cách chính trị – văn hoá ở Trung Quốc với những nhân vật như Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi.

- Tư tưởng của cách mạng Pháp với những tác phẩm của Rút-xô, Mông-te-xki-ơ.

- Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc đã ảnh hưởng đến tư tưởng của các sĩ phu Việt Nam.

- Đặc biệt là cuộc cải cách Minh Trị ở Nhật Bản năm 1868.

Câu 2 : Trình bày sự ra đời của phong trào giải phóng dân tộc mang tính chất cách mạng theo khuynh hướng tư sản ở Việt Nam.

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Nguyên nhân :*

+ Sự chuyển biến của kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

+ Ảnh hưởng trào lưu tư tưởng từ bên ngoài vào.

- *Xu hướng :* giải phóng dân tộc gắn với duy tân và thay đổi chế độ theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

- *Những người tiên phong :* Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

- *Hình thức đấu tranh :* không chỉ có đấu tranh vũ trang mà còn có hình thức khác như đấu tranh chính trị, ngoại giao, lập ra các tổ chức cách mạng, các hội...

Câu 3 : So sánh cơ cấu kinh tế – xã hội Việt Nam trước và trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất theo yêu cầu sau :

Nội dung	Trước cuộc khai thác	Trong cuộc khai thác
Cơ cấu kinh tế		
Cơ cấu xã hội		

** Hướng dẫn trả lời :*

Nội dung	Trước cuộc khai thác	Trong cuộc khai thác
Cơ cấu kinh tế	Chủ yếu là nông nghiệp, còn công thương nghiệp kém phát triển.	Công nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải bước đầu phát triển, nhưng nông nghiệp vẫn là chủ yếu.
Cơ cấu xã hội	Hai giai cấp chính là địa chủ phong kiến và nông dân.	Hai giai cấp chính là địa chủ phong kiến và nông dân ; ngoài ra còn xuất hiện lực lượng xã hội mới : công nhân, tư sản và tiểu tư sản.

Bài 38

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG Ở VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Tại sao Phan Bội Châu và những người sáng lập ra Hội Duy tân lại chủ trương dựa vào Nhật Bản ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Nhật Bản có cuộc cải cách Minh Trị đưa đất nước Nhật trở thành nước tư bản chủ nghĩa, thoát khỏi số phận bị các nước phương Tây xâm lược.
- Nhật Bản đã đánh thắng đế quốc Nga trong chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905).
- Nhật Bản ở châu Á, là nước "đồng văn, đồng chủng" với Việt Nam.

Câu 2 : Qua mục đích Hội Duy tân và Việt Nam Quang phục hội, em hiểu gì về tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Đánh đuổi đế quốc Pháp, giành độc lập cho dân tộc Việt Nam.
- Chủ trương dựa vào Nhật để đánh Pháp.
- Muốn đánh đuổi thực dân Pháp phải tiến hành bạo động.

Như vậy, tư tưởng bao trùm ở Phan Bội Châu là vận động quần chúng và tranh thủ sự giúp đỡ từ bên ngoài để tiến hành bạo động chống Pháp, giải phóng dân tộc, xây dựng một chế độ chính trị mới ở Việt Nam.

Câu 3 : Tư tưởng cứu nước của Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu có điểm gì giống và khác nhau ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Giống nhau :

+ Cả hai ông đều mong muốn thực hiện mục đích làm cách mạng là cứu nước, cứu dân.

+ Cả hai ông đều đi ra nước ngoài để tìm đường cứu nước, học hỏi khinh nghiệm cách mạng các nước về làm cách mạng ở Việt Nam.

- Khác nhau :

+ Phan Bội Châu là lãnh tụ của phong yêu nước – cách mạng, chủ trương vận động quần chúng và tranh thủ sự giúp đỡ bên ngoài để tiến hành bạo động chống Pháp, xây dựng nên một chế độ chính trị mới ở Việt Nam.

+ Phan Châu Trinh là lãnh tụ của phong trào cải cách dân chủ. Ông chủ trương phê phán chế độ thuộc địa, vua quan, hô hào cải cách xã hội ; nâng cao dân trí, dân quyền tiến tới cứu nước ; tư tưởng của ông ảnh hưởng đến phong trào dân chủ của các sĩ phu lúc bấy giờ.

Câu 4 : Đông Kinh nghĩa thục ra đời trong hoàn cảnh nào ? Nội dung và phương pháp dạy học của trường có gì mới ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Hoàn cảnh :

+ Các sĩ phu yêu nước Việt Nam muốn noi theo Nhật Bản để tự cường đất nước nên họ thành lập Đông Kinh nghĩa thục vào tháng 3 – 1907 do Lương Văn Can làm Thục trưởng.

+ Đông Kinh nghĩa thục là trường học được mô phỏng theo Khánh Ứng ở Nhật Bản.

+ Mục đích của Đông Kinh nghĩa thục nhằm tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước, chí tiến thủ cho quần chúng ; truyền bá một nền học thuật mới và nếp sống văn minh, tiến bộ, góp phần làm cho đất nước thoát khỏi lạc hậu, thoát khỏi ách thống trị ngoại bang, trở thành một quốc gia độc lập.

- Nội dung học rất phong phú :

+ Dạy chương trình văn hoá trên lớp.

+ Chủ trương chống tư tưởng phong kiến lạc hậu.

+ Thực hiện cải cách văn hoá – xã hội.

- Phương pháp học :

+ Chú trọng đến phương pháp học mới.

+ Cho phép học sinh tự bàn bạc, thảo luận.

+ Giảng sách, đọc báo, bình văn...

Câu 5 : Ảnh hưởng của Đông Kinh nghĩa thục trong phong trào cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX như thế nào ?

+ Phạm vi hoạt động của Đông Kinh nghĩa thục không chỉ ở Hà Nội mà lan đến nhiều địa phương.

+ Đông Kinh nghĩa thục không chỉ là trường học mà còn là một tổ chức cách mạng để hưởng ứng cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỉ XX.

Câu 6 : Trình bày các khuynh hướng chủ yếu trong phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Đầu thế kỉ XX, dưới tác động của tình hình thế giới làm cho phong trào yêu nước ở Việt Nam đi theo khuynh hướng mới, đó là khuynh hướng dân chủ tư sản. Trong đó có hai khuynh hướng cơ bản :

+ Khuynh hướng bạo động của Phan Bội Châu : Khuynh hướng này vận động cứu nước, cứu dân theo con đường cách mạng tư sản. Tiến hành giải phóng dân tộc bằng phương pháp bạo động vũ trang. Cơ sở để thực hiện cuộc vận động giải phóng dân tộc là dựa vào bên ngoài, chủ yếu là Nhật Bản.

+ Khuynh hướng cải cách của Phan Châu Trinh : Khuynh hướng này cũng xuất phát từ tinh thần yêu nước. Vận động giải phóng dân tộc theo con đường tư sản. Tiến hành giải phóng dân tộc bằng phương pháp cải cách về kinh tế, đặc biệt là văn hoá – xã hội.

Câu 7 : Cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX có gì mới, khác với phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Hoàn cảnh lịch sử mới :*

+ *Trong nước :* Sự du nhập của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; sự phân hoá của giai cấp trong xã hội ; sự thất bại của phong trào giải phóng dân tộc theo ngọn cờ phong kiến – những hạn chế về giai cấp và thời đại.

+ *Thế giới :* Sự tác động của tư tưởng dân chủ tư sản từ Trung Quốc và Nhật Bản. Trong đó, những tác động của tình hình trong nước có tính chất quyết định.

- *Khuynh hướng đấu tranh mới :* Đấu tranh giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

- *Giai cấp lãnh đạo mới :* Các sĩ phu yêu nước thực hiện cuộc vận động giải phóng dân tộc bằng con đường bạo động vũ trang và con đường cải cách.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Nêu những nét cơ bản về hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Phan Bội Châu là sĩ phu nổi tiếng đất Nghệ An, là lãnh tụ tiêu biểu nhất trong phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX.

- Phan Bội Châu chủ trương bạo động vũ trang đánh đuổi Pháp, xây dựng một chế độ chính trị mới ở Việt Nam.

- Năm 1904, Phan Bội Châu thành lập hội Duy tân.

- Là người tổ chức phong trào Đông du, đưa thanh thiếu niên sang Nhật học tập để chuẩn bị lực lượng chống Pháp.

- Tháng 3 – 1909, Phan Bội Châu bị trục xuất Nhật.

- Tháng 6 – 1912, ông thành lập Việt Nam Quang phục hội.

- Phan Bội Châu là người vươn lên liên tục để đạt mục tiêu giải phóng dân tộc nhưng tất cả đều bị thất bại.

Câu 2 : Những nét chính về hoạt động cứu nước của Phan Châu Trinh.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Là lãnh tụ của phong trào cải cách dân chủ. Ông chủ trương phê phán chế độ thuộc địa, vua quan, hô hào cải cách xã hội ; nâng cao dân trí, dân quyền, tiến tới cứu nước.

- Phan Châu Trinh đã đi khắp tỉnh Quảng Nam và đến các tỉnh Trung Kì để vận động cải cách.

- Cuộc vận động duy tân của Phan Châu Trinh diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú.

- Phong trào Duy tân đang phát triển ngày càng sâu rộng thì bị thực dân Pháp đàn áp dữ dội. Năm 1908, Phan Châu Trinh bị án tù ba năm ở Côn Đảo. Năm 1911, thực dân Pháp đưa ông sang Pháp. Suốt 14 năm sống ở trung tâm châu Âu, Phan Châu Trinh vẫn giữ đường lối cải cách, kêu gọi dân quyền, dân sinh, dân khí.

Câu 3 : Vụ đầu độc binh lính Pháp tại Hà Nội diễn ra như thế nào ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Nguyên nhân :*

+ Do sự đối xử tàn tệ của thực dân Pháp đối với binh lính người Việt.

+ Do binh lính đã được giác ngộ và thức tỉnh trước sự phát triển của phong trào yêu nước.

- *Kế hoạch đầu độc :* Nghĩa quân Yên Thế kéo về phục sẵn xung quanh Hà Nội ; bồi bếp bỏ thuốc độc vào thức ăn, đầu độc trại lính Pháp. Khi có pháo lệnh, binh sĩ người Việt sẽ nổi dậy và từ trong đánh ra ; quân của Hoàng Hoa Thám từ ngoài đánh vào, nhanh chóng chiếm thành Hà Nội. Nhưng cuối cùng bị lộ và bị thực dân Pháp ngăn chặn.

- Vụ đầu độc tuy thất bại nhưng đã gây nên sự hoang mang trong sĩ quan và binh lính Pháp.

Câu 4 : Lập bảng thống kê các phong trào yêu nước tiêu biểu đầu thế kỉ XX. Nêu điểm giống nhau và khác nhau của các phong trào trên.

* *Hướng dẫn trả lời :*

Các phong trào	Mục đích	Hình thức và nội dung hoạt động
Đông Du (1905)	Đào tạo nhân tài cho đất nước, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang.	- Đưa học sinh sang Nhật du học - Viết sách báo tuyên truyền yêu nước.
Đông Kinh nghĩa thục (1907)	Nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài.	Diễn thuyết : bình văn, sách báo.
- Cuộc vận động Duy tân - Phong trào chống thuế ở Trung Kì (1908)	- Nâng cao dân trí. - Bồi dưỡng đấu tranh.	- Diễn thuyết đề tài sinh hoạt xã hội, tình hình thế giới. - Khuyến khích kinh doanh công thương nghiệp.

- Điểm giống :

Đều là phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản do các sĩ phu yêu nước đề xướng, lãnh đạo.

- Điểm khác :

Khuynh hướng đấu tranh :

+ Đông du : Bạo động chống Pháp.

+ Duy tân : Ôn hòa.

+ Đông Kinh nghĩa thục : mở các nhà trường, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài.

Câu 7 : Lập bảng so sánh về bối cảnh lịch sử, mục tiêu đấu tranh, tầng lớp lãnh đạo, lực lượng tham gia, phong trào tiêu biểu, kết quả và ý nghĩa của phong trào Cần vương với cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX.

** Hướng dẫn trả lời :*

Nội dung	Phong trào Cần vương	Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX
Bối cảnh lịch sử	- Sau Hiệp ước Hác-măng và Pa-tơ-nốt, Pháp đã áp đặt chế độ đô hộ trên toàn cõi Việt Nam. - Nhân dân và quan lại yêu nước tiếp tục đấu tranh chống thực dân và phong kiến triều Nguyễn bán nước. - Sau cuộc phản công của phái chủ chiến ở kinh thành Huế bị thất bại, Tông Thất Thuyết lấy danh nghĩa vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần vương.	- Phong trào Cần vương bị thất bại, thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam. - Sự chuyển biến về kinh tế xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất. - Ảnh hưởng của cac trào lưu tư tưởng tư sản tiến bộ từ Trung Quốc, Nhật Bản..., các sĩ phu yêu nước vận động cứu nước theo con đường mới.
Mục tiêu đấu tranh	- Đánh đuổi thực dân Pháp và bọn tay sai phong kiến. - Khôi phục lại vương triều phong kiến.	- Đánh đuổi thực dân Pháp và phong kiến tay sai. - Gắn liền với cuộc duy tân để thay đổi chế độ theo kiểu dân chủ tư sản.
Tầng lớp lãnh đạo	- Triều đình phong kiến lưu vong do vua Hàm Nghi đứng đầu. - Các sĩ phu văn thân.	- Sĩ phu yêu nước tiến bộ mạng tư tưởng duy tân tiêu biểu là Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.
Lực lượng tham gia	Sĩ phu văn thân và đông đảo nông dân, các tộc người thiểu số.	Sĩ phu yêu nước, trí thức nhỏ, tiểu tư sản thành thị, giới công thương, học sinh, sinh viên và nông dân.
Phong trào tiêu biểu	Khởi nghĩa Bãi Sậy, Ba Đình, Hùng Lĩnh, Hương Khê.	Phong trào Đông Du, Duy tân, Đông Kinh nghĩa thục.
Kết quả và ý nghĩa	- Cuối cùng bị thất bại. - Góp phần cổ vũ phong trào yêu nước, chống Pháp. - Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá cho các cuộc đấu tránh sau này.	- Cuối cùng bị thất bại do hoàn cảnh lịch sử và điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội chưa chín muồi. - Tiếp tục phát huy tinh thần đấu tranh bất khuất của dân tộc. - Tạo tiền đề để tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

Câu 8 : So sánh một số điểm cơ bản về xu hướng cứu nước cuối thế kỉ XIX và xu hướng cứu nước đầu thế kỉ XX theo các nội dung sau đây :

Các nội dung chủ yếu	Xu hướng cứu nước cuối thế kỉ XIX (a)	Xu hướng cứu nước đầu thế kỉ XX (b)
Mục đích mục tiêu		
Thành phần lãnh đạo		
Phương thức hoạt động		
Tổ chức		
Lực lượng tham gia		

** Hướng dẫn trả lời :*

1. a - Đánh Pháp, giành độc lập dân tộc, xây dựng lại chế độ phong kiến.

b - Đánh Pháp, giành độc lập dân tộc, kết hợp với cải cách xã hội, xây dựng chế độ quân chủ lập hiến và dân chủ cộng hoà tư sản.

2. a - Văn thân, sĩ phu phong kiến yêu nước.

b - Tầng lớp Nho học trẻ đang trên con đường tư sản hoá.

3. a - Vũ trang.

b - Vũ trang, tuyên truyền giáo dục, vận động cải cách xã hội, kết hợp lực lượng bên trong và bên ngoài.

4. a - Theo lề lối phong kiến.

b - Biến đấu tranh giai cấp thành tổ chức chính trị sơ khai.

5. a - Đông, nhưng hạn chế.

b - Nhiều tầng lớp, giai cấp, thành phần xã hội.

Bài 39

VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 – 1918)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CÓ SẴN TRONG SÁCH GIÁO KHOA

Câu 1 : Chính sách cai trị của Pháp ở Việt Nam trong thời kì Chiến tranh thế giới thứ nhất có gì mới ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Trong những năm chiến tranh, thực dân Pháp nới rộng quyền hạn cho chính quyền Nam triều, củng cố hệ thống quan lại ở Bắc Kì mà quyền hành tập trung trong tay Thống sứ người Pháp.

- Mở rộng thương thuyết với Chính phủ Trung Hoa để phối hợp đàn áp cách mạng Việt Nam.

- Chính sách cai trị thời chiến nhằm giữ yên Việt Nam để huy động tối đa sức của, sức người phục vụ chiến tranh.

Câu 2 : Chính sách của Pháp trong chiến tranh đã tác động đến nền kinh tế Việt Nam như thế nào ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

Toàn quyền Đông Dương tuyên bố : Việt Nam phải có nghĩa vụ đóng góp sức của, sức người phục vụ cho “nước mẹ” tham chiến. Vì vậy, nó làm cho nền kinh tế Việt Nam có những biến đổi :

- *Về công nghiệp :* Nhiều cơ sở công nghiệp được mở rộng để bù đắp cho công nghiệp chính quốc ; phục hồi các ngành phục vụ trực tiếp cho chiến tranh.

- *Về thương nghiệp, giao thông vận tải :* Do chiến tranh, các cơ sở buôn bán, giao thông vận tải của người Việt Nam được củng cố, mở rộng và xuất hiện nhiều cơ sở mới.

- *Về nông nghiệp :* Nông nghiệp chuyên canh lúa đã chuyển một phần sang trồng cây phục vụ cho chiến tranh.

Câu 3 : Hãy nêu tình hình phân hoá xã hội ở Việt Nam trong Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918).

* *Hướng dẫn trả lời :*

Chính sách cai trị và những biến động về kinh tế ở Việt Nam trong những năm chiến tranh đã đẩy mạnh sự phân hoá xã hội.

- Nông dân bị kiệt quệ, bần cùng.
- Giai cấp công nhân tăng lên về số lượng.
- Tư sản Việt Nam phát triển cả về số lượng và thế lực kinh tế.
- Tầng lớp tiểu tư sản thành thị phát triển nhưng bị chèn ép, bạc đãi, nguy cơ thất nghiệp đe doạ.

Câu 4 : Lực lượng tham gia và hình thức hoạt động của Việt Nam Quang phục hội trong những năm đầu của Chiến tranh thế giới thứ nhất có gì đáng chú ý ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Lực lượng tham gia :*
  + Công nhân chiếm đa số.
  + Viên chức hoả xa trên tuyến đường sắt Hải Phòng – Vân Nam.
  + Một số binh lính người Việt trong quân đội Pháp.
- *Hình thức :*
  + Tiến hành một số cuộc bạo động như : tấn công binh lính Pháp ở tỉnh lị Phú Thọ, đột kích Lục Nam (Bắc Giang), Bát Xát (Lào Cai), Đồng Văn (Hà Giang)...
  + Nổi dậy giết lính canh, cướp vũ khí, phá nhà lao.

Hình thức đấu tranh của Việt Nam Quang phục hội trong thời gian này nặng về bạo động vũ trang. Nhưng do các tù nhân bị giam lâu ngày, sức khoẻ suy kiệt, bị cô lập, cuối cùng cuộc bạo động bị thất bại.

Câu 5 : Hãy cho biết các phong trào yêu nước tiêu biểu trong thời kì Chiến tranh thế giới thứ nhất.

* *Hướng dẫn trả lời :*

Có thể lập bảng thống kê như sau :

Phong trào	Địa bàn	Hình thức đấu tranh	Thành phần chủ yếu	Kết quả
1. Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội	Dọc theo đường biên giới Việt - Trung	Vũ trang	Công nhân, viên chức hoả xa	Thất bại
2. Khởi nghĩa Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916)	Trung Kì	Vũ trang	Nhân dân, binh lính	Thất bại
3. Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên	Thái Nguyên	Vũ trang	Binh lính	Thất bại
4. Phong trào Hội kín ở Nam Kì	Nam Kì	Vũ trang	Nông dân	Thất bại
5. Những cuộc khởi nghĩa vũ trang của đồng bào thiểu số	Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên	Vũ trang	Nhân dân các dân tộc thiểu số	Thất bại

Câu 6 : Tại sao các phong trào yêu nước cách mạng Việt Nam trước và trong Chiến tranh thế giới thứ nhất đều thất bại ?

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Các phong trào này chưa tìm ra được con đường cứu nước đúng đắn, đó chính là sự khủng hoảng về đường lối.

- Các phong trào chưa có giai cấp tiên phong lãnh đạo.

- Các phong trào chưa tập hợp được toàn dân đứng lên làm cách mạng.

- Các phong trào diễn ra lẻ tẻ, rời rạc, chưa tạo nên sức mạnh tổng hợp trong sự nghiệp đấu tranh chống thực dân và phong kiến.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Nêu khái quát về hoạt động của Việt Nam Quang phục hội. Vì sao cuộc bạo động của Viêt Nam Quang phục hội bị thất bại ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Khái quát :

+ Khi chiến tranh bùng nổ, thấy hoàn cảnh mới, Hội đã tổ chức hoạt động trở lại.

+ Từ cuối năm 1914, Việt Nam Quang phục hội chuyển hướng về hoạt động trong nước.

+ Việt Nam Quang phục hội đã vận động được nhiều tầng lớp tham gia một số cuộc bạo động như tấn công binh lính Pháp ở tỉnh lị Phú Thọ, Lục Giang (Bắc Giang) ; phối hợp với tù nhân ở Lao Bảo khởi nghĩa nhưng bị thất bại. Cuối cùng Việt Nam Quang phục hội tan rã sau đợt khủng bố lớn của giặc Pháp và tay sai vào năm 1916.

- Vì sao thất bại :

+ Do những tù nhân tham gia bạo động bị giam cầm lâu ngày, sức khoẻ suy kiệt.

+ Do thực dân Pháp cô lập Việt Nam Quang phục hội.

+ Do thực dân Pháp còn mạnh, tổ chức Việt Nam Quang phục hội còn non yếu, cuộc bạo động mang tính tự phát.

Câu 2 : Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916) diễn ra như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Lợi dụng sự phản ứng của binh lính người Việt và nhân dân Quảng Nam, Quảng Ngãi, Huế đối với chính quyền thực dân, Thái Phiên và Trần Cao Vân đã vận động họ tiến hành khởi nghĩa và mời vua Duy Tân tham gia.

- Khởi nghĩa dự định vào giữa tháng 5 – 1916, nhưng kế hoạch bị lộ. Ở Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Pháp đóng chặt cửa trại lính, tước vũ khí của binh lính người Việt, lùng bắt những người yêu nước. Thái Phiên và Trần Cao Vân đưa được vua Duy tân ra ngoài Hoàng thành, nhưng mấy hôm sau cả ba người đều bị giặc bắt. Nghĩa binh ở Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi đều nổi dậy, nhưng thiếu người lãnh đạo nên tan vỡ nhanh chóng.

Câu 3 : Hãy trình bày khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (1917).

** Hướng dẫn trả lời :*

- Thái Nguyên lại là nơi đày ải những người yêu nước bị bắt trong các phong trào Đông Du, Đông Kinh nghĩa thục, Duy tân, khởi nghĩa Yên Thế... Giữa những người tù chính trị bị giam giữ với số binh lính yêu nước làm việc trong nhà tù dần dần có sự gặp gỡ tiếp xúc bí mật. Một âm mưu bạo động được chuẩn bị.

- Những người lãnh đạo cuộc bạo động là Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) một binh sĩ yêu nước và Lương Ngọc Quyến – một hội viên của Quang phục hội bị giam ở nhà tù Thái Nguyên.

- Cuộc khởi nghĩa nổ ra đêm 30 rạng sáng 31 – 8 – 1917. Giám binh Nô-en bị giết ngay tại trận. Quân khởi nghĩa làm chủ các công sở, phá nhà tù, giải phóng tất cả tù nhân. Trừ trại lính Pháp vẫn ngoan cố chống cự, toàn bộ thị xã đã do quân khởi nghĩa chiếm giữ. Ngọn cờ khởi nghĩa "Nam binh phục quốc" bay cao trên bầu trời tỉnh lị Thái Nguyên. Lãnh đạo nghĩa quân phát hịch tuyên bố Thái Nguyên độc lập, đặt quốc hiệu là Đại Hùng, vạch tội ác của giặc Pháp, kêu gọi đồng bào vùng lên khôi phục nền độc lập của đất nước.

- Thực dân Pháp quyết định đưa 2.000 quân lên Thái Nguyên. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. Sau một tuần lễ làm chủ tỉnh lị, cuối cùng để thoát khỏi thế bao vây o ép của quân thù, nghĩa quân phải rút ra ngoài và kéo dài cuộc chiến đấu được sáu tháng thì tan rã.

Câu 4 : Tóm tắt những cuộc khởi nghĩa vũ trang của đồng bào các dân tộc thiểu số.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Tại Tây Bắc, vào đầu tháng 11 – 1914 đã bùng nổ cuộc khởi nghĩa của người Thái. Nghĩa quân đánh chiếm nhiều đồn giặc dọc biên giới Việt – Lào và đến cuối năm 1915 đã làm chủ cả vùng Tây Bắc.

- Năm 1918, đồng bào Mông ở Lai Châu khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Giàng Tả Chay.

- Vùng Đông Bắc, binh lính đồn Bình Liêu nổi dậy (tháng 11– 1918) lôi cuốn đông đảo đồng bào các dân tộc Hán, Nùng, Dao ở địa phương vào phong trào, hoạt động trên một địa bàn rất rộng, từ sông Yên Tiên ra đến biển. Quân khởi nghĩa uy hiếp cả vùng mỏ Quảng Yên, lan sang các hải đảo Móng Cái đến Hải Phòng. Đến giữa năm 1919, giặc Pháp mới đàn áp nổi.

- Ở Tây Nguyên, cao nguyên Tây Nam Trung bộ, đồng bào các dân tộc thiểu số đã nhiều lần vùng dậy chống thực dân Pháp. Cuộc khởi nghĩa có ảnh hưởng lớn nhất là của đồng bào Mơ-nông do Nơ-trang Lơng chỉ huy. Nghĩa quân thắng nhiều trận lớn, buộc thực dân Pháp phải bỏ cả vùng cao nguyên Mơ-nông rộng lớn. Từ năm 1916, thực dân Pháp tổ chức bao vây chặt vùng Mơ-nông, triệt đường tiếp tế muối. Mặc dù vậy, cuộc khởi nghĩa vẫn kéo dài đến nhiều năm sau chiến tranh, cho tới năm 1935 mới chấm dứt.

Câu 5 : Phong trào Hội kín ở Nam Kì diễn ra như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Phong trào yêu nước của nhân dân Nam Kì tồn tại trong các tổ chức hội kín như Thiên địa hội, Nghĩa hòa hội, Thái bình hội, Phục hưng hội... Các hội kín thường khoác áo tôn giáo mê tín để dễ tuyên truyền vận động và hoạt động trong quần chúng, chủ yếu là nông dân.

- Trong dân gian hồi đó lan truyền rằng Phan Xích Long là dòng dõi nhà trời, sai xuống làm vua nước Nam.
- Trong những năm chiến tranh, phong trào Hội kín phát triển rầm rộ ở tất cả các tỉnh miền Nam. Đáng chú ý nhất là vụ đột nhập vào Sài Gòn, mưu phá khám lớn để cứu Phan Xích Long.
- Phong trào Hội kín ở Nam Kì thực chất là phong trào đấu tranh của nông dân Nam Bộ bị đè nén đến cùng cực đã vùng lên quyết liệt, nhưng vì thiếu sự lãnh đạo của giai cấp tiên tiến nên nhanh chóng thất bại.

Câu 6 : Hãy nêu tóm tắt các sự kiện lớn diễn ra ở Việt Nam trong Chiến tranh thế giới thứ nhất theo bảng kê sau đây :

Sự kiện	Tóm tắt nội dung
1. Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội	
2. Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916)	
3. Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (1917)	
4. Phong trào Hội kín ở Nam Kì	

** Hướng dẫn trả lời :*

Sự kiện	Tóm tắt nội dung
1. Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội	- Khi chiến tranh bùng nổ, thấy hoàn cảnh mới, Hội đã tổ chức nhiều cuộc bạo động. - Trong những năm đầu chiến tranh, Việt Nam Quang phục hội đã vận động được nhiều tầng lớp tham gia một số cuộc bạo động. Nhưng các hoạt động đó đều lần lượt thất bại trước sự phản công của quân thù. Cuối cùng Việt Nam Quang phục hội tan rã sau đợt khủng bố lớn của giặc Pháp và tay sai vào năm 1916.
2. Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916)	Khởi nghĩa dự định vào giữa tháng 5 – 1916, nhưng kế hoạch bị lộ. Ở Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Pháp đóng chặt cửa trại lính, tước vũ khí của binh lính người Việt, lùng bắt những người yêu nước. Thái Phiên và Trần Cao Vân đưa được vua Duy tân ra ngoài Hoàng thành, nhưng mấy hôm sau cả ba người đều bị giặc bắt. Nghĩa binh ở Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi đều nổi dậy, nhưng thiếu người lãnh đạo nên tan vỡ nhanh chóng.
3. Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (1917)	- Những người lãnh đạo cuộc bạo động là Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) một binh sĩ yêu nước và Lương Ngọc Quyến – một hội viên của Quang phục hội bị giam ở nhà tù Thái Nguyên. - Cuộc khởi nghĩa nổ ra đêm 30 rạng sáng 31 – 8 – 1917. Giám binh Nô-en bị giết ngay tại trận. Quân khởi nghĩa làm chủ các công sở, phá nhà tù, giải phóng tất cả tù nhân. Trừ trại lính Pháp vẫn ngoan cố chống cự, toàn bộ thị xã đã do quân khởi nghĩa chiếm giữ. Ngọn cờ khởi nghĩa "Nam binh phục quốc" bay cao trên bầu trời tỉnh lị Thái nguyên. Lãnh đạo nghĩa quân phát hịch tuyên bố Thái Nguyên độc lập, đặt quốc hiệu là Đại Hùng, vạch tội ác của giặc Pháp, kêu gọi đồng bào vùng lên khôi phục nền độc lập của đất nước. - Thực dân Pháp quyết định đưa 2.000 quân lên Thái Nguyên. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. sau một tuần lễ làm chủ tỉnh lị, cuối cùng để thoát khỏi thế bao vây o ép của quân thù, nghĩa quân phải rút ra ngoài và kéo dài cuộc chiến đấu được sáu tháng thì tan rã.
4. Phong trào Hội kín ở Nam Kì	- Phong trào yêu nước của nhân dân Nam Kì tồn tại trong các tổ chức hội kín như Thiên địa hội, Nghĩa hòa hội, Thị binh hội, Phục hưng hội... Các hội kín thường khoác áo tôn giáo mê tín để dễ tuyên truyền vận động và hoạt động trong quần chúng, chủ yếu là nông dân. - Trong dân gian hồi đó lan truyền rằng Phan Xích Long là dòng dõi nhà trời, sai xuống làm vua nước Nam. Ngay trước chiến tranh bùng nổ, vào năm 1913 đã có 600 nông dân các tỉnh Gia Định, Tân An, Vĩnh Long... mặc áo bà ba trắng, đeo bùa chú, kéo vào Sài Gòn định đánh chiếm công sở, rồi tôn Phan Xích Long lên ngôi. Đoàn người bị đàn áp, Phan Xích Long bị giam giữ trong khám lớn Sài Gòn. - Trong những năm chiến tranh, phong trào Hội kín phát triển rầm rộ ở tất cả các tỉnh miền Nam. Đáng chú ý nhất là vụ đột nhập vào Sài Gòn, mưu phá khám lớn để cứu Phan Xích Long. - Phong trào Hội kín ở Nam Kì thực chất là phong trào đấu tranh của nông dân Nam Bộ bị đè nén đến cùng cực đã vùng lên quyết liệt, nhưng vì thiếu sự lãnh đạo của giai cấp tiên tiến nên nhanh chóng thất bại.

Bài 40

SỰ KHỞI ĐẦU CỦA MỘT KHUYNH HƯỚNG CỨU NƯỚC MỚI TRONG PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Tại sao từ khi mới ra đời, công nhân Việt Nam đã đấu tranh chống lại tư bản Pháp ? Những hình thức đấu tranh của công nhân Việt Nam từ đầu đến năm 1918.

** Hướng dẫn trả lời :*

- *Vì sao :*

+ Vừa mới ra đời, công nhân Việt Nam đã tiếp thu truyền thống yêu nước, đấu tranh bất khuất của dân tộc.

+ Công nhân Việt Nam sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt, bị tư bản Pháp áp bức bóc lột nặng nề, giá lao động rẻ mạt, đời sống khó khăn nên sớm đấu tranh chống lại tư bản Pháp.

- *Hình thức đấu tranh :* Các hình thức đấu tranh phổ biến của công nhân Việt Nam trong giai đoạn này là : bỏ việc, phá giao kèo, đánh lại cai, kí, tổ chức bãi công... Đây là hình thức đấu tranh mới của một lực lượng xã hội mới.

Câu 2 : Trình bày cuộc hành trình cứu nước của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1917.

** Hướng dẫn trả lời :*

Thời gian	Sự kiện
Ngày 5 – 6 – 1911	Rời bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước.
Tháng 7 – 1911	Đến cảng Véc-xai (Pháp), sau đó đi nhiều nước ở châu Phi, châu Mĩ, châu Âu.
Tháng 12 – 1917	Nguyễn Ái Quốc rời Luân Đôn (Anh) về Pa-ri (Pháp) để nghiên cứu, học tập Cách mạng tháng Mười Nga.

Câu 3 : Trong hoàn cảnh nào Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Năm 1858, thực dân Pháp nổ tiếng súng đầu tiên ở Đà Nẵng báo hiệu thời kì xâm lược nước ta. Mặc dầu triều Nguyễn đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác rồi lần lượt chấp nhận sự cai trị của thực dân Pháp trên đất nước ta. Mặc dầu vậy, nhân dân ta vẫn luôn luôn đứng lên đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược. Tiêu biểu cho những cuộc đấu tranh lâu dài và bền bỉ đó là phong trào Cần vương thế kỉ XIX. Nhưng cuối cùng phong trào Cần vương bị thất bại, ngọn cờ cứu nước theo khuynh hướng phong kiến không còn phù hợp nữa. Tiếp theo phong trào Cần vương là những cuộc đấu tranh của các văn thân, sĩ phu yêu nước đầu thế kỉ XX theo khuynh hướng dân chủ tư sản, nhưng rồi cũng bị thất bại. Cách mạng Việt Nam đang bị khủng hoảng về đường lối cứu nước.

- Đứng trước hoàn cảnh nước mất, nhà tan lại được chứng kiến những cuộc đấu tranh yêu nước của các bậc tiền bối bị thất bại. Tất cả đã hun đúc trong Nguyễn Ái Quốc lòng yêu nước nồng nàn và quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước.

Câu 4 : Quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có gì khác với những người đi trước ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Các bậc sĩ phu và văn thân yêu nước trước đây đi tìm đường cứu nước chủ yếu là dựa vào các nước để giúp Việt Nam chống Pháp. Chẳng hạn, Phan Bội Châu sang Nhật để dựa vào Nhật giúp Việt Nam đánh Pháp, hay học tập những kinh nghiệm của Nhật để về lãnh đạo đồng bào ta chống Pháp.

- Còn quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc là quá trình khảo sát, quá trình lựa chọn.

+ Nguyễn Ái Quốc đến nhiều nước, tìm hiểu các cuộc cách mạng đã diễn ra trên thế giới.

+ Từ đó, Nguyễn Ái Quốc rút ra kết luận : Cách mạng tư sản Pháp, Cách mạng Mĩ là những cuộc cách mạng chưa tới nơi. Người ta đã cách mạng hàng trăm năm rồi mà dân chúng vẫn còn khổ cực đang toan tính làm lại cách mạng khác.

+ Cuộc cách mạng tới nơi mà Nguyễn Ái Quốc tìm kiếm là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, đồng thời giải phóng cho người lao động.

Đó là lí do để Người khẳng định Việt Nam phải đi theo Cách mạng tháng Mười Nga vào năm 1920, khi mà Người đọc sơ thảo Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Lập bảng thống kê các phong trào đấu tranh của công nhân trước và trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.

** Hướng dẫn trả lời :*

Thời gian	Phong trào đấu tranh
Tháng 5 – 1909	Cuộc đấu tranh của công nhân viên chức hãng Liên hiệp Thương mại Đông Dương ở Hà Nội.
Năm 1912	Cuộc bãi công của công nhân xưởng sửa chữa và đóng tàu Ba Son.
Tháng 7 – 1914	Công nhân mỏ thiếc Tĩnh Túc (Cao Bằng) bỏ việc đi tập thể.
Tháng 2 – 1916	Nữ công nhân nhà máy sàng Kế Bào nghỉ việc để phản đối cúp phạt lương.
Năm 1917	Công nhân mỏ than Phấn Mễ và Na Lương tham gia khởi nghĩa do Đội Cấn lãnh đạo.
Năm 1918	700 công nhân mỏ than Hà Tu đốt nhà riêng tên Bang Sâm.

Câu 2 : Vì sao Nguyễn Ái Quốc quyết định sang phương Tây tìm đường cứu nước.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước của mình, Nguyễn Ái Quốc không đi theo con đường của các bậc tiền bối như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh mà Người quyết định đi sang phương Tây, nhất là nước Pháp để tìm đường cứu nước, cứu dân. Sở dĩ Người chọn con đường sang phương Tây là vì :

+ Ở phương Tây đã từng diễn ra các cuộc cách mạng tư sản và các cuộc cách mạng tư sản đó đã giành được thắng lợi.

+ Các nước phương Tây lúc này được xem là nơi có nền "văn minh" đang phát triển.

+ Đặc biệt ở Pháp, lúc này thực dân Pháp đang thống trị, đô hộ nước ta, một mặt chúng ra sức đàn áp, bóc lột nhân dân Việt Nam, mặt khác chúng rêu rao khẩu hiệu: "Tự do, Bình đẳng, Bác ái!". Người đến Pháp để tìm hiểu sự thật của nền văn minh nước Pháp, tìm hiểu sự thật về đời sống của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở Pháp, tìm hiểu sự thật của khẩu hiệu ấy.

Bài 41

SƠ KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM 1858 - 1918

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1 : Vì sao thực dân Pháp âm mưu xâm chiếm nước ta ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Xã hội phong kiến Việt Nam thế kỉ XVIII – XIX bước vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng. Mâu thuẫn xã hội nảy sinh. Hàng loạt cuộc khởi nghĩa và chiến tranh nông dân bùng nổ.

- Yêu cầu lịch sử đặt ra là phải thống nhất đất nước, tạo điều kiện cho nền kinh tế hàng hoá và thị trường dân tộc phát triển. Giải phóng sức sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân.

- Sự cai trị đất nước của triều Nguyễn :

+ Tư tưởng bảo thủ, cố chấp, nên không theo kịp xu thế thời đại.

+ Thi hành hàng loạt chính sách hẹp hòi, đi ngược lại quyền lợi dân tộc.

+ Đẩy đất nước vào tình trạng suy yếu, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, quốc phòng yếu kém, tài chính kiệt quệ.

- Lợi dụng cơ hội này, các nước tư bản phương Tây, nhất là Pháp dòm ngó rồi xâm lược Việt Nam.

Câu 2 : Thái độ của nhân dân ta và triều đình Huế trước cuộc xâm lược của thực dân Pháp như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ngày 1 – 9 – 1858, Liên quân Pháp – Tây Ban Nha nổ súng đánh vào cửa biển Đà Nẵng, mở màn cuộc chiến tranh xâm lược nước ta.

- Thái độ của triều Nguyễn : đi từ thoả hiệp này đến thoả hiệp khác và cuối cùng phải kí Hiệp ước Pa-tơ-nốt (6 – 6 – 1884) chấp nhận sự thống trị của thực dân Pháp trên đất nước ta.

- Thái độ của nhân dân ta : chiến đấu ngoan cường vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc, vì cuộc sống bình yên của quê hương. Cuộc chiến tranh nhân dân bền bỉ, dẻo dai, đều khắp với tinh thần dũng cảm vô song.

- Từ giữa năm 1885, sau khi triều Nguyễn đầu hàng hoàn toàn, một phong trào yêu nước mới dưới khẩu hiệu "Cần vương" đã được phát động. Phong trào đã thể hiện tinh thần quật khởi, bất khuất của nhân dân ta.

- Mặc dầu cuối cùng bị thất bại, nhưng phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX đã đánh một dấu son trong trang sử chống ngoại xâm oai hùng của dân tộc ta và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá.

Câu 3 : Những biến đổi lớn trong xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX là gì ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Về kinh tế :

+ Việt Nam trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến và bị biến thành nơi cung cấp sức người, sức của rẻ mạt.

+ Kinh tế Việt Nam bị cột chặt vào nền kinh tế Pháp

+ Đã xuất hiện những thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa dưới hình thái thực dân.

- Về xã hội :

+ Giai cấp công nhân ra đời.

+ Tầng lớp tư sản dân tộc và tiểu tư sản xuất hiện nhưng chưa trở thành giai cấp thực thụ.

Câu 4 : Phong trào yêu nước, cách mạng của nhân dân Việt Nam đầu thế kỉ XX diễn ra như thế nào ?

- Cuối thế kỉ XIX, ngọn cờ phong kiến đã không thể giương cao được nữa.

- Một trào lưu tư tưởng cách mạng mới bắt đầu dội vào Việt Nam.

- Các sĩ phu yêu nước Việt Nam đã đón nhận những ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản, nhất là của Nhật Bản, Trung Quốc và Pháp. Họ đã thực hiện cuộc vận động cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

- Tuy nhiên, do tầm nhìn hạn chế và những trở lực không thể vượt qua, cuối cùng cuộc vận động yêu nước của họ bị thất bại.

- Bên cạnh cuộc vận động yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản còn có cuộc đấu tranh của nông dân, điển hình là khởi nghĩa Yên Thế.

- Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào cách mạng Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc về đường lối và giai cấp lãnh đạo. Trong bối cảnh đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước. Từ chủ nghĩa yêu nước, Người đến chủ nghĩa Lê-nin và tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1 : Lập bảng quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp và cuộc đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta.

Thời gian	Quá trình xâm lược của thực dân Pháp	Cuộc đấu tranh của nhân dân ta
1 – 9 – 1858		
2 – 1859		
2 – 1862		
6 – 1862		
6 – 1867		
20 – 11 – 1873		
18 – 8 – 1883		

** Hướng dẫn trả lời :*

Thời gian	Quá trình xâm lược của thực dân Pháp	Cuộc đấu tranh của nhân dân ta
1 – 9 – 1858	Pháp đánh bán đảo Sơn Trà. Mở màn cuộc xâm lược Việt Nam.	Quân dân ta đánh trả quyết liệt.
2 – 1859	Pháp kéo vào Gia Định.	Quân ta chặn địch ở đây.
2 – 1862	Pháp chiếm Gia Định, Định Tường, Biên Hoà, Vĩnh Long.	
6 – 1862	Hiệp ước Nhâm Tuất, Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kì.	Nhân dân độc lập kháng chiến.
6 – 1867	Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây.	Nhân dân 6 tỉnh Nam Kì khởi nghĩa.
20 – 11 – 1873	Pháp đánh thành Hà Nội.	Nhân dân tiếp tục chống Pháp.
18 – 8 – 1883	Pháp đánh Huế. Điều ước Hác-măng, Pa-tơ-nốt công nhận sự bảo hộ của Pháp	Triều đình đầu hàng nhưng phong trào kháng chiến của nhân dân ta không chấm dứt.

Câu 2 : Lập niên biểu về phong trào Cần Vương theo yêu cầu sau đây :

Thời gian	Sự kiện

** Hướng dẫn trả lời :*

Thời gian	Sự kiện
5 – 7 – 1885	Cuộc phản công của phái chủ chiến ở kinh thành Huế
13 – 7 – 1885	Vua Hàm Nghi ra chiếu Cần Vương
1886 – 1887	Khởi nghĩa Ba Đình
1883 – 1892	Khởi nghĩa Bãi Sậy
1885 – 1895	Khởi nghĩa Hương Khê

Câu 3 : Lập biểu bảng về phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX đến năm 1918 theo yêu cầu dưới đây :

Phong trào	Chủ trương	Biện pháp đấu tranh	Thành phần tham gia
Phong trào Đông du (1905 – 1909)			
Đông Kinh nghĩa thục (1907)			
Cuộc vận động Duy tân ở Trung Kì (1908)			
Phong trào chống thuế ở Trung Kì (1908)			

** Hướng dẫn trả lời :*

Phong trào	Chủ trương	Biện pháp đấu tranh	Thành phần tham gia
Phong trào Đông du (1905 – 1909)	Giành độc lập, xây dựng xã hội tiến bộ.	Bạo động vũ trang để giành độc lập. Cầu viện Nhật Bản.	Nhiều thành phần nhưng chủ yếu là thanh niên yêu nước.
Đông Kinh nghĩa thục (1907)	Giành độc lập, xây dựng xã hội tiến bộ.	Truyền bá tư tưởng mới, vận động chấn hưng đất nước.	Đông đảo nhân dân tham gia, nhiều tầng lớp xã hội.
Cuộc vận động Duy tân ở Trung Kì (1908)	Nâng cao ý thức tự cường để đi đến giành độc lập.	Mở trường, diễn thuyết, tuyên truyền, đả phá phong tục lạc hậu, bỏ cái cũ, học theo cái mới, cổ động việc mở mang công thương nghiệp...	Đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.
Phong trào chống thuế ở Trung Kì (1908)	Chống đi phu, chống sưu thuế.	Từ đấu tranh hòa bình, phong trào dần thiên về xu hướng bạo động.	Đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, chủ yếu là nông dân.

Câu 4 : So sánh xu hướng cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

Xu hướng	Chủ trương	Biện pháp	Khả năng thực hiện	Tác dụng	Hạn chế

** Hướng dẫn trả lời :*

Xu hướng	Chủ trương	Biện pháp	Khả năng thực hiện	Tác dụng	Hạn chế
Bạo động của Phan Bội Châu	Đánh Pháp, giành độc lập dân tộc, xây dựng xã hội tiến bộ về kinh tế, chính trị.	Tập hợp lực lượng đánh Pháp, trước hết là xây dựng lực lượng về mọi mặt, kết hợp với cầu viện.	Phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, nhưng chủ trương cầu viện Nhật Bản : khó thực hiện.	Khuấy động lòng yêu nước, cổ vũ tinh thần dân tộc.	Ý đồ cầu viện Nhật Bản là sai lầm, nguy hiểm.
Cải cách của Phan Châu Trinh	Vận động cải cách trong nước – khai trí, mở ngành công thương nghiệp tự cường.	- Mở trường học - Đề nghị cùng thực dân chấn chỉnh lại chế độ phong kiến, giúp Việt Nam tiến bộ.	Không thể thực hiện được vì trái với đường lối của Pháp.	- Cổ vũ tinh thần học tập tự cường. - Giáo dục tư tưởng chống các hủ tục phong kiến.	Biện pháp cải lương, xu hướng bắt tay với Pháp, làm phân tán tư tưởng cứu nước của nhân dân.

Câu 5 : Tình hình Việt Nam thế kỉ XVIII – XIX như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Tình hình xã hội phong kiến Việt Nam thế kỉ XVIII – XIX :

+ Bước vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng.

+ Mâu thuẫn xã hội nảy sinh.

+ Hàng loạt cuộc khởi nghĩa và chiến tranh nông dân bùng nổ.

- Yêu cầu lịch sử đặt ra :

+ Thống nhất đất nước, tạo điều kiện cho nền kinh tế hàng hoá và thị trường dân tộc phát triển.

+ Giải phóng sức sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân.

- Sự cai trị đất nước của triều Nguyễn :

+ Tư tưởng bảo thủ, cố chấp, nên không theo kịp xu thế thời đại.

+ Thi hành hàng loạt chính sách hẹp hòi, đi ngược lại quyền lợi dân tộc.

+ Đẩy đất nước vào tình trạng suy yếu, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, quốc phòng yếu kém, tài chính kiệt quệ.

- Lợi dụng cơ hội này, các nước tư bản phương Tây, nhất là Pháp dòm ngó rồi xâm lược Việt Nam.

Câu 6 : Thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam như thế nào ?

** Hướng dẫn trả lời :*

- Ngày 1 – 9 – 1858, Liên quân Pháp – Tây Ban Nha nổ súng đánh vào cửa biển Đà Nẵng, mở màn cuộc chiến tranh xâm lược nước ta.

- Thái độ của triều Nguyễn : đi từ thoả hiệp này đến thoả hiệp khác và cuối cùng phải kí Hiệp ước Pa-tơ-nốt (6 – 6 – 1884) chấp nhận sự thống trị của thực dân Pháp trên đất nước ta.

- Thái độ của nhân dân ta : chiến đấu ngoan cường vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc, vì cuộc sống bình yên của quê hương. Cuộc chiến tranh nhân dân bền bỉ, dẻo dai, đều khắp với tinh thần dũng cảm vô song.

- Từ giữa năm 1885, sau khi triều Nguyễn đầu hành hoàn toàn, một phong trào yêu nước mới dưới khẩu hiệu "Cần vương" đã được phát động. Phong trà đã thể hiện tinh thần quật khởi, bất khuất của nhân dân ta.

- Mặc dầu cuối cùng bị thất bại, nhưng phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX đã đánh một dấu son trong trang sử chống ngoại xâm oai hùng của dân tộc ta và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá.

Câu 7 : Trình bày phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân ta cuối thế kỉ XIX.

** Hướng dẫn trả lời :*

- Cuối thế kỉ XIX, ngọn cờ phong kiến đã không thể giương cao được nữa.

- Một trào lưu tư tưởng cách mạng mới bắt đầu dội vào Việt Nam.

- Các sĩ phu yêu nước Việt Nam đã đón nhận những ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản, nhất là của Nhật Bản, Trung Quốc và Pháp. Họ đã thực hiện cuộc vận động cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

- Tuy nhiên, do tầm nhìn hạn chế và những trở lực không thể vượt qua, cuối cùng cuộc vận động yêu nước của họ bị thất bại.

- Bên cạnh cuộc vận động yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản còn có cuộc đấu tranh của nông dân, điển hình là khởi nghĩa Yên Thế.

- Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào cách mạng Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc về đường lối và giai cấp lãnh đạo. Trong bối cảnh đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước. Từ chủ nghĩa yêu nước, Người đến chủ nghĩa Lê-nin và tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

MỤC LỤC

PHẦN A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

Chương I. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN (GIỮA THẾ KỈ XVI ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XVIII)

Bài 1. Cách mạng Hà Lan giữa thế kỉ XVI 3
Bài 2. Cuộc cách mạng tư sản Anh giữa thế kỉ XVII 6
Bài 3. Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ nửa sau thế kỉ XVIII 11
Bài 4. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII 16

Chương II. CÁC NƯỚC ÂU – MĨ (THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX)

Bài 5. Châu Âu từ chiến tranh Na-pô-lê-ông đến Hội nghị Viên 28
Bài 6. Cách mạng công nghiệp (nửa sau thế kỉ XVIII – giữa thế kỉ XIX) .31
Bài 7. Hoàn thành cách mạng tư sản ở châu Âu
(giữa thế kỉ XIX) 35
Bài 8. Các nước tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa 42
Bài 9. Các nước đế quốc (cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX) 46

Chương III. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN (GIỮA THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX)

Bài 10. Phong trào đấu tranh của công nhân vào nửa đầu thế kỉ XIX 53
Bài 11. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học Quốc tế thứ nhất 57
Bài 12. Công xã Pa-ri (1871) 61
Bài 13. Phong trào công nhân quốc tế
(cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX) 65
Bài 14. Lê-nin và phong trào công nhân Nga đầu thế kỉ XX 69

Chương IV. CÁC NƯỚC CHÂU Á (TỪ GIỮA THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX)

Bài 15. Nhật Bản 74
Bài 16. Ấn Độ 79
Bài 17. Trung Quốc 82
Bài 18. Các nước Đông Nam Á (cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX) 88

Chương V. CÁC NƯỚC CHÂU PHI, MĨ LA-TINH THỜI CẬN ĐẠI

Bài 19. Châu Phi 97
Bài 20. Khu vực Mĩ La-tinh 99

Chương VI. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 – 1918)

Bài 21. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) 102

Chương VII. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ THỜI CẬN ĐẠI

Bài đọc thêm. Những thành tựu văn hoá thời cận đại 108
Bài 22. Ôn tập lịch sử thế giới cận đại 110

Phần hai. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917 – 1945)

Chương VIII. CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917 VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1921 – 1941)

Bài 23. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng (1917 – 1921) 119
Bài 24. Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921 – 1941) 125

Chương IX. CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

Bài 25. Khái quát các nước tư bản chủ nghĩa giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) 131
Bài 26. Nước Đức giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) ... 135
Bài 27. Nước Mĩ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) 140
Bài 28. Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) .. 143

Chương X. CÁC NƯỚC CHÂU Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

Bài 29. Phong trào cách mạng ở Trung Quốc và Ấn Độ (1918 – 1939) .. 148
Bài 30. Các nước Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) 153

Chương XI. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 – 1945)

Bài 31. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) 160
Bài 32. Ôn tập lịch sử thế giới hiện đại (1917 – 1945) 170

Phần ba. LỊCH SỬ VIỆT NAM(1858 – 1918)

Chương I. VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX

Bài 33. Việt Nam trước nguy cơ bị Pháp xâm lược 177
Bài 34. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858 – 1884) . 180
Bài 35. Trào lưu cải cách, duy tân ở Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX 190
Bài 36. Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX 194

Chương II. VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN HẾT CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Bài 37. sự chuyển biến về kinh tế, xã hội và tư tưởng ở Việt Nam đầu thế kỉ XX 205
Bài 38. Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam đầu thế kỉ XX đến chiến tranh thế giới thứ nhất (1914) 208
Bài 39. Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) 214
Bài 40. Sự khởi đầu của một khuynh hướng cứu nước mới trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam 220
Bài 41. Sơ kết lịch sử Việt Nam (1858 – 1918) 222